NĂM THỨ SÁU — NGÀY 1-2 62

BACH KHOA

Xuân Nhâm Dần

122

Nhân dịp **các tiệc lễ Tết** và NGUYÊN ĐÁN

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :

★ Rượu mùi **CURACAO "DiC"**

★ Rượu **Rhum CARAVELLE**

lâu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì rượu nhập cảng

* * *

Quí vị thường thức luôn **EAU de VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES de l'i.C**
Pasteur Saigon . ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

- ALCOOL RECTIFIÉ
- ALCOOL DENATURÉ
- RƯỢU THUỐC "Bổ. Thọ. Tửu"
- DẤM ĂN HẢO-HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°

Một nhân viên thành thạo

Muốn thành thạo, nhân viên phải được trau đồi kiến thức. Vì thế Hãng Dầu Stanvac vẫn thường tổ chức những khóa huấn luyện, những lớp hội thảo ở trong nước và gửi nhân viên đi ngoại quốc tu nghiệp về các ngành chuyên môn.

Bà Lê Thị Tư thư ký của hãng

Một nhiệm vụ hữu ích

Nhờ những cơ hội huấn luyện trên, nhân viên làm việc đắc lực hơn và dần dần được giao phó những trách nhiệm quan trọng hơn. Như thế nhân viên trở thành những công dân hữu ích hơn trong công cuộc mở mang xứ sở.

Bà Tư điều khiển máy IBM Puncher

Một quốc gia phú cường

Một quốc gia có nhiều công dân hữu ích như thế là một quốc gia hùng mạnh, nơi mà tài năng và nhân vị của cá nhân được tôn trọng. Nhân viên Stanvac đang cùng hàng triệu đồng bào trong nước góp phần xây dựng một quốc gia phú cường.

Gia đình bà Tư đầm ấm.

Hãng Dầu Stanvac

Phụng-Sự Nhân-Dân Việt-Nam

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN-HÀNG

☆

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay " THANH - LONG "

bằng phi cơ phản lực **VISCOUNT**

PROP-JET

của **VIỆT - NAM HÀNG KHÔNG**

- Nhanh chóng
- Êm ái
- Trang trí tối - tân, đầy đủ tiện-nghi.

Saigon - Bangkok :

Mọi thứ Ba và thứ Sáu 9 giờ 30

Saigon - Hongkong :

Mọi thứ Năm 8 giờ 30

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HÃNG DU-LỊCH

hay

Air VietNam

16, NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOAN
MÁY VIEN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon

Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

SERVICE

DENIS FRÈRES agrée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BỨC VẼ LẠ KỲ

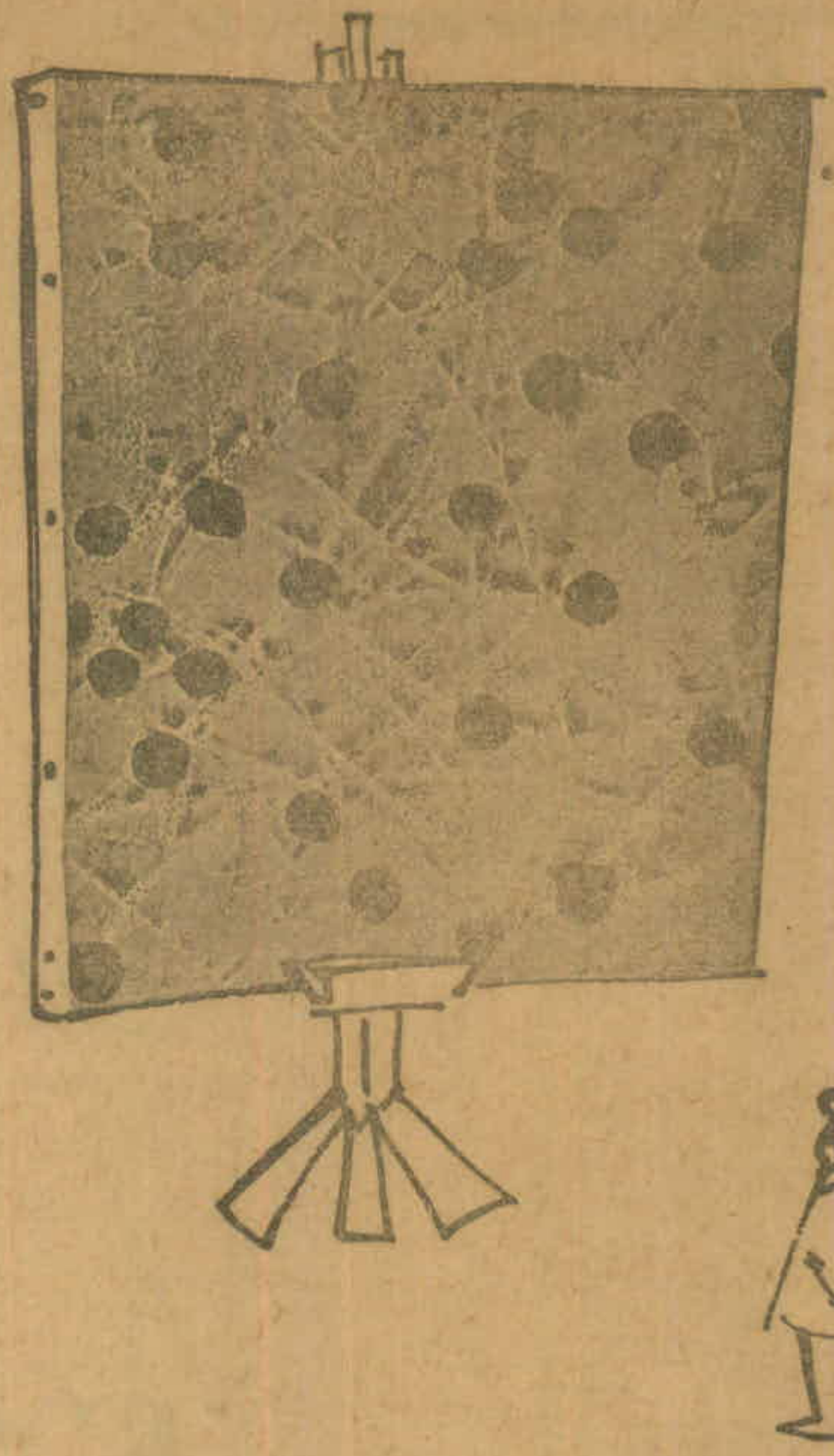

Bạn có thể tự hỏi bức vẽ này tượng trưng hình-thức gì? Thưa, không một hình-thức gì cả, mà cũng không phải một bức vẽ đem bán nữa.

Chúng tôi vẽ nó ra vì nó tượng trưng một hệ-thống phân phối toàn quốc (một chấm đen là một địa-điểm phân phối), một khía cạnh hoạt-động « chuyên-môn » của chúng tôi

Đảm nhiệm việc cung cấp dầu cho một nước, chúng tôi tự thấy có trách-nhiệm phải phục vụ người khách hàng *toàn quốc*. Không phải chỉ những ngả đi lại đông, những đô thành, những xa lộ, những nơi bán được nhiều mới có trạm xăng. Trái lại, đâu đâu cũng có, từ những con đường hẻo lánh, những khu mới khai-khẩn cho đến cả những nơi tiêu thụ tối-thiểu (trường-hợp cả một làng chỉ dùng vài thùng dầu để chạy chiếc xe buýt trong một năm).

Trên toàn cõi Việt-Nam, công việc khai-khẩn đất-đai để trồng trọt cày cấy thêm, mang lại thêm hoa-lợi, một mức sản xuất cao hơn, đi tới một nền kinh-tế mở mang hơn, luôn luôn tiếp-tục. Ở những nơi nầy người ta cần có dầu để đốt đèn, có xăng chuyên chở dụng-cụ, có gas-oil cho máy cày làm việc. . và được cung cấp đều-đều đầy-đủ nhiên-liệu, là đi được nửa đường tới sự thành-công rồi. Về phần chúng tôi, chúng tôi có thể góp sức vào những công cuộc hữu-ích này bằng cách tô thêm những chấm đen trên bức vẽ này.

SHELL

SHELL ĐẶT QUYEN-LỢI NGƯỜI
TIÊU THỤ LÊN TRÊN HET

BÁCH KHOA *Xuân Nhâm Dần*

Số 122 ngày 1-2-62

HOANG MINH TUYNH *từ cuộc bang giao Nhật-Hàn tới cuộc phát triển vùng Đông-Nam Á.* 3

THUẦN PHONG *con cọp theo quan niệm ta trong văn thơ.* 9

NGUYỄN HIẾN LÊ *từ vụ Dreyfus đến cuốn l'Etat Juif.* 13

CÔ LIÊU *mùa xuân trường cửu : sinh vật học và đời sống bất diệt.* 23

BÙI GIÁNG *thư xuân.* 29

ĐOÀN THÊM *nhận xét về tranh Tàu* 35

ĐÔNG HỒ, THANH AN *đường xuân luyến gót, chúc hoa (thơ).* 51

TRẦN HƯƠNG TỬ *phương pháp hiện tượng học.* 53

ĐOÀN THÊM, TRẦN HUIỀN ÂN, HUY LỰC, SAO TRÊN RỪNG, TƯỜNG LINH, HOÀI HƯƠNG *hát hoa, ông lão trồng hoa, dạ hội mùa xuân, nhìn trước nhìn sau, bến sương, hương sắc (thơ)* 64

VÂN TRANG, BÚT TRÀ, HOÀNG TRỌNG MIÊN, NGUYỄN MẠNH CÔN, BÙI GIÁNG *trả lời cuộc phỏng vấn của Bách-Khoa.* 73

Cô PHƯƠNG THẢO *đọc « viết và đọc tiểu thuyết » của Nhất-Linh.* 97

DOÃN DÂN *giao thừa (truyện ngắn).* 113

VÕ PHIẾN *thư nhà (truyện ngắn).* 127

NGUIỄN HỮU NGƯ, VŨ QUỲNG BANG, NGHIÊU ĐỀ, VIÊN LINH *con, mùa xuân của ba, đêm giao thừa, bọt sóng, lục bát (thơ)* 138

VŨ HẠNH *mùa xuân trên đỉnh non cao (truyện ngắn)* 142

sinh

hoạt

TRỌNG KHANG *mặt trái Katanga.* 167

— ❦ —

BÁCH KHOA TRÂN TRỌNG

CHÚC BẠN ĐỌC

MỘT NĂM MỚI

THỊNH VƯỢNG VÀ HẠNH PHÚC

TỪ CUỘC BANG GIAO NHẬT-HÀN TỚI CUỘC PHÁT TRIỂN VÙNG ĐÔNG NAM Á

HOÀNG-MINH-TUYNH

Ông Ikeda, thủ-tướng Nhật-Bản, hồi hạ tuần tháng 11 vừa qua, đã mở nhiều cuộc hội đàm quan trọng với tướng Bạch-Chinh-Hy, vị nguyên thủ mới của Nam-Hàn. Tướng Bạch-Chinh-Hy, khi tới thăm viếng Nhật-Bản, cũng đã đàm phán khá lâu với ông Kosaka, ngoại trưởng, và với các cộng sự viên của ông này. Đây là lần đầu tiên, một vị nguyên thủ của Nam-Hàn tới thăm viếng Nhật-Bản, và cũng là lần đầu tiên, từ sau thế chiến, người ta thấy phát hiện viễn tượng một cuộc giao hảo có chiều bền vững giữa hai nước láng giềng, giữa một bên là nguyên thuộc địa và một bên là nguyên thượng quốc.

Sau khi đề cập tới vấn đề Đại-Hàn và thấy có kết quả tốt đẹp hiển nhiên, ông Ikeda liền dùng phi cơ chu du các nước Đông-Nam-Á. Hành trình gồm bốn giai đoạn : Hồi-Quốc, Ấn-Độ, Miến-Điện và Thái-Lan. Ngoại trưởng Kosaka cũng bay qua Kuala-Lumpur, thủ đô Mã-Lai, để đại diện Nhật-Bản tại hội nghị các cường quốc có chân trong Minh-ước Colombo.

Như vậy là một năm sau khi nắm chính quyền, ông Ikeda khởi sự mở chương Á-Châu trong chính sách ngoại giao của ông. chính sách có vẻ như rất hoạt động, nếu chúng ta nhớ lại cuộc hội nghị Nhật-Mỹ quan trọng vừa mới mở ra gần đây, vào hạ tuần tháng Mười năm qua, tại một địa điểm gần Đông-Kinh. Trong cuộc hội nghị trên, thủ tướng Nhật đã đàm phán với ông Dean Rusk, ngoại trưởng Mỹ, rồi năm tổng trưởng Nhật lại hội đàm trong ba ngày tại Hakoné với năm bộ trưởng Mỹ, trong đó có cả ông Rusk, để làm cuộc đối chiếu các quan điểm dị đồng trong các vấn đề kinh tế giữa Nhật-Mỹ.

* * *

Tiến triển khả quan trong bang giao Nhật-Hàn

Từ mười năm nay, nghĩa là từ cuộc chiến tranh Triều-Tiên, Đông Kinh và Hán-Thành đã năm lần cùng nhau thương nghị để nối lại quan hệ ngoại giao bình thường. Năm lần, hai bên đã chia tay từ biệt mà không tiến thêm được một bước, bên nọ tỏ giác bên kia thiếu thành tâm, bên kia tỏ giác bên nọ thiếu thiện chí.

Về phía Nhật-Bản, ai cũng cho ông già họ Lý ở Nam-Hàn không phải là người dễ nói chuyện, nhất là thấy ông già này thường vẫn nêu chủ nghĩa chống Nhật làm một trong những đề mục quan yếu trong chính sách của ông. Về phía Triều-Tiên, ai nấy đều coi Nhật-Bản là một nước khó giao du, thường tỏ vẻ lừng khừng trước đòi hỏi nôn nóng của một Đại-Hàn còn đang say sưa trong một chủ nghĩa quốc gia cuồng nhiệt.

Nhóm quân nhân nổi lên đoạt quyền bính tại Hán-Thành càng làm cho tình trạng bang giao giữa hai nước trở nên khó khăn. Dựa theo luận điệu tuyên bố của chính quyền mới, người Nhật ngờ rằng Đại-Hàn sẽ đưa ra một đường lối quốc-gia còn quá khích hơn trước, khiến khó lòng tìm được đầu mối nào để bắt nhịp cầu thông cảm. Hoàn cảnh kinh-tế nguy ngập đến bi đát của Đại-Hàn, càng làm cho người Nhật thêm e dè, thận trọng, nhất khi họ thấy Hiệp-Chúng-Quốc cũng tỏ vẻ hiềm nghi, bất mãn đối với chính - quyền mới trong những buổi đầu.

Tuy nhiên, từ sáu tháng nay tình thế đã tiến triển một cách khả quan và tình-cảm của hai phe đối-diện cũng theo tình thế mà tiến triển một cách thuận lợi cho cuộc hòa-hiếu. Nhóm quân-nhân

đã chứng minh họ đủ khả năng trị quốc đường hoàng và có cơ trường tồn được. Ông tướng họ Bạch và các quân nhân hợp tác với ông đã giải quyết ổn thỏa được các cuộc tranh chấp nội bộ và gây dựng được mối bang giao khá tốt đẹp với Hiệp-Chúng-Quốc. Đặc biệt là họ đã chịu cam kết, theo yêu cầu của Hiệp-Chúng-Quốc, sẽ cho tái lập lại một chính phủ dân sự do dân chúng tự do bầu ra trước năm 1963. Hiểm họa một cuộc phá sản về Kinh tế và tài chính, lúc này, có thể coi như đã tránh được và không đáng cho mọi người quan tâm, lo ngại nữa.

Sau nữa, tại Đông-Kinh cũng như tại Hoa-Thịnh-Đốn, người ta đã ý thức rõ rệt cái dữ kiện trọng đại và khẩn yếu của vấn đề Triều Tiên đó là sự khuyết phạp quan hệ kinh tế giữa Nhật-Bản và Nam-Hàn vốn là nguyên nhân chính làm cho Nam-Hàn không trung hưng lên được và trở thành suy bại trước thế lực của một Bắc-Hàn Cộng Sản có người Nga và người Trung Hoa tích cực hộ trợ. Nhật-Bản hiển nhiên là nước có đầy đủ điều kiện hơn hết để giúp đỡ cho Nam-Hàn phục hồi sinh lực. Nhật-Bản hiển nhiên là nước có lợi hơn hết trong công cuộc trùng tu xứ sở của Nam-Hàn, vì Nhật-Bản có trả nợ cho Nam-Hàn và có góp phần xây dựng lại cho Nam-Hàn thì mới có thể biến Nam-Hàn trở thành bức tường bảo vệ mình về Tây dực Á-châu.

Nhiều người cho cuộc hành trình của tướng Bạch-Chính-Hy qua Đông Kinh theo sau cuộc du hành của ông qua Hoa-Thịnh-Đốn, ngụ nhiều ý-nghĩa, nhất là trước cuộc hành trình ấy, người ta thấy có cuộc hội đàm Rusk-Ikeda tại thủ đô Đông Kinh và cuộc gặp gỡ Rusk-Bạch sau vài ngày tại thủ đô Hán-Thành. Phải chăng người Mỹ đã đứng ra làm trung-gian tạo cơ hội cho hai nước Hàn-Nhật được dịp nối lại cuộc tiếp xúc xưa? Người ta cải chính, song kẻ bàng quan không lấy chuyện dùng danh từ làm trọng: có điều chắc chắn là ông Rusk và tổng thống Kennedy đều đã cực lực khuyến lệ hai nước nên chấm dứt mối hiềm khích đã kéo dài quá lâu và đã phương hại không ít tới cuộc chống kẻ thù chung là Cộng-Sản.

Bang giao Nhật-Hàn không ra ngoài phạm vi kinh-tế

Tướng Bạch-Chính-Hy, dưới danh hiệu chính thức là « Chủ-tịch Hội đồng kiến quốc tối cao của nước Cộng-hòa Đại-Hàn », khi từ biệt Đông-Kinh, tuyên-bố rất hài lòng về cuộc du hành của ông. Thực ra, đó mới là cuộc thăm dò sơ khởi, còn cuộc « đệ lục thương nghị », theo cách gọi của các báo chí Nhật, sẽ diễn hành sau, giữa các nhà ngoại giao của hai nước. Cuộc thương nghị này sẽ kéo dài trong một thời gian, có thể trong mấy tháng không chừng.

Tuy nhiên tại Đông-Kinh, người ta hy vọng sẽ đạt tới kết quả mau lẹ hơn. Theo nguồn tin của các giới bán chính thức Nhật phát

ra sau khi tướng Bạch.Chính-Hy từ giã đất Nhật, vị quân nhân Đại-Hàn hình như đã đưa ra những đề nghị hết sức ôn hòa về tranh điểm chính giữa hai nước, là việc thanh toán món nợ của Nhật-Bản phải trả cho Đại-Hàn.

Đã có một thời tổng-thống Lý Thừa-Vãn đòi nước Nhật phải trả nước Hàn một ngân khoản mà người Nhật cho là quá đáng. Ông tổng thống họ Lý tính gộp tất cả những sổ nợ nước Nhật thiếu nước Hàn trong gần bốn mươi năm chiếm đóng. Nghe nói tổng sổ nợ lên tới trên 800 triệu mỹ kim.

Trái lại, yêu sách của tướng Bạch Chính-Hy chỉ giới hạn trong có một số trái khoản mà, trên nguyên tắc, chính phủ Đông-Kinh vẫn thường không phủ nhận, thí dụ như việc bồi hoàn trữ kim của Ngân hàng Triều-Tiên người Nhật đã đoạt thủ năm 1945 hay việc trả công cho công nhân cùng binh sĩ Triều-Tiên đã bị người Nhật trưng tập trong thời kỳ chiến tranh. Tổng số nợ không quá 100 triệu mỹ kim, khoản tiền hiển nhiên là « phải chăng » hơn, so với khoản tiền trước.

Đại-Hàn tỏ ra khôn ngoan, biết điều, không đòi Nhật-Bản phải « bồi thường ». Họ chỉ xin người Nhật mở ra tại Nam-Hàn một sổ tín dụng dài hạn, với lợi xuất thấp, để giúp họ tiến hành phát động kế hoạch năm năm mới. Kỹ nghệ Nhật-Bản cũng được mời qua để góp phần tích cực vào công cuộc trùng tu Nam.Hàn, nhưng Nam-Hàn ngầm xin Nhật-Bản cam kết sẽ không để cho giới tài phiệt Nhật biến cuộc hộ trợ thành cuộc khống chế gián tiếp xứ sở họ.

Những khoản đề nghị của tướng Bạch-Chính-Hy chưa được chính thức xác nhận, duy có điều chắc chắn là ông đã công khai đoan quyết với Đông-Kinh ông chỉ đưa ra những trái quyền « có căn cứ hợp pháp ». Ông nhấn mạnh rằng việc thanh toán vấn đề này có thể coi là yếu tố quyết định để giải quyết thuận lợi các tranh điểm khác, đặc biệt là tranh điểm về « vụ giới tuyến họ Lý ».

Nguyên từ lâu, các ngư phủ Nhật thường hoạt động ráo riết trong hải phận ở giữa quần đảo Nhật và bán đảo Triều-Tiên. Song từ năm 1948, ông Tổng Thống già Lý-Thừa-Vãn đã ngang nhiên lấy bút sửa lại bản đồ, nới rộng giới tuyến cho hải phận ăn lan từ bờ ra khơi tới trên 2 ngàn hải lý, khiến cho một phần biển lọt vào hải phận cũng nằm trong một vùng cấm đánh cá của nước Hàn. Một cuộc chiến tranh nhỏ đã thực sự khai diễn nhân « vụ giới tuyến họ Lý »: các tầu tuần tiễu có võ trang của Đại Hàn đã nhiều phen bắn phá hay tịch thu các tầu Nhật bị tố cáo là xâm phạm giới tuyến một cách khá oan uổng.

Ngày nay, nhóm quân nhân cầm chính quyền tại Triều-Tiên dường như tỏ ý muốn chấm dứt cuộc chiến tranh du kích trên biển đó

và cũng có ý muốn giảm bớt các yêu sách quá đáng đi, miễn là đối với những vấn đề lòng thòng còn lại, người Nhật tỏ ra có chút thành tâm. Khi qua Đông-Kinh, tướng Bạch-Chính-Hy đã có hảo ý tặng người Nhật một « món quà » đáng giá: ông ra lệnh thả năm chiếc tầu đánh cá và phóng thích bảy mươi ngư phủ Nhật bị câu lưu trong các trại giam Nam-Hàn.

Duy có điều chúng ta nên lưu ý là mặc dù có tin, nhân cuộc du hành, ông Ikeda và tướng Bạch-Chính-Hy đã cùng nhau thoả thuận nâng cao tầm mắt lên trên các vấn đề Nhật-Hàn, mà « làm một vòng chân trời » về các vấn đề quốc tế, và hai bên cũng đã nhân dịp đó, thảo luận với nhau về nguy cơ cộng sản, chúng ta vẫn thấy chính phủ Nhật tỏ ra vô cùng thận trọng trên địa hạt này.

Cố nhiên việc ký kết liên minh quân sự vừa rồi giữa Bình-Nhưỡng và hai thủ đô của thế giới Cộng-Sản, Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh (Xin coi Bách-Khoa số 113), đã làm cho Nhật-Bản phải lo âu không ít vì Nhật-Bản hẳn phải cảm thấy liên minh ấy nhằm thẳng vào mình. Song điều người Nhật coi là cấp thiết hơn hết hiện nay là nối lại các quan hệ mậu dịch bình thường đã bị gián đoạn từ khá lâu với Đại-Hàn, là được mở ra ở đó một thị-trường cho Nhật-Bản, và đổi lại được mở ra ở Nhật-Bản một thị trường cho Đại-Hàn, là đem tài hóa vào đầu tư tại Đại-Hàn để làm lợi cho cả hai nước, miễn có bảo đảm ổn định phải chăng cho họ được yên lòng.

Tuy nhiên, ông Ikeda, trong một cuộc hội họp báo chí tại Đông-Kinh, đã đích thân cực lực đính chính tin đồn phát ra từ trong các giới chánh trị của đảng Xã hội Nhật, cho rằng mục đích của ông, bên ngoài việc gây lại tình hòa hiếu với Đại-Hàn, còn dự tính đặt căn bản cho một liên minh quân sự trong tương-lai, một liên minh Đông Bắc Á có thể bao gồm cả Đài-Loan, làm đối vật với liên minh Đông-Nam-Á dưới quyền điều động của Hiệp-Chúng-Quốc và đã do nước này xướng xuất lên từ thời ông Foster Dulles. Nước Nhật ngày nay mặc dù nằm trong tay đảng bảo thủ liên minh với Hiệp-Chúng-Quốc, quan niệm bang giao của họ với các nước láng giềng vẫn chủ yếu là quan niệm bang giao trên bình diện kinh tế. Cuộc liên-minh quân sự với Hiệp-Chúng-Quốc, đối với họ, đã thừa đủ để phòng vệ họ rồi: chính phủ Nhật, nhất là công luận Nhật càng không muốn đi sâu vào bất luận một liên minh nào khác có tính chất quân sự nữa.

Bang giao Nhật-Hàn với công cuộc phát triển kinh tế vùng Đông-Nam-Á do Nhật chủ trương

Chính cái chủ trương «bang giao trên bình diện kinh tế» đó được thủ tướng Ikeda đem đi quảng bá

khắp nơi tại Đông-Nam-Á. Hồ sơ của các nước gửi tới cho ông chủ yếu là những hồ sơ kinh tế : Hồi-Quốc và Ấn-Độ yêu cầu mở tín dụng, Miến-Điện và Thái-Lan yêu cầu thanh toán bồi thường chiến tranh. Đặc biệt, tại hai nước sau này, sự tiếp đón ông Ikeda có vẻ niềm nở, nhưng dè dặt. Ông Ikeda không có ý tới đó để thương thuyết mà để nghe ý kiến và hỏi ý kiến. Nước Nhật hình như cũng tự nhận là mình quả có chậm trễ trong việc thanh toán nợ nần, song không phải là không có thiện chí thanh toán mau lẹ. Ông Ikeda cố sức biện minh cho các nước hiểu rằng nước Nhật hiện nay cũng gặp nhiều nỗi khó khăn. Tương lai nước Nhật chắc sẽ khả quan, song hiện tình nước Nhật đang ở trong bước ngặt nghèo. Guồng máy kinh tế đang « nóng hổi ». Chuẩn bị kim bằng ngoại tệ đang mắc chứng « băng huyết » nặng nề.

Một trong những chìa khóa của vấn đề phải chăng nằm ở bên Hoa-Thịnh-Đốn ? Mọi sự ở đời đều có liên hệ hỗ tương, và nước Nhật lúc này như có ý muốn thay thế mối bang giao song phương bằng một hệ thống hỗ trợ kinh tế đa phương, để viện trợ kinh tế của Mỹ-Quốc cấp cho các nước hậu tiến Á-Châu có thể phối hiệp được với vai trò cung cấp kỹ thuật và trang bị của mình. Điều chủ yếu là làm sao thuyết phục được các nước liên hệ. Ông Kishi, ba năm trước đây, cũng đã thử du hành để làm việc thuyết phục đó mà không thu lượm được kết quả. Ông Ikeda có lẽ sẽ khôn khéo hơn, và có thể ông sẽ thành công ở chỗ ông Kishi đã thất bại, nhất là, sau cuộc hội nghị Nhật-Mỹ tại Hakoné, hình như ông đã được Hoa-Thịnh-Đốn ủng hộ tận tình. Chúng ta mong ông sẽ tìm được điểm dung hòa thỏa đáng giữa chủ trương « bang giao trên bình diện kinh-tế » của ông với quyền lợi của các nước Đông-Nam-Á hiện đang có khuynh hướng kết tập thành một khối để mưu cầu thịnh vượng chung cho cả một vùng rộng lớn có những viễn tượng phát triển thực bao la.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(theo tài liệu của một số báo chi ngoại quốc)

Rùa và phượng hoàng

Một câu hỏi của Edgar Poe chứa đựng đầy năng lực đề tiến xa (trong truyện *Eurêka*) :

« — Có phải vì con rùa có bước đi chắc chắn, mà coi đó là một lý do để cắt cánh con phượng hoàng đi không ? ».

CON CỌP

Theo quan niệm ta trong văn thơ

của Thuần-Phong

NAM tân-sửu đã không đem chi mới-mẻ về cho ta mà còn đem tai trời ách nước đến, nhận chìm cả Đồng Tháp Mười, Châu-Đốc và Long-Xuyên.

Con trâu đã kéo về nước lụt từ chốn rừng già ; nay, cũng từ chốn rừng già, năm Nhâm dần thả *cọp loạn rừng* (1), khiến người ta chưa biết, dưới ân *hổ-phù*, năm nay sẽ đem lại kiết-tường hay là hung-tín

Trong bài vè « Mười hai con giáp », trẻ con nói một cách vô tư lự :

Tuổi dần, con cọp chỉn ghê :
Bắt người ăn thịt đem về non cao.

Mồ ác còn mềm, cổ đeo *vấu cọp*, trẻ con dám kêu xách khoé *chúa-lề sơn-lâm* ; chớ đến lúc trưởng-thành, người ta dễ đâu dám kêu tên tuổi của *Ông Hổ* ; dấu ở giữa rừng hay giữa chợ, người ta cũng hạ giọng mà kêu là *Ông Thầy*, nếu không kêu bằng *Ông Dài, Ông Cục, Ông Gấm, Ông Mun* hay là *Ông Ba Mươi*. Thiên-hạ đâu đâu cũng đều tôn-xưng Ngài là *Sơn-lâm Tướng-quân* ; dân lành vọng bái Ngài, dưới danh-hiệu *Ông Hổ*, trong chùa miễu giữa châu-

(1) Những từ-ngữ, thành-ngữ, tục-ngữ, ca-dao, thơ dẫn thuộc về con cọp đều in chữ xiên.

thành và cũng hương đăng dưng cúng cho Ngài ở dưới gốc cây da trăm tuổi hay ở trong hốc đá muôn năm.

Oai-danh của hổ vang-lừng nên bọn đầu cơ đã bông ra *cọp giấy* để hù bọn dân lành, và bọn *hổ giả hổ oai* đã vẽ-vời da cọp để lên chưn lên mặt, ví dầu *họa hổ bất thành*.

Chính thứ *cọp giấy* ở giữa xã-hội loài người biến thành một loài ác-thú khát máu hay đói tiền ; đó là giống *hùm*, không phải *hùm thiêng* như chàng Từ-Hải của thi-sĩ Nguyễn-Du, mà là *hùm xám* đã viết lịch-sử ngoại thuộc của ta bằng cả biển máu của nhân-dân. và đó là giống *hạm*, hạm đòi *đút sáp* : hạm gạo, hạm bạc, hạm heo,.., hạm hổ-lốn !

Bọn ác-thú vốn khôn-quỉ gian-ngoan, không *gầm thét* lên những tiếng *um béo* làm cho trăm họ muôn nhà kniếp đởm kinh tâm ; chúng nó cũng không *nhăn nanh xè vút*, cũng không *làm hổ làm hùm*, lại hay nằm dài theo bộ *hổ phục*, ra dáng hiền-lành, làm màu đạo-đức, đôi mắt lim-dim như bị nặng đè dưới giấc ngủ muôn đời. Nhưng con người xứ rừng thiêng nước độc đã từng nếm trải mùi đời « *cọp Khánh-Hòa, ma Bình-Thuận* » và *cọp Cà-Mau*, ai lại không biết cái nạn *hùm tha sấu bắt* ? Nên họ thường khuyên bảo với nhau :

Chớ thấy hùm ngủ vuốt râu :
Hùm mà thức giậy đầu lâu không còn !

Ca-dao

Cọp đã vô « sổ bìa đen » của người, dĩ nhiên vì lẽ tự-vệ, người ta giăng bùa mưu-mô để bắt nó, thì mua ngày, hễ nó rời *hổ-huyệt* là sẽ *mắc bẫy sa rọ*. Đó là một sự thật muôn đời, nên binh-pháp đã dạy : « *điệu hổ ly sơn* » và Phật giáo cũng từng bảo :

Hổ ly sơn hổ bại,
Tăng ly chúng tăng tán.

Chơn-lý nầy phổ-cập đến loài chồn là con thịt trời sanh của cọp, nên để đối-phó và phục-thù, loài chồn đoàn-kết bao-vây giết địch, khiến cọp phải *xếp ve* than chết :

Mãnh hổ nan địch hồ quần !

Đến chừng sa cơ thất thế, nó mới mở mắt thấy được rằng, tuy hội đủ thế-lực uy-quyền của một vị chúa tể ngang tàn ngự-trị trên núi rừng muôn thú : nó còn thiếu một lợi-khí vạn năng, một bửu-bối thần thông một cơ-quan toàn-lực : cặp cánh !

Trời nào cho hùm có vây :
Hùm mà có cánh, hùm bay lên trời !

Ca-dao

Vì *trời chẳng cho hùm có vây*, nên Nguyễn-Du đã bảo :

Hùm thiêng khi đã sa cơ
cũng hèn.

Đoạn-trường tân-thanh

Sa cơ đành rằng cũng hèn, song dầu hèn cũng thế, nên thiều chi là *cáo đội lốt cọp* : lũ cáo lưu manh biết rành tâm lý thế thường, biết oai-danh của tấm da vàng *vằn vện*.

Hùm chết để da, người ta
chết để tiếng.

Rồi lũ người gọi là thượng-lưu trí-thức cũng bắt chước dã-thú, áp-dụng cái thuật lừa chúng dối đời của lũ chồn cáo, khiến cụ Đồ-Chiểu tức mình tố cáo :

Thấy nay cũng khách văn-
chương
Vóc dê da cọp khôn lường
thiệt hư.

Ngư Tiều vấn đáp Y-thuật

Bọn người *dương chất hổ bì* quả thật là lèn đường chật đất họ tưởng với tấm da *rằn rực* là đã thể hiện được chúa Sơn Lâm và tưởng mà mất cả thiên hạ, không ngờ rằng :

Họa hổ họa bì nan họa cốt,
Tri nhơn tri diện bất tri tâm
Ở xa không biết thì lầm,
Bây giờ rõ đặng vàng cầm
cũng buông

Câu hò

Rồi bọn lưu manh ấy, nếu lọt khỏi gông cùm của thế gian, sao sao cũng sa vào tấm lưới thưa của luật nhơn quả chẳng khác nào mẹ con mụ Quỳnh Trang đã phụ bạc và ám hại Lục-vân-Tiên :

Trở về chưa kịp đến nhà,
Thấy hai ông cọp nhảy ra đón
đàng
Thấy đều bắt mẹ con nàng
Đem về lại bỏ trong hang
Thương-Tòng.
Bốn bề đá lấp bịt bùng
Mẹ con than khóc không trông
ra rồi !

Nguyễn-Đình-Chiểu

Vậy ở ngạch cửa năm Nhâm Dần, mong rằng luật nhân quả được công-hành cho xã hội được hóa ra lành mạnh.

THUẦN-PHONG

Đức tính khác nhau của phái nam và phái nữ

Olivier Goldsmith nhận xét đức tính khác nhau giữa đàn ông và đàn bà (*Le Vicaire de Wakefield*) :

— « Đàn ông có thể biện biệt đức tính đàn bà rõ rệt hơn, đàn bà có thể xét đoán đàn ông xác đáng hơn. Hai phái hình như sanh ra để quan sát nhau và có những tài năng khác nhau để làm việc quan sát đó ».

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ✦ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok.*
OVERSEAS BRANCHES :	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

một bi kịch trên ngàn năm chưa dứt

Nguyễn-Hiến-Lê

(Xem tiếp B. K. số 121)

II

SỨC MẠNH CỦA TƯ TƯỞNG

6. — Từ vụ Dreyfus tới cuốn L'Etat Juif.

Bây giờ chúng ta hãy trở ngược về năm 1894, năm mà ở Ba-lê xảy ra một vụ kết án làm sôi nổi cả dư luận châu Âu. Kẻ bị kết án là một sĩ quan Do Thái trong quân đội Pháp tên là Alfred Dreyfus. Bộ Quốc phòng Pháp nghờ Dreyfus do thám cho Đức, gởi những tài liệu bí mật về quân sự cho Đức và tòa án xử ông bị tội đầy. Dân chúng hay tin đó phẫn nộ, la lớn : « Diệt tụi Do-Thái ! » Ông một mực kêu oan, bảo rằng mình vô tội. Nét mặt ông khi ra tòa thật thảm-thương, chân thành, làm cho một số người cảm động ; trong số này có một vị nguyên lão nghị viện tên là Scheurer Kestner và một văn hào, Emile Zola. Zola thấy chứng cớ không đủ vững, tin rằng Dreyfus vô tội, viết một bài bất hủ, nhan đề là « *J'accuse* » (Tôi buộc tội) để bắt chính phủ phải xét lại vụ đó. Dư luận sôi nổi vì một số người cho rằng Dreyfus bị xử oan chỉ vì ông ta là Do-Thái, và chính quyền làm như vậy tức là tỏ ra rằng vẫn có tinh thần kỳ thị người Do-Thái. Thế là ở Pháp nổi lên hai phe : một phe bài xích Do-Thái, một phe bênh vực Do-Thái. Bài « *J'accuse* » được dịch

ra nhiều thứ tiếng ở châu Âu, đăng lên nhiều tờ báo, làm cho khắp châu Âu ngó về nước Pháp. Nhà cầm quyền Pháp đành đưa vụ đó ra tòa án quân sự ở Rennes để xử lại : lần này án được giảm xuống mười năm cấm cố (1899). Bảy năm sau (1906), có đủ tài liệu chứng thực rằng Dreyfus vô tội, tòa Phá án đem xử lại và tha bổng cho Dreyfus, nhưng sau mười hai năm bị oan uổng, tủi nhục, ông chán nản, hóa ra con người bỏ đi.

Ông ta có ngờ đâu chính nỗi bất công ông phải chịu đã làm thay đổi hẳn đời một người đồng chủng của ông, làm cho người này từ một ký giả tầm thường hóa ra một danh nhân, đóng một vai trò quan trọng vào bậc nhất trong lịch sử thế giới. Ký giả đó tên là Théodore Herzl, gốc Do-Thái, nhập tịch Hung làm thông tín viên ở Ba-Lê cho tờ báo *Neue Freie Presse* ở Vienne. Ông sống một đời vô tư, vui vẻ, tin như phần đông các người Do-Thái khác ở châu Âu rằng thế giới đã văn-minh, luật pháp ở các nước đối với người Do-Thái đã công bằng thì cái mối thù truyền kiếp hồi xưa chẳng bao lâu sẽ lần lần mất hẳn, không có gì đáng lo ngại nữa.

Tháng giêng năm 1895(1), tòa báo của ông sai ông dự vụ lột lon Dreyfus trước công chúng để viết bài tường thuật. Ông vì phận sự mà tới, chứ cũng không cho vụ đó là quan trọng. Nhưng khi ông thấy Dreyfus nước da nhợt nhạt, thốt ra một câu thiểu não: « Tôi vô tội », ông bỗng thấy đau nhói trong lòng. Và khi ông nghe quần chúng hò hét: « Giết chết tụi Do-Thái đi ! » thì ông kinh hoảng. Ông tin chắc rằng Dreyfus chỉ vì lỡ sinh là người Do-Thái mà bị tội oan. Về tới nhà ông đâm ra suy nghĩ.

« Dân-tộc Pháp là dân-tộc có tinh-thần rộng rãi nhất, biết trọng tự-do và bình đẳng nhất, những tư tưởng cách mạng đã thấm nhuần họ trên trăm năm rồi, kể từ cái hồi họ phá ngục Bastille, vậy mà còn kỳ thị, bài xích người Do-Thái đến cái mức đó, thì còn trông mong gì ở các nước khác nữa ? Nông nỗi nầy thì thảm-kịch Do-Thái quả là bất tuyệt, vô phương giảm được. Dân-tộc Do-Thái còn bị nguyền rủa, xua đuổi, oán thù đến khi tận thế chăng ? Trừ phi là... lật ngược lại vấn-đề, không xin đồng hóa với các dân-tộc khác nữa, không ở nhờ một quốc-gia nào nữa, mà tạo lấy một quốc-gia Do-Thái được vạn quốc thừa nhận ».

Ông chua chát suy nghĩ lung về giải pháp đó rồi soạn một cuốn sách dày có mấy chục trang, nhan đề là *L'Etat Juif* (Quốc-gia Do-Thái).

Cuốn đó in ra, mọi giới ở Vienne, cả giới Do-Thái nữa, cho ông là điên. Một mình đứng lên hô-hào thành lập một quốc gia, khi mà giang sơn đã vào tay người khác trên ngàn năm rồi, khi mà đồng bào đã phiêu bạt khắp thế giới, mất cả quốc tịch, mất cả ngôn ngữ ! Mà tại sao lại bảo người Do-Thái Đức, Pháp, Anh... về Palestine ? Về cái thảo đất cháy khô đó để làm gì ? Bỏ tất cả các ngân hàng, các hãng, xưởng, bỏ công ăn việc làm ở châu Âu này à ? Rồi con cái đương học ở Đại học, Trung học,

(1) Có sách nói rằng tháng chạp 1894.

về bên đó làm gì có trường ? Khí hậu bên đó chịu sao nổi ? Đương sống yên ổn trên một thế kỷ rồi, sao khi không khêu gợi vấn đề kỳ thị chủng tộc đó lên ? Người ta mỉa mai ông, cho rằng có cái mộng xây dựng một quốc gia để được làm hoàng đế, và khi ông vô rạp hát thì người ta chỉ trỏ nhau : « Kìa, Bệ-Hạ đã vô ». Chủ nhiệm tờ báo *Neue Freie Presse* cũng chê ông là gàn, cấm ông không được bàn tới vấn đề Do-Thái trên tờ báo.

Nhưng cuốn sách của ông đã gây được ảnh hưởng khá lớn trong giới Do-Thái lao động ở Nga, ở Ba-Lan. Vì bọn này sống điêu đứng, vẫn bị kỳ thị, ức hiếp, vẫn còn hướng về Jérusalem. Thấy vậy ông vui sướng, hăng-hái hoạt động liền. Không ngại phá sản, không ngại kiệt sức, ông bỏ công việc làm ăn, đi khắp các kinh đô lớn ở châu Âu, xin yết kiến các vị vua chúa, các vị tổng thống để trình bày tư tưởng, làm quen với các văn sĩ, nghệ sĩ, các nhà bác học nổi danh để nhờ họ ủng hộ lập trường của mình.

Ông được các nhà cầm quyền Pháp, Anh khuyến-khích. Ông được vua Thổ Abd Ul-Hamid II cho vào bệ kiến nữa — ta nhớ rằng Palestine hồi đầu thế kỷ này còn là thuộc địa của Thổ — nhưng chỉ được « ông vua trời đánh » đó hứa hão thôi. Ông chán nản, nhưng không tuyệt vọng, vẫn còn tin tưởng. Trong nhật ký, ông viết :

« Nếu tôi đi chơi ngoài phố mà tuyên bố rằng tôi mới vạch được cái nền cho một quốc gia Do Thái thì mọi người sẽ chế giễu tôi. Nhưng chỉ trong năm năm hay năm chục năm nữa là mọi người sẽ phải thừa nhận quốc gia đó ».

Người Anh thực tình muốn giúp ông, sẵn lòng tặng ông xứ Ouganda ở trung bộ châu Phi để thành lập một quốc-gia ; nhưng các người Do Thái ở Nga nhất định không chịu, đòi về cho được Israël. Ouganda ở đâu ? Nó là cái xứ ma quỉ gì ? Trong Thánh-kinh không thấy có tên đó ! Anh còn đề nghị một miền ở Ba Tây, rồi đảo Chypre ở Địa-Trung-Hải, họ vẫn cương quyết từ chối. Vì lao tâm khổ tứ quá, phải chiến đấu ngày đêm với các chính quyền, thư từ liên lạc với đồng bào ở khắp thế giới, Herzl kiệt lực tắt nghỉ năm 1904 sau một cơn đau tim, hồi ông mới ngoài bốn mươi tuổi.

Nhưng lời hô hào của ông không phải là vô ích. Năm 1948 khoảng năm chục năm sau khi cuốn *L'Etat Juif* ra đời thì quốc gia Do Thái đã được thừa nhận. Đúng như lời ông đoán. Dân tộc Do Thái lấy tên ông để đặt tên một ngọn núi gần Jérusalem. Họ lại trồng sáu triệu cây ở đồi Judée để nhắc nhở con cháu nhớ vụ Đức tàn sát sáu triệu Do Thái trong thế chiến vừa rồi. Ở trên núi Herzl, họ nên trồng thêm một cây để kỷ niệm Dreyfus mới phải, vì nếu không có vụ kết tội Dreyfus thì Herzl đâ không nẩy ra ý viết cuốn *L'Etat Juif*.

*
* *

7.— Hai đợt hồi hương đầu, trước thế chiến thứ nhất.

Từ khi tư tưởng của Herzl được truyền bá ở Đông Âu trong giới Do-

Niềm hoan hỷ của một gia đình Do Thái hồi hương

Thái Nga và Ba-lan thì các nhà cầm quyền càng nghi kỵ họ, dân chúng càng oán ghét họ, mà họ lại càng muốn trở về Palestine. Vua Thổ cấm họ, nhưng cả triều đình Thổ ăn hối lộ, mà họ lại có một bộ tham mưu tổ chức rất đàng hoàng ở Anh, có một ngân hàng riêng — những người Do-Thái ở Mỹ rất đông, phần nhiều đại phú, sẵn sàng giúp phong-trào về tài chánh — nghĩa là có rất nhiều tiền, thì cửa nào mà chẳng qua lọt ?

Đợt hồi hương đầu xảy vào cuối thế-kỷ trước. Hầu hết là những người Do-Thái Nga và Ba-Lan. Họ phải mạo hiểm và chịu cực khổ ghê gớm. Độc giả giở bản đồ châu Âu ra tìm con sông Vistule ở Ba.Lan hay con sông Volga ở Nga rồi tưởng tượng họ một ngày nọ, phải bỏ nhà cửa ở trên bờ những con sông đó, từ biệt cha mẹ, họ hàng rồi vượt rừng vượt núi, qua thác qua đèo, cứ đêm đi ngày nghỉ, may gặp được nhà đồng bào thì còn có chỗ trú chân, không may thì phải chui rúc, trốn tránh trong hang hóc bụi cây, như vậy ba bốn năm mới vượt được mấy ngàn cây số, leo dãy núi Caucase, lén lút vô địa phận Thổ, rồi băng qua sa-mạc Syrie để vào Palestine. Tới nơi là hai bàn tay trắng, họ phải làm thuê làm mướn cho các người Ả-Rập hoặc cho những người Do-Thái cũ, từ đời xưa vẫn ở lại Palestine chứ không di cư. Người Ả-Rập thì tất nhiên coi họ như bọn lang-thang ăn mày, hạ tiện rồi ; mà chính đồng bào Do-Thái cũ của họ cũng chẳng có cảm tình gì đặc biệt với họ. Vì từ ngôn ngữ đến vẻ mặt đã khác nhau xa, chỉ còn mỗi một điểm giống nhau là cùng theo một tôn giáo. Tới năm 1900, tại Palestine đã có khoảng năm vạn người Do Thái vừa cũ, vừa mới, vua Thổ bất bình, nhưng không thể nào ngăn cản được.

Tới năm 1905 là đợt thứ nhì. Phong trào hồi hương đã được tổ chức, đã có một cơ quan trung ương, đã mua lại được những đất bỏ hoang ở Palestine với một giá rất đắt, và những người Do Thái mới về, họp nhau thành từng nhóm để khai phá những đầm lầy. Lần lần họ lập thành lập một cộng đồng ở Jaffa, mua thêm được một khu đất cát ở phía bắc Jaffa rồi dựng lên một châu thành mới, châu thành Tel Aviv (tiếng Hébreu nghĩa là Đồi xuân).

*
* *

8. — Bản tuyên ngôn Balfour và đợt hồi hương thứ ba

Thế chiến thứ nhất bùng nổ. Anh Pháp tưởng « con bệnh Thổ » hấp hối tới nơi, không ngờ Thổ đứng vào phe Đức, được Đức giúp khí giới, còn vùng vẫy được một thời gian. Trên

mặt trận Caucase, Thổ chặn được Nga ; ở Đông Á, Thổ tiến từ Palestine, băng qua sa-mạc Sinai để chiếm Kinh Suez, cổ họng của đế-quốc Anh.

Anh đâm hoảng, dụ dỗ các quốc-vương Ả Rập tiếp tay với mình diệt Thổ và hứa hẹn với họ đủ điều. Nhưng đa số còn lưng chừng, đợi phe nào thắng sẽ ngả về phe đó ; vả lại thực lực của họ cũng chẳng có gì, mà họ lại nghe đồn rằng Anh, Pháp đã thỏa thuận với nhau hễ Đức, Thổ mà quỵ, thì sẽ chia nhau xứ Ả Rập thành thử họ không hết lòng. Anh đâm thất vọng, trông hoài mà không thấy Ả Rập nổi loạn chống lại Thổ.

Một người Do Thái rất sáng-suốt, một nhà bác học nổi danh Chaim Weizmann nắm ngay lấy cơ-hội, hô-hào đồng-bào khắp nơi tận tâm giúp đỡ Anh ; và năm 1917, Anh muốn thưởng công, tuyên bố rằng Anh-Hoàng thỏa thuận cho dân tộc Do Thái được lập một quê-hương ở Palestine và sẽ gắng sức giúp họ thực hiện việc đó. Bản văn đó có tên là bản « tuyên ngôn Balfour », được năm chục nước thừa nhận.

Thế là phong trào Do Thái đã có bản Hiến-chương rồi. Tất nhiên Thổ nổi doá, tàn sát tụi Do Thái « phản bội » ở Palestine, gây những nỗi kinh-khủng ghê gớm. Dân Do Thái rán chống cự và chịu đựng, rút cục chết mất một nửa.

Khi Đức đầu hàng, Anh Pháp qua phân đế-quốc cũ của Thổ. Anh thí cho Pháp Syrie, mà chiếm lấy phần lớn ở Tây Á, gồm Irak, Transjordanie, Palestine, không kể cả chục « đất bảo hộ » khác ở chung quanh bán đảo Ả Rập.

Hội Vạn quốc (1) khi giao cho Anh quyền bảo hộ Palestine có buộc Anh phải lập ở đó một quê hương Do Thái. Thừa thế đó, các lãnh tụ Do Thái như Weizmann, Ben Canaan (2) thương-thuyết ngay với những người có uy quyền nhất trong khối Ả Rập là Fayçal và hai bên thỏa thuận sẽ yên ổn sống chung với nhau, tôn trọng quyền lợi của nhau ; và đợt hồi hương thứ ba bắt đầu để bù vào số Do-Thái bị Thổ giết.

*
* *

9. — Sự thành lập các cộng đồng Kibboutz : một thí nghiệm của thời đại

Họ kinh nghiệm rằng hễ sống lẻ loi thì bị người Ả-Rập phá phách, ức hiếp, có khi cướp bóc nữa, khó mà phát đạt được ; mà nếu ai may mắn phát đạt thì càng bị người A-Rập ghen ghét, tìm mọi cách làm cho không ở được mới thôi, nên họ hợp lực lập những khu đồn điền, chia nhau công việc làm lấy hết, không mướn nhân-công Ả-Rập. Những đồn điền đó họ gọi là Kibboutz (3) ; đồn điền thứ nhất lập ở Degania tại Galilée.

Nhiều phóng viên châu Âu nhận rằng chính sách Kibboutz là một thí nghiệm

(1) Société des Nations
(2) Có sách viết là Chanaan.
(3) Số nhiều là Kibboutzim.

rất hay của thời hiện đại. Mỗi Kibboutz gần như một nhà tu. Hội viên phải có đức tin này : có chịu hy sinh bản thân thì mới cứu dân tộc được. Họ phải từ bỏ tiền của và quyền thế. Không có gì là của riêng, mà cái gì cũng là của chung. Làm việc không lãnh công nhưng cộng đồng sẽ thỏa mãn nhu cầu của mọi người, từ sự ăn ở, tới sự giáo-dục con cái, thuốc thang, tiêu khiển... Như vậy mỗi người khỏi lo về tương lai của mình, của gia-đình mình mà tận lực làm việc cho cộng-đồng. Họ tự bầu cử những người chỉ huy, người thì coi về nội bộ, người thì coi về tiền bạc, người thì coi về giáo-dục, người thì phân phối công việc. Mỗi tối họ họp nhau để định chương trình làm việc cho hôm sau và công việc nào giao phó cho ai.

Những người độc thân thì ở chung nhau hai người một phòng ; hễ có gia đình thì hai vợ chồng ở một phòng riêng con cái có viện dưỡng nhi trông nôm cho. Họ làm việc từ sáng tới tối, lại dưỡng nhi viện chơi với con một lúc rồi lại nhà công cộng đọc sách báo, nghe âm nhạc, coi hát bóng...

Mới xét thì ta tưởng Kibboutz cũng như Kolkose của Nga mà sự thực thì khác. Ở Nga, sự gia nhập những Kolkose có tính cách bắt buộc ; ở Israël thì hoàn toàn tự do, ai muốn vô Kibboutz thì vô, không thì thôi ; đã vô rồi mà muốn ra cũng tùy ý, nhưng một khi ra thì đừng trông mong gì Kibboutz giúp đỡ chu cấp cho nữa ; chính cha mẹ có muốn chu cấp cũng không có phương tiện vì chẳng ai có tiền riêng cả.

Mỗi Kibboutz lại là một tổ chức tự trị, tự túc, có khi tự vệ nữa ; không phải theo chỉ thị của chính phủ — trừ những việc có tính cách quốc gia, như trong việc thu thuế, trưng binh chẳng hạn — mà cũng không nhận trợ cấp của chính phủ. Vì vậy trong mỗi Kibboutz đời sống hơi khác nhau. Có nhiều Kibboutz, trẻ em từ ba tuổi trở lên thì vô dưỡng nhi viện ; nhưng cũng có Kibboutz trẻ được sống chung với cha mẹ cho tới 16 tuổi. Người ta còn đương thí nghiệm cả hai lối đó để rút kinh nghiệm. Nhưng trong Kibboutz nào cũng có đủ trường cho trẻ học tới 16 tuổi. Vì sự học là điều bắt buộc cho tới tuổi đó.

Đời sống cũng tương đối tự do. Ai cũng phải làm việc tùy khả năng của mình ; nhưng ai cần cái gì thì cứ lại kho mà hỏi, cần kiểu áo này hay kiểu áo khác, cần sách, đĩa hát, đờn, hễ trong kho có thì phát liền. Chánh-phủ không hề nghĩ quốc hữu hóa tài sản của các Kibboutz ; vả lại tại Israël, ngoài những Kibboutz còn có những làng theo chế độ hợp tác : tài sản là của riêng, nhưng chung sức nhau sản xuất ; lại có những làng theo chế độ hoàn toàn tư sản như làng ở nước ta. Người dân muốn sống theo chế độ nào thì tìm những tổ chức của chế độ đó mà xin vô ; một khi vô rồi, muốn ra để qua tổ chức khác cũng được. Năm 1927, Israël có 27 Kibboutz gồm 2300 người ; tới năm 1954, có 227 Kibboutz, gồm 76000 người khai thác 180000 mẫu tây. Hiện nay con số chắc đã tăng lên gấp đôi : khoảng 150.000 người.

Nhiều người Âu phải ngạc-nhiên nhận rằng tinh thần tương thân tương ái trong các Kibboutz thật lạ-lùng. Có những người Do Thái nổi danh, lãnh nhiệm vụ quan trọng trong nước mà lâu lâu cũng nhớ Kibboutz cũ của mình, trở về thăm y như ta đi xa về quê chơi vậy. Có người còn bảo : thế hệ trẻ em hiện đương sống trong các Kibboutz sau này lớn lên sẽ cho chế độ tư sản là một chế độ kỳ dị, không hiểu làm sao mà loài người lại thích có của riêng, có nhà riêng, có ruộng đất riêng được.

Như tôi đã nói, mỗi Kibboutz nhiều khi phải tự vệ, cho nên thanh niên, bất luận trai gái đều phải luyện tập quân sự. Thời hạn quân dịch của đàn ông là hai năm rưỡi, của đàn bà là hai năm.

Mới đầu, họ phải dùng mọi mưu mô để chở khí giới lậu vào cõi, nhưng từ đầu thế-chiến thứ nhì, người Anh cho họ lập đội quân Haganah để tiếp tay Đồng-minh chống lại Đức, thì sức tự vệ của họ đáng kể. Hiện nay họ có năm vạn lính tại ngũ và hai chục vạn lính trừ bị, với 200 phi-cơ.

*
* *

10. — Đợt hồi hương thứ tư và bản Bạch thư.

Nhưng đồn điền Do Thái càng khuếch-trương thì người Ả Rập càng bất bình. Fayçal không đủ uy tín để bắt tất cả các người Ả Rập phải nghe ; thành thử những sự xung đột giữa hai bên mỗi ngày một tăng. Người Anh cũng không giải quyết nổi sự xích-mích đó. Tình thế của Anh rất khó xử : Ả Rập có rất nhiều mỏ dầu lửa, hầu hết do người Anh khai thác, mà dầu lửa ở thời đại này cần thiết vào bực nhất, Anh không muốn làm mất lòng các dân tộc Ả Rập, mà Anh cũng không muốn nuốt lời hứa trong bản tuyên ngôn Balfour.

Tới khi Hitler lên cầm quyền, tình cảnh Do Thái Đức rất đáng thương. Hàng vạn người bị trục xuất, chỉ được phép mang theo mớ quần áo và mười Đức kim ; họ xin Anh được trở về quê hương của họ ở Palestine ; Anh chỉ cho phép có một ngàn người ; sợ vô đông quá thì Ả Rập sẽ nổi loạn. Đó là đợt thứ tư, gồm nhiều nhà trí thức : văn sĩ, nghệ sĩ, giáo sư, bác học ; làm cho sự phát triển về văn hóa của dân tộc Do Thái ở Israël tiến rất mạnh.

Rồi sau thấy phong trào hồi-hương của Do Thái mỗi ngày một lên, ngày 17 tháng 5 năm 1939, chính phủ Anh đành nuốt lời hứa với Do Thái, ký một tờ tuyên ngôn tên là *Bạch thư* thẳng tay hạn chế phong trào đó lại.

Không úp mở gì cả, chính phủ Anh bảo rằng tuyệt nhiên không có ý muốn cho Palestine thành một quốc gia Do-Thái (1), rằng trong khoảng năm năm từ 1939 đến 1944, chỉ cho 75 000 người Do Thái được về Palestine thôi, rồi từ tháng 6 năm 1944 sẽ bế môn hẳn. Còn người Ả-Rập thì không bị hạn chế, muốn về bao nhiêu cũng được ; như vậy dân tộc Do-Thái ở Palestine sẽ thành một thiểu số đối với dân tộc Ả-Rập. Quyền mua đất

(1) Theo họ thì trước kia họ chỉ hứa lập một quê hương (foyer) chứ không phải một quốc gia (état) Do-Thái. Họ khéo dùng danh từ thật !

đai ở Palestine cũng bị hạn chế đối với người Do-Thái: họ chỉ được mua trong những khu vực đã ấn định sẵn mà ngay trong những khu vực đó, họ cũng chỉ được mua tới 5% diện tích là cùng. Cả hai phái bảo thủ và lao động ở Anh đều bất bình về quyết định đó của bộ Thuộc địa. Churchill (đảng bảo thủ) bảo đó là «một vụ nuốt lời hứa, một vụ phản bội đê hèn, một vụ Munich thứ nhì.»; còn Morrison (đảng lao động) trách chính phủ đã không giữ lời cam kết với thế giới, rằng ông Tổng trưởng thuộc địa «nếu cứ tuyên bố thẳng rằng chính phủ bất lực, phải hy sinh các người Do-Thái» thì đỡ bị khinh hơn.

Vì trước kia hội Vạn quốc ủy quyền cho Anh bảo hộ Palestine, buộc Anh phải lập một quê hương Do-Thái ở đó, cho nên theo luật quốc-tế, *Bạch-thư* phải được hội đồng vạn quốc chấp thuận thì mới có giá trị. Đáng lẽ hội đồng phải họp tháng chín năm 1939, nhưng rồi không họp và *Bạch-thư* hóa ra vô giá-trị về pháp luật. Nhưng về thực tế, nó vẫn được áp dụng triệt để, kết quả là trong những năm 1941, 1942, hai chiếc tàu chở đầy nhóc Do-Thái bị đắm trong Địa-Trung-Hải và Hắc-Hải.

Chiếc thứ nhất là chiếc *Strouma*, một chiếc tàu dùng để chạy trên sông Danube, cũ kỹ, mục nát, dài không đầy hai chục thước mà chở tới 800 người Do Thái muốn trốn thoát sự tàn sát của bọn Đức. Thực là có Jahvé phù hộ, tàu mới tới được Istambul. Cơ quan trung-ương Do Thái năn nỉ người Anh cho phép vô Palestine. Người Anh không những từ chối còn dùng áp lực buộc Thổ cấm tàu *Strouma* đậu trong hải phận Thổ. Thế là cảnh sát Thổ xuống tàu, dòng tàu ra giữa Hắc hải, bỏ đó, không tiếp tế thức ăn, nước uống, than củi gì cả. Một cơn bão nhỏ nổi lên, tàu chịu không nổi, chìm lỉm. Chỉ có mỗi một người Do Thái sống sót.

Chiếc thứ nhì là chiếc *Patria*. Không hiểu do một phép màu nào mà hai chiếc tàu nhỏ chở hai ngàn người Do Thái từ châu Âu qua được Palestine, đậu ở ngoài khơi Haifa. Chính quyền Anh ra lệnh dồn bọn họ qua một chiếc khác, chiếc *Patria*, rồi đưa họ qua đảo Maurice ở Ấn-Độ-dương. Chiếc Patria ra khơi được một lát rồi cũng chìm nốt. Lại mấy trăm người Do Thái làm mồi cho cá nữa. Người ta đã thi hành đúng chỉ thị trong *Bạch thư*, vì người ta cần dùng dầu lửa của Ả-Rập. Nhiều người Do Thái phẫn uất, chửi: «Tụi Anh cũng chó má như tụi Đức, không kém gì!».

Thế nhưng các nước khác có phản kháng vụ đó không? Có, có nhiều chính khách Mỹ, Pháp phản kháng thật đấy, nhưng họ la ít lâu rồi mệt, cũng thôi. Vả lại lúc đó ai nấy còn lo chống cự với Đức, mà muốn chống cự với Đức thì phải cần dùng nhiều dầu xăng của Ả-Rập. Tất cả chính trị ở Tây Á trong mấy chục năm nay đều do dầu lửa chi phối, mà cái lương tâm của nhân loại làm sao nặng được bằng dầu lửa.

(còn nữa)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES «
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. C.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHAM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

Sinh vật học và đời sống bất diệt

Cô-Liêu

Các nhà chuyên môn đã giữ lại được cái thanh xuân mòn mỏi của kiếp người bằng cách phối hợp cái « tôi » hiện tại với cái « tôi » quá khứ . . .

Người ta có thể cắt đời sống mình ra từng giai đoạn, sống một vài giai đoạn còn thì cất vào máy lạnh để vài chục năm sau, vài trăm năm sống đoạn khác.

Nàng công chúa ngủ trong rừng và con trùng trong nước cống

NÀNG công chúa của Perrault ngủ trong rừng một giấc trăm năm. Tác giả cho ta biết giấc ngủ của nàng không khác gì giấc ngủ thường, má vẫn còn phấn, môi vẫn thoa son, nàng vẫn thở nhẹ nhàng. Nhưng giấc ngủ của một nhân vật trong truyện thần tiên của Wells khác hẳn, cuộc sống ngưng hẳn lại, không một hơi thở. Không một cái đập tim, không một chút cựa mình, người ngủ đã ngưng sống hẳn hòi trong khoảng hai ba trăm năm trước khi thức giậy.

Ngày nay khoa học có thể biến những truyện thần tiên ấy thành sự thật được không ?

Có lẽ được.

Đã từ lâu, vào năm 1701, một bôm Antoine de Leeuwenhoek để một chút bùn lấy ở dưới cống vào một miếng kính hiển vi, ông nom thấy biết bao nhiêu sinh vật nhỏ, ông chưa từng biết bao giờ. Ông thử để bùn khô rắn lại xem sao, rồi quên đi. Năm

tháng sau chợt nhớ lại ông lại đem bùn nhấp nước và đưa lên kính. Ông phải kinh ngạc vì những con trùng nho nhỏ vẫn đấy, ngọ nguậy, đầy đủ sinh lực như 5 tháng về trước. Ông đứng trước một hiện-tượng thiên nhiên lạ lùng.

Về sau, năm 1770 linh-mục Spallanzani nghiên-cứu lại hiện-tượng. Loài vật này đã thoát ra ngoài luật sinh tử thiên nhiên vì chúng đã chống lại được sự chết khô. Spallanzani cả quyết rằng trạng thái chết khô ấy là chết thực sự chứ không phải chỉ là hình thức bán sinh bán tử. Khi chúng phục-hồi sinh lực chúng là sinh vật đã chết thật sự mà sống lại. Trong cuốn sổ tay của ông, ông ghi lại những điều kết luận hết sức táo bạo, hầu như mâu thuẫn với luật sinh tử thiên nhiên, ngoài sự hiểu biết của óc con người. Sự kiện ấy đảo lộn hết tin tưởng của người ta về tính cách tuyệt đối của hai chữ sống chết.

Không phải chỉ có loài trùng trong nước cống — tên đúng của chúng là rotifère và tardigrade — quái gở như vậy, một thứ xâu lúa mì cũng được trời cho hưởng sự tái sinh.

Sự tái sinh của chúng có nghĩa là sống bất diệt. Loại côn trùng ấy đã làm cho danh từ sống bất diệt xâm nhập địa hạt sinh vật học, trước kia danh từ này chỉ có trong thần học và siêu hình học.

Nhưng có thể nói chắc rằng những loài côn trùng ấy lúc ở trong tình trạng « chết khô» có thực hết sống chưa ? Spallanzani nói : «Một sự sống dầu mong manh tơ tóc cũng vẫn là sự sống, từ đấy đến sự chết cách xa một trời một vực như vạn-vật và hư vô ».

Như vậy điểm phải xác định là sự ngưng sống có hoàn toàn, tia lửa sống có thật tắt hẳn không, người ta thấy vô cùng khó khăn khi phải phân biệt một đời sống thu hẹp đến mức cùng cực với đời sống hoàn toàn tiêu diệt, khi phải xác định cái rỗng không và cái gần rỗng không.

*
* *

Dưới sức lạnh tuyệt đối, sự sống và thời gian ngưng lại

Cuộc thảo luận kéo dài hàng thế kỷ, đến ngày nay nhờ sự phát minh ra kỹ thuật thực hiện được sức lạnh tuyệt đối nên mới có lời giải đáp.

Lý học không biết được mức tối đa của nhiệt độ, nhưng biết mức cuối cùng của lãnh độ. Mức ấy gần hai trăm sáu mươi độ dưới số không, hàn thử biểu bách phân. Nếu để cho những côn trùng ấy chịu sức lạnh gần với độ lạnh tuyệt đối, thì nhận thấy trong tế bào của chúng, chất protoplasme cứng lại, trong veo, mất hẳn tính chất bầy nhầy như keo (colloïdal) ; những yếu tố vật chất cũng thôi hoạt động. Tình trạng ấy khó lòng tưởng như còn có dấu vết sự sống. Không những chỉ thực hiện được trạng thái ngưng sống của sinh vật nhỏ mà thôi, đủ một vài điều kiện nhất định, người ta có thể tạo ra trạng thái ngưng sống cho những loài vật thượng thặng và loài vạn vật chí linh, tức là loài người.

Đối với Huyết cầu, tế bào hạch, tế bào da, thịt, đến cả tế bào truyền giống người ta đều có thể làm cho ngưng sự sống được

một thời gian, rồi sau cho trở lại đời sống.

Hiện tượng ngưng sống có thể kéo dài vô tận được không ? Hiện tình khoa học chưa có câu trả lời dứt khoát, nhưng căn cứ vào những kết quả thực nghiệm, người ta nghĩ rằng sự ngưng sống đã toàn vẹn, thì không có gì giới hạn thời gian tác sinh. Trong chỗ giá lạnh đến mức khá cao, thời gian như ngưng lại, sinh vật được thoát ra ngoài sự tàn phá của thời gian, còn chắc chắn hơn trong viên đạn phóng nhanh gần tốc độ ánh sáng của Einstein.

Thôi sống không phải là chết.

Sự sống trường cửu có thể thực hiện bằng sức lạnh.

Ngọn lửa sống thiêng liêng và bí hiểm, nay người ta đã có thể tùy tiện dập tắt và nhóm lại. Đó là một thực hiện huy hoàng của khoa học thật, nhưng chưa đem lại lợi ích gì cho khoa học. Những cuộc thí nghiệm cho ta biết người ta có thể ngưng sự sống mà không tổn thương đến cơ cấu sinh vật, không hủy hoại cái trật tự nhiệm mầu của sinh vật an bài sự sống, tuy nhiên ta vẫn không hiểu bí quyết của hiện tượng sống cũng như dùng thuốc mê làm người ta mất lương trí mà vẫn không giúp ta hiểu gì về lương trí.

Trước đây người ta chỉ quen nhận định có hai trạng thái sống và chết của một sinh vật. Bây giờ khoa học đem lại cho người ta phương tiện để tạo một trạng thái đặc biệt, không phải là sống, vì sự sống đã ngưng lại, cũng không phải là chết, vì có thể trở lại sự sống.

Vì có hiện tượng này, nhà sinh lý học Preyer đã nêu ra vấn đề phân biệt «không sống» và «chết», hai sự kiện không thể là một. Khi một con vật sống lại không phải nó từ cõi chết bước vào đời sống, nó chỉ chuyển từ trạng thái không sống sang trạng thái sống mà thôi.

Có lẽ cần phải xét lại một vài định-nghĩa tự điển. Như Littré và viện Hàn-lâm Pháp đã định nghĩa « chết » là «thôi sống». Khoa học vừa cho biết thôi sống không phải là chết.

Phối hợp quá với hiện tại.

Các nhà chuyên môn chưa quyết định dùng danh từ gì để chỉ hiện tượng không sống, nhưng họ đã thỏa thuận dùng danh từ anabiose để chỉ sự sống lại. Hiện tượng sống lại đã được y học và sinh vật học khai thác.

Một con rotifère hay một con anguillule (xâu lúa mì) sống lại đã làm ta kinh ngạc, ta sẽ phải xúc động đến thế nào khi vật sống lại là một tế bào người hay một tế bào truyền giống của người chứa đựng đủ yếu tố truyền thống.

Ngày nay người ta mới biết tinh trùng của đàn ông dẻo dai về sinh lực, có thể ngưng sống mà vẫn giữ nguyên tiềm lực truyền giống. Đem ướp lạnh tuyệt đối lâu rồi cho sống lại, tinh trùng vẫn giữ được nguyên vẹn khả năng phối hợp với trứng, góp hạt truyền giống với trứng để tạo ra một sinh vật khác. Như vậy người ta có thể cho phối hợp hai tế bào truyền giống của hai thế hệ cách nhau hàng trăm ngàn năm để sinh đứa con của một người đã sống từ 80 đời trước.

Một cuộc hôn phối thực hiện ở ngoài thời gian.

Hoài vọng xưa nay của y học là thay thế cho người ta những bộ phận già yếu bằng bộ phận trẻ trung. Nhưng hiện thời y-học vấp phải những khó khăn quan-trọng là phản ứng của cơ thể người ta trước những bộ phận của người ngoài ghép vào.

Về phương-diện sinh vật học người ngoài là kẻ thù và sẽ được đối xử với biện pháp quyết liệt. Người ta có thể thắng được sự khó khăn đó bằng cách lợi dụng khả năng sống lại của tế bào ướp lạnh.

Trong lúc còn trẻ trung, một người sẽ nhờ y-khoa cắt ra một ít da thịt hay cơ-quan không cần thiết và đem ướp lạnh để ngưng sự sống lại, sức sống không bị suy nhược vì thời gian. Khi người ấy già đi, người suy nhược, sẽ nhờ khoa giải phẫu ghép lại những bộ phận của mình để dự trữ : Người ấy sẽ tìm lại được nguồn sinh khí trẻ trung lúc tuổi xuân.

Hình như ở Anh đã có một cuộc thí nghiệm như thế. Các nhà chuyên-môn đã giữ lại được cái thanh-xuân mòn mỏi của kẻ người bằng cách phối hợp cái « tôi » hiện tại với cái « tôi » quá khứ.

* * *

Người đóng hộp.

Phép thần thông ngưng cuộc sống lại một thời gian, để tùy tiện cho sống lại lúc nào người ta muốn, có thể thực hiện được không ? Các nhà sinh vật học cho rằng giấc mộng không đến nỗi hão huyền. Khi người ta đã thực hiện được ở một bộ phận thì có thể cố gắng thực hiện được toàn thể con người.

Bước nhảy vào tương lai rồi đây có thể không còn là câu chuyện khoa học dự-tưởng. Người ta có thể cắt đời sống mình ra từng giai đoạn, sống một vài đoạn còn thì cất vào máy lạnh để vài chục năm sau, vài trăm năm sau sống đoạn khác. Đời sống kéo dài mấy trăm năm như thế sẽ xen kẽ từng đoạn sống thực với đoạn ngưng sống, người ta sẽ có dịp sống lâu để xem thế sự đổi thay, và so sánh để nhận biết sự tiến triển của phong tục, khoa học, mỹ thuật, thời trang.... qua các thời đại. Văn nghệ sĩ có thể kiểm soát được « tư tưởng đi trước thời đại » của mình có thật đúng với thực tế không, hay chỉ là múa mép nói càn. Nhưng lợi nhất có lẽ là những người mắc bệnh nan y. Họ có thể cám ơn các bác sĩ đương thời rồi vào phòng lạnh ngưng sống dăm ba năm đợi y học tăng tiến, may ra có phương thuốc hiệu nghiệm nào xuất hiện chăng ?

Kiêu căng và khiêm nhượng

Henry James nói ra nhận xét của ông về tâm lý của người Mỹ trong tập *« Người Mỹ tại Ba-Lê »*

« Người ta kiêu căng khi người ta phải mất một cái gì, và người ta khiêm nhượng khi người ta được lợi một cái gì ».

Ngày nay hoài bão lớn lao của loài người là thám hiểm không gian, có lẽ ngưng sống sẽ là vấn đề quan trọng nhất phải giải quyết khi muốn thực hiện một cuộc du hành lâu hơn một đời người. Vả chăng khi tạm ngưng đời sống họ không còn lo phải giải quyết những vấn đề sinh lý như, thở, ăn, uống, bài tiết v. v.. rất phiền phức, mà hầu như ngày nay chưa có phương thế giải quyết.

Khoa học sắp tiến đến giai đoạn làm cho những chuyện hoang đường trở thành sự thực. Loài người muốn thoát khỏi cõi trần ai, trước kia bằng mộng tưởng và tín ngưỡng, bây giờ bằng phương tiện khoa học. Trong tiềm thức họ, họ mơ ước gặp một cái gì kỳ diệu xảy ra để biến cải thân phận làm người. Nhưng dù đi đến điểm nào xa lắc trong vũ trụ có chắc họ hết thắc mắc, hết lo âu, hễ muốn tìm hiểu chăng ? Còn ở trong vòng kiềm tỏa của không gian và thời gian, loài người có thể từ khước, được sự đòi hỏi của trí óc, khi chính sự đòi hỏi ấy đã nâng loài Homo Sapiens lên thành chúa tể muôn loài và mở đường cho họ đi vào không gian ?

Viết theo tài liệu của
Jean Rostund, viện hàn lâm Pháp
(Les nouvelles Littéraires)

CÔ-LIÊU

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG* :
- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— *CÁC LOẠI RƯỢU* :
- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :
— *Các tiệm tạp-hóa*
— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* **(Đ.T. số : 21.360)**

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm-Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

BÙI-GIÁNG

Thư Xuân

Khuya nay mùa động đầu cành
Đồng trăng lục nhạt vàng thanh lối gần...

CÁM ơn em đã viết thư cho tôi, kể chuyện sông nước tỉnh nhà và chép lại cho tôi câu thơ của thi sĩ ấy. Em hỏi tôi : « *Xuân Ý* là gì ? *Hồn Xuân* là gì ? Như thế nào là : *mùa động đầu cành* ? Anh ở Saigon, anh tìm đâu ra một *đồng trăng lục nhạt* ? Anh kiếm đâu một *lối gần vàng thanh* ? »

Vậy bây giờ tôi xin hỏi lại : Tại sao em nêu nhiều câu hỏi thế ? Mà câu nào nghe cũng thân mến cảm thông ? Có hồn xuân thơ ngây tràn lan trong đó. Tại sao ? Tuổi mười sáu mà nêu câu hỏi về xuân, thì đố ai dám giải thích. Em hiểu giùm ? Em tha thứ nhé ? Nếu thư này tôi viết rất vu vơ...

Làm thế nào giải đáp cho em ngay từ đầu ? câu hỏi của em làm tôi choáng váng. Một mùa Xuân mênh mông về tràn ngập cái phòng văn bé bỏng, làm rối bời những trang bản thảo ; hai con mắt của tôi bây giờ rất lim dim...

Hồng vàng tụ bữa kia em có thấy
Nước xuôi dòng là cố độ nhìn theo
Tuổi mười sáu bây giờ lên gấp gảy
Mộng miên man là mây phủ lưng đèo...

Phút giây, mọi ưu tư chìm tan đâu mất. Giờ choáng váng qua, tôi bước vào bờ cõi huyền nhiệm của trường xuân, của hồng vàng vĩnh viễn. Những lầm lỗi hôm kia, những lỡ làng bữa nọ, thôi không còn ray rứt. Trên tro tàn, cây lá đã hồi sinh. Linh hồn hoài vọng của tuổi mười sáu đã đi về làm long lanh sự vật.

Tôi nghĩ rằng hồn xuân là tơ liễu. Tôi thử đưa bàn tay chạm vào một đồ vật, và thấy rằng đồ vật đã ngân lên đúng âm hưởng của tơ liễu hồn xuân. Không có gì có thể ma chiết hi-vọng của lòng người khi mùa xuân đã về động đầu cành, khua đầu lá, nhịp đầu bãi, hay dậy dàng ở đầu bến cuối trăng. Giữa tăm tối mê cung, lòng nhân gian vẫn nhìn ra non nước sơ nguyên bên kia một màu sương lãng đãng.

Buồn phố thị cũng xa bay như gió
Cộ xe nhiều cũng nhảy múa như hươu
Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó
Bến đào nguyên anh khoác áo khinh cừu

Thế là bỗng dưng anh thành thi sĩ làm thơ từ sáng đến chiều. Nguyện rằng : giờ nào cũng là giờ của thơ, của nhạc ; mùa nào cũng là mùa vĩnh viễn của *Xuân*, sóng nào cũng là sóng phơi trường mộng, bể nào cũng là bể vàng kim hải, trang đời nào cũng là «trang hồng phố Hội ra hoa, trổ bông mùa phượng cũ đà hồ phai... »

Đời không biên giới nữa. Nấm cỏ khâu rầu rầu không đợi đó để kết liễu đời ta.

Xưa nay những đấng tài hoa,
Thác là thể phách còn là tinh anh.

Thúy-Kiều đã bắt gặp hồn xuân bất tận. Trong chiều Tảo Mộ nàng linh cảm một nhịp cầu giao nối hai cõi bờ u hiển âm dương. Nàng vượt ra ngoài vòng vây hãm của thời gian để trò chuyện với người xưa từ bao năm đã lìa trần giới. Những giới-hạn nghiệt khắc của « phù-du trăm năm trong cõi » không thao túng nổi tấm tinh thành thanh thoát của những khách « *vào trong phong*

nhã ra ngoài hào hoa». Bởi vì khi ra ngoài cũng như khi vào trong họ vẫn tạo lập được một thế giới kỳ bí trong tiết điệu của thơ ngân theo mỗi nhịp bàn chân vi vu bước tới. Chinh phục thời gian mai hậu bằng cái tâm hồn bát ngát vương vấn ngàn kỷ niệm trong ký ức tổ truyền nguyên vẹn với những hương màu ngan ngát của non nước ngàn xưa còn long lanh bên dòng tơ liễu :

Dưới dòng nước chảy trong veo.
Bên dòng tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Đó là hình ảnh thiên thu của tình yêu, của xuân mộng. Niềm giao cảm xóa bỏ hết cõi bờ gò đống ngổn ngang. Đôi lứa đầu xanh nhìn nhau buổi mới đã vượt qua hai cái « bờ - bản - ngã - riêng - ta-riêng - người » để cùng nhau bước vào trong dập dìu mùa hội, hội Hoa Đăng, hội Đố Lá, hội Đạp Thanh bên Bắt-Tuyệt-Nguyên-Khê của Hữu-Thể-Tròn-Nguyên-Thiên-Cổ-Lạc..

Mùa xuân là gì, thưa em ? Tình yêu trong cổ lục là gì ? « *Nhặt thưa trăng dọi đầu cành* » có đủ sức bảo tồn nhịp miên man chiêm niệm ? Bóng hoa dung tuổi mười sáu một lần dưới trăng nguyên tiêu lộng lẫy, có đủ hương màu để giữ gìn kỷ niệm với ngày sau ?

Trùng phùng dù họa có khi
Thân này thôi có còn gì mà mong...

Giận mà nói thế. Thật ra, vẫn còn nhiều lắm chớ...

Còn nhiều ân ái chan chan.
Từng cay đắng lại nồng nàn hơn xưa...
Bây giờ gương vỡ lại lành.
Khuôn thiêng lừa lọc đã đành có nơi.
Hoa tàn mà lại thêm tươi.
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa...

Cái chỗ huyền diệu của Nguyễn Du là đó. Giữa những cung bậc thống thiết đoạn trường, bao lần ta nghe len lắn về những xoang điệu tươi vui. Đó là hồn xuân hồi sinh trên dâu bể phủ ngập mộng đời.

Nói như một triết gia hiện đại :

— Chỉ riêng cái hời hợt ở bên ngoài cuộc sống, cái nông cạn ở bề mặt cuộc đời là chia lìa, ly tán ; chỉ riêng cái thực-tại-người lao xao lơ-láo-tó-thầy, là có tuổi có tên, biểu chưng cái hỗn độn vào sau ra trước. Thật ra, sự vật không có phân ly chia cắt. Và nghệ thuật

của con người ngàn thu vẫn xoay quanh một đề tài duy nhất và tình yêu muôn thuở vẫn gửi gắm về riêng một lời ước hẹn với Hữu Thể Sơ Nguyên. Và hết thảy mọi cái chết-mai-mãi vẫn là tượng số siêu việt của duy-nhất-một-Hồn-Xuân hồi sinh trong tàn phế.

Em mười sáu tuổi, với trực giác trong suốt hồn nhiên xin hãy đưa tay cho người thi sĩ. Chúng ta sẽ đồng thanh thưa lại với đời rằng : mười lăm năm bấy nhiêu lần hoen ố, mảnh quần hồng vẫn giữ vẹn một tấm gương... Có một cái nguồn nước đổ « Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai » cứ chảy về bất tuyệt cho dạt dào xanh mãi những tâm hồn tình mộng thơ ngây.

Hai tình vẹn vẽ hòa hai
Chẳng trong chăn gối cũng ngoài cầm thơ
Khi chén rượu khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.

Nguyễn-Du

Mùa Xuân bất tuyệt đã trở về. Bao nhiêu mối tương xứng được hòa giải. Thôi không còn *cỏ áy bóng tà*. Thôi không còn *cái điều bạc mệnh*.

Những từ sen ngó đào tơ
Ngàn thu vô hạn bây giờ là đây

Chạy đâu cũng không thoát nhé. Mùa Xuân đón đợi ta ở khắp các nẻo đường, em có thấy không. Mười lăm năm, nửa đời nếm trải... em Thúy vẫn trở về trùng ngộ với nguyên xuân. Pénélope vẫn còn chờ Ulysse trở về sau chiến-cuộc mười mấy năm. Bờ bể Phéacie vẫn có kẻ chờ ai trôi giạt. Anh xin ghé về nhìn gương mặt Nausicaa. Nhìn sơ một lần, nhưng anh nhớ mãi. Trên tơi bời tro tàn gạch vụn, từ Iliade đến Odyssée, Homère vẫn dựng lên hình bóng Xuân Thơ Dại Ngọc Ngà. Anh sờ lên mái tóc mình sương lổ đổ, anh sực nhớ rằng mình cũng có mang đủ những bụi hồng, bụi đỏ, đất đen : Xuân chạy giặc, Xuân tản cư, Xuân đốn củi trong rừng nghe ve núi khóc, Xuân phố thị lận đận lạc loài; Xuân Hậu-giang, Xuân Lục Tỉnh... Để bây giờ đối diện với mùa Xuân Mười Sáu của em :

Khuya nay mùa động đầu cành
Đồng trăng lục nhạt vàng thanh lối gần

Phải rồi. Lối về Vĩnh Viễn có xa chi mấy đâu. Đồng trăng lục nhạt, đồng nội nhật quang lan, còn chờ ta mãi đó. Mùa động đầu cành lay lắt, hương mùa tư lự, em đã đem linh hồn gửi gắm, tội cũng xin lựa lời thưa với cô bác : hãy vui lòng liệu liệu thâu nạp giúp cho nhau.

B. G.

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9è

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

PASTILLES: { VANCO — MÙI « MENTHE »
CAM — MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

NHẬN XÉT VỀ TRANH TÀU

Đoàn-Thêm

NHÌN qua các tranh Tàu, cũng thấy khác hẳn các tranh phương Tây, nhưng ở những chỗ nào và tại sao ? (1).

Để trả lời câu hỏi đó, xin thử phân biệt các loại họa-phẩm theo tinh-thần và kỹ-thuật.

* *

Xét một cách tổng-quát, hội-họa phương Tây thay đổi mau chóng và rõ rệt tùy thời, họa-phái, và xu-hướng cá-nhân của mỗi họa-sỹ. Người không chuyên môn nếu chịu để ý ít nhiều, cũng biết đại-khái : những vết bút nghệch ngoạc sơ sài ở nhiều tranh thế-kỷ XIX-XX, không thể tìm ở những bức cân đối minh bạch giống ảnh chụp, của thế-kỷ XVII ; tranh thể-hiện thì vẽ người, vật hay cảnh ; tranh trừu-tượng chẳng lộ rõ hình gì ; những đường nét này cứng dài như chổi sể, tua tủa như màng nhện là của Buffet, những ráng màu óng ả kia là của Renoir...

Nhưng rất khó phân biệt tranh Tống với tranh Minh, tranh Đường với tranh Nguyên ; trúc của Trịnh-Biên nhà Thanh cũng tựa như trúc của Lữ-Kỷ nhà Minh ; và cho đến hồi cận-đại, sơn-thủy không khác mấy núi nước cách mấy trăm năm về trước ; — cung-tần thướt tha ở điện nhà Hán, lại tha thướt ở lầu nhà Minh, với những mặt hình-nhân và nếp áo lòa xòa. Tôi thú thực đã ngắm đi ngắm lại không biết bao nhiêu lần, mà chưa thuộc, thường lẫn cảnh của Nghê-Tán và Hoàng-Công-Vọng thời Nguyên với cảnh của Triệu-Tá (Minh) hoặc Vương Thời-Mẫn (Thanh) : cũng núi nhấp nhô, cũng rặng cây thẳng với cành lăm chăm đen, nóc nhà gianh lơ thơ...

---

(1) Xin coi B.K. 121 số Đặc-Biệt kỷ-niệm năm thứ 5.

Chắc hẳn tại tôi không tinh mắt, nhưng phần nào cũng vì nghệ-thuật Tàu nhiều tính-cách chung hơn là đặc-điểm cá-tính như của Âu Mỹ : nếu so sánh, thì hội-họa Trung-Quốc tương-đối ít đề-tài và ít loại tranh, dù vẽ người, vật hay cảnh.

* * *

NHÂN-VẬT

Ở phương Tây, rất nhiều danh-họa vì tín ngưỡng mạnh, năng vẽ tranh tôn-giáo. Còn ở Trung-Quốc, tranh thờ thường là tác-phẩm của những họa-công không tên tuổi, vẽ cho các tầng lớp bình-dân, còn các danh-họa nhiều khi là nho-sỹ, ít ưa lễ bái. Cho nên chỉ có các « phó vẽ » chuyên-nghiệp cung cấp cho quần-chúng những thần tiên với tướng hình kỳ-dị, như Lý-Thiết-Quài thọt chân, Na-Tra sáu tay cưỡi hỏa-luân, Tây Vương-Mẫu ngồi trên lưng phượng. Ngoài ra, tranh Phật đã thấy phổ biến từ thời Hán, Đường, và mặt Thích-Ca hay Quan-Âm giống của Ấn-Độ, đầy đặn, cân đối, hai tai rất dài : hình dạng đó thành kiểu mẫu chung, một sự dễ hiểu khi họa-phẩm chỉ cần để tượng trưng.

Nhưng tính-cách này cũng lại hiển hiện ở tranh vẽ người thường. Các nhân-vật trong nhiều bức ở mọi thời, không khác nhau mấy, nhất là phụ-nữ : mặt và thân như tượng, chỉ tạm đủ một số nét tròn cong, dài ngắn hoặc chấm, để cho biết đó là tai mũi mồm, lông mày, mắt, con ngươi..., chẳng lộ vẻ buồn vui thương giận như ở tranh Âu Mỹ : tôi không hiểu vì lẽ gì gọi là « truyền *thần* », dù sao cũng không phải « chân dung » như *portraits* của Vélasquez, Holbein hay Van Gogh. Khi tranh thiếu cả ánh tóc, khóe mắt, làn da, thớ thịt, vóc người, nghĩa là những yếu-tố thực-thể mà phương Tây nghiên cứu tìm tòi từ đời Léonard de Vinci (thế-kỷ XVI), dĩ-nhiên không thể có khỏa-thân (le Nu) như tranh Vệ-Nữ Ý, ca-nhi Nhật hay vũ-nữ Ấn : Phật ở Tây-Trúc nhiều khi hở ngực trần tay, nhưng sang đất Khổng Mạnh cũng phải đầy đủ áo quần, huống chi là mỹ nhân, hạng người giấu bóng ở các phòng khuê kín cửa. Phong-hóa nghiêm-khắc ở đây đã thắng nghệ-thuật, hay đúng hơn, thì nghệ-thuật thấm nhuần luân-lý, không cần những vẻ đẹp lộ liễu.

Nhân-vật của Cao-Kỳ-Bội (Thanh) vài nét sơ sài, cũng đủ hình người ngựa, cô-đơn trong hoang-vu.

Hoa thanh xuất dục đồ của Khang-Đào (Thanh) Êm đềm, tha thướt, nhịp nhàng ; song các mặt người không « nói lên » gì cả.

Có lẽ thể-chất con người không được chú-trọng và nhan-sắc không được tôn thờ như ở Âu-Mỹ, nên họa-sỹ Tàu ít khi vẽ người, không kể các vua chúa có lệ cầm nhìn mặt rồng, mà cả các nhà quyền quí không sợ ai ám hại, cũng chẳng có ý lưu lại hình dung cho đời sau. Người phương Tây hiện nay còn được ngắm những quốc - sắc thời xưa như Lucrèce Borgia, Gabrielle d'Estrées,... nhưng thi - nhân Trung-Quốc tuy thường ví von ca ngợi Tây-Thi, Chiêu-Quân, Dương-Ngọc-Hoàn, mà không hề biết ngọc-nhan của các quý-phi kia như thế nào? Tranh lịch-sử rất hiếm: những Nhạc-Phi hay Địch-Thanh đều bị tưởng-tượng ra cả. Còn tranh hoạt cảnh thuật lại những việc đời sống hàng ngày ở mỗi thời (tableau de genre), cũng không được các danh-họa chú ý : đám dân-chúng đón vua quan đi qua như « Vọng hiền nghinh giá » trong tập « *Nhân-vật cố-sự* đồ quyển,» chỉ là của họa-sỹ vô-danh (1)

***

CẦM THÚ VÀ THẢO-MỘC

Các giống vật ở phương Tây được một số họa-sỹ chuyên - chú (peintres animaliers) song thường chỉ đóng vai trò phụ trên cảnh của các danh-họa, như ngựa giữa chiến-trường hoặc trường đua của Ucello, Géricault, Degas, hươu và chó trong cuộc săn bắn của Courbet... dẫu sao, vẫn rất ít so với người, cây cối, nhà cửa...: ở Trung - Quốc cũng vậy.

Trên tranh Tàu, thường thấy hổ, sóc, dơi, cá, nhưng trải qua các triều-đại, chó chắc bị khinh rẻ nên rất ít khi được họa. Ở cận-đại, theo xu-hướng tả thực của Âu Mỹ, vài

(1) Vài bức hoạt-cảnh còn lại :

Văn-hội đồ, của Cố-Trọng thời Minh

Xuân-giạ yến lí viên đồ, của Hoa Nham thời Thanh.

Tùng của Thang Địch (Thanh). Dùng bút lông, mà nét như sợi tóc, quá nhiều công phu.

Lan Thạch của Thẩm-Sĩ-Kiệt (Thanh) Nét mềm múa gió, không thấy ở tranh Âu Mỹ.

họa-sỹ mới vẽ mèo, khỉ, gà và lợn (Hầu, Dã.Chư của Cao-Ông, Từ-Bi-Hồng v.v...)

Duy có giống chim được yêu quí từ thượng-cổ, cũng như cành cây khóm lá là hoàn-cảnh thiên-nhiên của chúng : nếu trên tranh Âu Mỹ, chúng hay nằm trơ xác chết như một tĩnh-vật (nature morte) thì ở họa-phẩm Trung-Quốc, chúng thường vỗ cánh theo mây hoặc ngoan ngoãn đậu bên gốc thông, bông trà, nhành mai: hoa và điểu vẫn đi đôi, và *Hoa-Điểu* đã thành lối vẽ được ưa chuộng, nhất là từ đời Huy-Tôn nhà Tống : Một đề-tài quen thuộc như Tùng-Hạc được nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần, trên giấy, trên lụa, trên bức thêu, trên lọ độc-bình, của Thẩm.Thuyên, của Triệu-Thời-Cương, của Từ.Vị... Theo mắt người phương Tây, các tác-phẩm này chỉ có giá-trị trang-trí như một phụ-tùng kiến-trúc. Song họ quên rằng

Thu hoa đồ (*Cúc*) của Trần-Hành-Khắc (Cận-Đại)

Mẫu-Đơn của Trương-Tô-Anh (Thanh). Hoa đã có vẻ thực của phương Tây, nhưng giả-sơn kia và những dòng thơ trên tranh, thì vẫn Tàu.

tranh cầm thú của Tàu cũng chứng tỏ một nhu-cầu hướng thượng : không kể Long Ly Qui Phượng huyền-hoặc, liên-quan đến tín-ngưỡng lâu đời, những loại có thật chỉ được vẽ nếu hình dáng hùng-dũng hay thanh-nhã : hổ, sư tử, thước, trĩ, lộ, hạc...

Ở thảo-mộc cũng như ở cầm thú, họa-sỹ Tàu chỉ lựa chọn những giống có vẻ cao quí, gợi nổi ý-nghĩa tượng trưng : cúc, lan, thược-dược, mẫu-đơn, huy-hoàng như vương-giả, tùng, trúc, mai, cao-khiết như quân-tử, được gọi là «tuế hàn tam hữu». Cỏ cây là bầu bạn của tao-nhân, nên cũng phải kén kỹ như đối với kẻ tâm giao, còn những loài đẹp mà gây cảm tưởng yếu ớt lẳng lơ, rất ít khi được ca ngợi bằng nét tinh-hoa : sá chi những đào hồng «phong tình bạc-mệnh ».

Tóm lại, trong muôn vàn động-vật thực-vật, họa-sỹ Tàu chỉ dung nạp một vài. Nếu vó ngựa hay thân cây được họa sỹ phương Tây chú ý vì hình thể ánh sắc, thì ở Trung-quốc, nó còn phải cho liên tưởng đến những đức tính trong sạch của người hiền muốn lánh xa phàm tục và tìm thú vui giữa thiên-nhiên :

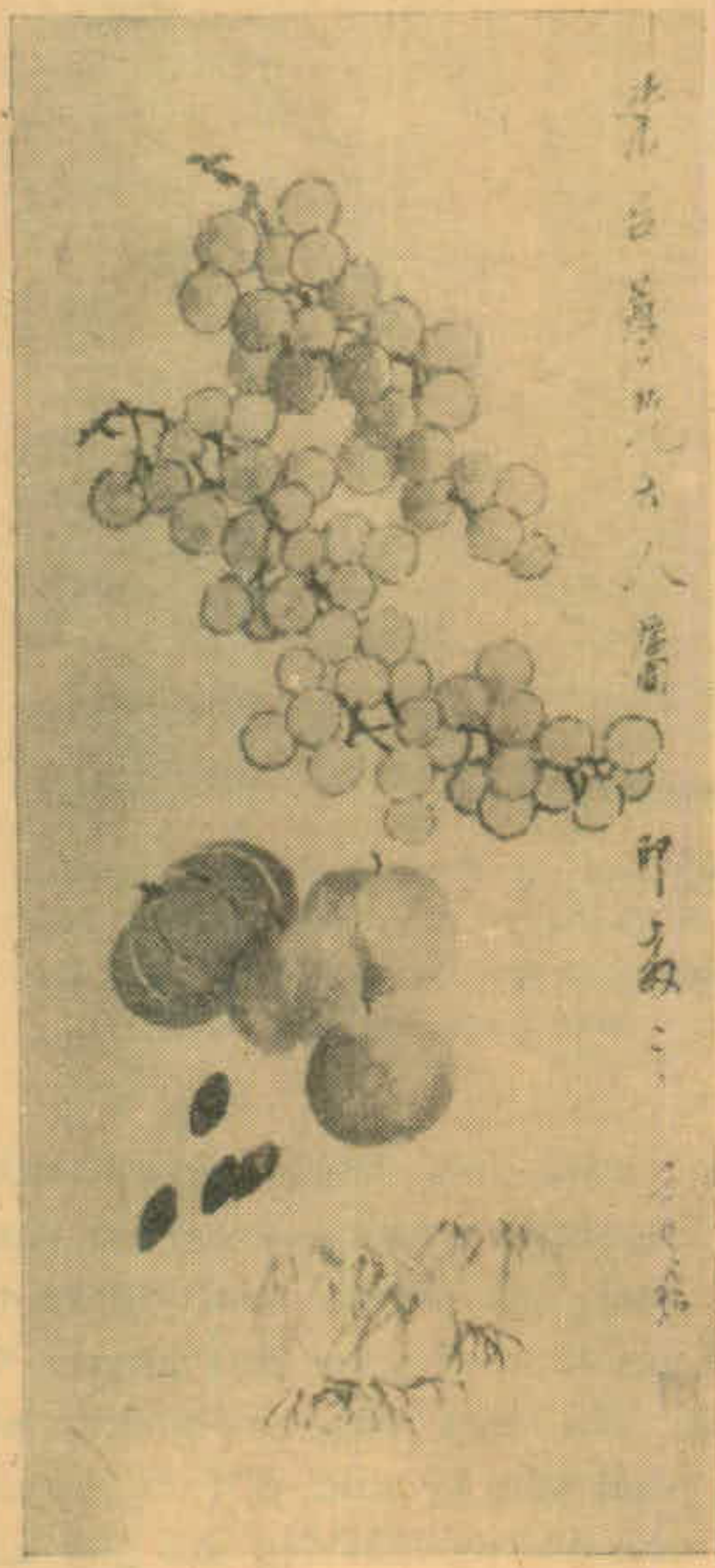

Quả-phẩm của Hư-Cốc hòa-thượng (Cận-đại) Phác hình đơn-thuần, khác tĩnh-vật của Âu Mỹ hướng về chuyển-sắc. Phần trên : *tĩnh*. Phần dưới : hạt gieo và rễ củ lăn tăn : *động*.

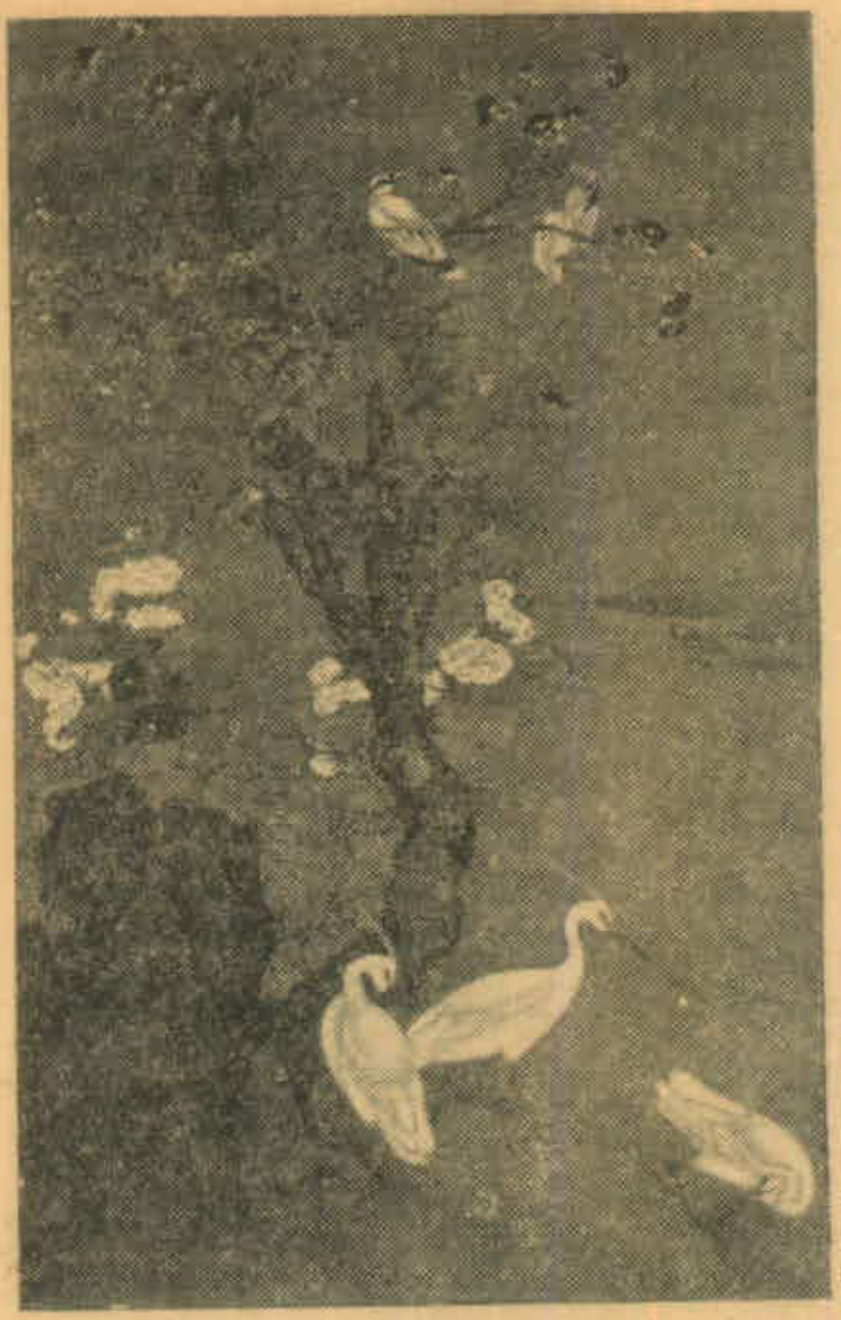

Phù-dung bạch-lộ của Lữ-Kỷ (Minh) Êm đềm vui sống. Có thể theo từng đường nét mà thêu hay khắc, nhiều tính-cách trang-trí hơn là linh-động sáng tạo

hoài-vọng này biểu lộ rõ nhất ở những tranh núi nước.

*
* *

PHONG-CẢNH

Vì xu-hướng thoát ly đó, họa-sỹ Tàu không hay vẽ những cảnh nhân-tạo : không có những tranh dẫy dẫy nhà cửa đường phố như của Canaletto bên Ý hoặc Utrillo bên Pháp (1) Đôi khi, thấy nóc

(1) Về sau này, cũng có tranh loại đó, về cảnh Thượng-Hải Hồng-Kông, nhưng xin miễn bàn vì không phải là họa phẩm đáng lưu truyền.

lầu bên sông hay mái gianh giữa rừng, song những chi-tiết kiến-trúc chỉ là thành-phần nhỏ trên toàn-diện bức họa.

Cảnh của họa-sỹ Âu Mỹ, dù thực hay mộng, nhiều như cảnh đời, không thể đếm hoặc phân loại ; còn của họa-sỹ Tàu thì hầu hết mượn của thiên-nhiên, nhất là lâm-tuyền thảo-dã, nơi ẩn-sỹ « vui vầy cùng tuế nguyệt » : ở đó, toàn cây cỏ, mây khói, thỉnh thoảng một nhịp cầu, một con thuyền, một túp liều, tất cả đặt vào giữa hai yếu tố căn-bản của không-gian, một thể hiện chiều cao, một thể hiện sâu xa dài rộng : núi và nước.

Chót vót và mênh mông là hướng lý-tưởng cố-hữu của những hiền-giả muốn vươn mình hòa đồng vũ-trụ, lại là hai đặc-tính làm chuẩn-đích cho nhân sinh và nghệ-thuật Tàu. Khi Chung Tử-Kỳ khen đàn Bá-Nha tuyệt-điệu, theo tục truyền, ông không dùng chữ gì khác « *ngưu ngưu* hồ tại cao-sơn, *dương dương* hồ tại lưu-thủy ». Thủy còn là chuyển dịch không ngừng, sơn là muôn năm trường-tại, hai trạng-thái Âm Dương cân đối của một nguyên-lý tạo thành vạn vật, và ở hội-họa là hai then chốt giữ thăng-bằng cho phối-cảnh trên tranh.

Lối vẽ này phù-hợp quá với tâm-hồn người Tàu, nên hầu hết các danh-họa Trung-Quốc trước sau đua nhau vẽ núi nước, hoặc chuyên chú về loại tranh này đến nỗi tác-phẩm của nhiều vị thường được sưu-tập lại với nhan-đề *Sơn thủy sách* hay *Sơn thủy đồ trục* : của Hoàng-Công-Vọng, Đường Đãi, Đái-Tỉnh nhà Nguyên ; của Đổng-Kỳ-Xương, Lam-Anh, Cung-Hiến, Cao-Tường nhà Thanh, của Tuyền-Sơn, Mai-Thanh, Hoằng-Nhân, Đạo-Tế, Vương-Thời-Mẫn nhà Minh, của Tiêu-Tôn, Ngô-Khánh-Vân, Hoàng-Bình-Hồng ở Cận-đại... Các thế-hệ họa-sỹ Tàu thiết tha không dứt với những « Giang-ngạn » « Trường-Giang » « Không gian sơn vũ » « Tùng khê », « Tiên-sơn », « Tuyết-sơn » « Hạ sơn « U cốc « Đầu hác mật lâm »... Tóm lại, núi và nước ám ảnh họ cũng như trong bao thế-kỷ nay, thân-thế người đàn bà ám ảnh những đồng-nghiệp phương Tây.

Bởi không mấy chú trọng đến những yếu-điểm kể trên, một số nhà phê-bình Âu-Mỹ tuy nhận xét được mà không cắt nghĩa nổi một cách đáo-lý những truyền-thống hội-họa Tàu, khi so sánh với những kỹ-thuật tân-tiến và theo nhỡn-quan của đa-số nghệ-sỹ thời nay.

*
* *

NHỮNG ĐẶC-ĐIỂM VỀ PHƯƠNG-DIỆN KỸ-THUẬT

Tuy-nhiên, sự so sánh đó cũng có ích-lợi để nhận định rõ đặc-tính của tranh Tàu giữa hội-họa quốc-tế, miễn là đứng ở lập-trường khách-quan, không vội vàng bình phẩm.

Đề-tài — Họa-sỹ phương Tây thoát ly khỏi đề-tài từ cuối thế-kỷ XIX : người, vật hay cảnh được vẽ

không quan-trọng như các yếu-tố và cách-thức thể hiện cảnh, vật hay người đó : ánh màu đường nét, bố-cục, sắc-liệu, bút-thuật... Giới hội-họa tin rằng đề-tài hiện nay chỉ cần cho văn-chương, nên vẽ bất-cứ gì cũng được.

Trái lại, ở đa-số họa-phẩm có tiếng của Tàu, các nghệ-sỹ đều mong đạt hoặc giữ được một vài tính-cách chung hay đúng hơn, một tinh-thần chung : giản-dị, bình-thản, thuần-hậu, trang-trọng, thanh-tú, kiều-mị ; dĩ-nhiên phải chọn lọc những gì đáng vẽ, thành thử đề-tài rất cần, và kỹ-thuật chỉ để phụng sự chủ-ý mà biểu lộ cao-nhã.

Một Derain hay một Villon mượn những mặt những thân, những cây cỏ để thể hiện ánh sắc, nên mọi vật đối-tượng của giác-quan chỉ làm phương-tiện cho kỹ-thuật. Nhưng một Mã-Hoàn hay Lữ-Kỳ mượn cảnh giao tình, hà-tất quá lệ thuộc thực-tế hoặc cố theo sát bằng những phương-pháp trí-xảo ?

Ánh-sắc — Các nhà nghiên cứu chia giới hội-họa phương Tây theo hai khuynh-hướng của họa-sỹ : người vẽ ít màu, hoặc một màu, và chú trọng vào sự đối chọi ánh-bóng ; (Valoristes) người bỏ ánh-bóng mà thiên về màu sắc (Coloristes). Nhưng dù theo lối nào, họa-sỹ thuộc các phái thể-hiện cũng muốn cho khán-giả những cảm tưởng sống động giữa mờ tỏ đậm nhạt xa gần, bất-cứ ở nét mặt, tà áo, chiếc bình, cành cây, khúc sông hay rặng núi . . .

Ở rất nhiều tranh Tàu, ngoại trừ một vài tác-phẩm đặc-biệt như của Phạm-Khoan, phần nào cũng một quang-độ hay một sắc-độ (1) đằng trước hay bên cạnh, trên cao hay chỗ thấp, không hề thấy lộ ra lẫn vào, hay lung linh giao chuyển mà phản ứng để dung hợp. Họa-sỹ Tàu thường gạt bỏ những tiểu-tiết kể trên, và trong muôn vàn hình ảnh biến dịch của tạo-vật, chỉ muốn ghi lại vài trạng-thái vĩnh-cửu, một số yếu-điểm tối-thiểu để người ngắm nhận được là vật gì mà tự đưa mình sang cõi mộng (Hạ-Khuê, Vương-Huy). Cũng có khi họ vẽ tỉ-mỉ từng chiếc lá lăn tăn, đốt cây,

(1) Theo giáo-sư Lưu-Đại-Bộ, trong cuốn Chinese Painting, thì màu sắc của Tàu cũng được phân biệt và điều hòa như của phương Tây :

Cũng có 3 nguyên-sắc (*couleurs primaires*) ;: Hồng, Hoàng, Lam. Ba nguyên-sắc đó có chộn với nhau cũng thành các màu khác :

Thanh + Đăng Hoàng = Lục (xanh-lá-cây, *Green*)

Ngân Chu + Đầu Lục = Tử (tía, *Violet*)

Duyên phấn + Đăng Hoàng = Phấn hoàng sắc (*Light Yellow*)

Duyên phấn + Đăng Hoàng + Thanh Hoa = Nộn hoàng (*Weak Yellow*)

Giả Thạch + Mặc = Trà cát sắc (*Brown*)

Hoa Thanh + Mặc = Ám thương sắc (*Dark Sky Blue*)

Nhưng chắc giáo-sư dạy vẽ theo lối mới, còn ở tranh cổ, rất ít khi có màu; đôi khi, thấy những màu : Giả thạch (xám) Hoa thanh (xanh) Chu-tiêu (đỏ) Duyên-phấn (trắng nhạt) Ngân-chu (đỏ nhạt) Chu-sa (đỏ thắm).

hồc đá... nhưng vẫn một dụng-ý, là dẫn khán-giả theo dõ từng bước, qua nhịp cầu nhỏ, vượt suối, tới sườn non, đến nóc cổ.tự... nghĩa là nhập dần vào cảnh sơn - lâm (Quách-Hi, Chu-Thần) hoặc sông hồ liễu rủ mà tìm cảm-hứng man mác như nhà thơ (Mã - Hoàn, Nghê.Tán...)

Bố-cục.— Ở phương Tây, bố cục có mục-đích xếp đặt thế nào để đi tới hòa - hợp, và thu gọn cả không-gian ba chiều vào bình - diện bức tranh (représentation de l'espace à trois dimensions). Từ thế-kỷ XIV-XV, các họa-sỹ đã tìm ra nhiều lối: phân chia các đường nét, ánh bóng, màu sắc cho đều hoặc đối chọi, khiến yếu-tố nọ làm nổi bật yếu tố kia ; — áp dụng luật viễn - họa cho các đường cùng chạy thoai thoải về chân trời ; — hay từ cuối thế-kỷ XIX, theo Cézanne dùng cách chuyển sắc-độ, màu nóng xen màu nguội mà gợi cảm tưởng gần xa.

Họa.sỹ Tàu cũng hướng về hòa-hợp, nhưng lý-trí họ không thắc-mắc lắm về không-gian mà ý-niệm lại khác hẳn:

Trước hết, họ nhìn nhận một sự kiện thực-tế mà người phương Tây cứ muốn biến đổi bằng tưởng-tượng: tấm lụa, tờ giấy *chỉ có hai chiều ngang dọc*, nên mọi vật vẽ ra cũng chỉ có dọc ngang, không cần chi phải cho ảo-tưởng nổi hình rõ khối nhờ sự chuyển màu tô bóng như ở tranh Âu Mỹ.

Trạch quốc trường phong đồ của Triệu-Tả (Minh) Vẽ trên giấy dài. Vẫn bố cục ba phần như của Nghê-Tán thời Nguyên.

Sơn-thủy của Chương-Thanh (Thanh). Nước, trông gần cũng không một gợn sóng ; nước của Tàu, chỉ thấy ở tranh Tàu, nhưng phần núi đá, lộ hình khối cứng nhắc và ánh bóng : gần như của phương Tây.

Ngoài ra, họ thường dùng hai khổ giấy : hoặc chữ nhật treo ngang để vẽ cảnh rộng bát ngát (Tây Hồ của Lý-Sùng) hoặc cuộn dài treo dọc như bức liễn thì vẽ cảnh cao xa (những tranh có núi). Song ở trường-hợp nào, cảnh cũng thường hiện ra *như thể họa-sĩ đứng từ trên lầu nhìn xuống :* Nếu có nhà cửa, thì trông thấy các mái các nóc và cả những người những đồ trong các phòng ; — ở rừng núi, thì cả đất đá phía trước, rồi các thứ cây cỏi suối cầu đáng lẽ bị che khuất, trừ phi ngồi trên một đỉnh chót vót mà ngắm mỗi tầng mỗi khoảng. Trên bức sơn-

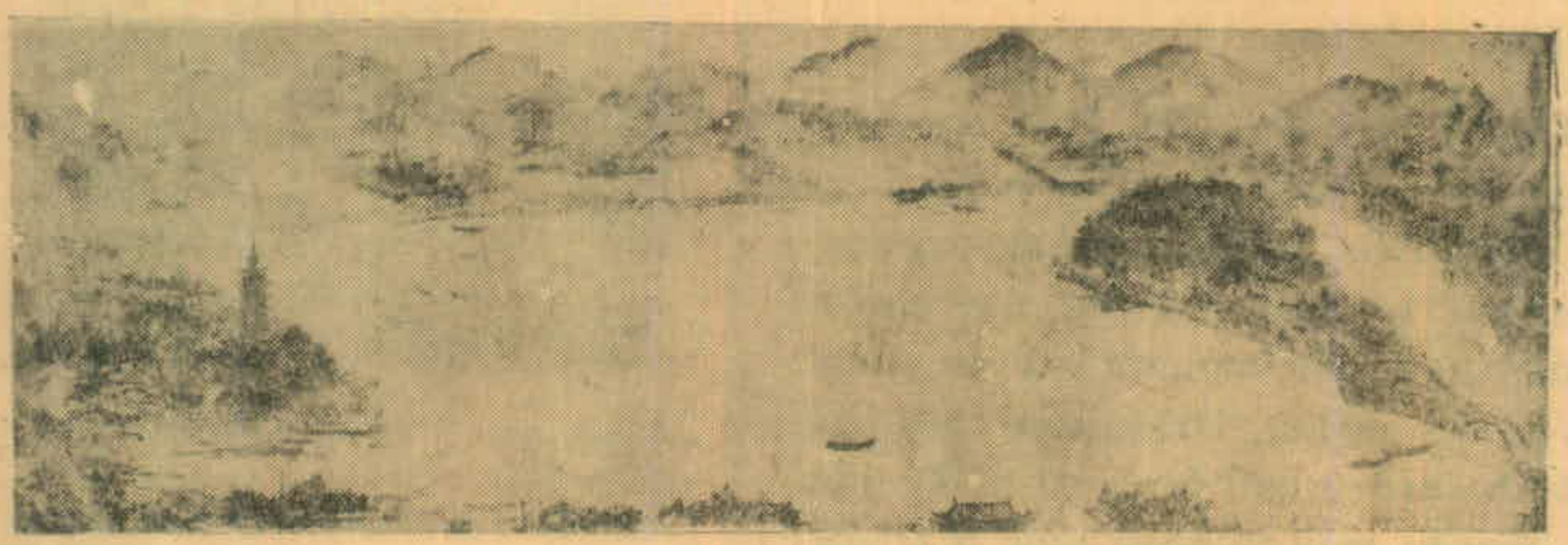

Tây-hồ của Lý-Sùng (Tống) Giấy rộng, cảnh bát-ngát, khoảng không vẫn là nước.

thủy, thường thường như sau : phần dưới cùng, là cảnh vật gần (nhà cửa, cây) ở giữa, một khoảng trống rỗng (nước) phần trên cùng dành cho phương xa (dãy núi) và phần nào cũng rõ như phần nào.

Đường nét. — Phần lớn tranh Tàu được vẽ bằng mực đen, tô màu rất ít, nên yếu-tố quan-trọng nhất là nét bút lông.

Hình vẽ ở Trung-Quốc liên-hệ mật-thiết với chữ viết. Chữ phát sinh từ các hình-tượng do giác-quan thâu nhận, rồi được ghi nhớ bằng những dấu hiệu nhắc lại vật-thể mà thành tự.

Theo các nhà cổ-học, đó là công của Thương-Hiệt thời thái-cổ, tỉ-dụ : (1)

Mặt trăng, vẽ rồi thành 月

Mặt trời, vẽ rồi thành 日

Con dê, vẽ 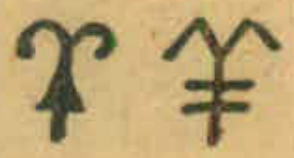 rồi thành 羊

Sóng nước, vẽ rồi thành 水

(1) Trước Thương-Hiệt, thánh-đế Phục-Hy đã dùng các dấu gạch, vạch ra các quẻ Bát-Quái mà hình dung vũ-trụ.

Trúc của Từ Vị (Minh).

Chữ *Phong*, thảo nhiều lối. Dòng tay mặt, chữ thứ ba, là của Tô Đông Pha.

Văn-hội đồ của Cổ-Trọng (Minh) Phải đứng trên cao trông xuống mới thấy được cảnh này ? Thực ra, họa-sỹ Tàu không chịu thấy thế nào thì vẽ như thế, nhưng biết có những gì thì vẽ cho đủ, như Picasso, và trước Picasso nhiều

Sơn-Lâm của Vương-Mông (Nguyên) cảnh rậm rạp, nét rất nhỏ, vẽ tỉ mỉ từng kẽ đá, cành cây. J Cahill nhận thấy ở đây vẻ kỳ-dị của nhóm siêu-thực (Surréalites).

Như vậy, người Tàu vẽ rồi mới viết, bằng cùng một thứ bút; lá trúc của nhiều họa-sỹ chẳng khác mấy những nét phảy ở nhiều chữ. Rồi cách viết lại ảnh hưởng vào lối vẽ, người viết đẹp thường vẽ giỏi, phác-họa của những nghệ-sỹ như Mễ-Phất cũng phỏng theo phương-pháp tả-tự của những vị văn hay chữ tốt như Tô-Đông-Pha, một người chủ trương «Văn-nhân-họa», vẽ sơ-khoáng và lột tinh-thần sự vật. Và đa-số họa-sỹ cho tới ngày nay, còn sử dụng cây bút như *Tạ-Hách*, một văn-họa-sỹ triều Nam-Tề đã đề xướng kỹ-thuật gồm sáu qui-tắc gọi là « *Lục-pháp* ».

Theo Tạ-Hách, họa-sỹ phải :

1. — có «khí» ; khí là tâm-lực kích thích, cũng như «hứng» của nhà thơ : *Khí vận sinh động*,

2. — dùng sức của xương liệu theo hướng cử động của các xương mà đưa bút : *Cốt pháp dụng bút*,

3. — xét kỹ vật để nhận rõ hình : *Ứng vật tường hình*.

4. — tùy mỗi cảnh, người, cây cỏ... mà tả dáng sắc : *Tùy loại truyền thái*,

5. — sắp đặt mọi vật mọi phần cho đúng chỗ : *kinh doanh vị-trí*,

6. — theo khuôn mẫu truyền lại mà tả : *truyền mô di tả*,

Các qui-tắc kể trên quá vắn tắt, ý-nghĩa hàm hồ như sầm-ký, mỗi họa-sỹ hiểu một cách (1) nhưng đại-khái có thể nhận ra vài điểm đáng chú ý : ở hội-họa, phần tinh-thần cần trước phần kỹ-thuật, quan-sát thực tế rồi liệu biến chuyển, phân phối bố cục, chọn một đường lối mà noi theo.

Dù sao, phải căn cứ vào đường nét mới phân biệt nổi cá-tính của mỗi họa-sỹ hay đặc-tính của mỗi nhóm. Về phương-diện này, khán giả rất dễ lầm, vì các tranh Tàu có nhiều dáng vẻ tương-tự, nên xin tạm phân chia như sau để dễ nhận định, bất luận thời-đại nào :

Nét nhỏ, rõ và dài :

Cổ-Khải-Chi, Lý-Đường, Phạm-Khoan, Quách-Hi, Lý-Thành, Lý-Sùng, và nhiều họa-sỹ khác ở thời Tống.

Nét phác, nghệch ngoạc, mờ ảo :

Lương-Giai, Đái-Tỉnh, Thẩm-Chu, Cung-Hiển, Chu-Tá, Đạo-Tế, Cao-Kỳ-Bội...

Nét rậm rạp, tỉ mỉ :

Lý-Đường, Phạm-Khoan, Vương-Mông, Văn-Trưng-Minh,

---

(1) Bởi vậy, nghĩ cũng không nên thắc mắc, nếu những nhà nghiên cứu Âu-Mỹ phỏng dịch và giải thích không được như ý các vị thâm-nho :

1. — La révolution de l'esprit engendre le mouvement

2 — La loi des os au moyen du pinceau

3. — Conformément aux choses et aux êtres, dessiner les formes

4. — Suivant les particularités des objets, appliquer les couleurs

5. — Distribuer les lignes et leur attribuer leur place hiérarchique

6. — Propager les formes, transmettre la tradition en les faisant passer dans le dessin

(*Raphäel Petrucci et Serge Elisseff* — do J. Auboyer thuật, l'Art et l'Homme).

Nét lưa thưa rộng rãi :

Ngô-Trần, Hoàng-Công-Vọng, Lữ-Kỳ, Đồng-Kỳ-Xương, Trương-Phưởng..

Nét êm đềm thoải mái :

Trương-Phưởng, Cừu-Anh, Lữ-Kỳ, Hoàng-Công-Vọng...

Nét quằn quại, sôi nổi, u ẩn bí mật :

Đạo-Tế, Chu-Tá, Cung-Hiến...

* * *

KẾT LUẬN

Tranh Tàu thuộc loại thể-hiện, và giản-dị cả về đề-tài lẫn kỹ-t uật, nên dễ biểu đồi với quần chúng. Dù không được huấn luyện về hội-họa, khán-giả cũng hay mua treo và không bị thắc-mắc bỡ ngỡ như khi đứng trước nhiều họa-phẩm Âu Mỹ : chẳng có những hình tượng bi-thảm như của họa-phái Biểu-Hiện, kinh-khủng như của Siêu-Thực, bí-hiểm như của Lập-Thể, kỳ-dị như của Trừu-Tượng. Trái lại, người, cảnh, vật thường sáng-sủa, êm dịu, hiền-lành, nên nhã-thú của giới thượng-lưu trí-thức thời xưa lại chia xẻ được cho các tầng lớp xã-hội. Ở nhiều nhà thanh-bạch chốn thôn quê, cũng có « sơn thủy » và hiện nay những tranh Đường Tống Nguyên Minh... vẫn được in tại theo phương pháp mới, trên mặt thiếp mừng xuân hay chúc thọ : bên ngoài là bông cúc của Vương Huy, bên trong có thể là *Merry Christmas* hay *Season's greetings*.

Một kẻ tò mò như tôi nhưng thường ưa xem tranh Âu Mỹ, khi trở lại tranh Tàu, tưởng như sau cuộc ngao du lâu ngày ở các xứ xa lạ, chợt quay về những nơi quen thuộc, giữa non bộ, bụi trúc, chiếc thuyền đánh cá lơ lững gần khóm lau, cành mai nở cạnh chậu lan ngày Tết, những cô Tiên múa chẳng khác nào ở trên lọ cổ hay chén mẫu uống trà của ông nội tôi .. nghĩa là những hình ảnh với tinh-thần cổ-hữu.

Các hình ảnh đó ngày nay đã biến mất nhiều, song tinh-thần kia vẫn còn phảng phất khi chúng ta đọc thơ Đường hoặc lảng bước vào một ngôi đình cũ bên sông... chắc chắn nó di truyền lại sau bao nhiêu thế-kỷ hấp thụ văn minh Trung-Quốc. Lâu quá rồi, nên những dáng vẻ tao nhã ở các họa-phẩm kia chỉ hợp với một số tâm-hồn hoài-cổ chứ không còn mấy ý nghĩa đối với những người ít liên lạc cũng dĩ-vãng và văn hóa phương Đông.

Họa-phẩm Tàu chỉ thích ứng với một vài tâm-trạng, khi con người mệt nhọc về mọi phương-diện, ước mong trầm tĩnh, hoặc khi có tuổi muốn xa lánh cuộc đời ồ ạt mà tìm quên trong không-khí an-nhàn. Nhưng còn bao nhiêu nỗi lòng khác đòi hỏi những thỏa-mãn khác : mê-ly, hùng tráng, kỳ-diệu... nghĩa là những xúc cảm mạnh.

Nếu vậy, đừng chờ đợi ở tranh Tầu, vì sẽ không thấy những cuồng-nhiệt của Michel-Ange hay Van Gogh, những vũ-bão của Tiepolo hay Vlaminck, những diễm-lệ của Le Titien

hay Renoir, nói một cách khác, là sức sống chứa chan trong thương, giận, yêu, liều lĩnh, ham muốn, với trăm ngàn dáng vẻ và rung chuyển của cuộc đời buông phóng.

Người phương Tây hiếu động, và xu-hướng đó đã cùng với học-thuật, phong-tục và một phần hoàn-cảnh xã-hội của họ lan tràn sang Á-Đông ; các thế-hệ mới ở phương này cũng theo nhiều thói quen của Âu Mỹ khi nhìn nhận sự vật, rồi cảm, nghĩ, ưa ghét gần như họ và khác xa đàn anh thuở trước. Cho nên rất dễ hiểu, nếu nhiều thanh - niên Trung - Hoa ngày nay không thích thơ Đường và tranh Tống nữa

Những phản - ứng của thần - kinh thay đổi tùy thời (1) và ở mỗi thời còn tùy tuổi hoặc trình-độ trí-thức. Người trẻ hay ngả về tình - cảm, ưa các nghệ-thuật trữ-tình dào dạt hoặc bí-ẩn thoát ly sự thực nhỡn-tiền ; họ chán nản nếu thấy tình - cảm bị gạn lọc qua lý-trí, hoặc bị đưa theo mực thước vào những đường lối khó vẫy vùng ; bởi vậy, thơ Liễu-Tôn-Nguyên hay Valéry, cũng như họa-phẩm Cézanne thường chỉ được thưởng - thức do những người sau cơn bồng-bột nhất - thời, đã trở lại ôn-hòa và chịu nhận rằng điều - độ và thăng-bằng là điều-kiện trường-tồn của mọi công-trình sáng tạo, và cũng là chân-giá của các họa-phẩm có tiếng ở Trung-Hoa.

Một số người quá thiên về nghệ-thuật phương Tây, thường chê tranh Tầu tẻ ngắt, đáng lẽ tả tình mà truyền cảm thì lại ưa dụng trí nhiều hơn. Nhưng sao không trách là dụng trí những Matisse, những Braque, những Léger, những Mondrian và tất cả các người chịu ảnh-hưởng Lập-Thể, dùng kỷ-hà-học mà tạo hình, sắp đặt và xây dựng những vũ-trụ theo ý-niệm và ảnh-tượng riêng ? Những quan - điểm hẹp hòi cần được kiểm lại nếu chúng ta nhớ rằng nhiều đặc-sắc của họa-phẩm Trung-Hoa lại được khối họa-sỹ Âu Mỹ chú trọng và cố thâu thái. Nét mực trừu-tượng của Hartung phất phơ như lá trúc, khóm lan Tầu ; từ cuối thế-kỷ XIX, đa-số danh-họa theo Tầu mà thay đổi quan-niệm về không gian trong hội - họa ; họ vẽ hình dẹt phẳng hai chiều, chẳng khác nào ở tranh Hàn-Cán hay Cừu-Anh, hoặc đơn - giản - hóa đường nét như Lương-Giai, Đại-Si : đó là trường-hợp Gauguin, Matisse, Picasso và môn-đệ các ông...

*
* *

Nói như vậy không phải là mong muốn các họa-sỹ Tầu ngày nay cứ nên vẽ mãi như Quách-Hi hay Đổng-Kỳ-Xương. Chính vì quá thâm phục và mô phỏng người trước, mà tới bây giờ họ cũng chưa thực hiện nổi một ngành tân-họa có bản-sắc rõ rệt.

Các đề-tài vẫn là những mai, lan, cúc, trúc, con cò cành thông, chim trĩ đuôi dài chú nhỏ vờn con cá chép., Xem tranh bán ở Hồng-Kông hoặc ở ngay các tiệm sách Chợ-lớn, thì núi nước kia nhắc lại sơn-thủy của Ngô-Trần, cô gái ở mái lầu cửa tròn hình như đã đứng nơi đó từ đời Hán đời Đường ; danh-họa

(1) Họa-sỹ André Lhote hay nhấn mạnh đến sự thay đổi này « Sensibilité de l'époque » (Traité du Paysage et de la Figure).

Phụ nữ của Tsiang-Tchao-Hồ (Hiện-Đại)
Nét bút Tàu nhưng theo lối tả thực phương Tây, sống động hơn, nhất là về mặt.

thời mới như Từ-Bi-Hồng (1895-1953) cũng vẽ « Tùng-Hạc », Tiêu-Tuân-Hiền (1865-1949) vẫn vẽ « Sơn-Thủy ». Các cảnh-vật được phơi bày chứng tỏ một sự thiếu phong-phú về sáng-kiến hoặc sự quá dè-dặt trong cuộc canh-tân. Cũng đáng tiếc khi con người sống một cuộc sống càng ngày càng dào dạt, giữa những trào-lưu và những hoàn-cảnh mới. Chẳng lẽ nào mắt có thể thiếu quan sát, óc thiếu suy tư, và tâm-tình muôn nỗi cứ im lìm hoặc cứ bị vướng mãi vào những chậu trà, cành tre, hốc đá, dòng nước, với những mặt lạnh không rõ buồn vui ?... Trong khi đó, hội-họa phương Tây đã phong-phú còn lan tràn không ngớt đến bao nhiêu lãnh-vực không ngờ ?

Trung-quốc thiếu chi tài năng ? Song muốn cho hội-họa Trung-Hoa phát triển như ở Âu-Mỹ, thiết nghĩ cần mạnh dạn chuyển hướng, đừng luẩn quẩn mãi trên những sơn-thủy và vướng víu mãi vào những hoa-điểu, nhưng bước vào những phạm-vi khác hẳn của các thời trước, mà khám phá thêm nhiều vẻ đẹp mới. Không phải như vậy là cổ bắt chước phương Tây, vì Tây cũng nhiều khi lạc-lậu hay cuồng loạn, mà chỉ là dám tiến theo những tin-tưởng chí thành mà nghệ-sỹ cổ nhận định lấy với kiến-thức, tâm-tình và kinh-nghiệm sống của mình.

Duy về phương-diện kỹ-thuật, thiết nghĩ cần theo học phương Tây. Nét bút lông, giấy trắng và mực đen không cho phép tả hết mọi cảnh vật tình-ý, nên phải liệu dung nạp những phương-tiện của họa-sỹ Âu-Mỹ, và chú trọng đến các yếu-tố thể-hiện chưa được tận dụng, nhất là mầu sắc. Mầu sắc biến hóa vô cùng, khêu gợi, hấp dẫn, truyền cảm trực tiếp vào khán-giả, dẫu không lộ rõ vật gì cũng vẫn gây buồn vui hoặc đưa vào những cõi mơ mà nét bút vạch hình có khi còn làm cho tiêu tán. Giá thử các họa-sỹ Tầu thay mực đen bằng mầu sắc, thì dẫu còn điều động cây bút theo nhịp điệu cổ-truyền, chắc chắn sẽ diễn tả được nhiều hơn và hợp hơn với nhu-cầu của thời-đại.

Đ. T.

ĐƯỜNG XUÂN LUYẾN GÓT

ĐÔNG-HỒ

Hớn hớn má đào đôi quả
Hây hây xuân thắm mười ba
Hé cánh song hồ êm ả
Hài xuân nhè nhẹ lướt qua

★

Từng bước noi lề kim cổ
Đôi bờ cỏ thánh hoa hiền
Bè bạn bốn mùa trăng gió
Rừng em suối chị giao duyên

★

Giấy mực đau lòng chữ nghĩa
Tài hoa phô giữa chợ đời
Những nghĩ e hồng thẹn tía
Chị cho bướm cợt ong cười

★

Mấy độ phai sương nhạt nắng
Mắt xanh còn luyến gót đường
Giữ chút niềm Trinh ý Trắng
Gởi lòng tri kỷ muôn phương

Đ. H.

Chúc - Hoa

THANH - AN

Năm cũ đã qua, đời thêm tuổi mới,
Lòng tha thiết như tình Xuân mời gọi.
Duyên ngân hà giăng bóng mát sơn khê,
Dập dìu hồn trong mộng tưởng đê mê.
Hoa gọi gió cành trăng trinh trắng lắm,
Đàn tình-tự trời cao xanh thăm thẳm.
Chúa Xuân về hoa chúc mãi xinh tươi,
Đẹp một bình minh son-sắt môi cười.
Rung điểm ngọc đi vào cung nguyệt yến,
Âm-thanh réo-rắt làn mây suối điện.
Lối đi quen Xuân nở kết toàn thơ,
Giữa trời hoa thơm mát tự bao giờ.
Nguồn thi-vị dâng về tay tuổi trẻ,
Tình năm mới dạt dào men diệu-thề
Từ hôm nay phước lộc nở muôn mầu,
Hoa thời gian còn sót lại phương nao.
Về chia xẻ những ngọt bùi cay đắng,
Xoá hết buồn xưa cho nguôi thù-hận.
Đẹp anh-hài giòng nhạc trỗi phương phi,
Trên cánh đàn mây lọc nẳng biên-thùy.
Trăng diệu-vợi nhả lời Xuân trang-trọng,
Người tìm thấy hoài thiên-thu khát vọng.
Chim tìm về cùng tổ-ấm duyên xưa,
Nắng tượi hồng câu tình tự như mưa.
Tình nguyên-thủy đậm đà hồn thạch-bích,
Trào cung ý dịu-dàng Xuân cảm-kích.
Tạ ơn đời vạn thuở nụ đồng-trinh,
Đi hái mùa thơ trẻ đẹp ân-tình.
Trong những lúc Đông tàn nơi góc phố,
Bàng-bạc sơn khê, kinh thành dang dở.
Xuân về đây lòng lữ-thứ cô-liêu,
Hồn là trăng nên nước biếc nuông-chiều.
Bình yên mãi khúc trường ca dưới nguyệt,
Hoa lá nở gọi đàn Xuân diễm tuyết.

T . A.

Phương pháp hiện-tượng-học

Trần-Hương-Tử

Nếu chúng ta đã hiểu ý-nghĩa chữ « hiện-tượng » và chủ-đích của khoa Hiện-tượng-học của Husserl, thì phần Phương-pháp đây không còn là một mầu nhiệm cho ta nữa. Nên nhớ vũ-trụ không phải là vũ-trụ tuyệt-đối, muôn đời vẫn thế và ai xem cũng thế : một vũ-trụ như thế không phải là hiện-tượng cho tôi (Xin nhắc lại đây : chữ hiện-tượng của Husserl không có nghĩa là một sự xuất hiện như kiểu thần-linh hiện hình ; nó cũng không có nghĩa như chữ hiện-tượng của Kant, vì hiện-tượng của Kant là màn che và làn da bao bọc lấy bản-thể tức tự-nội (noumène) ; hiện-tượng của Husserl chỉ có nghĩa là chính sự vật xét như nó là đối-tượng cho một ý-thức, cho nên hiện-tượng của Husserl không che sự vật, nhưng là chính sự vật theo chiều-hướng tôi thấy nó ; và đã thế thì tôi cần phải có nhiều cái nhìn trắc-diện về cùng một sự vật, mới trông biết nó một cách đáng gọi là biết ; tuy nhiên, sau trăm ngàn cái nhìn trắc-diện, như trăm ngàn phía để

Husserl

thâm nhập vào huyền-nhiệm của sự vật, sự vật mãi mãi vẫn dành cho tôi những bất ngờ, vẫn còn những ẩn-khúc mà tôi chưa thấu).

Đã nói đối-tượng là đối-tượng của một ý-thức, tức của một cái nhìn nào nhất-định, vậy thì công-việc của nhà Hiện tượng-học là nói cho ta biết đúng cái vũ-trụ đó, y như ông ta đã thấy (Trong bài này, cũng như trong bộ danh-từ Hiện-tượng-học, hai chữ *vũ-trụ* là *đối-tượng* thường được coi là đồng-nghĩa). Cho nên phương-pháp diễn-tả của nhà Hiện-tượng-học không còn là định-nghĩa trừu-tượng như kiểu các nhà Tâm-lý-học cổ-điển nữa, nhưng là *mô-tả*. Nói mô tả theo Hiện-tượng-học là nói đến một khoa-học mới. Ta đừng lẫn mô-tả hiện-tượng-học với những mô-tả của văn-học trước đây, dầu là mô-tả của nhóm tả chân. Tả chân hay tả gì đi nữa, các văn nghệ sĩ đều đứng trên quan-điểm mà Husserl gọi là *duy-nhiên*, coi vũ-trụ là tuyệt-đối. Mặc dầu có những văn-sĩ đã nghĩ được tới mức : « Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ », tuy nhiên các ngài vẫn cho vũ-trụ là xa lạ, có thông cảm với ta chút ít là cảm-tình lắm rồi. Trái lại Hiện-tượng-học coi vũ-trụ là *cái tôi đã nhìn và đã sống* (Erlebnis) : ngoài ra không còn vũ-trụ nào khác. Như thế phương-pháp mô tả của Hiện-tượng-học đòi một quan-điểm mới và một tập quán mới. Chúng ta thường quá quen với thái-độ duy-nhiên, cho rằng chúng ta chỉ có thể biết vũ-trụ thiên nhiên (monde naturel) ; với Hiện-tượng-học, chúng ta sẽ thấy một vũ-trụ huyền nhiệm và phong-phú hơn, đó là vũ-trụ hiện-tượng-học (monde phénoménologique). « Đứng trong thái độ duy-nhiên, ta chỉ thấy được vũ-trụ thiên-nhiên mà thôi. Bao lâu người ta chưa vươn tới thái-độ hiện tượng-học và chưa tìm ra phương-pháp để chụp được những sự vật theo cách nguyên-thủy, thì vũ-trụ hiện-tượng-học vẫn cứ là một ẩn số không ai có thể ngờ rằng có ». (HUSSERL, *Idées directrices pour une phénoménologie*, trad. Ricoeur, Gallimard 1950, p.108). Như vậy muốn bước vào thế-giới hiện-tượng-học, cần phải có một phương-pháp.

Phương-pháp đó được Husserl gọi «những giảm trừ» (réductions). Xin nói ngay ý nghĩa của danh-từ kỳ-quặc này. Giảm-trừ là gì ? Thưa là dần dần rút mình ra khỏi thái-độ duy-nhiên để tống tất cả về phía trước, làm đối-tượng cho ý-thức. Nhờ những giảm-trừ — nói những, vì có nhiều — ý-thức rút mình ra khỏi vũ-trụ thiên-nhiên để nhắm một vũ-trụ hiện-tượng, rồi sau cùng ý-thức rút mình ra khỏi chính những ý-hướng của nó để trở thành ý-thức siêu-nghiệm. Như thế nghĩa là : kết quả của các giảm trừ là gỡ ý-thức ra khỏi tất cả những bám-víu của vũ-trụ, và khi đó ý-thức chỉ còn là cái nhìn thuần-túy để nhìn tất cả mọi sự, vì mọi sự đều đã trở thành đối-tượng rồi, kể cả những tâm-tình và ý chí của chủ-thể.

Có mấy thứ giảm-trừ chính ?

Hesserl thường nói đến ba thứ : Giảm trừ triết-học (réduction philosophique) buộc ta xét lại tất cả những học-thuyết của tiền-nhân ; — Giảm-trừ lý-tính (réduction éidétique) giúp ta tạm đặt vũ-trụ hiện-hữu vào trong ngoặc đơn, để chỉ nhắm nó như một hiện-tượng ; — và sau hết

là giảm-trừ hiện-tượng-học, nhờ đó ý-thức được gỡ ra khỏi tất cả những gì không phải là ý-thức thuần-túy : khi đó ý-thức có thể thấy hết mọi sự, vì mọi sự đều đã trở thành đối-tượng cả.

a) *Giảm-trừ triết-học*.— Husserl thường không mất giờ dừng lại nơi giảm-trừ này, vì Descartes cũng đã đạt được mức đó. Trong văn-nghệ cũng như trong tư-tưởng, đây là bước tiến đầu tiên : chúng ta phải tránh những con đường mòn ; phải đặt lại tất cả mọi vấn đề. Không nên cho sự thực nào là hiển-nhiên, trừ khi chính chúng ta chứng-nghiệm rằng nó hiển nhiên thực. Đừng cho vẻ đẹp nào là tuyệt đối hết : chấp nhận một tuyệt-đối trong ngành tư-tưởng và văn-nghệ là tự cắm mình đi sâu vào một nẻo ; cho nên ai càng nô-lệ vào cổ nhân, càng chóng thấy mình bế tắc, viết toàn bằng giấy lộn và vẽ toàn bằng những màu pha sẵn.

b) *Giảm trừ lý-tính* .— Nên nhớ phương-pháp của Husserl khác hẳn của Descartes. Descartes đã *hoài-nghi* không có vũ-trụ, rồi sau đó ông dùng suy-tưởng để kết luận phải có vũ-trụ. Ngay câu chủ-đề của Descartes, « *Tôi suy tưởng, vậy tôi có đây* », đã bị Husserl phê-bình khá nặng lời : theo Husserl, câu nói của Descartes không hiển nhiên, và trong khi hoài nghi tất cả, Descartes đã ưu-tiên cho hiện hữu của bản-thể ông. Vẫn theo Husserl, thì chỉ có câu này mới thực là hoàn toàn hiển-nhiên : « *Tôi suy tưởng, vậy tôi biết tôi suy tưởng* ». Cho nên Husserl coi Giảm-trừ triết-học chỉ là cái ngõ ngoài mà thôi. Phải vào tới Giảm trừ lý-tính, chúng ta mới bước tới Hiện-tượng-học.

Giảm-trừ lý-tính là gì? Thưa là « tạm đặt vũ-trụ vào trong ngoặc đơn », Câu này của Husserl chỉ có nghĩa là trong thái-độ giảm-trừ lý-tính, tôi không hoài-nghi và không chối sự hiện-hữu của vũ-trụ thiên-nhiên, nhưng chỉ không để tâm, không chú-ý tới sự hiện hữu của nó trong lúc này. Nói cách khác, Giảm-trừ lý-tính làm cho đối-tượng bỏ mất tính-chất thực-nghiệm (mondanité) của nó để chỉ giữ lại yếu-tính của nó : khi đó mỗi đối-tượng, và nói chung là tất cả vũ-trụ, chỉ là một *eidos* (một cái gì tôi suy-tưởng). Chữ *eidos* của Husserl thực là khó dịch, và không nên dịch vì các sách Pháp khi dịch đến chữ đó, cũng để nguyên là *eidos*. Nó không phải là một tư tưởng, càng không phải là một ý-tưởng, vì những chữ này ám chỉ những quan-niệm tổng-quát ; trái lại eidos là *những cái mà thực sự tôi đã suy-tưởng*. Cho nên, khi không nói eidos, Husserl lại dùng một chữ la-tinh : *cogitatum, cogitata*.

Husserl chủ-trương một cách rõ ràng rằng ta chỉ biết cách hiển-nhiên một điều là : ta suy-tưởng thì ta có suy-tưởng cái gì. Cho nên Giảm-trừ lý-tính đưa ta đến sự hiển-nhiên này : *Cogito. ergo cogito cogitaium* (Tôi suy-tưởng, vậy thì tôi có suy-tưởng cái gì). *Cái mà tôi suy-tưởng* tất nhiên không có tính-chất đặc sệt như một sự vật trong thiên-nhiên, cho nên nó thuộc lý-giới, tức là lãnh-vực của ý-thức. Như vậy, khi tôi chú ý đến « cái mà tôi suy tưởng » (tức đối tượng của ý-thức hồi tỉnh, và cũng gọi là cogitatum), thì vũ-trụ thiên-nhiên bị tạm bỏ ra ngoài phạm-vi của ý-thức. Và đó là

chính việc Husserl gọi bằng điển-ngữ « đặt vũ-trụ vào trong ngoặc đơn » (mettre le monde entre parenthèses ; và mettre le monde hors circuit).

Giảm-trừ lý-tính mới chỉ là một sửa soạn, và nguyên nó không có chủ-đích nào khác ngoài việc đưa ta ra khỏi thái-độ duy-nhiên, để dần dần đưa ta tới Giảm-trừ Hiện-tượng-học là chủ-đích duy-nhất của chúng ta. Ngay tự sau Giảm-trừ lý-tính, vũ-trụ thiên nhiên đã mất tính-cách bá chủ ; nó không còn áp đảo được ý-thức như trước kia nữa ; ngay tự đây, ý-thức đã dành lại một phần quyền ăn nói với vũ-trụ ; chúng ta dần dần nhận ra rằng : vũ-trụ không phải là một tuyệt đối, nhưng chỉ là *cái tôi đã thấy* (Erlebnis ; cogitatum) về nó.— Đàng khác, cái tôi thấy xét như là một *eidos*, là cái tôi nhận thức được một cách trực tiếp và hiển nhiên : cũng vì thế, theo Husserl, Giảm-trừ lý-tính cho phép ta đạt tới những hiển-nhiên căn-bản nhất. -Tại sao thế ? Thưa, vì như chúng ta vừa thấy trên đây : đối với Husserl, hiển-nhiên căn-bản số một là « Tôi suy - tưởng, vậy tôi có suy - tưởng cái gì ». Nay đối-tượng không còn là một sự vật vật-chất của thiên-nhiên nữa, nhưng là một cái gì mà tôi suy-nghĩ đó (eidos), cho nên tính-chất tinh-thần của đối-tượng làm cho nó trực-tiếp hoàn toàn với ý-thức.

Giảm - trừ lý - tính rứt ta ra khỏi thiên-nhiên, đồng thời đưa ta vào trong thế-giới tâm-linh là thế-giới của những gặp-gỡ *trực-tiếp* giữa ý-thức và đối-tượng. Và đó cũng là một bước đưa ta đến những *hiển-nhiên*, vì ta không nên quên rằng Husserl vẫn coi Hiện-tượng-học là một khoa-học đích-xác.

Chúng ta có thể kết thúc mấy dòng dành cho Giảm-trừ lý-tính bằng câu sau đây của một tác-giả : « Tính-chất tuyệt-đối của một hữu-thể [illegible] thường được tính theo tính-chất hiển-nhiên của nó đối với ý-thức, cho nên ta chỉ gặp những hữu-thể tuyệt-đối trong phạm-vi của nội giới của ý-thức » (LAUER, *Phénoménologie de Husserl*, PUF 1954 p. 184 : « Puisque l'absoluité de l'être est proportionné à l'évidence avec laquelle l'être est donné, — à l'indubitabilité avec laquelle il est saisi, — l'être absolu, au sens strict, est confiné dans la région de l'immanence »).

c) **Giảm-trừ hiện-tượng-học.** — Nói một cách vắn tắt, thì Hiện-tượng học là khoa nghiên cứu về vũ-trụ xét như là những hiện-tượng (theo nghĩa Husserl mà chúng ta đã thấy trên đây). Giảm-trừ Hiện-tượng-học có chủ-đích làm cho vũ-trụ chỉ còn là một hiện-tượng cho ý-thức mà thôi : khi đó, một bên chúng ta có *ý-thức thuần-túy*, cũng gọi là bản-ngã thuần-túy (ego pur) và đối-diện với ý-thức là *vũ-trụ hiện-tượng* (monde phénoménologique). Nói cách khác, Giảm-trừ hiện-tượng-học của Husserl có tham vọng cho ta thấy vũ-trụ đã xuất-hiện ra với ý-thức ta thế nào trong mỗi cái nhìn của chúng ta : chính trong ý này, Husserl gọi tri-giác (tức sự gặp gỡ đầu tiên giữa ý-thức ta và vũ-trụ) là *ý-thức kiến-tạo* (conscience constituante). Kiến-tạo nên vũ-trụ hiện-tượng, tức cái vũ-trụ duy-nhất mà ta đã thấy và đã sống (Erlebnis).

Nói đến ý-thức kiến-tạo là nói đến một đề-tài chủ-chốt của Husserl và của các nhà Hiện-tượng-học. Nhưng nói « kiến-tạo » không có nghĩa là tôi nghĩ thế nào thì vũ-trụ xuất-hiện như thế. Đó là lập trường của Kant. Husserl nói « kiến-tạo » với ý-nghĩa là : sự vật chỉ là thế này hay thế nọ, vì nó đã được thực sự *truy nhận* như thế bởi ý-thức. Trước khi có sự truy-nhận, thì tôi chưa thể biết sự vật là thế nào, mặc dầu sự vật vẫn có đấy trước khi tôi nhận nó : Husserl gọi vũ-trụ chưa được truy-nhận đó là tiền-vũ (pré-monde). Tiền-vũ và ý-thức đi tới chỗ gặp nhau, và hình-ảnh tôi có về vũ-trụ (tức vũ-trụ hiện-tượng) là chính kết quả của cuộc đối-diện và đối-thoại đó : tôi có thể thấy mặt hay thấy lưng của sự vật, và tùy theo ý-hướng lúc đó của tôi, tri-giác của tôi đã có thể chọn chú ý đến phần nọ và bỏ qua phần kia của sự vật. Kết cục, sự vật đối với ý thức chỉ là hiện-tượng, nghĩa là nó chỉ là cái mà ý-thức đã thực sự đón nhận được, và nó *chỉ là thế mà thôi*. Đó chính là ý-nghĩa của Giảm-trừ hiện-tượng-học, tức coi sự vật (hay vũ-trụ) đúng như nó đã được ý-thức truy-nhận và chứng nghiệm.

Kết quả : Giảm-trừ hiện-tượng-học đưa ta vào trung-tâm, nơi mà hiện-tượng là mối liên-lạc mật-thiết giữa ý-thức và đối-tượng (vì ý-thức nhất thiết hướng về đối-tượng, và đối-tượng chỉ có nghĩa là đối diện với một ý-thức). Giảm-trừ lý-tính cho ta thấy tính-chất nội-tâm, tức *yếu tính* của sự vật đối-tượng ; còn Giảm-trừ hiện-tượng-học cho ta thấy tính-chất *hiện-tượng* (phénoménalité) của đối-tượng. Câu diễn tả Giảm-trừ lý-tính là « Tôi suy-tưởng, vậy tôi suy tưởng một cái gì » và câu để diễn tả Giảm-trừ hiện-tượng-học là : « Tôi ý-thức những cái tôi ý-thức và chỉ coi đó là những điều tôi ý thức » (Ego — cogito — cogitata qua cogitata) :

« La formule qui traduira le plus exactement ce que livre la réduction phénoménologique ne sera donc pas le simple Cogito dans lequel revit la croyance, manifeste chez Descartes, à l'existence de substances spirituelles. Elle pourra s'exprimer ainsi : *Ego-cogito-cogitata qua cogitata* ». (BERGER, *Le Cogito de Husserl*, Aubier 1941, p. 46).

Công-thức có thể diễn đạt hết ý-nghĩa của cái mà Giảm-trừ hiện-tượng-học mang lại, sẽ không phải là thứ Cogito xuông, trong đó vẫn sống lại niềm tin vào hiện-hữu của các bản-thể tinh-thần, như chúng ta thấy rõ ràng nơi Descartes. Công-thức mới sẽ là : Tôi - ý - thức - những cái - mà - tôi - ý - thức xét như đó là những cái mà tôi ý-thức.

Tôi dịch Cogito của Husserl là « ý-thức » không dịch là suy-tưởng, vì Cogito của Husserl luôn luôn gắn liền với một cái gì tức cái mà tôi ý-thức (cogitatum) : vì thế ta thấy Husserl gắn liền *ego* với *cogito* và với *cogitata* bằng những gạch ngang. Làm như thế, Husserl muốn ta nhớ không thể có ý-thức khi không có đối-tượng : chúng không thể lìa nhau.

Trở lại công-thức trên đây của Husserl, ta thấy Giảm-trừ hiện-tượng-học đã làm biến mất thiên-nhiên và biến mất

cả những cái tôi ý-thức (cogitata), để đặt ta trước một hiển-nhiên, tức thực-tại duy-nhất của ý-thức siêu-nghiệm (cũng được Husserl gọi là ý-thức thuần-túy) : *ý-thức và đối-tượng ôm chặt lấy nhau thành một thực-tại duy-nhất*. Thực-tại đó, đứng về phía chủ-thể sẽ gọi là *noèse* (tạm dịch là : ý-thức), và đứng về phía đối-tượng thì sẽ gọi là *noème* (tạm dịch là : cái mà tôi ý-thức). Không thể có noèse khi không có noème, cũng như không thể có noème khi không có noèse ngoạm lên nó : cả hai tạo thành thực-tại mà Husserl gọi là *Corrélat* (tương-thể).

Nếu không thận trọng theo rõi những lời lẽ trên đây mà chúng tôi trình bày theo học-thuyết Husserl, có người sẽ cho rằng Husserl duy-tâm vì luôn luôn nói đến Cogito, và còn nói đến « những cái ta ý-thức xét như chúng chỉ là những cái mà ta đã ý-thức ». Nhưng khi nhớ lại rằng Husserl chỉ đặt thiên-nhiên vào trong ngoặc đơn, và đàng khác Husserl là người đầu tiên chủ-trương rằng con người là *hữu-thể tại-thế*, tất chúng ta không thể nghĩ Husserl duy-tâm. Hơn nữa, Husserl còn quả quyết : không có ý-thức khi không có đối-tượng, mà đối-tượng thì nhất thiết phải là những cái nhìn cụ-thể, những khía cạnh, những trắc diện (Abschattungen) mà tôi đã chứng nghiệm về sự vật ; nếu nhớ những điều đó, chúng ta mới hiểu tại sao Husserl dám tuyên bố rằng chỉ có Hiện-tượng-học mới vén màn cho ta thấy *vũ-trụ đích-xác*, tức vũ-trụ *mà chúng ta thực sự đã sống*. Merleau-Ponty đã viết một điều rất thực : « Không gì khó bằng biết cho đúng cái mà chúng ta thực sự đã nhìn thấy ». (Merleau-Ponty, *Phénoménologie de la perception*, Gallimard 1954, p. 71). Sở dĩ Husserl quyết dùng Hiện-tượng-học để vén màn cho ta thấy cái vũ-trụ mà ta đã tri-giác (chớ không phải cái vũ-trụ mơ hồ của sách vở, và nhất là của những triết-học Duy-trí hay Duy-nghiệm), vì chủ-đích của Giảm-trừ hiện-tượng-học là đạt tới cái vũ-trụ đã thực sự được ý-thức ta nhắm trong khi ta kinh-nghiệm vũ-trụ ; tuy rằng vũ-trụ đó đã bị ta đặt vào trong ngoặc đơn, nhưng ta vẫn không hề hoài-nghi về hiện hữu của vũ-trụ ; trái lại ta quyết rằng vũ-trụ *vẫn có đấy*. Chỉ cần nói thêm rằng : vũ-trụ mà ta ý-thức theo quan-điểm hiện-tượng-học đây không phải là vũ-trụ nói chung, tức vũ-trụ tuyệt-đối, nhưng là *vũ-trụ mà ta đã thực-sự hướng tới, vũ-trụ mà ta đã thực sự nhắm* : thành thử, mặc dầu với ý-thức thuần-túy của thái-độ Giảm-trừ hiện-tượng-học, ta chỉ đạt tới những *yếu-tính* (essences) tức những hiện-tượng thuần-túy mà thôi, nhưng rất nên nhớ rằng đây là những *yếu-tính cụ-thể* (essences concrètes) ; vì những yếu-tính này không giống những yếu-tính phổ-quát của triết cổ-điển ; thực ra những yếu-tính cụ-thể chỉ là những sự vật xét như chúng đã là đối-tượng cho ý-thức.

Với những yếu-tính cụ-thể, chúng ta đề-cập đến tôn-chỉ của Husserl : Hiện-tượng-học phải đạt được chính những sự vật cụ-thể. *Zu den Sachen selbst* : trở lại chính những sự vật, đó là tôn-chỉ được Husserl và các nhà Hiện-tượng-học luôn luôn nhắc tới. Nói « *trở lại* », vì những yếu-tính cụ-thể đó đã được ý-thức ta nhắm và sống khi ta gặp sự vật lần đầu

tiên, trong những tri-giác. Bây giờ, dùng hồi-tưởng (ré-flexion) chúng ta trở về tìm kiếm chúng, và ta thấy chúng vướng (impliquées) trong những ý-hướng của ý thức tri-giác (conscience percevante) tức là ý-thức hòa mình để trở nên một với sự vật mà nó ý-thức. Nói « hồi-tưởng », nhưng nên chú ý đến sự khác biệt sâu xa giữa hồi-tưởng theo nghĩa cổ-điển và hồi-tưởng theo nghĩa hiện-tượng-học : hồi tưởng theo nghĩa thông thường là đứng trên quan-điểm duy-nhiên để nhìn lại sự vật, mà người ta tưởng rằng lúc nào cũng thế; còn hồi tưởng theo nghĩa hiện-tượng học là tìm lại cái hình ảnh mà ý-thức thực sự đã nhận được khi tiếp xúc với sự vật vì sự vật giống như nước trong bình nhất thiết có hình thể giống hệt như hình-thể của chiếc bình. Cho nên các nhà Hiện tượng học thường nói tắt rằng : « Vũ-trụ là cái mà ta tri giác » (Merleau-Ponty, *op. cit.*, P. XI. Le monde est cela que nous percevons »). Vậy nếu dùng hồi tưởng tìm lại được cái vũ-trụ mà ta đã tri-giác, nhất định chúng ta đạt được chính sự vật, và như vậy là chúng ta thể hiện được mục-đích « Zu den Sachen selbst » (đạt tới chính sự vật).

Sau khi đã hiểu thế nào là những yếu - tính cụ thể, chúng ta dễ hiểu tại sao Husserl đã gọi Hiện-tượng học của ông là khoa dạy *« nhìn thấy những yếu tính »* (Wesenschau).

Để tóm tắt những điều đã được trình bày trên đây về Giảm-trừ hiện-tượng-học, chúng tôi nghĩ không gì bằng thong thả đọc lại trang sách giá-trị sau đây của G. Berger : « Quan-niệm vũ-trụ như một hiện-tượng, nghĩa là gỡ chủ thể ra khỏi vũ-trụ, không phải là chuyện dễ. Không những các tập quán trí-tuệ ta chống lại việc đó ; chính những quyến luyến giác-quan của ta cũng chống lại nữa... Công việc đi tìm chân-lý chỉ có nền-tảng khi chúng ta bước sang thái-độ hồi-tưởng siêu-nghiệm, không những biết phân biệt cái Tôi thuần-túy ra khỏi cái thân xác là cơ cấu của những cảm-giác, nhưng còn phải biệt cái Tôi đó ra khỏi linh-hồn là nơi cái Tôi đó được biểu-lộ, và còn phải biệt nó ra khỏi những tâm trạng của dòng ý-thức nữa.» (BERGER, *op, cit.* p. 55). Thực đúng như Husserl đã nói : « Nhờ cái *ngưng hãm* (époché, inhibition) mà tôi quàng lên toàn thể vũ-trụ, ý-thức trở thành ý-thức thuần-túy. Ý-thức này không đối-diện với một hư-vô đâu, nhưng nó đối diện với đời sống thuần-túy của tôi cùng với tất cả những tâm - trạng đã sống thuần - túy của nó, nghĩa là toàn-thể các hiện-tượng theo nghĩa đặc biệt của Hiện - tượng - học ». (HUSSERL, *Métitations cartésiennes*, Vrin 1953, p. 17-18). Nên chú-ý câu « đời sống thuần-túy của tôi cùng với tất cả những tâm trạng đã sống thuần-túy của nó » (ma vie pure avec l'ensemble de ses états vécus purs) : Husserl gọi đời sống cụ-thể trước đây của tôi và hiện nay làm đối-tượng cho ý-thức thuần-túy, là *đời sống thuần-túy* : những tâm-trạng đã thực sự chứng nghiệm trước đây của tôi và hiện nay cũng làm đối-tượng cho ý-thức thuần-túy, là những tâm-trạng đã sống thuần-túy ; vừa *đã sống* vừa *thuần-túy*, vì chúng là những kinh-nghiệm cụ-thể trước đây của tôi, nhưng giờ đây chúng chỉ đối-diện với ý-thức tôi như một hiện-tượng mà thôi, cho nên gọi chúng là thuần-túy.

Trên đây là phần lý-thuyết của Phương pháp hiện-tượng-học. Bây giờ chúng ta thử xem phần thực hành. Nói thực hành không có nghĩa là bỏ lý-thuyết, nhưng áp dụng đúng lý-thuyết. Phần này có tên là *Mô-tả hiện-tượng-học*. Và cũng gọi là *Triển khai* (explicitation) tức gỡ noème ra khỏi noèse, gỡ vũ-trụ hiện tượng ra khỏi ý-thức đang ôm quàng lấy nó. Cho nên tả đây không phải tả vũ-trụ khách sáo, vũ-trụ nhợt nhạt và phổ-quát theo quan-điểm vô-ngã (tuyệt đối) của cổ-truyền, nhưng là chính vũ-trụ tôi đã ngoạm lấy và đã sống trong kinh-nghiệm bản-thân của tôi. Nhớ rằng: Hiện-tượng-học tìm mô-tả *vũ-trụ hiện-tượng* (theo nghĩa Husserl mà chúng ta đã quen), không mô-tả cái *vũ-trụ duy-nhiên* là cái mơ hồ, tèn tẹt, không phân biệt phía trước và phía sau, vì nó không được nhìn do một quan-điểm nào hết; vũ-trụ duy-nhiên chỉ là một quan-niệm xuông, ai cũng nhận được, nhưng không ai chứng-nghiệm hết.

Cuốn *Ideen* (Những ý-tưởng) của Husserl, cuốn sách nền tảng về Hiện-tượng-học, đã dành một phần quan-trọng cho việc nghiên-cứu « những cơ-cấu của ý-thức thuần-túy » và « những cơ-cấu về mối tương-hệ giữa ý-thức và đối-tượng » (Structures noético-noématiques). Đi sâu vào những nghiên-cứu đó, sợ không hợp cho thể-tài của chúng ta là loại bài giới-thiệu mà thôi, không đi sâu vào kỹ-thuật. Sau đây là vài ý-tưởng then chốt để hiểu Triển-khai và Mô-tả hiện-tượng-học. Hai chữ này có thể tạm coi là đồng-nghĩa, dùng lẫn lộn cho nhau được.

Husserl lập ra chữ Triển-khai (expliciter) để chống lại chữ Giải-nghĩa (expliquer) của văn-học cổ-truyền. Nói giải-nghĩa là nói mình đã thấu hiểu sự vật, và bây giờ mình chỉ dùng ngôn-từ để diễn tả mà thôi. Trái lại nói Triển-khai là nói rằng: ta chỉ có quyền tả lại cái vũ-trụ (nói đúng hơn: cái trắc-diện của vũ-trụ) mà ta đã đích thân kinh-nghiệm. Khi tôi nhìn cái đình làng tôi, thì cái đình đó bị « nuốt » vào trong ý-hướng của ý-thức tôi. Và tùy tôi hướng về nó theo cơ-cấu nào của ý-thức, thì cái đình được « nuốt » vào theo chiều đó: thì dụ cũng là cái đình, nhưng lúc thì tôi coi nó là cái nhà có kiểu kiến-trúc đặc-biệt; lúc khác tôi lại coi đó là biểu-tượng của lịch-sử oanh-liệt của làng tôi, cùng là bộ mặt trù-phú của làng tôi sánh với những làng chung quanh; rồi có lúc tôi lại chỉ thấy nó là nơi dìu-dập của những đôi trai gái tìm hiểu nhau v v. Cái đình làng tôi, đối với tôi cũng như đối với tất cả những ai đã thấy nó, không còn là « một cái đình » như kiểu danh-từ chung và phổ-quát, nhưng nó là cái đình làng tôi mà thôi. Khi tôi nghĩ đến nó, tôi nhất định « nhắm » một trong những phương-diện trên đây, nhưng không thể nhắm ra ngoài những trắc-diện đó. Nói thế có nghĩa là: mô-tả hiện-tượng-học nhằm mô-tả những hiện-tượng « đã sống » (vécus) và « thuần-túy » (purs). Xem như thế Mô-tả hiện-tượng-học cấm ta không được « nghĩ ra » cái ta phải tả, vì như thế là duy-tâm và viển vông. Ta không được nghĩ ra, nhưng phải « trở về chính những sự vật » (zu den Sachen selbst) mà ta đã

chực sự thấy, cảm và sống. Merleau-Ponty viết :

« Ta phải mô-tả, không được giải-nghĩa và không được phân-tích. Tôn-chỉ này của Husserl dạy ta « trở về chính những sự vật »... Tất cả những gì tôi biết về vũ-trụ, dầu là nhờ khoa-học, tôi đều biết do một cái nhìn của tôi, tức một kinh-nghiệm của tôi về vũ-trụ. Không có kinh-nghiệm này, những ký-hiệu của khoa-học sẽ không còn ý-nghĩa gì nữa. Vũ-trụ của khoa-học thực sự đã được xây trên vũ-trụ mà ta đã nhìn thấy..., thành thử khoa-học chỉ là tiếng nói thứ hai về vũ-trụ mà thôi ». (*Op.cit.*, p. II-III).

Như vậy nói Mô-tả hiện-tượng-học là nói mô-tả những gì ta triển-khai theo phương-pháp hiện-tượng-học. Và nói triển-khai, như ta vừa thấy trên đây, là nói tháo gỡ cái noème ra khỏi cái noèse. Tại sao thế ? Thưa vì sau khi đã hoàn thành sự giảm-trừ hiện-tượng-học, chúng ta không còn đối-diện với vũ-trụ thiên-nhiên nữa, nhưng đối-diện với những hiện-tượng (theo nghĩa Husserl) tức những noèmes. Công việc triển-khai hoàn toàn diễn ra trong tâm-nội, bằng những *hồi-tưởng* theo Hiện-tượng-học ; nếu ta ra khỏi hồi-tưởng, hoặc không đứng vào đứng quan-điểm Hiện-tượng-học, tức là chúng ta *làm vỡ những ngoặc đơn*, và như vậy là chúng ta lại thấy *vũ-trụ thiên-nhiên ùa vào*. Xem thế đủ biết mô-tả hiện-tượng-học là một việc khó, cần phải tập lâu. Viết sách đó cho các bậc Đại-Học, G. Berger còn nói trắng ra rằng Giảm-trừ hiện-tượng-học là một điều khó, và các nhà Hiện-tượng-học khác cũng không ngớt nhắc cho ta hay : nếu ta thấy khó đạt được quan-điểm Hiện-tượng-học, thì chưa nên ngã lòng và cần phải nỗ lực thêm.

Trong thực tế, Mô-tả thế nào và Triển-khai thế nào ?

Cần phải nắm được ý-hướng của ta trong những biến-cố hoặc những tình-trạng đã sống : « Bản-tính của ý-hướng là hướng tới... Cho nên muốn nắm được ý-hướng thì phải tự đặt mình vào chỗ khởi điểm của các cử-chỉ của nó, rồi vén màn để nhìn thấy cơ-cấu riêng biệt của mỗi ý-hướng đã thúc đẩy và đã nằm trong mỗi cử-chỉ của ta ». (JEANSON, *Phénoménologie*, p. 71). Thí dụ cũng là *buồn*. Các sách Tâm-lý-học cổ-truyền chỉ coi *buồn* là một tình-cảm, thế rồi thuyết thì *giải-nghĩa* tình-cảm bằng những yếu-tố sinh-lý, thuyết khác lại giải-nghĩa bằng những yếu-tố tâm-linh. Thuyết Duy-trí bảo : « Tôi giận vì tôi nghĩ đến việc phi-lý người ta đã làm cho tôi ». Thuyết Duy-nghiệm, trái lại, nghĩ rằng : « Tôi giận vì tôi đã cắn răng và nắm tay ». Cả hai thuyết này cùng sai, vì không nói lên *yếu-tính* của sự giận. Hiện-tượng-học, khoa-học của những yếu-tính cụ-thể, sẽ giúp ta tìm ra yếu-tính của sự giận. Yếu-tính đó, cũng như yếu-tính của tất cả các tình-cảm, không *chỉ* nằm trong tư-tưởng và cũng không *chỉ* nằm nơi những biến-chuyển của thần-kinh. Con người không phải chỉ là hồn, và cũng không chỉ là xác. Con người là cả hai, tâm và vật, hồn và xác ; con người là ý-thức nhập-thể, cho nên giận là một cử-chỉ, và mỗi cử-chỉ đều do một ý-hướng thúc đẩy nâng đỡ. Như vậy

không có sự giận thông-loại, nhưng chỉ có những hình-thức giận mà tôi đã sống trong xác-thịt và ý-thức tôi : tức-giận, giận-dữ, giận giỗi, giận hờn v. v... Mỗi cái giận này là một hình-thái khác nhau của « ý-hướng giận ». Thí dụ buồn-giận là giận âm ỷ, không nói ra, và có nói ra cũng chỉ là nói nhỏ với bạn thân, không hy-vọng « bồi thường » về chỗ thiệt-hại người ta làm cho ta ; còn giận-dữ cũng thế, nhưng ý-hướng là « phản-đối ầm ỹ » để người ta đừng có làm như thế tự này về sau ; giận-giỗi và giận-hờn là giận với ý-hướng vừa phản-đối vừa van nài tha-nhân bồi-thường về chỗ thiệt-hại cho ta, khi ta giận người ngang hàng hoặc dưới ta, thì là giận-giỗi ; còn khi ta giận người trên, nhất là con cái giận cha mẹ, thì là hờn v. v... Trong tất cả bằng ấy thứ giận đều có một ý-hướng chung và đóng vai chính : giận là *ý-hướng phản-đối* cái hành-động mà người ta vừa làm cho ta. Buồn cũng thế : có buồn bực, buồn tủi, buồn giận v. v... Mỗi cái buồn cũng như mỗi cái giận là thể-hiện của một ý-hướng chính, kèm thêm những sắc-thái riêng của mỗi kiểu buồn, giận v. v...

Xem như thế, trong thực hành, muốn mô-tả theo Hiện-tượng-học, thì ta phải đặt mình sống lại những biến-cố và tình trạng mà ta *đã sống*, và ý tứ nhận-định những ý-hướng đã xui khiến ta hành-động thế này, phản ứng thế kia : nhìn đúng những ý-hướng đã sống của ta, tức là tìm lại được những « yếu-tính cụ-thể » của những tình-trạng và những biến-cố ta đã sống. Nói cách khác, triển-khai là tìm lại những hình-thức của ý-thức tri-giác (formes de la conscience percevante) : chính những hình-thức ý-thức đó đã ngoạm lấy vũ-trụ ; bắt nó nhả ra (tức triển-khai), chúng ta sẽ tìm lại được những cái nó đã ngoạm, tức những tình trạng cụ-thể mà ta đã sống thực sự.

Chúng ta luôn luôn nghe Husserl nói đến nhiều đợt (couches) khác nhau của ý-thức, nhiều hình-thái khác nhau của ý-thức : cho nên cũng là cái nhìn, có khi sâu có khi nông, cũng là hoài-niệm, có khi là hoài-niệm đầu-tiên, và có khi là hoài-niệm đệ nhị, tức ta nhớ rằng ta đã nhớ như thế này thế nọ v. v... Cũng là cái nhà số 360 đường Tú-Xương chẳng hạn, hằng ngày tôi vẫn đạp xe qua đó để đến trường, tôi nhìn thấy đó là một cái nhà ; sau đó tôi cần mua nhà để ở, tôi bắt đầu để ý đến chiếc nhà đó : cái nhìn của tôi đã đào sâu hơn ; sau khi bàn bạc trong gia-đình và đã gần như đồng ý mua, tôi lại nhìn nó bằng đôi mắt khác, vì ý-hướng đã mỗi lần mỗi đổi khác ; cho đến khi vào hỏi chủ nhà, được mời đi xem trước sau trong ngoài, cái nhìn của tôi càng sâu hơn, tâm-tình và ý-hướng tôi càng đổi mãi : thành thử theo Hiện-tượng-học, tôi phải tả được những « hiện-tượng nhà » mà tôi đã kinh-nghiệm đối với chiếc nhà đường Tú-Xương đó. Đối với những cảnh vật và những người mà tôi giao-tiếp cũng thế, và càng hơn thế nữa : tôi phải dùng Hiện-tượng-học để mô-tả đúng những cái nhìn của tôi đối với họ ở mỗi chặng đường đời, ở mỗi tình-trạng riêng biệt.

Hiện-tượng học dạy ta mô-tả đúng như ta đã nhìn và đã sống những hoàn cảnh và những tình cảm kia. Không

nói thêm, không nói bớt. Nhất là không sáo ngữ ; không tả theo tưởng tượng chút nào. Mô-tả tất cả những gì mình đã sống thực, và chỉ mô tả những cái đó mà thôi : đó là tôn-chỉ thực-hành của Mô-tả hiện-tượng-học.

Mô-tả hiện-tượng-học là một nguồn phong-phú cho sự tìm hiểu con người hiện-sinh : mỗi triết-gia hiện-tượng-học đã nói lên những cái mà các ông chứng nghiệm về con người ; lời lẽ của các ông nhiều khi không ăn nhau, nhưng sự bất-đồng này là nguồn phong-phú cho triết-học hiện-sinh : mỗi triết-gia đóng góp cái nhìn của mình, cái nhìn đã được nhìn tự quan điểm của mỗi ông. Sở dĩ văn-học của chúng ta nghèo nàn, vì các văn-sĩ thường chỉ chắp nối những mảnh đời giả-tạo họ chưa hề sống ; rồi cái họ sống, họ lại dùng những lời văn trừu-tượng và thông-loại để diễn tả. Những bài tân-nhạc lại càng nghèo nàn hơn nữa, không mấy bài là không lắp bởi những hình-ảnh cũ rích và những tứ nhạc nhai đi nhai lại đến nôn mửa. Có lẽ chúng ta cần được hiện-tượng-học mang lại cho chúng ta một phương pháp để nhìn sâu hơn, nhìn đúng hơn và có quan-điểm rõ ràng hơn, như thế hy-vọng những sáng-tác của chúng ta sẽ phản-ảnh đúng hiện-sinh của xã-hội ta hơn, nói lên được những ý-hướng thực sự đang rạo rực trong lòng ta hơn.

*
* *

Nhờ hiện-tượng-học, nhất là phương-pháp mô-tả, triết-học đã trở thành văn-chương và đã phản ảnh được cuộc đời đầy mâu-thuẫn và bi-đát của hiện-sinh. Không có Hiện-tượng-học, triết hiện-sinh chắc không thể phát-triển mạnh mẽ như ngày nay, và chắc triết-học sẽ vẫn cứ là gia-tài riêng của một ít triết-gia chuyên-môn. Triết Hiện-sinh chủ-trương không có con người phổ-quát-nhưng chỉ có những con người sinh-hoạt trong những hoàn cảnh khác nhau ; triết Hiện-sinh lại chủ-trương ta không thể có cái biết của Thượng-Đế, tức là biết tới bản-thể sự vật. Hiện-tượng-học đã cống hiến triết Hiện-sinh phương-pháp mô-tả để hiểu nguồn gốc, sự phát triển và hướng đi của mỗi nhân-vị.

Các nhà Hiện-tượng-học có thể tìm lại đúng những kinh-nghiệm nguyên-thủy của mình chăng ? Chúng tôi không có ý phê-bình, nhưng chỉ đưa ra một nhận xét. Theo sự tiến-diễn của thời-gian tâm linh, tức hướng đi của đời sống ý-thức ta, ta không thể trở lại quá khứ của ta bằng ý-thức của lúc quá khứ đó. Cho nên nói theo nghĩa chặt, chúng ta không thể nhìn lại dĩ-vãng. Không có ý-thức dĩ-vãng. Điều này được Heidegger và Merleau-Ponty bàn luận rất thấu đáo. Tuy nhiên tôn-chỉ và mục-đích « Zu den Sachen selbst » (đạt tới chính sự vật) vẫn là một tôn chỉ có giá-trị, và nếu chúng ta không hoàn toàn đạt được nguyên chất của dĩ-vãng, thì ít ra Hiện-tượng-học cũng là khoa-học cho phép ta đạt tới những hình-thức giá-trị nhất để mô-tả hiện-sinh.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Hát Hoa

Đoàn - Thêm

thân tặng H, C, T, M, P, X, để mỗi người liệu lãnh phần mình.

* * *

CÚC

Chợ giời mưa bụi gieo tơ
Cúc vàng cao giá đương chờ bán xuân
Thoảng đưa mắt, vội rời chân
Ngắm lâu chỉ ngại phai dần ý thơ

HỒNG

Hồng xuân sắp nở, tặng ai
Nhớ người năm trước hay cài tóc tơ
Mùa qua mây nước hững hờ
Hoa chưa ngỏ cánh, khách mơ nụ cười

LAN

Lan hiền khép bóng hẹn hương
Gió xanh còn lạc về phương đậm hồng
Cuống đầm nâng giấc trắng trong
Đêm sương rớt ánh động lòng trăng sao

MAI

Đường xuân bước nắng chang chang
Đi tìm trắng cũ gặp vàng hôm nay
Cả màu hoa cũng đổi thay
Thấy mai chắc phải đợi ngày tuyết gieo

ĐÀO

Hội xuân khuất ráng hoa đào
Hoa đem tươi thắm đi chào gió đông
Vắng hoa thầm ủ nhớ mong
Gần hoa, lại ngần ngơ lòng mơ tiên

HUỆ

Đất ngầu nầy áng băng trinh
Nõn ngoan mở gió dịu tình trắng lay
Tuổi thương đã mát giờ say
Nhường ai chưa biết vơi đầy sóng hương

*
* *

Dịu, nồng, phai, thắm, non tươi
Mỗi bông mang một chút đời gửi mơ
Nở tàn, sắc nhuộm hồn thơ
Hương đưa gió nhị sang giờ gọi yêu

Hoa xui cuộc sống dâng triều
Xuân thương cây cỏ, cho nhiều chất xanh
Say màu, nét chẳng nên tranh
Thử ru hương sắc, may thành tiếng ca.

Đ. T.

ÔNG LÃO TRỒNG HOA

TRẦN-HUYỀN-ÂN

Cứ mạnh thu là ông lão ấy
Bắt đầu cặm cụi với vườn hoa
Biết bao khó nhọc công lao vậy
Mới có màu xuân nở mọi nhà

Mưa bụi tung trời, ương hạt giống
Hòa phân, ủ đất để chờ hoai
Mầm lên, lá bé gây nguồn sống
Cứ mỗi ngày thêm một đốt dài

Thời tiết hợp rồi, con khá lớn
Lia nhau ra chậu kiểng xinh xinh
Từ nay, ông lão thêm bề bộn
Chăm chút thân hoa rất tận tình

Sớm, dậy hong sương, trưa, chắn bóng
Chiều, lo xới gốc, tưới, gia màu
Đêm, đèn leo lét mờ lay động
Vạch nách, soi chồi diệt lũ sâu

Không thấy khi nào ông lão rảnh
Lưng còng cúi mãi lại còng thêm
Trên môi điếu thuốc buồn tro lạnh
Bát nước đầy vơi vẫn cạnh thềm

Khuyết mấy vầng trăng, hoa chớm nụ
Lả mình đón gió nhoẻn cười duyên
Từ xa ong bướm gom về đủ
Chớp cánh vờn quanh dệt cảnh Tiên

Hoa nở chưa tròn, bao kẻ ướm
Và, hoa giã biệt chị em yêu
Vườn vơi hoa cũng vơi ong bướm
Cho đến hôm nao . . . tuyệt dáng kiều

Hoa, khắp mọi nhà phô sắc Xuân
Đời vui quên bớt nỗi gian truân
Còn đây ; trơ mảnh vườn khô đất
Với chiếc lưng cong ngoại lục tuần

Buổi sáng đầu năm, pháo nổ giòn
Gật gù hít nhẹ khói thơm ngon
Khoan thai nâng tách trà ; ông lão
Tiếc khóm hoa Xuân đã chẳng còn.

T. H. A.

* * *

Dạ-Hội Mùa Xuân

HUY - LỰC

Xin mời Em vào
Đây vườn hai mươi thế-kỷ chiêm-bao
Anh người gác dan
được Thượng-đế tấn.phong
do quả-lành kiếp trước

Xin Em dìu-dặt bước
Nhạc cất lên rồi
Nương vào nhau
theo vũ.khúc nổi trôi
Hãy cho thêm Ánh sáng
soi rõ đời lứa đôi
Anh đưa em du ngoạn bốn phương trời

Ôi hào-quang nhan-sắc
đốt men tình lên hơi
Cuộc sống chung-thân
hương nồng choáng-váng
Sầu hận chết thiêu tay ngà mai táng
Điệp-khúc cuồng chân dẫm buồn tủi nát tan.

Xin dìu Em đi cho nốt cung đàn
Hôm nay mùa Xuân
thời gian đứng chờ ngoài cửa
Hãy nhen thêm Ánh lửa
trong mắt ngời yêu-thương
Tay siết tay chân soắn nhịp nghê-thường
môi bỏng hoa-hôn
nụ cười rạng-rỡ
hạnh-phúc trĩu vai
đập-dồn hơi thở
tuổi trẻ diễm-huyền
nồng thắm giao-duyên . . .

Xin mời Em vào
Đây vườn thi-nhân thế giới trăng sao
Anh tôn Em lên ngôi Nàng Thơ
đời đời diễm-tuyệt
Dạ-hội mùa Xuân
xanh màu tóc biếc
Anh mở kho trời phân-phát thương yêu
tự thấy mình giàu quá biết bao nhiêu . . .

H. L.

NHÌN TRƯỚC NHÌN SAU

SAO TRÊN RỪNG

tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi
nhìn trước nhìn sau thấy rõ ràng
những người đi trước sầu đeo nặng
những người đi sau sầu chưa tan

tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi
thấy hay hay nhưng làm sao cười
như chuyện lớn lên rồi có vợ
cuối đời về đất lạnh nằm xuôi

tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi
thấy vắng tan hoang ngụt đất trời
cha mẹ anh em dù đông đủ
mình tôi sao mối sầu không nguôi

ngập ngừng chân bước con đường vắng
mây trắng bay lên oà đất trời
tôi cúi đầu nghe mình nhỏ lệ
biết chuyện gì rồi cũng buồn thôi

rộng bề trời ơi cái chán chường
nhạt nhèo cả những mối sầu vương
ôi từng đêm thức nghe xa vắng
về ngập trong hồn tự bốn phương

tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi
đôi lúc còn mơ chuyện trên trời
đôi lúc cũng buồn chuyện xa xôi
khi biết trước sẽ đi về hủy diệt

vẫn biết thương nếu cha mẹ chết
vẫn thấy sầu khi nhớ người yêu
nhưng lòng tôi tình vẫn không đều
biết sao được hỡi người tôi mến

vâng tình tôi thì cũng không nhiều
coi tất cả chỉ là bọt nước
vâng tất cả chỉ là bọt nước

S.T.R.

(những bài tình đầu)

* * *

BẾN SƯƠNG

TƯỜNG - LINH

Thuyền ơi đỗ lại bến này
Nép bờ lau đợi mai ngày nắng lên
Đêm xuân trăng rãi đầu ghềnh
Giòng xa sóng cả lênh-đênh mấy chiều
Lâu-đài kỷ-niệm mang theo
Vẫn thương chiều gió mùa reo độ nào
Đầy khoang một giấc chiêm bao
Cánh thơ hồ hải bay vào hư không
Mây trôi gợi ý phiêu bồng
Mai xuôi về cuối giòng sông, bến nào ?
Thẩm mờ lốm-đốm hoa sao
Nước reo, lau hát, trời cao, đêm dài
Thuyền sương quanh-quẽ chờ ai
Khuya lên nửa mảnh trăng cài đầu non
Nguồn xa thác réo mỏi mòn
Phải chăng tiếng núi gọi hồn trường-giang ?

T.L.

Hương Sắc

HOÀI - HƯƠNG

Em thường thắc mắc chóng già nua,
Cằn cỗi như cây héo cuối mùa.
Bếp lửa: Đường kim; Bầy trẻ nhỏ,
làm phai ánh mắt, úa màu da.

Đâu mảnh lưng eo, suối tóc dài ?
Đâu bàn chân ngọc bước khoan thai ?
Mỗi lần hấp tấp về quê Ngoại,
Con dắt, con bồng... Em trách ai...!

Em đã cùng anh vượt quãng đồng,
Ruộng hoang nắng ngợp, buồn mênh mông.
— « Em ơi, người vợ không sinh nở,
như đất âu sầu chẳng trổ bông ».

Họ là hoàng hôn đêm không trăng,
Nắn ná ngày xanh, chút nắng tàn.
Còn em chôn vội chiều sau núi
Cho những Rằm xinh ngự thế gian.

Ngô lúa, là Em, chẳng ngại già
Lá tàn cho đẹp trái, thơm hoa.
Bầy con thay mẹ phô hương sắc
Mắt sáng trần gian, Ý đậm đà.

H. H.

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87
Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON
158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUIỄN-NGU-Í**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhứt định nào hay là tùy hứng ?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình ?

V.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XXII

Vân-Trang

✱ VÂN-TRANG

Tên thật : Nguyễn-Huệ-Trang.

Sanh năm 1925 tại Phước-Long, tỉnh Rạch-Giá (Nam-Việt).

Chuyên về giáo dục nhi đồng, thường sáng tác theo hướng đi của Tân giáo dục, và truyện thường lấy cảm hứng cùng đề tài, nhân vật của ngành giáo dục mới này hoặc nếp sống, phong cảnh, nhân vật miền Hậu-Giang.

Cộng tác với Bách-Khoa, Mai, Tiến thuyết thứ bảy.

Đã xuất bản: Người ăn trộm (*1957, truyện giáo dục nhi đồng*), Phụ huynh nên biết khi cho con em đi học ; Người mẹ sáng suốt (*1957, cùng soạn với Thiên-Giang*).

Anh Ngu Í,

Tôi nghĩ không ra vì nguyên do gì anh đã lấy biệt hiệu là «Ngu-Í» trong khi ai cũng thấy anh rất «Ranh Í» mà tìm những câu hỏi hóc búa và giữ vai trò «điều tra viên» thường trực. Hay tòa soạn đã chọn đề tài ấy và anh « Hội Í » thì cũng vậy. Đúng thế thì anh là người có «Ác Í».

Tất cả nạn nhân của anh, kẻ thì bị anh lấy khẩu cung, người thì phải làm tờ tự thú, nói chung ít ai thoát được cái lưới khai thác của anh.

Lần này là lần thứ tám, anh vác cái lưới ấy tới nhà tôi. Kể cũng khá kiên nhẫn, đáng mặt nhà nghề ! Tôi đã từng trả lời cho anh rằng về điểm thứ nhất tôi đồng ý với Phan-Du, điểm thứ hai thì đồng ý với. . . ai quên rồi ! Nào anh có «Tinh Í», thì thử đoán xem. Nếu đoán không ra thì rán đọc hết thơ này. Tôi trả lời «Tùy Í», không theo thứ tự câu hỏi, vả chăng hiện giờ cũng chẳng nhớ đã bị hỏi những gì.

*
* *

Có một lần, chúng tôi lên chơi trại mới của thi sĩ Đông-Hồ. Anh nói với chúng tôi rằng suốt ngày hôm qua anh làm thợ và làm khá lắm. Rồi anh kết luận ; «Làm thợ dễ hơn làm thơ nhiều».

Vậy tôi cũng bắt chước mà nói rằng :

— «Nuôi gà khoẻ hơn viết văn nhiều !».

Tuy thỉnh thoảng nàng «Hứng» cũng có giúp đỡ đó, nhưng chỉ có một phần hứng mà thôi. Sau đó là phần toát mồ hôi. Chẳng trách các nhà văn chuyên nghiệp hầu hết đều ốm nhách ốm nhom, trong đó có «Ngu-Í». Vì viết văn mệt hơn kéo cày nhiều ! Kéo cày mệt nhờ người khác thay được, chứ kéo chữ mà bí thì rán chịu lấy ! Không ai giúp đỡ cho mình được dầu người ta có «Hảo Í» mười mươi.

Khi nào tôi may mắn gặp một đề tài « Hạp Í » nàng Hứng thì viết dễ lắm. Dễ không có nghĩa là khoẻ. Ngừng lại ăn cơm hay bị ai gọi chuyện gì thì nàng ta giận ngoe nguẩy đi liền. Xong việc, cầu khẩn cũng không

Lê-Văn-Trương

Trọng-Lang

Đinh-Hùng

trở lại. Thế là phải kéo cày cho tới kết cuộc câu chuyện. Đôi khi đành bỏ dở chứ kéo cũng không nổi. Lạ lùng, đến khi bí thì văn chương thấy nặng nề không thua một toa gỗ súc, dù rằng cốt chuyện, tình tiết săn từ lâu, đã ở trong đầu, theo dõi cả trong khi làm, khi ăn, khi ngủ của mình. Từ khi tôi có ý muốn viết một truyện với nội dung nào đó — ví dụ đề cao tính thiện của nông dân hay là muốn đả phá mê tín, hoặc trình bày một phương pháp giáo dục mới — thì tất cả tình tiết, câu chuyện, bối cảnh cứ lởn vởn như đang diễn ra trước mắt vậy. Tôi tự thấy như bị tách rời khỏi cuộc sống thực tại.

Thế là phải viết. Xong mới lấy bình thường cho tâm hồn được.

Đó là câu hỏi thứ mấy đấy, anh Nguyễn-Ngu-Í ? Và đã đầy đủ chưa ? À, tôi nhớ còn có câu hỏi « viết cho mình hay cho thiên hạ ? » Theo tôi thì cho cả hai đàng. Nếu chỉ viết cho mình không thì hãy viết nhựt ký. Mà nhựt ký chắc cũng muốn cho một người thứ hai xem để «Thỏa Í» mình và còn cần «Lĩnh Í» của người đó chứ, hở anh ?

Và viết cho người khác tức nhiên phải nên đặt vào đó « Thiện Í » gì ích lợi nhắm vào sự tiến lên cái tốt, cái phải của con người. Nhưng muốn làm cho được việc gì thì về phần mình cũng phải có cái hi vọng, ham thích, say mê, mang lại phần nào sung sướng cho chính bản thân — sự sung sướng tinh thần hay vật chất — thì mới có thể làm được mà làm mới thành công. Chứ cứ đặt có mỗi cái bổn phận khô queo, buồn tanh thì chắc việc gì cũng không làm được. Vả chăng, ai cũng biết phải tìm cái vui trong bổn phận.

Đó chỉ là «Thiển Í» thôi, còn đúng và được hay không còn phải nhờ « Góp Í ».

Còn có câu hỏi thích truyện nào của mình nữa phải không anh ? Anh hết hỏi thích truyện nào của người rồi đến thích truyện nào của mình ? May mà lúc trước tôi còn nhớ được truyện «Miếng thịt bò» của Jack London để trả lời anh, còn bây

---

Toan-Ánh

Bùi-Khánh-Đản

Tam-Lang

giờ thì tôi không nhớ truyện nào của tôi ra sao để trả lời cho đúng. Nhưng nói chung thì truyện nào tôi cũng thích lắm, nhưng chỉ thích khi đang xây dựng, và thích lắm lắm như vậy thì xây dựng mới xong được. Viết xong, đọc lại thấy quen quá, bết thích ! Cầm tờ báo chỉ muốn đọc truyện của người khác xem nó ra sao, còn truyện của mình thì biết quá, biết rõ quá, đã gần thuộc lòng khi còn đang viết, đọc, sửa « chín mươi chín lần đổ mồ hôi » thì còn thích gì nữa ! Có bài nào được khen, tôi mới đọc lại xem nó hay ho đến thế nào !

À, tôi nhớ còn có câu hỏi khó nghe nhất là câu « *Để cho bây giờ hay cho mai sau ?* » Từ các bậc thánh nhân dựng ra một triết lý, hay nêu ra một lý thuyết gì, mới định để cho nhân loại mai sau, chớ các cái gì thuộc về văn nghệ thì chắc ít dám nuôi cao vọng đó ! Nếu mai sau mà vạn nhất nó còn tồn tại là tự cái phẩm chất, giá trị của nó vượt được sự đào thải của thời gian, của tiến bộ, chứ tác giả của nó bây giờ lo đuổi bắt cho được cái ảo ảnh cũng đã là mệt rồi.

Vả chăng mấy ai bắt được mà chắc rằng có thể để lại cho mai sau !

Sở dĩ tôi phải bỏ thì giờ để viết 3 trang giấy này là vì e anh « cước chú » nhiều cái nguy hiểm vào dưới tên tôi đấy ! Chính miệng anh đã thú ra cái « Mỹ Í » (!) ấy. Vậy, anh không được thêm gì. . . (3) Cám ơn trước.

« Tệ Í » chỉ có vầy thôi.

VĂN-TRANG

(3) Sao câu này có vẻ « võ trang » thế, chị ?

☆

Toàn-Phong

Doãn-Dân

Viên-Linh

★ BÚT-TRÀ

Bút-Trà

Tên thật : Nguyễn-Đức-Nhuận.

Sanh năm 1900 tại làng Phổ-An, huyện Tư-Nghĩa, tỉnh Quảng-Ngãi (Trung-Việt), gốc người Bảo-An, Quảng-Nam.

Làm báo, làm thơ.

Đã cộng tác với các báo : Lục tỉnh tân văn (1921), *Đông-Pháp thời báo* (1923), *Công luận* (1925).

Đã chủ trương các nhật báo : Sài-Thành (1929-31), Sài-Gòn (1931-45)...

Sau cuộc Cách-mạng 1945, chủ trương các nhật báo : Kiến thiết, Ban ngày, Điện báo, Sài-Gòn mới (1947).

Tôi đẩy cửa, bước vào phòng khách, một thế giới khác.

Bên kia cửa, là ti quản lý tờ báo hằng ngày bn chạy nhứt nước Việt tự do, nhộn nhịp, ồn ào ; bên nay cửa : lặng im, và tôi sao liên tưởng ngay đến câu Kiều «êm đềm trướng rủ màn che».

Anh mời tôi ngồi, rồi hỏi tôi muốn uống gì.

Lúc ấy, gần bốn giờ chiều. Quạt có chạy, nhưng không đuổi hết cái bức ra ngoài. Tôi nhìn anh : cà-vạt ca rô đỏ đầu, tóc chải bằng gom, bạc không mấy sợi, và ít nhiều nghĩ ngợi lộ ở đôi mắt đăm chiêu ; mặc dầu buổi thiếu thời từng trải qua lắm cảnh phong sương, nhưng con người anh lúc nào cũng tỏ vẻ vui vẻ trẻ trung.

Tường-Hùng

Trúc-Liên

Thiên-Giang

— Bốn mươi năm lăn lộn trong nghề anh đã chán cái nghiệp báo chưa ?

Anh lơ đãng nhìn lên trần :

— Anh đã nói đến cái nghiệp, thì dầu có chán cũng phải làm sao cho đừng chán.

— Nhưng có khi nào anh chán . . . thơ không ?

Anh rít mạnh một hơi thuốc lào, một tia vui hực lên ở khóe mắt.

— Người ta có thể chán giàu sang, người ta có thể chán đàn bà, nhưng người ta không thể chán thơ được.

— Tại sao thế anh ?

— Vì nàng Thơ là một nhân tình trẻ mãi không bao giờ già, một người nhân tình không bao giờ phụ ta, và lúc nào cũng sẵn sàng để an ủi, vỗ về ta.

Rồi anh như chìm vào quá khứ.

— Đời tôi lúc trẻ cũng lắm gian-truân. Nhà nghèo, cha mẹ mất sớm, bỏ xứ vào Sàigòn làm báo, rồi dạy học, thất nghiệp ba năm, xuống núi Sập đập đá, không tiền đóng thuế thân, bị bắt giam ở Long-Xuyên. Ra khám vài tháng sau thì bị giam ca-sô rồi giải về nguyên quán vì bị tình nghi chánh trị.

— Chắc lúc nằm co trong khám, nàng Thơ đã tìm tới an ủi, vỗ về anh.

Anh gật đầu.

— Để tôi ngâm anh nghe bài thơ kỉ niệm thời niên thiếu, làm trong khám Long-Xuyên, thu năm 1921.

— Anh cho biết nhan đề.

— Nhan đề thật thà lắm. «Không thẻ thuế thân, bị giam hai tháng». Và đây ít câu thơ, tôi làm theo thể lục bát :

Nắng mưa trời có bốn mùa,
Riêng tôi cảm thấy một mùa xám đen :
Chữ «nghèo» đi với chữ «hèn».
Một bên đói lạnh, một bên khám đàng.

. . . . . .

Lao tù tạm chốn nghỉ ngơi.
Vững lèo đâu ngại biển đời phong ba.
Sinh ta, trời há phụ ta.

Phạm-Việt-Tuyền

Tùng-Long

Sao-Trên-Rừng

Anh dứt lời. Tôi nghĩ thầm: «Trời quả chẳng phụ người trai xứ Quảng này thật! Chưa bốn mươi năm qua mà người không tiền đóng giấy thuế thân ấy nay dư sức cất một rạp chiếu bóng vài chục triệu, và sống đời một ông hoàng nho nhỏ...»

— Thế còn khi thất nghiệp, lê giày khắp vỉa hè Sài-Thành, anh cũng thơ với thẩn?

Để trả lời, anh ngâm tiếp:

Cả ngày kiếm việc, mồ hôi toát;
Ai biết thiên đường ở vỉa hè!
Không sợ, không lo quân trộm cắp.
Kẻ nghèo giấc ngủ khoẻ khòe khoe.

— Thế giờ giấc ngủ của anh có khoẻ có khòe có khoe không?

Anh đáp lại bằng cách rít mạnh một hơi thuốc lào và nhả khói, nhẹ nhàng.

Tôi bèn hỏi ngả khác:

— Anh có nhớ anh bắt đầu làm thơ lúc nào không?

— Hồi còn nhỏ, anh à. Khi đi học chữ Hán với các ông Phạm-Liệu, Đinh-Văn-Chấp.

— Chắc những bài thơ đầu của anh là...

— ... những bài thơ tình.

— Rồi kế đó?

— Kế đó, tôi bỏ quê hương, sống đời giang hồ, tôi làm thơ cách-mạng.

— Tại sao có sự chuyển hướng đó anh?

— Vì đã lớn khôn, vì sinh ở nơi vốn là một trong những lò cách-mạng của dân tộc, vì đi ra được thấy, được nghe...

— Và sau...

— Sau thì là thơ xã-hội.

— Có phải vì lúc đó anh «kiếm cơm từng bữa... toát mồ hôi»?

— Phải. Hoàn cảnh xã hội và thân thế mình ảnh hưởng mạnh đến thi văn của mình.

Phi-Vân

Mộng-Tuyết

Đông-Hồ

— Còn như giờ, khỏi lo đến cái ăn, cái mặc, thì...

— Tuy ở cảnh sung sướng, nhưng tôi không quên những hồi đau khổ, vả lại, nhìn quanh mình, biết bao cảnh chẳng vui. Còn văn thơ của tôi, nào phải của tôi hết đâu, nó là của Sông, Núi nhiều hơn. Anh nhớ câu thơ cổ này chớ?

« Văn vô sơn thủy phi kì khí,

« Nhơn bất phong sương vị lão thành ».

Chợt nhớ đôi điều, tôi vội hỏi:

— Tôi nghe các anh bạn già có nói khoảng 1934, lúc Phạm-Quỳnh được vời làm thượng thư triều đình Huế, ông Marty, giám đốc sở Liêm phóng Đông-Dương, có tỏ ý mời anh làm tham tri, mà anh từ chối vì anh thấy cây bút của con nhà báo quí hơn cái mũ cánh chuồn của kẻ làm quan. Xin anh cho biết thêm chi tiết.

Anh phất phất bàn tay:

— Thôi, tôi xin anh. « Chuyện trăm năm cũ nhắc chi bấy giờ! »

Tôi xoay câu chuyện.

— Anh có nói hoàn cảnh có ảnh hưởng đến thi văn anh. Vậy chớ lúc báo anh chị tặng độc giả các kì quan trọng vũ trụ cùng tranh lịch sử, có thơ đề, vịnh ở mỗi bức tranh, chẳng hay tác giả những vần thơ đó có phải là của anh chăng?

Anh cười nhè nhẹ. Mặt anh tươi tươi và anh trẻ đi mươi tuổi.

— Tôi cũng có mà anh Thanh-Phong cũng có. Nếu khi không, bảo tôi « đề Vạn lí trường thành », « vịnh Đinh-Tiên-Hoàng », thì tôi chịu. Nhưng gặp lúc báo ra, tranh ảnh sẵn, thì hứng có ngay. Tôi đọc anh nghe bài đề cảnh trước.

Xây lên Vạn lí trường thành,
Tần-Hoàng đâu biết tội mình muôn năm!
Trường thành sức mạnh bao lăm,
Sao không biết lấy dân tâm làm thành?

Phạm-Đình-Tân

Phạm-Cao-Củng

Nguyễn-Thị-Vinh

Còn đây, anh nghe tôi vịnh « Đinh-Tiên-Hoàng ».

Oai nghi trên kiệu rẽ,
Chễm chệ trước cờ lau.
Khí phách từ khi nhỏ,
Vua mà thằng chăn trâu !

Dưới ngọn cờ Vạn-Thắng,
Còn ai dám đương đầu ?
Bao sứ quân ngả gục,
Vua mà thằng chăn trâu !

Quét sạch trời mây gió,
Đạp bằng cuộc bể dâu.
Cứu dân trong nước lửa,
Vua mà thằng chăn trâu !

Nhìn anh say sưa đọc thơ, quên cả người đối diện, tôi như quên hẳn mái tóc điểm sương, khi mới gặp, mà chỉ thấy một tâm hồn còn thừa sức để mà say với đắm, với nàng Thơ và với các nàng Tiên. Tôi xin anh cho biết quan niệm anh về thơ.

— Thơ phải cho dễ hiểu. Chữ phải rẻ, đừng dùng điển tích, hoặc có thì càng ít càng hay. Mình đừng quên rằng mình nói với người đồng thời. Như ở đất Sài-Gòn này, đôi tình nhân xa nhau, người ở lại, kẻ bay qua mấy vạn trùng dương, thì không nên nhắc đến sông Tương, đến bến Tần-Dương ở tận bên Tàu, vào thời xa lơ xa lắc nào, mà phải nói đến con sông Bến Nghé, bến đò Thủ-Thiêm.

Tôi cười, nối lời anh :

— Hoặc phi trường Tân-Sơn-Nhất !

Anh cười cười, nhấp một miếng nước trà nóng, mơ màng một thoáng.

— Tôi còn có ý này. Hình ảnh gì người ta dùng, mình tránh đừng dùng. Mình phải đem phần mình vào cái gì mình sáng tạo chớ Con của mình phải có cái gì của mình chớ. Anh nghĩ thời nguyên tử chúng mình mà ngồi lựa chữ so vần dệt từng câu thơ như Nguyễn Du trăm rưỡi năm về trước là hỏng. Nô lệ cổ nhân — dầu cổ nhân đó là bực thiên tài đi nữa — cũng chẳng nên. Mỗi thời có một cái hay của nó. Vả lại Nguyễn-Du chỉ hưởng được một nền văn hóa Việt và Trung-Hoa từ xưa tới đời ông thôi, còn bọn chúng ta giờ, còn hưởng thêm trăm rưỡi năm nữa, lại ngoài văn hóa Hán, Việt, ta còn thu thập tinh hoa của Anh, Pháp, Đức, Mỹ Nhật... Sao ta lại «sợ» một Nguyễn-Du mà cứ lo cóp ý, cóp lời ông ấy ?

« Tôi làm thơ, có lắm câu bị các bạn cho rằng đã mượn của thơ Tây, thơ Tàu, nhật ra đó là sự bất ngờ. Như hai câu :

« *Thời gian mi hãy bay cho chóng*
« *Mang gió đông về với cỏ cây* ».

« Có bạn cho tôi nhở « Ô temps ! supends ton vol » của Lamartine.

« Còn :

« *Mưa tuôn giọt giọt vui mừng,*
« *Bước vào mộng đẹp tưởng chừng cảnh tiên* ».

Một bạn cho tôi dịch ý câu Pháp : « Il pleut de la joie ». Có người thân cho tôi « lấy » của Tùng-Viên để biến làm của mình :

« *Phải chi mình hóa ra sao*
« *Nước, sao lấp lánh ôm nhau đêm dài* »

Thật ra thì đó là một cuộc gặp gỡ tình cờ. Chớ lấy của người làm của mình, thì tôi không khi nào làm ».

— Anh bảo làm thơ dễ dàng như làm báo ?

Anh nhìn tôi.

— Ai bảo với anh làm báo dễ ? Nghề nào, nghệ thuật nào cũng có cái khó của nó. Với tôi, làm thơ, cực, cực thật là cực.

— Cực như gì anh ?

— Cực như đàn bà đẻ. Mà còn đau hơn đàn bà đẻ nữa kia Nhưng làm xong thì sướng ghê...

— Sướng như gì, anh ?

— Không có cái sướng nào sánh bằng. Tiền bạc, nữ sắc, danh vọng đều không làm ta sướng bằng khi làm xong một bài thơ đắc ý mình ôm ấp từ lâu. Còn nhớ có lần tôi làm xong một bài thơ, thích quá, tôi quên bẳn mình nằm bên một người đàn bà...

— . . . đẹp ?

— Đẹp như mây mùa. . . thu. . . !

— Thế anh làm thơ có mau không ?

— Mau thì vài phút, lâu thì từ ba ngày trở lên. Tôi làm xong bài thơ về Phạm-Hồng-Thái, dài 400 câu, 5.000 chữ, hơn tháng mới xong, xong rồi sụt đến ba kí lô !

— Còn hứng đến, anh làm liền hay để đó ?

— Làm liền chớ, kẻo mình quên mất. Xong mới gọt giũa.

— Thơ anh đăng, bị người ta chê, anh có tức không ?

— Tức cái gì anh. Họ chửi, tôi cũng không khi nào buồn. Mình đưa thơ lên mặt báo hay in thành sách, thì nó đâu còn là của riêng của mình nữa.

— Còn như được khen là. . . thi bá ?

— Khen đúng thì mình sướng ; còn khen sai, hoặc quá lố, thì mình cũng ngại, cũng ngượng.

— Anh này, anh có thấy khi mình no đủ, mình làm thơ khó hơn lúc nghèo túng không ?

— Cái đó cũng tùy. Với tôi, khi tôi làm thơ, tôi quên hết, quên cả sự nghiệp, quên cả giai nhân, mà chỉ nghĩ có thơ thôi.

Rồi anh xăng tay áo sơ mi.

— Lúc hứng đến, tôi tìm chữ tìm vần thì tôi có nằm bên người đẹp cũng coi như không có. . .

— Kí lô nào !» Tôi cười, tiếp ; anh cũng cười theo, rồi giọng có phần hùng hơn.

— Một câu thơ lắm khi bằng vạn hùng binh. Anh nhớ bài La Marseillaise chớ. Mà điều khiển một chữ lắm khi khó hơn điều khiển một đạo binh !

— Anh có định xuất bản thơ anh để góp một tiếng lòng với thiên hạ ?

— May mắn hơn một số anh em đồng hội đồng thuyền, tôi có đủ phương tiện, nhưng từ lâu tôi vẫn ngần ngại. Gần đây có vài bạn thân thúc đẩy, nên tôi sắp có chút quà xuân ra mắt anh em.

— Anh có thể cho biết tập thơ ấy tên gì.

— *Tiếng bom Sa-Diện*, anh hùng ca Ra ngoài ngày, sẽ có *Tâm sự ngàn thu*, thơ

xã hội và thơ vịnh sử. Tập thứ ba là *Hương tình*.

Anh như trẻ lại. Tôi bèn bước sang cái thế giới... phấn hương Tình.

— Nghe anh em nói anh hay làm thơ tình, xin anh cho biết kinh nghiệm anh về loại thơ này.

Mắt anh như sáng lên.

— Muốn làm thơ tình hay, phải nếm đủ vị của tình, chớ còn ngồi một chỗ mà tưởng tượng thì chỉ tạo thơ không hồn, không cảm được người khác. Theo tôi thì điều kị nhất của thơ tình, là đừng trụy lạc, cũng như thơ nghèo, làm sao đừng khiến người đọc bi quan, chán nản.

— Xin anh đọc cho nghe ít câu thơ tình của anh.

— Đây là hai câu tứ tuyệt :

« Anh hùng từ trước ai không dại,
Có dại chăng là với mĩ nhân,

và bốn câu thơ mới :

« Mưa rì rà, cõi lòng đầy tê tái
« Cha nỗi niềm, của đau khổ, của chờ mong.
« Mỗi giọt mưa là cả suối lệ lòng,
« Đừng khóc nữa, ông xanh, đừng khóc nữa...»

« Nàng đọc bốn câu này, cho tôi tuổi tuy quá thời « tri thiên mạng » mà tâm hồn trai tráng như một chàng tuổi trẻ sắp lên đường đi quân dịch ».

Tôi toan hỏi anh *Nàng* là ai, thì bóng chị hiện ra ở cửa, bỏi anh về đôi việc cần về nghề báo. Tôi đứng dậy, cáo từ anh chị. Một mình xuống thang lầu chung cho dãy phố lầu đối diện chợ Bến Thành mà không khỏi bâng khuâng : hồi tưởng lại cũng một chiều nào, cùng ai ái ngại lên thang lầu này, để đến nơi mình vừa từ giã, lúc ở Trung hồi cư về, mươi năm về trước...

NGUIỄN-NGU-Í *viết lại*

★

Hoàng-Trọng-Miên

★ HOÀNG-TRỌNG-MIÊN

Sinh năm 1918 tại Thừa-Thiên (Trung-Việt).

Viết báo ở Sàigòn từ năm 1935.

Viết kịch và làm kịch từ năm 1946.

Đã xuất bản : Một giấc mơ ghê gớm (*tiểu thuyết, Sài-gòn, 1939*), Trăng xanh huyền hoặc (*tiểu thuyết, Hà-Nội, 1940*), Người thơ (*tiểu thuyết, Hà-Nội, 1940*), Chiêu hồn (*phê bình văn tế Thập loại chúng sinh của Nguyễn-Du Sài-gòn, 1941*), Việt-Nam văn học toàn thư (*biên khảo, Sài-gòn, 1959*).

Sắp in : Tác giả và tác phẩm Đông Tây cổ kim.

Hiện làm giáo sư, trưởng ngành Thoại Kịch trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, *thuộc bộ Quốc Gia Giáo Dục.*

Anh Ngu-Í,

Tôi xin khỏi trả lời thẳng vào ba câu hỏi của anh, vì lẽ ít thì giờ, mà nói cho đủ ý thì biết bao nhiêu trang giấy cho vừa. Tôi chỉ xin giới hạn trong vòng ít nhiều kinh nghiệm cá nhân về việc viết kịch.

Tôi nhớ đến câu nói ý nghĩa đầy kinh nghiệm của một kịch tác giả Tây phương : « Bắt đầu người ta làm thơ, viết văn, rồi đến sau cùng mới soạn kịch. »

Sáng tác kịch bản đòi hỏi những kinh nghiệm sống, những chất liệu dồi dào về con người, những nhận định chân xác về tình trạng và diễn tiến của đời sống xã-hội, của thời đại. Tôi nghĩ rằng mỗi kịch bản là một bài toán về một tình trạng nhất định nào đó của con người, một trạng thái nhân sinh dựng lên thành một vấn đề tiêu biểu cần giải quyết.

Đề tài kịch bản rất giới hạn, cũng như phạm vi hoạt động của nhân vật sân khấu thu hẹp ở trong không gian sàn gỗ, trong thời gian vài tiếng đồng hồ, với một phương tiện diễn đạt độc nhất : đối thoại.

Tôi vẫn có cảm tưởng viết kịch cũng như viết luật, không thể thiếu mà cũng không thể thừa, từ cảnh lớp đến nhân vật, sự vô ra, lời nói, tất cả thành một toàn thể mật thiết và điều hòa như những nhạc khí trong một bản đại hòa tấu, không một bộ phận nào là vô ích và phần nào cũng cần thiết, đóng góp cho sự diễn tiến chung.

Vượt quá phần kỹ thuật, kiến trúc vở kịch, người viết kịch hiện nay gặp phải khó khăn trong sự sáng tác.

Thời đại chúng ta đã mang sẵn khá nhiều kịch tính và có một số vấn đề mâu thuẫn gay cấn, có thể khai thác thành kịch bản giá trị. Nhưng vì không có ban kịch trình diễn nên ít ai viết sẵn để gởi vào ngăn kéo. Hoàn cảnh thiếu thốn lại không thuận tiện cho kịch tác giả sáng tác để đấy, trong khi còn phải « lo sống ».

Hơn nữa, về mặt tinh thần, soạn giả lại phải ngần ngại trong khi chọn lựa đề tài, sợ nội dung vấp váp những điều cấm kị.

Ngoài ra, kinh nghiệm cho tôi thấy rằng trong khi sáng tác, kịch tác giả còn lo nghĩ cả đến việc thực hiện tác phẩm lên sân khấu, có đủ phương tiện cần thiết và diễn viên vững vàng để làm sống kịch bản của mình không ?

Một vở kịch viết ra, để mà diễn, còn xuất bản thành sách là phần phụ thuộc. Trong tình trạng phải lo toan nhiều việc, như đã kể trên, tôi cho là kịch tác giả phải can đảm, bất chấp nhiều lắm, mới hoàn thành được kịch bản.

Quá khứ thoại kịch Việt-Nam chưa được nửa thế kỷ, tôi nghĩ rằng ngoài phần sáng tác, chúng ta cần phải phỏng tác nhiều kịch phẩm tiêu biểu nước ngoài để xây đắp cho sân khấu mới của mình. Vì thế mà tôi đã phong tác một số kịch dài của Shakespeare, Molière, Sartre, Schiller, Goethe...,

Triển vọng của kịch bản sáng tác phần lớn do khả năng và hoạt động của sân khấu thoại kịch do sự đòi hỏi, của khán giả thoại kịch. Trong hoàn cảnh sân khấu mới còn phôi thai, mối tương quan ấy lại càng mật thiết.

Có người nói rằng : « Nhìn vào sân khấu của một nước, có thể biết được trình độ văn hóa của dân tộc nước đó ». Ở các nước văn minh, chính phủ vẫn luôn luôn có phận sự nâng đỡ và trợ cấp hữu hiệu cho nền sân khấu quốc gia. Ví dụ như ở Pháp, sự phát triển mạnh mẽ và sâu rộng của kịch nghệ, cũng một phần lớn nhờ ở sự quan tâm của giới lãnh đạo, đã nhận thức được tầm quan trọng của sân khấu trong sự phát huy văn hóa.

Tôi cũng hi vọng nước mình đã từng có các thời kỳ sân khấu rực rỡ như ở đời Trần, đời Nguyễn, có nhiều soạn giả và kịch phẩm xuất sắc ngày nay vẫn còn có giá trị đối với kịch nghệ cổ điển, một quốc gia thường vẫn tự cho là đã có mấy ngàn năm văn hiến, sớm vượt khỏi tình trạng chậm tiến để xây dựng một nền kịch nghệ xứng đáng.

Có lẽ không riêng gì tôi, mà chắc các bạn viết kịch cũng đều mong mỏi ngày ấy, để « có đất dụng võ ».

HOÀNG-TRỌNG-MIỄN

★

★ NGUYỄN-MẠNH-CÔN

Nguyễn-Mạnh-Côn

Sanh ngày 7 tháng 4 năm canh-thân (15-3-1920).

Từng làm chủ nhà in (1940), *sĩ quan trong một bộ Tham mưu lục quân Nhật* (1942-43), *đại biểu đoàn thể* (*Cách mạng hải ngoại*) *trong Quốc hội* 1945, *dân quân du kích xã* (1948-49), *nhân viên trường Võ bị Trần-Quốc-Tuấn* (1949-50), *giáo sư tư thục* (1953-54), *thiếu úy* (*lồng hóa*) *quân đội Việt-Nam cộng hòa* (1956-59), *hiện giờ giúp đài Phát thanh quốc gia và viết báo.*

Cộng tác với báo Đông-Pháp (1939), *chủ bút tuần báo Thông-tin* (1944), *quản lí báo Thống-nhất* (1945), *chủ nhiệm báo Phục-quốc* (1946), *chủ nhiệm nhật báo Tin tức* (1954), *sáng lập báo Chỉ đạo* (1956) *và làm chủ bút báo này một đạo* (1961), *chủ bút báo Văn-Hữu* (1959).

Đã xuất bản : Việt-Minh, ngươi đi đâu ? (1956), — Chống Mác-xít (1957), — Đem tâm tình viết lịch sử (1957, *kí Nguyễn-Kiên-Trung*), — Kỳ-Hoa-Tử (*truyện*, 1960), — Truyện ba người lính nhảy dù lâm nạn (*truyện*, 1960).

Tôi đến thăm anh vì nghe tin anh bất thình lình bị đau. Trong căn phòng tối mờ mờ, hai con mắt tôi ở ngoài nắng mới vào chỉ nhận thấy một ngọn lửa ở giữa đi-văng, và, phía sau ngọn lửa, một bóng người quàng chăn mỏng, ngồi dựa lưng vào tường. Tôi bắt tay, hỏi thăm, hai bàn tay lành lạnh mà dâm dấp mồ hôi.

Có lẽ đoán được ý tôi muốn hỏi về bệnh trạng của anh, anh để nở một cười mệt nhọc :

— Phải gió, anh ạ ! Phải gió thì rất thường nhưng «surmenage» (1) kéo dài lâu quá đến lúc quị thì kích-thích-tố tiêm vào người như nước lã.

Nghỉ một chút, anh nói tiếp :

— Bọn chúng mình... viết bài ăn tiền không cố gắng, không đúng hẹn, không đủ sống. Mà cố gắng... mấy hôm nay tôi tự nhiên thấy sợ tương lai, thấy mình già hẳn đi, mệt mỏi, lo lắng không biết sau này hết khả năng lao động rồi thì kiếm sống bằng cách nào !

Nghe anh nói mà buồn. Nhưng tôi lại nhớ đến một vài ý kiến gần đây thường cho anh thuộc loại nhà văn được «chiêu-đãi», tôi muốn nhắc đến điều đó, nhưng nghĩ anh đương mệt, lại thôi. Nhưng sau cùng, chúng tôi cũng thông cảm được với nhau : chủ nhân thỏa thuận với tôi, bằng lòng trả lời bất cứ một câu hỏi nào của tôi, về đời riêng cũng như về lập trường văn nghệ. Theo ý anh, sự ao ước thứ nhất của con người cầm bút là được đi vào văn học sử, mà đã đi vào được văn học sử thì không còn cá nhân riêng tư, bởi vì một thái độ quan trọng của một người có thể do một hoàn cảnh tâm lý rất tế nhị tạo ra, nếu người đó giữ kín thì về sau không ai có thể biết và những nhà nghiên cứu văn học về sau sẽ hiểu lầm hết cả.

Vậy đồng ý không có chuyện giữ bí mật, kể cả về gia đình, về tiền bạc, về tính tốt cũng như về nết xấu của người ngồi đối diện với tôi. Trừ trường hợp bí mật liên hệ đến người khác, mà người đó muốn giữ. Kể ra thì hoàn cảnh cũng có phần nào đặc biệt thật. Tôi thấy cần phải mở cho anh một con đường rút lui, bằng cách hỏi thẳng anh :

— Ý kiến mà anh nói đây là ý kiến anh vẫn có từ lâu, hay anh chỉ mới có nó được ít bữa ?

— Xin anh yên tâm, nó không phải là sản phẩm của bệnh hoạn đâu. Tôi có quan niệm này từ lâu rồi, nhưng không ai hỏi, thì không nói ra đấy thôi.

Tôi được biết như vậy rồi, bèn trở lại ngay vấn đề « kiếm sống » của anh. Tôi hỏi :

— Tôi nghe mấy anh em nói anh hiện thuộc vào hạng kiếm được nhiều tiền nhất. Hình như mỗi tháng hai ba chục ngàn, có phải không ?

Anh trả lời không nghĩ :

— Đâu có, anh ! Có lẽ mấy anh bạn tôi gộp số tiền tôi được lĩnh hàng tháng năm ngoái vào số tiền hiện tôi kiếm được hàng tháng bây giờ.

— Sao lại có sự khác biệt như vậy ?

— Vì năm ngoái tôi được một cơ quan nghiên cứu chính trị và xã hội trợ cấp cho mỗi tháng 10 ngàn để viết văn chống Cộng, nhưng cơ quan này lại không phải là một tờ báo, nên 10 ngàn thật ra là cho không . . , tôi lĩnh được một năm, thấy mình sắp sửa đâm lười biếng, vội xin thôi ngay. Tôi bỏ trợ cấp, đi làm cho « Sài-Gòn Mai » được 15 ngày, rồi được làm tờ Chỉ-Đạo, lương tháng 8 ngàn, và viết giúp Ngôn-Luận

(1) Surmenage : lao lực quá độ.

tính tiền bài, và Văn nghệ Tiền-phong tính tháng, cộng tháng nào đủ 3 bài cho Ngôn-Luận thì được 8 ngàn nữa. Như thế được 10 tháng, rồi không làm Chỉ-Đạo nữa, tôi viết cho đài Phát-thanh Sài-Gòn, cộng chung mỗi tháng muốn kiếm được độ 12 ngàn đồng, tôi phải viết 50 ngàn chữ, tức là khoảng 130 tờ đánh máy, giá trung bình 4 chữ được 1 đồng. Nhưng cái khó, khó hơn cả viết ra, là nghĩ làm sao cho có từ 15 đến 20 đề tài mà viết.

Tôi hỏi :

— Anh nói đề tài ở đây, có phải đề tài chính trị không ?

— Không nhất định, anh ạ. Đài Sàigòn thì luôn luôn đòi bài tố Cộng, V.N.T.P. thì đúc kết tin tức « Bảy ngày đêm tính quẩn chuyện đời», còn Ngôn Luận thì lại muốn tôi viết về xã hội, tâm lý hơn về chính trị. Nói tóm lại, là bình luận.

Tôi hỏi tại sao anh không viết bài bình luận hoặc sáng tác văn nghệ. Anh cho biết :

— Bình luận văn nghệ thì không có chỗ đăng Sáng tác thì không làm được vì tôi viết loại này khó khăn lắm. Có khi băn khoăn cả tháng không viết được một bài.

Tôi nhắc lại, gần đây anh viết trong tờ Tin Sách, bài «Tâm sự tác giả», có nói anh viết thuần theo tưởng tượng, mà cũng theo anh, anh có sức tưởng-tượng phong phú lắm. Anh giải thích :

— Vâng, thưa anh, tôi có cảm giác rằng khả năng tưởng tượng của tôi có phong phú thật, bởi đôi khi nó làm cho tôi quên bẵn được thực tại. Nhưng tưởng tượng không, không đủ. Hay nói cho đúng là, đối với tôi trong lúc này, chưa đủ. Vì tôi còn mang một nhược-điểm rất nặng là luôn luôn muốn viết truyện có luận đề. Có lẽ thằng người luân lý trong tâm hồn tôi lúc nào cũng phẫn nộ vì thái độ hèn hạ của kẻ này, vì sự hiểu lầm dại dột của kẻ khác, nên vẫn chưa thoát khỏi cái tư tưởng « thầy đời » rất thông thường trong những con người còn bị quá khứ của nó ám ảnh. Tôi tự thấy mình còn kém xa các nhà văn Tây-phương là những người có thể hiện thực cái tốt cũng như cái xấu ở đời một cách hoàn toàn khách quan, như André Gide, Steinbeck chẳ hạn.

— Anh cho nhà văn nên có thái độ khách quan đối với đời sống hay sao ?

— Vâng, hiện nay thì tôi nghĩ như vậy, có lẽ vì tôi hoàn toàn viết theo chủ quan nên kính phục thái độ khách quan, mà tôi cho là có khả năng nhìn rõ vào đời sống xã hội hơn. Nhưng rất có thể có thời gian nào đó, tôi cố gắng tiến tới được thái độ khách quan, chắc lúc đó lại ngưỡng mộ những ngòi bút chủ quan có sự thành khẩn, sự tha thiết với đời sống. Nói tóm lại, có lẽ là « đứng núi nọ tưởng núi kia là cuối » đó thôi !

Tôi nhắc lại bài tựa cuốn KỲ-HOA-TỬ, trong đó anh viết rằng anh viết truyện là viết theo chỉ thị cấp trên, và hỏi :

— Như thế, anh viết cho anh, cho xã hội, hay cho ai ?

— Sự thật, tôi đã nói rồi, là tôi say mê lắm mà không dám nghĩ mình

có thể viết truyện ngắn, truyện dài gì được. Chắc anh còn nhớ, vào hồi 1940 - 1945, chỉ có viết truyện mới được gọi là nhà văn, hai chữ « nhà văn » đẹp gấp nghìn vạn lần tấm Bắc-Đẩu bội tinh, cho nên bọn người có học, ai cũng ham. Cũng bởi thế, những người viết xã thuyết, bình luận chỉ được gọi là « nhà báo », hay cao hơn nữa, là « học giả » : hai chữ học giả cũng đã kêu lắm, nhưng vẫn chưa bằng nhà văn. Tôi từ nhỏ, vẫn được cái bậc cha chú cho là có khiếu « chính trị », cho nên đến lúc ra đời tôi viết và làm chính trị với một tinh thần chủ quan khá hỗn xược và kiêu ngạo, cả sau khi bị bắt mấy lần rồi vẫn thế. Nhưng về văn nghệ — ở đây là viết truyện — có lần tôi viết một truyện ngắn dài hai cột, đăng trên tờ báo do tôi làm chủ bút, mà đến khi cắt bài này đem đến « thỉnh thị » anh Nguyễn-Tuân, thì anh Tuân ngồi uống xong bữa rượu có 3 tiếng đồng hồ không nói câu nào, mà tôi thì buồn đi tiểu đến chết được vẫn không dám đứng lên, sợ đứng lên giữa lúc anh định cho biết ý kiến ..

— Ý kiến anh Tuân thế nào ?

— Sau cùng, tan bữa rượu, tôi phải về, cố thu hết can đảm hỏi anh một lần nữa, anh mới chợt nhớ ra, đem tờ báo ra xem lướt thật nhanh, rồi nói : — « Ừ, cũng có tâm sự đấy chứ ! »

— Anh có giận anh Tuân không ?

— Thú thật với anh là có giận, và buồn, điếng cả người.

— Sau đó, anh nghỉ không viết nữa phải không ?

— Vâng, tôi nghỉ luôn cho đến cuối năm 1956, tôi bắt đầu viết những truyện mới được in gần đây. Đó là trường hợp viết do chỉ thị cấp trên mà anh vừa nói đến vừa rồi.

Đến đây, tôi chợt thấy tôi có cơ hội để đặt một câu hỏi mà, xưa nay, rất ít người trả lời thành thật. Tôi hỏi :

— Trong thời gian nghỉ viết sáng tác hơn 10 năm, anh có lần nào thấy thèm khát được viết không ? Nói cho rõ hơn, là tôi xin anh cho các bạn đọc của B. K. biết anh có thấy công việc sáng tác văn nghệ là cần thiết cho đời sống của anh không ? Và, nếu có, xin anh cho biết vì lòng yêu nghệ thuật hay vì lẽ gì ?

Anh cười :

— Tôi sẽ trả lời « *tôi không thể sống không sáng tác* », anh sẽ nghĩ trong bụng rằng tôi nói dối, nhưng vì lẽ này lẽ khác, anh sẽ không nỡ nói ra... anh sẽ viết lại câu nói của tôi, để cho một vài bạn đọc mũi lòng thương con người « *ai đâu vì văn nghệ* ». Như thế sẽ có lợi cho tôi, phải không anh ?

« Nhưng bây giờ tôi xin trả lời anh :

— « *Tôi chẳng hề thấy cần phải sáng tác vì yêu văn nghệ. Trừ một trường hợp là, trong mấy năm gần đây, đã thỉnh thoảng được khen tặng đôi câu rồi, thì có vài lần chợt có một cốt truyện thích thú đặc biệt, tôi quả có ý nóng ruột muốn viết ra, đăng lên báo cho nhanh chóng, để được khen nữa. Nói tóm lại, tôi viết vì*

nhu cầu, (về chính trị, về kiếm sống) *và viết để được có danh tiếng* ».

Tôi hỏi :

— Còn trường hợp anh bị phê bình, anh có nóng lòng trả lời không ?

— Có chứ, nóng ghê lắm.

Tôi yêu cầu anh cho biết một ví dụ. Anh nói :

— Như vụ tôi bị buộc, trong một bài đọc sách, là có tư tưởng chủ bại. Tác giả bài đó lại không nói thẳng, mà chỉ gián tiếp nhắc đến đời tư của tôi. Tôi cho làm như thế là sai về tư tưởng, thấp về tâm hồn, nên tôi hết sức nóng nẩy, muốn trả lời một cách thật mạnh.

« Tôi nhớ có đọc bài trả lời này trong tờ Chỉ-Đạo, dưới hình thức một bức thư ngỏ gửi cho ban Giám đốc tờ báo. Bức thư có vẻ bình tĩnh, không đến nỗi nóng nẩy lắm ».

Anh giải thích một cách thành khẩn :

— Tôi nói nóng nẩy là sự nóng nẩy trong tâm hồn tôi. Vì nóng nẩy nên sinh ra độc ác, tôi viết bức thư ngỏ đó, ngoài sự tự bênh vực, còn có dụng ý đề cao và, do đó làm cho ban Giám đốc xấu hổ vì thái độ bất chính của người viết bài đọc sách.

Tôi bảo :

— Nghe nói sau vụ đó, tác giả bài đọc sách kia đã phải nghỉ việc ở tòa báo ấy có phải không anh ? Anh có lấy thế làm hài lòng không ?

— Không, tôi không dám theo dõi vụ đó, vì bài tôi đăng lên báo rồi, tôi thấy mình hèn quá, nên cố quên đi.

— Sao anh lại nghĩ anh hèn ? Tôi tưởng anh có thể cho anh là anh có quyền trả lời, còn câu chuyện nội bộ của tờ báo kia, anh làm thế nào mà đoán trước được ?

— Không đoán được, nhưng muốn cho nó xảy ra, hành động cho nó xảy ra. Có lẽ tôi có thể cãi rằng bức thư của tôi chỉ nói lên sự thật và lẽ phải... Nhưng nguy nhất là tôi biết trong thâm tâm tôi có ý mong muốn cho người viết bài phải mất việc. Riêng cái ý muốn cho địch thủ bị thiệt hại đã là tội lắm, tôi lại còn nghĩ mình hơn tuổi — do đó, hơn kinh nghiệm, thủ đoạn v.v... — mà dùng thủ đoạn như thế để hại người ít hơn mình lối 20 tuổi, thì quả là hèn quá ! Tôi tiếc nhất là không thể xin lỗi tác giả như hồi trước xin lỗi Thế-Phong...

— Tại sao không thể xin lỗi ?

— Vì tác giả cũng có lỗi về tinh thần.

Tôi nhân thấy anh nói « hồi trước xin lỗi .. », bèn hỏi anh có thể thuật lại việc đó hay không. Anh cho biết :

— Hồi đó tôi mới đến làm chủ bút tờ Văn-Hữu, tờ nguyệt san này lại mới chỉ sắp ra số 2. Mọi sự giao dịch giữa ông chủ nhiệm và tôi đều tốt đẹp. Đến một buổi tối, ông đến chơi nhà tôi, nói chuyện công việc một lúc rồi ông nhắc đến cuốn sách của Hoàng-Trọng-Miên, và cho tôi biết trong tờ V. H. A. C. có bài buộc H.T.M. và ngỏ ý yêu cầu tôi bênh vực họ Hoàng. Tôi nhận lời, hoàn toàn tin vào một là quyền hạn, hai là sự ngay thật của anh chủ nhiệm. Sự sơ xuất

của tôi nặng nề nhất là tôi không biết cả rằng cuốn sách của H. T. M. chính là do cơ quan ấn hành tờ Văn-Hữu giúp vốn cho in. Tôi chỉ vùi đầu vào đọc có bài của Thế-Phong (ký là Đ. B. B. mà, lúc đó tôi cũng không hỏi cho biết là ai) và cuốn sách của H. T. M. Thế rồi tôi viết bài bênh H. T. M. và tấn công Thế-Phong. Bởi đúng như tôi đã viết trong bài của tôi lúc đó, tôi không có cuốn sách của Nguyễn-Đổng-Chi, nhưng tôi bênh vực H. T M. bởi vì bài công kích H. T. M. viết kém quá. Tôi cứ suy lối viết văn mà đoán tác giả còn đi học, và dùng luôn chữ « em » để chỉ, mặc dầu tôi không có ác ý, mà đọc lên thì rõ ràng là có ác ý. Bài của tôi đăng lên báo rồi tôi mới biết một là tác giả là người, dù còn trẻ, dù mới viết, vẫn có thể gọi là đồng nghiệp với tôi, hai là cuốn sách của H. T. M quả có giống cuốn sách của Nguyễn-Đổng-Chi, đủ giống để gọi được là đạo văn. Tôi biết thế rồi thì ân hận lắm, và sau đó, tôi đã đi với Đỗ-Tốn — tác giả Hoa Vông Vang — đến gặp và xin lỗi Thế-Phong ở nhà hàng Thiên-Thai.

— Xin lỗi một bạn trẻ hơn nhiều như thế, anh có lấy làm hổ thẹn không ?

Anh trả lời :

— Tôi nghĩ mình có lỗi, mình xin lỗi xong thì nhẹ hẳn tâm hồn đi, chứ sao lại hổ thẹn. Tôi cho rằng chỉ đáng hổ thẹn nếu mình có lỗi, mình cứ cãi bừa đi, nhưng rút cuộc vẫn bị người đời biết rằng lỗi ở mình.

— Ví dụ ?

— Như bài « Tìm hiểu tác giả qua tác phẩm » tôi đọc ở đài phát thanh, sau bị một vài tờ báo công kích, không phải là công kích bài đó, mà là gán cho tôi những lời nói, những ý nghĩ, thậm chí bóng gió cả đời tư của tôi, cốt để cho độc giả chỉ đọc bài của họ (mà không nghe bài của tôi) thì tất nhiên cho rằng tôi là thằng khốn kiếp, lăng mạ cả cụ Nguyễn-Du, trong khi bản thân tôi bẩn thỉu từ đầu xuống chân.

— Anh có quyền trả lời ?

— Vâng, tôi có đến gặp người giữ mục đó. Tôi trách anh sao lại cho đăng những sự kiện trái hẳn với sự thật, có thể có hại cho tôi. Anh có biết anh bạn ấy trả lời thế nào không ?

— ...?

— Anh ấy bảo tôi — đúng nguyên văn — rằng : — « *Cậu mà cũng để ý đến loại tác giả những bài lăng nhăng ấy hay sao ? Mình bí quá, đăng bừa đi. Bọn mình đã ngồi xổm lên dư luận rồi, còn cần gì bọn chúng ?*

Tôi gật mình, bật ra câu hỏi vô ý :

— Ai ? Ai thế ?

Anh không chịu trả lời, viện lẽ tên người đệ tam thuộc quyền họ, được giữ bí mật, anh không có quyền tiết lộ. Tôi cũng thấy câu truyện đã hơi dài về phần xử thế của anh. Tôi thấy đã đến lúc đặt lên thảm xanh cái vấn đề tôi muốn hiểu nhất về anh : *vấn đề viết truyện khoa học*. Tôi hỏi :

— Tại sao anh viết truyện khoa học dự tri và giả tưởng ?

— Tại... tôi thích.

— Tại sao anh lại thích ?

— Tại... tại « nó » là một thứ « xú-bắp an-toàn », cứ mỗi khi mình phẫn nộ với hiện tại, uất ức vì cái khả năng hèn mọn của mình *không* làm được gì chống lại sự « an bài » của đời sống, thì mình viết truyện ; viết truyện thường mà cho nhân vật cao quá, đẹp quá thì lố bịch, cho nên mình viết truyện khoa học thì tha hồ... bịa.

— Ví dụ ?

— Ví dụ, để chống lại quan niệm đặt vật chất lên hàng tối thượng, tôi viết lại truyện « *Người năm 5000* » trong đó có anh một mình chiếm được cả thế giới rồi, mà sức mạnh không có ai mà đánh, tiền bạc không có ai để khoe, thế là đủ cho anh ta thấy sự có mặt của một đồng loại là quý giá.

— Còn nguyên nhân nào nữa không anh ?

— Nguyên nhân nữa là chống sự an bài của chính Tạo-hóa, chống lại sự kiện bất di dịch : sinh, sống, chết. Con người mà còn phải chết, còn bị cái chết cắt đứt mọi thứ tình cảm, mọi thứ sự nghiệp, thì sự cố gắng, sự vùng vẫy của con người chẳng qua là sự vùng vẫy của con cá nằm trên chiếc thớt. Tôi biết có nhiều người đã có sự phẫn nộ giống tôi, đối với sự giễu cợt của Tạo-hóa, bất mình làm đủ mọi việc để chống lại ông ta, mà thật sự, vẫn luôn luôn ở trong lòng tay ông ta.

Tôi nhìn ngọn đèn dầu nhỏ li ti mà hỏi, không khỏi ngậm ngùi :

— Như vậy, anh cho là mọi sự chống đối lại Tạo-hóa đều vô ích sao ?

— Tôi tưởng không nhất định là vô-ích. Trong số người có ý nghĩ chống lại Tạo-hóa thì có một số trí não mỏng manh, không chịu nổi sự suy nghĩ của chính mình khi nó lên đến mực cao quá, xa quá. Ví dụ đa số chúng ta nghĩ về thời gian, thường nói từ 5, 10 năm, đến hàng triệu, trăm triệu năm, nghĩa là, dù sao vẫn phải có một quãng ngắn làm thước đo. Chúng ta đã quen rồi. Nếu bây giờ đặt chúng ta đứng trước sự Vĩnh-viễn, nghĩa là sự Vô-cùng về thời gian, thì chúng ta sẽ thấy cái nhỏ bé ngắn ngủi của kiếp sống của mình, chúng ta sẽ phát điên, vì trí não ta không dung nổi « *một hình ảnh đi quá sức tưởng-tượng-bằng-những-đơn-vị-đo-lường-quen-thuộc* ».

Tôi quay lại nhìn anh :

— Còn những người còn lại ?

— Một số rất nhỏ còn lại là những người có trí óc vượt tầm trung bình, có khả năng chịu đựng được sự hiển hiện của những sự kiện có tính chất *tuyệt-đối* hay *vô cùng*. Những người đó ý thức được đời sống vượt ra ngoài khuôn khổ của sự « sống hàng ngày », và thể hiện được cuộc-sống-vô-thường vào trong một tác phẩm. Ví dụ Beethoven, Shakespeare, Dostoïevski, hoặc như Einstein, trong khoảnh khắc viết ra công thức $E = Mc^2$, đã thấu đáo hẳn hoi được sự cấu tạo của bản thể. Số người này rất ít : Hemingway, Bernard Shaw, Léonard de Vinci v.v... chưa dự được vào số đó.

— Còn ai nữa ?

— Còn những người viết truyện khoa học.

Tôi thốt lên một tiếng « Á » dãy nẩy như bị kiến lửa đốt... giật mình. Tác giả « *Ba người lính nhảy dù* » thản nhiên.

— Trong số người viết truyện khoa-học, có tôi. Nói một cách khác, là tôi ngang với Shakespeare. Einstein, và hơn Hemingway, Tolstoï. Nói cho cùng. thì có lẽ tôi cũng hơi... điên rồi. Nhưng, dù sao, tôi cũng muốn nói lên một ví dụ như truyện « *Đại úy Trường-Kỳ* » là truyện của tôi mà tôi thích nhất. Tại sao tôi lại thích nhất ? — Tại vì trong truyện có một mối tình đã vượt qua thể xác, và tồn tại sau khi thể xác chết đến 5 năm. Người ta cho rằng cái Chết cắt đứt mọi việc làm, mọi tình cảm... Và người ta đã nhầm. Hay nói cho đúng, là cái Chết đâu có quyền vạn năng như người ta tưởng. Chứng cớ là cái Chết không làm chết được tình yêu của cô Trang. Cái Chết không có quyền vạn năng, Tạo hóa bầy đặt ra cái chết, Tạo hóa cũng không cấm được cô Trang đi tìm cậu Trường-Kỳ. Đến đây, tôi nhận thấy uy quyền của tôi thật là lớn mạnh : tôi giễu cợt cả cái Chết, cả Tạo-hóa. Sự giễu cợt của tôi *có lý* cho nên nó *có giá trị*. Chỉ tiếc rằng sự chống đối của tôi chỉ đến được đoạn giữa câu truyện. Trong đoạn sau, linh hồn cô Trang đòi cậu Kỳ yêu đương, nhưng bị cướp nhầm xác đàn ông mà tuyệt vọng, mà tan biến mất cái sức mạnh gấp ngàn ngàn lần ; trong đoạn này, phải thành thật mà chịu thua, vì Tạo-hóa đã đòi được quyền « dùng thể xác chi phối ái tình », đồng thời cái Chết cũng nắm được cô Trang, nắm bẫn. Sở dĩ có sự thất bại này là vì tôi chưa có đủ khả năng kéo dài và kết thúc câu truyện một cách vừa hợp lý, vừa chống lại Tạo-vật.

— Như thế là anh thất bại ?

— Vâng, sự thất bại đã hình thành ngay từ khi tôi nghĩ xong cốt truyện. Tuy nhiên, điều tôi muốn nói, là dù thành hay bại, những kẻ cầm bút viết truyện dự tri, giả tưởng khoa học, dù sao cũng đã tìm thấy một phương pháp chống đối lại Tạo-hóa, mặc dầu sự chống đối chỉ riêng ở trong tâm tưởng...

Đến đây, tác giả « *Ba người lính nháy dù...* » đột nhiên chìm giọng xuống một cách buồn rầu. Hai con mắt anh không còn nhìn tôi, mà dán chặt vào ngọn đèn cháy leo lét ở giữa đi-văng. Anh nói :

— Còn một điều nữa, anh ạ, một điều hết sức phức tạp, mà tôi cố sức trình bầy với anh hôm nay, là những câu truyện rõ rệt là bầy đặt, nhưng cũng hết sức hợp lý — bởi vì hợp với khoa học — nó cho tôi cái cảm giác rất lạ là tự mình trêu cợt mình. Tôi đã nhiều lần tìm cách giải thích sự kiện này, và tôi thấy rằng mỗi khi viết truyện là một phần tâm hồn mình đã sống theo nhân vật trong truyện. Nói như thế có nghĩa là trong khi viết truyện « *Đại úy Trường-Kỳ* » chả hạn, thì một phần nào sự sống của tôi đã sống theo cái đà tình cảm của linh hồn cô Trang. Tôi thấy trong tôi, trong giây phut, quả đã có thực cái tấm tình tha thiết, say đắm một cách ghê gớm ấy. Thế mà, đến đoạn cuối, lại chính vì ý muốn của tôi mà linh hồn Trang bị tuyệt vọng, thứ tuyệt vọng nghìn nghìn lần đau đớn, thì tự nhiên tôi thấy *chính tôi đã làm cho tôi tuyệt vọng*, chính tôi lại giễu cợt tôi sau khi đã bầy đặt cho tôi cả một sự « đi tìm hạnh phúc » công phu như linh hồn Trang đi tìm Trường-Kỳ. Kết

cục câu chuyện vừa phi-lý, vừa hữu lý của câu truyện làm cho tôi có cái thích thú của một người mê đánh cờ, mà đánh được nước cờ bay. Nói tóm lại, tôi kiêu hãnh vì tự tôi giễu cợt được tôi, không khác gì Tạo-hóa vẫn hằng ngày giễu cợt tôi. Tôi với Tạo-hóa, dù chỉ ngang được quyền nhau trong khoảnh khắc một cái chớp mắt, cũng đủ sướng cả một đời rồi.

Dưới ánh sáng của hai ngọn đèn — một dầu, một điện — và đằng sau cặp kính cận thị, cái tia nhìn vừa long lanh vừa đóng đinh vào một vật gì ở bên kia thực tại làm cho tôi có liên tưởng như gặp tác giả « Kỳ-Hoa-Tử » ở dưỡng trí-viện Chợ-Quán hay Biên-Hòa. Tôi gượng bảo anh :

— Anh đã đứng tuổi mà còn nhiều thanh niên tính lắm nhỉ ?

Anh phá ra cười :

— Anh phải nói là tôi tinh nghịch lắm, hay phát điên rồi mới đúng. Ấy, có nhiều người biết xem tướng, bảo sau này thế nào tôi cũng hóa điên đấy anh ạ. Tôi cũng thấy có thể lắm, mà không riêng gì tôi. Hầu hết chung ta đều bị đặt trước những hoàn cảnh có những sức mạnh nó chen lấn mình thái quá. Thà mình chịu thua, nghĩa là sống một cuộc đời bình thường, thì thôi, còn nếu mình cố chống cự, cố tìm đến tận gốc để giải quyết những vấn đề nó đến với mình, thì mình rất có thể bị tràn ngập, bị xâm chiếm đến mất hẳn tính điều độ.

Tôi thấy cần phải đi ra khỏi vấn đề gai góc về điên hay không điên này. Nhân thấy anh nhìn mãi vào ngọn đèn, vả lại đã có giao ước không giấu giếm bất cứ điều gì, tôi lựa lời để đi vào một lãnh vực hết sức phức tạp và tế nhị.

— Anh chơi... anh dùng... cái này, chắc vì anh có bệnh ?

Tác giả « *Kỳ-Hoa-Tử* » với « *Tuyện ngắn không đặt tên* » trả lời một cách nhanh chóng :

— Vâng, tôi có bệnh, bệnh kinh niên ghê gớm lắm anh ạ : bệnh không chơi thì thôi, chơi vào đâu là đam mê luôn ở đấy.

— Nghĩa là anh ham chơi thì anh... thì anh..

— Nghiện.

Tôi nhận thấy người bạn đối diện có đủ thẳng thắn để cho phép tôi hỏi một câu hết sức sỗ sàng :

— Xin lỗi anh, anh có lấy thế làm... làm xấu hổ không ?

— Có, có, anh ạ, Xấu hổ lắm.

— Mặc dầu anh không làm bậy ? Và luôn luôn cố gắng, như anh đã kể lại trong truyện ngắn không đặt tên ?

— Vâng, mặc dầu không làm bậy, mặc dầu vẫn cố gắng ngày đêm. Tôi có thể nói với anh rằng tôi dám cam kết, trên hương hồn mẹ tôi, rằng tôi xét mình tôi từng ngày, từng giờ. Tôi bắt buộc phải giữ đúng theo nền nếp luân lý, đúng theo quan niệm của mẹ tôi hồi người còn sinh tiền, mặc dầu có khi tôi không đồng ý.

— Anh có thể cho tôi biết một trường hợp anh không đồng ý với cụ nhà hay không ?

— Có, anh ạ. Ví dụ tôi cho rằng ở đời có nhiều trường hợp trong đó mình được phép nói dối, chả hạn như nói dối một câu không quan hệ mà bảo đảm được quyền lợi to tát của mình. Còn mẹ tôi, mẹ tôi chấp nhận có một trường hợp độc nhất: là nói dối để cứu người khác. Mẹ tôi nghiêm lắm về việc này. Tôi đã hỏi mẹ tôi — vào khoảng 1940-45 gì đó — rằng tôi chống Chính phủ, nếu bị bắt, bị tra hỏi, thì tôi phải nhận hay được chối. Mẹ tôi bảo không được chối. Tôi vẫn không cho mẹ tôi nói thế là phải. Nhưng đến khi mẹ tôi mất rồi, tôi mới cố giữ.

— Anh đồng ý rằng bị địch bắt hỏi, mình vẫn phải nó thật ?

— Riêng về tôi thì vâng, còn về người khác thì, theo mẹ tôi, tôi có quyền nói dối để bảo vệ anh em. Tôi đã hiểu rằng một người bị bắt, bị giết, không có nghĩa lý gì đối với một tập thể. Còn nếu tôi giữ được sự chân thật thì sự chân thật có giá trị rất lớn đối với anh em.

Trở lại vấn đề bỏ dở trên, tôi hỏi :

— Anh nói có xấu hổ, tại sao anh không tìm cách bỏ đi ? Tôi thấy có nhiều người bỏ được đến 10 năm không hút một điếu nào.

— Vâng, chất ma túy có làm nghiện về thể chất, nhưng chỉ có cái nghiện về tinh thần mới khó bỏ. Riêng phần tôi, tôi cho rằng tôi chơi không có hại mà có lợi cho bản thân tôi, nên tôi không bỏ.

« Có lợi cho bản thân ! » — Tôi nhìn anh nghi ngờ, anh bèn giải thích :

— Vâng, nói ra thì có vẻ ngụy biện, nhưng sự thật là có lợi. Trước hết, về tiền bạc, tôi tiêu mỗi tháng cho riêng tôi hết ba nghìn.

— Ba nghìn ?

— Vâng, chỉ có ba nghìn thôi.

Anh bạn dễ dãi của tôi đã cho tôi biết từng chi tiết về hàng họ, giá cả, về sự kiện tại sao mua đi năm nghìn, lại bán lại được hai nghìn. Anh kết luận :

— Đấy, anh xem, tôi tiêu cho tôi vừa bằng 1 li rưỡi whisky mỗi ngày. Thế mà về tinh thần thì có lợi vô cùng. Lợi vì Việt-Cộng bắt được tôi, hai lần định giết, sau có người muốn bênh vực, chỉ có việc nói « Nó nghiện, nó làm gì được mà sợ ! », thế là tôi được thả về. Lợi vì tôi biết xã hội khinh người nghiện, nên cố gắng làm việc. Lợi vì tôi biết xã hội nghi ngờ người nghiện, nên tôi càng cố gắng giữ lấy chân thật.

Thấy anh « có lý » quá, tôi cười, hỏi anh có ngụy biện để tự bào chữa không. Anh nghĩ một lúc rồi lắc đầu :

— Không, anh ạ, tôi thấy tôi không ngụy biện. Tôi cố hết sức thành thật đối với công việc mà anh đảm nhận, bởi vì tôi cho rằng cái tốt cái xấu của cá nhân tôi chẳng có gì đáng kể, trong phần đời còn lại của tôi (có thể coi như một khoảnh khắc đối với lịch sử văn nghệ). Tôi hi vọng còn khoẻ mạnh được lâu, còn viết thêm được khá, rồi có được tác phẩm để lại về sau, thì sự thành thật của tôi bây giờ có thể có ích cho sự nghiên cứu sau này rất nhiều.

Tôi đồng ý với anh, và tỏ ý muốn anh nói về cuộc đời viết văn của anh nhiều hơn. Tôi hỏi, để mở đầu trở lại vấn đề :

— Anh nghĩ thế nào về những tác phẩm của anh đã xuất bản ?

Anh cười, lắc đầu :

— Anh ác lắm, anh ác lắm ! Nhưng tôi đã hứa, tất nhiên sẽ phải trả lời, anh mà viết câu trả lời của tôi lên báo, thì độc giả có chê cười, là chê cười chính anh đấy Bây giờ tôi xin thưa : tôi nghĩ rằng tôi viết có kỹ thuật khá cao, nhưng viết một cách lộn ẩu, không có kế hoạch, không có dàn xếp, nên đã mắc phải nhiều lỗi rất nặng.

— Ví dụ ?

— Ví dụ hầu hết các nam nhân vật của tôi đều tuổi 40, đều con quan, có cha lấy vợ bé, mẹ rất hiền đức, vợ rất ngoan, còn chính hắn thì luôn luôn có tình cảm rất nặng và luôn luôn... chống Cộng.

— Ví dụ ?

— Ví dụ tôi phân tích, giải thích nhiều quá, không để cho độc giả tự hiểu thêm — nghĩa là khám phá — được gì nữa.

— Anh có dự định gì cho tương lai ?

— Hiện gần gụi thì tôi đương viết truyện trinh thám, gián điệp cho một tờ báo hằng ngày, sắp đăng. Còn trong tương lai, tôi ao ước có hoàn cảnh để viết nốt truyện dài « « *Lạc đường vào lịch sử* » tôi đã đăng được ba kỳ trên báo Chỉ-Đạo.

— Truyện anh định viết chắc có liên hệ đến cuộc kháng chiến dân tộc ?

— Vâng. Tôi vẫn tiếc 9, 10 năm kháng chiến, chưa thể hiện bằng văn nghệ lấy một phần, Tôi sẽ cố gắng viết một truyện, trong đó có cán bộ Việt-Cộng, có cán bộ quốc gia, có thường dân tham dự một vài trận đánh lớn, nhưng cũng có cả những thời kì du kích, thời kì tăng gia sản xuất, và có cả những đoạn đời thống khổ của thời kì tản cư lên vùng Phú-Thọ, Yên-Bái, 10 người chỉ còn 1 hay 2 người.

— Anh có sợ tham lam quá không ?

— Có chứ, tham quá là hỏng. Nhưng tôi sẽ cố gắng tự kiểm soát, và sẽ trông đợi ở các anh Tôi viết đến đâu, đưa các anh xem, các anh bảo được thì tôi viết tiếp, bảo hỏng thì tôi viết lại. Như thế là con tôi đẻ, mà các anh nuôi, nó không ra gì, các anh cũng xấu lây. . .

*
* *

Tôi nhận thấy anh đã tỏ dấu mệt nhọc. Anh phải cắt một câu thành nhiều đoạn ngắn để nghỉ. Tôi liếc nhanh vào cổ tay : từ lúc tôi đến, đến bây giờ đã qua hai tiếng đồng hồ. Trước khi đứng lên, tôi nói đùa anh :

— Thế mà bảo là thành thật ! Anh bảo anh không yêu văn nghệ, chỉ viết vì nhu cầu, vì tiếng khen thôi, mà mệt lử người rồi còn cố nói mãi !

Anh chớp mau đôi mắt :

— Sự thật thì « được tiếng khen, ho hen chẳng còn . . . », người đời tranh nhau một tiếng khen, đến chết cũng còn dám, nữa là mệt lử mà thôi hay sao ?

Tôi nghĩ rằng cả đến câu « bao biện » sau cùng này cũng có thể gọi được là thành thật. Và, khi bắt tay anh ở ngưỡng cửa, tôi chẳng thấy khó chịu vì gặp một quái tượng như lắm bạn đã bảo, mà chỉ vui vui vì được hai giờ « tâm tình » với một hiện tượng.

NGUYỄN-MẠNH-CÔN

☆

Bùi-Giang

★ BÙI-GIÁNG

Sanh năm 1926 ở Duy-Xuyên tỉnh Quảng-Nam (Trung-Việt).

Dạy học, viết văn, làm thơ, soạn sách giáo-khoa.

Cộng tác với: Đời mới, Giáo dục phổ thông, Bách-Khoa, Mai, Định hướng...

Anh Ngu-Í,

Xin gửi anh vài kinh nghiệm và ý nghĩ riêng:

— Viết cũng như sống: Cần chút trật tự, điều hòa; ăn ít, ngủ nhiều. Đừng để những bực bội phá giấc ngủ. Thỉnh thoảng đi về Lục Tỉnh... (Con đường từ Long-Xuyên xuống Châu-Đốc đẹp lạ lùng.)

Không hút thuốc lá nặng khói, Nên uống la-de, uống vừa phải.

Tôi xin trở lại với *giấc ngủ*, vì vốn xem đó là cái tốt nhất trong đời. Nếu có thể, nên ngủ thật sớm (lúc 7, 8 giờ tối) để có thể thức giấc lúc 4, 5 giờ sáng. Ra đường đi dạo « lai rai » vài tua, hít thở nhịp nhàng, rồi trở về ngồi viết hoặc nằm viết.

Đừng nên ngủ chung giường với một người nào. Hơi thở của bọ sẽ chi phối nhịp thở của ta.

BÙI-GIÁNG

TchyA

Á-Nam

Phạm-Văn-Hạnh

ĐIỂM SÁCH

Tên sách : Viết và đọc tiểu thuyết

Tác giả : Nhất-Linh

Nhà xuất bản : Đời Nay, 1961

Cô PHƯƠNG-THẢO

ĐẦU năm 61, trước khi cho ra hàng loạt tác-phẩm, nào *Mối tình « chân »*, *Dòng sông Thanh-Thủy*, *Thương chồng*, nhà văn lão-thành Nhất-Linh trình bày quan niệm của mình về *Viết và đọc tiểu-thuyết* trong một tác-phẩm biên khảo đầu tiên.

Sách in chữ lớn, dày khoảng 100 trang, chia làm ba phần rõ rệt : Phần nhất, *nói chung về tiểu-thuyết*, tác giả kể những lầm lỗi của mình trong khi sáng-tác, bàn về lợi ích của tiểu-thuyết để cuối cùng dẫn đến một câu định-nghĩa về tiểu-thuyết hay. Phần hai, nói về cách *viết tiểu-thuyết*, tác-giả đi vào chi tiết vấn-đề, trình bày đại-cương của truyện và cách xây-dựng nhân vật. Phần ba, là *đọc tiểu-thuyết*, tác-giả nhấn mạnh vai trò độc-giả trong sự xây-dựng văn-hóa.

* * *

Ưu điểm đầu tiên của tác phẩm chính là *giá trị hướng dẫn*, một sự hướng dẫn cụ-thể, giản dị xa hẳn những lối giảng giải uyên bác, khoa đại, thường thấy trong những con người mọt sách vốn dễ sợ hãi tác-phong bình dị, lầm tưởng đây là trạng chứng nghèo nàn nên thích nấp vào trong cõi trừu tượng, trong vỏ cầu kỳ để che đậy sự trống rỗng. Ông Nhất-Linh đã cố « *tránh dùng những chữ khó hiểu, những câu ý nghĩa tối tăm* », bởi vì ông không

viết cho «*một số ít ỏi có học thức cao, quen thuộc với những danh từ triết lý*», (*trang 7*) Sự hướng dẫn của ông nhằm mục đích phổ biến rộng rãi, và thái độ ấy gần như phản ứng lại cái hiện tình văn nghệ vồn ưa những sự kiểu cách, tối tăm. Nhờ đó, người đọc có cái thú vị tìm thấy một sự sống thực đã được đúc kết thành những kinh nghiệm, và dễ có niềm tin-tưởng khi nghĩ đến 40 năm từng trải trong nghề của chính tác giả. Người ta không chỉ đọc những lời văn, mà còn thấy được con người, không chỉ đọc những kinh-nghiệm, mà còn thấy được sự-sống. Vồn đủ tư-cách hơn bất-cứ ai để đem kinh-nghiệm bản-thân chứng-dẫn cho sự trình-bày, tác giả còn thừa mặc cảm tự-tôn để làm một cuộc kiểm-thảo, nói đến những ưu, khuyết điểm của mình. Do đó, ưu-điểm thứ hai là trong lĩnh-vực văn-học tác-giả đã đem vào một *tinh thần mới mẻ* để mà đóng góp thiết-thực, chân-thành.

Nhưng quan niệm của một nhà văn lão thành có nhiều nhiệt-tâm đối với văn-học, ngày nay có thể giúp đỡ chúng ta đến mức độ nào? Và những ý kiến, những kinh-nghiệm, dù là nặng về phổ-cập, có thể soi sáng cho ta thấy được những gì?

*
* *

Trước hết, chúng ta tìm hiểu thiện ý tác-giả khi viết về tác-phẩm này, là nhằm phục vụ đối-tượng đông-đảo gồm hai loại người: những người viết văn và những độc-giả. Về người viết văn, tác giả phân làm hai hạng: hạng mới vào nghề và hạng có nhiều tác-phẩm. Những người mới bước vào nghề, theo như tác giả quan niệm, có thể rất là đông-đảo: «*Bất kỳ ai biết viết quốc-ngữ, cho dẫu người đó viết văn sai mẹo hay không có học-thức cao rộng, cũng có thể viết ra những tiểu-thuyết có giá trị*» (trg 7). Về phần độc-giả, theo như tác giả mong-ước, cũng không phải ít: «*Những ai ít học không nên vì lý-do ấy mà bỏ cái thú thanh-tao đọc-sách* (...) *và các bạn nghèo — tức là số đông — sẽ là những độc-giả thúc đẩy mạnh nhất nền văn hóa nước nhà*» (*trg 10*).

Như thế, đối tượng của tác phẩm thật là vô cùng rộng rãi, bao gồm cả người sáng-tác và người tiêu-thụ ở mọi tầng lớp dân chúng. Nhằm một đối-tượng như thế là vì tác giả có niềm tự tin và được thúc đẩy bởi một tinh-thần trách nhiệm: «*sau gần bốn mươi năm kinh-nghiệm viết tiểu thuyết, trải qua bao nhiêu phen lầm lỗi và tìm tòi, tôi tự thấy có trách-nhiệm giúp đỡ một phần nào vào sự cố gắng của hàng nghìn hàng vạn các anh chị em...* (*trg 8*).

Đối với những thiện-ý ấy, chúng ta đều muốn bày tỏ tấm lòng quí mến chân-thành. Nhưng chúng ta không ngăn được nỗi hoài-nghi ở trong nhiều điểm.

Chúng ta dễ-dàng đồng ý với tác-giả rằng « *chỉ có những người thợ, người dân-quê mới dễ viết tiểu-thuyết về đời sống của họ* » (trang 9) và muốn viết văn « *cái chính là cần có khiếu riêng, cái khiếu ấy có thể có ở bất cứ giới nào, người làm thợ hay người làm ruộng, nhưng xưa nay không nảy-nở ra được chỉ vì cái thành-kiến trưởng giả cho văn-nghệ, tiểu-thuyết là một thứ cao-siêu dành riêng cho một hạng người* ». (trang 8). Trên một nhận-thức thuần lý, những ý-kiến này thực là xác-đáng, tiến-bộ. Nhưng giá-trị của một nhận-thức chỉ có thể kiểm-chứng ở trên thực-tế mà thôi.

Thiết tưởng, vấn-đề chính yếu không phải chỉ là nói lên cái thành-kiến ấy, cái sự-thực ấy, bởi vì bao nhiêu điều đó đã được nói đến từ lâu lắm rồi. Hiện-tình văn-nghệ đòi hỏi thanh-toán cái thành-kiến ấy, chứng minh cái sự thực ấy, và những người có cái ý-thức xây-dựng xã-hội — trong số đó các người cầm bút là một lực lượng đáng kể — phải thành-tâm góp sức giải quyết vấn-đề một cách thiết-thực bằng những phương tiện có thể đạt được của mình.

Ở đây, tác-giả chỉ nêu lên sự kiện đó với một thái độ hoàn-toàn không có trách-nhiệm. Sau khi nêu lên, cơ hồ tác-giả như thấy quần-chúng đã làm văn-nghệ được rồi, có thể tìm ra cái thú thanh-tao đọc sách được rồi. Và tác-giả vội-vàng góp sức chỉ vẽ cách đọc, cách viết. Nhưng giữa vấn-đề tác-giả quan-niệm và sự thực-hiện quan-niệm còn có một khoảng cách xa thăm-thẳm Khoảng cách xa ấy, tác-giả không chịu đi cùng chúng ta mà vội đẳng vân giá võ lướt qua rất chóng Vì thế, trong khi tác-giả đứng bên kia bờ truyền đạo thì đa số chúng sinh chưa đóng kịp bè vượt biển mà sang.

Một sự dẫn-giải phần lớn rơi vào hư-vô vì không nhằm đúng đối-tượng, không phải là thiếu nhiệt-thành, nhưng mà phí nhiều sức-lực, chỉ đưa đến cái tác-dụng giải-tỏa lương-tâm của chính bản thân người viết. Nói thế là vì chúng ta thấy đều thấy rằng ở trong hiện-tình, vấn-đề phải được đặt ra cách khác, giải-quyết bằng một cách khác. Xét trên thực-tế, người làm thợ, người làm ruộng thiếu hẳn đồng tiền mua sách, không có thì giờ đọc sách, nói gì đến chuyện viết văn ? Phỏng họ viết được, thì ai sửa chữa, ai chịu đăng-tải, ai chịu xuất-bản ? Và xuất-bản được thì bán cho ai ? Chính ngay quyển *Viết và đọc tiểu thuyết* đã được mấy người bình-dân biết đến ? Và với số trang thế ấy, giá tiền thế kia, vị tất đã có mấy người mua được ? Và mua được rồi, chưa hẳn đã hiểu đủ ý trong sách, mặc dầu tác-giả đã nói ở ngay trang đầu : « *Đây là cuốn sách viết để bất cứ người nào cũng có thể hiểu được miễn là biết đọc chữ*

quốc-ngữ ». Chúng ta khó lòng mà tin như thế, bởi vì *hiểu được* và *đọc được*, là hai việc khác nhau xa lắm. Một quyển sách dễ hiểu không phải ở chỗ dễ đọc (sách nào mà chẳng dễ đọc, nếu in rõ ràng ?) mà ở quan-niệm trong sách, ý-tưởng trong sách và ở cách thức lập-luận, trình bày.

Nói thế, thực không có ý phủ-nhận giá-trị tác phẩm mà chỉ muốn xác-định rằng, đối tượng theo như tác-giả quan-niệm là một đối tượng hoàn-toàn không-tưởng. Tác-giả chỉ *muốn tìm đến* chứ *chưa đi đến*. Giá-trị của nhận-thức làm đầu mối cho tác-phẩm chỉ là giá-trị của sự *mong đợi* chứ không phải một giá-trị *thực-hiện*. Cho nên xét trên thực-tế, tác-phẩm có thể dẫn đến hai cái hiện-tượng trái ngược: Một là, về phần tác-giả, một số vấn-đề có bị đơn-giản-hóa, trở thành khó khăn trong sự diễn-tả. Hai là, về phần độc-giả, thì cái đa số mà tác-giả nhắm vào có lẽ không thể đọc được tác-phẩm nhưng chính thiểu số tác-giả ít chú tâm đến, lại đi tìm hiểu tác-phẩm.

Tác giả có thể trả lời cho chúng ta rằng: Đứng trên cương-vị nhà văn, tác giả hì nên trình bày những gì liên thuộc trực-tiếp đến nghề cầm bút mà thôi. Làm cho quần chúng có ăn, có học, có sách và có thì giờ để xem là cái phần việc của nhà chính trị, của nhà xã-hội, tác giả không thể ôm-đồm, bao biện, ra khỏi biên giới của mình. Tác giả chỉ hướng về phía tương lai, nghĩ đến những cái sẽ có, phải có, là quá đủ rồi.

Câu «Anh hàng giày xin chớ lên trên giày dép» của chàng họa-sĩ Apelle ngày xưa không phải là một quan-niệm hoàn-toàn đúng-đắn. Nhất là ở trong lĩnh-vực văn-nghệ mà nhiệm vụ chính là mô-tả con người và các phương thức sinh hoạt của nó thì cái ý-thức văn chương thuần túy không còn tồn-tại được nữa. Hơn nữa, một tác-phẩm biên-khảo có cái nhiệm vụ hướng dẫn cụ thể cho một đối tượng thì phải nhìn thấy cái đối tượng ấy rõ rệt cũng như một người thợ may áo không thể ước lượng ni-tấc về một khách hàng tưởng tượng. Nhưng ở đây, vấn-đề không phải đơn giản là vậy. Sở dĩ chúng ta nhận xét đối tượng tác-phẩm có cái tính-chất không tưởng là vì *sự nhận định về đối tượng có tương quan mật thiết đến vấn-đề đặt ra cho đối tượng ấy*. Nói cụ thể hơn, tác giả quan niệm về người độc giả của mình thế nào thì cái quan-niệm sáng tác của chính tác giả vạch ra cho họ cũng mang tính chất phù hợp. Và kẻ độc-giả đã là trừu tượng, thì lẽ dĩ nhiên quan-niệm văn-nghệ cũng thành trừu tượng.

Do đó, ngay từ đầu tác-phẩm, nói về lầm lỗi của người cầm bút, tác giả cho rằng khuyết điểm lớn nhất là không lấy *sự viết hay* làm điều chính yếu. Kể ra nếu chỉ có bấy nhiêu thôi, thì là quá đúng. Quá đúng y như câu nói của ông thầy võ trong kịch

Molière : « Bí quyết nghề võ là làm thế nào đánh trúng kẻ khác và để kẻ khác đừng đánh trúng mình». Nhưng làm thế nào đánh trúng, cũng như phải làm thế nào viết hay là chuyện thiên-nan vạn nan có thể đánh đổi cả một cuộc đời mà chưa đạt được. Chắc rằng ngày xưa không phải tác giả không nghĩ như thế, (bởi vì đã viết thì ai chẳng muốn viết hay), nhưng vì *chưa biết cách nào để làm cho hay* đấy thôi.

Vậy thì muốn hay phải làm thế nào ? trước hết tác giả gián tiếp trả lời trong câu định-nghĩa : « một cuốn sách hay phải có giá trị trong không gian và thời gian» (trg 39).

Thực ra, câu đó không phải là một tiêu chuẩn hợp lý. Chưa nói tính chất mơ-hồ, nghi-nghĩa của tiếng « không gian » và tiếng « thời gian », (bao nhiêu dặm đất mới tạo nên không gian ấy, bao nhiêu năm tháng cho thời gian kia ?) câu định nghĩa trên *chỉ có tác-dụng đối với tác-phẩm đã qua chứ không tác-dụng đối với tác-phẩm hiện tại.* Với định nghĩa này, người ta đành phải bó tay trước những công-trình trước mắt và đành trồi-trăng cho lớp con cháu về sau phê bình tác.phẩm bây giờ. Nhưng một khi tác-phẩm còn được truyền tụng đến con đến cháu chúng ta thì nhất định nó hay rồi, cần gì phải có cái tiêu-chuẩn ấy ! *Bởi vậy yêu-cầu trước nhất là phải xác-định cho được giá-trị hiện-tại, vì mọi sự vật đều có giá trị tương-đối và chính giá trị trước mắt trực-tiếp liên hệ đến cái đời sống chúng ta, cho nên nó là quan trọng hơn cả.* Chúng ta quả có yêu mến đồ cổ nhưng chính các đồ cổ ấy sở dĩ tồn tại về sau là vì thời nó người ta không đập vỡ đi, bởi đã biết rằng nó là xứng đáng để lại. Tóm lại, một định nghĩa như vậy chỉ có ý nghĩa đối với những người ham chơi đồ cổ mà thôi. Và không có một kẻ nào lại đem câu ấy để mà tiên đoán cho những tác phẩm hiện tại, bởi vì chưa ai ở trên đời này có cái tự kiêu vô lối đem mình thay thế lịch sử và quần chúng được.

Có lẽ tác giả cũng thấy một câu định nghĩa như thế thật là khó lòng đứng vững trải qua không gian và qua thời gian vì nó thoát ly thực tế trước mắt, cho nên tác giả dẫn đến một câu định nghĩa thứ hai tỉ mỉ hơn nhiều. Chúng ta có thể nhắc lại sau đây :

« *Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thật cả bề trong lẫn bề ngoài, diễn được một cách linh động các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống với tất cả những chuyển biến mong manh, tế nhị của tâm hồn bằng những chi tiết về người và việc để làm hoạt động những nhân vật cùng hành vi, cảm giác và ý nghĩ của họ.*

Những cuốn đó cần phải do sự thành thực của tác giả cấu tạo nên viết bằng một lời văn giản dị, không

giảng giải nhiều và không phải hay chỉ vì cốt truyện» (*trang 45*).

Câu định nghĩa này vừa làm tiêu-chuẩn cho người thưởng thức cũng như cho người sáng tác, có một tính chất qui nạp công phu chứng-tỏ giá trị của sự suy-nghiệm tìm tòi. Nhưng vì xuất phát trên một quan niệm trừu-tượng, cho nên nó vẫn mang nhiều khiếm khuyết căn-bản.

Tác giả nói đến « sự thực cả bề trong lẫn bề ngoài» «trạng thái phức tạp của cuộc đời» «đi thật sâu vào sự sống «biến chuyển tế nhị của tâm hồn» nhưng *làm sao* thấy được sự thực ấy, trạng thái ấy, biến chuyển ấy, thì suốt tác-phẩm tác giả không giúp cho ta được ý kiến nào. Đọc câu định nghĩa trên đây ta tưởng chừng như những tiếng «sự thực», «tâm hồn», «sự sống» đều có tính cách mơ hồ tổng quát, bất chấp không gian lẫn cả thời gian. Đành rằng nhà văn có tài phải đạt cho được tính chất trường tồn vĩnh cửu cho tác phẩm mình, nhưng một tác-phẩm *muốn đạt tính chất vĩnh-cửu phải được xuyên qua thời đại của mình. Không có con người trừu-tượng, cuộc đời trừu-tượng, tâm hồn trừu-tượng, mà chỉ có con người cụ-thể, tâm hồn cụ-thể, cuộc đời cụ-thể mà thôi.* Nhưng sở-dĩ có cái quan-niệm « con người muôn thuở », là vì người ta nhìn thấy những nét tương-đồng ở trong một số vấn-đề căn-bản của người, chẳng hạn vấn-đề ăn uống, yêu-đương, thù hận... Thật ra, trên một điều-kiện sinh-hoạt nào đó có những tương-quan giống nhau thì cách quan-niệm vấn-đề có thể giống nhau, nhưng sự biểu-hiện đều mang thể cách suy cảm của thời-đại ấy và sự phản-ứng của cá tính ấy. Nếu không gắn liền với thời-đại mình và sống thiết-tha với nó, nhất định người ta không sao thông-cảm sâu xa sự sống chung quanh, không đi vào được những người đồng-thời và nhất định là tác-phẩm không có sự sống, chỉ tạo được những nhân-vật ước-lệ, hời hợt. Như thế, yêu-cầu trước hết của tác-phẩm là *thời-đại-tính*. Tính-chất thời-đại ở đây không phải là cái tinh-thần phục-vụ chính-trị cấp thời, giai-đoạn mà chính là sự trình-bày những con người cụ-thể, tiêu-biểu đang sống. Có qua khỏi cửa thời-đại mới mong đi vào cái cửa trường-cửu. Bỏ thời-đại-tính nhất định giá-trị tác-phẩm chỉ là hư-vô. Người ta không thể quan-niệm tính-chất trường-cửu ngoài cái tính-chất thời-đại, cũng như không thể quan-niệm có ngọn mà không có gốc. Trong một đoạn, tác-giả nhắc lại tác-phẩm Đoạn-tuyệt và lấy làm tiếc là mình ngày xưa không có viết hay cho nên « *sự hoan-nghênh của những chuyện đó, nhất là Đoạn-tuyệt, những lời khen ngợi của các nhà phê-bình đã làm tôi sau này khó chịu một cách thành-thực* » (trang 20) Tác-giả khó chịu một cách thành thực, nhưng sự khó chịu ấy có hợp với sự thực khách-quan không, lại là một điều khác

nữa. Ở đây, chúng ta có thể thấy rằng sự khó chịu ấy nói lên hai cái sự kiện tâm-lý : một là khát khao tuyệt-đối, như tâm-trạng chung của người văn-nghệ chân-chính luôn luôn bất-mãn với mình ; hai là sự phản ứng đối với xã-hội hiện tại, âm thầm từ chối một cái thái-độ gắn bó đôi với thực-tại, bởi vì Đoạn-tuyệt chứng tỏ rõ rệt thái-độ gắn bó, bênh-vực cuộc đời. Do hai sự-kiện tâm-lý này phối-hợp nên sự khó chịu của tác-giả có hơi quá-đáng, bởi vì khách-quan mà xét, thì sự hoan nghênh của các nhà phê bình không phải là không chính đáng. Lý do là một chừng nào *Đoạn-Tuyệt đã đạt tính chất thời đại*. Nếu tác-giả mô-tả linh hoạt hơn, sống động. hơn thì chắc hẳn tác phẩm sẽ còn hiệu lực nhiều hơn đối với người đọc, nhưng Đoạn-Tuyệt cũng đã thể hiện cao độ những sự cố gắng ngày xưa của chính tác giả. Ngày nay, Đoạn-Tuyệt đã thành ra một tác phẩm lịch sử, chiếm một chỗ ngồi ở trong chương-trình giáo-dục, và sự lựa chọn ấy không phải là không hợp lý. Mãi về sau này, cái gì còn lại của ông Nhất Linh, sẽ là Đoạn-Tuyệt mặc dù nó còn khá nhiều khuyết-điểm, mặc dù ông còn khó chịu nhiều thêm

Còn bộ *Dòng sông Thanh-Thủy* chắc rằng chỉ vài năm nữa là không mấy ai còn nhớ tới sự có mặt của nó. Điều đó thật là giản-dị. Nếu Loan và Dũng ở trong *Đoạn-Tuyệt* chừng nào đã phản ảnh được tâm-trạng thời đại của mình, thì Ngọc và Thanh trong bộ *Dòng sông Thanh-Thủy* là những tâm trạng vá chắp buồn cười. Các nhân vật này mang cái hình hài của những con người thời tiền cách mạng, nhưng chứa tâm trạng của một tầng lớp trí-thức sau ngày hiệp định Genève.

Tóm lại khiếm khuyết thứ nhất trong câu định nghĩa về tiểu thuyết hay của tác giả « Viết và đọc tiểu-thuyết » là không xác định tính chất thời đại, không thấy được tầm quan trọng và cái vai trò quyết định của nó. Ngoài ra, tính-chất thời-đại đòi hỏi nơi người cầm bút một tính-chất khác hết sức thiết yếu, đó là *tính-chất tiêu-biểu*. Nhân-loại đã trải qua 3 giai đoạn văn học lớn lao và mỗi giai đoạn có một quan-niệm riêng biệt về xây dựng con người ở trong tác phẩm. Văn-học cổ-điển chỉ có mục đích «chở đạo», cốt dùng văn-chương làm một lợi khí truyền bá đạo đức, cho nên nhân vật của tác-phẩm xưa chỉ là những thứ ước lệ, rất đỗi hoàn toàn để mà tượng-trưng trung-hiếu tiết nghĩa. Tác phẩm cổ-điển không có những con người thực mà chỉ có con người kiểu, những con người giả, con người tiêu chuẩn mà thôi. Cho nên muốn thấy những con người thực trong tác phẩm xưa có lẽ phải tìm trong các nhân vật phụ thuộc, nghĩa là trong những loại người mà tác giả ít quan tâm hơn, và cái trách nhiệm luân lý của họ không có bao nhiêu, chứ khó lòng tìm trong nhân vật chính, bởi

vì loại nhân vật này phải chở đạo-đức lút đầu lút cổ khiến những quả tim, khối óc của họ bẹp nát cả rồi Cũng bởi lẽ đó mà nàng Thúy-Kiều — một nhân vật chính có nhiều về sống hơn cả — đã bị các cụ ta xưa mắng lên mắng xuống nhiều phen, mặc dù đáy lòng các cụ có thể ấp ủ hình ảnh của một Kiều-nhi tương-tự.

Khi nền văn-nghệ lãng-mãn trỗi dậy thay thế cho nền văn-nghệ cổ-điển, thì các nắp lò tình cảm được mở tung ra, và những con người ẩn ức bấy lâu bị sự chèn ép của các tiêu-chuẩn đạo-lý, bây giờ vồ-vập đón lấy sự sống, a-sầm vào các ngõ-ngách cuộc đời. Những con người tạm gọi là tự-do ấy, có vẻ đông đảo hơn xưa nhiều lắm. Các tiểu-thuyết mặc tình nói đến con người yêu-đương, con người đau khổ, con người mơ mộng và bệnh-hoạn, và chết-chóc, nghĩa là chỉ cốt chú-trọng khía cạnh cảm-xúc phóng-túng của những cá-nhân riêng lẻ, cho nên nhân vật ở trong tiểu-thuyết không còn phải làm mẫu mực, không còn phải làm tiêu-chuẩn, *nên có tính-chất cá-biệt, và sự cá biệt làm họ trở nên khuất lấp ở trong số đông vạn-trạng thiên-hình.*

Nhưng nền văn-nghệ ngày nay đã cùng tiến với khoa-học, chính-trị trong sự tìm hiểu con người, lấy sự tả thực làm một phương-pháp chính-yếu. Giá-trị của một tác-phẩm văn-nghệ cao hay thấp, thâu hẹp hay tỏa rộng là do tác-phẩm ấy phản-ánh sâu-sắc, trung thực về các con người trong xã-hội hay không, có giúp người đọc tự hiểu thêm mình cũng như hiểu thêm về các cảnh đời hay không. Nhưng làm sao thấy được những con người thực, làm sao để cho nhân-vật trở nên sống-động, có một sự sống lâu bền? Và trong cuộc đời đông đảo, biết chọn lựa ai mà nói bây giờ? Đến đây, vấn-đề trở nên phức-tạp, đòi hỏi một sự nhận-định thật là dứt khoát, cụ thể.

Tác-giả *Viết Và đọc tiểu-thuyết* đã bày tỏ gì về các điểm này? Trước hết, xét trên tính-chất căn-bản, tác-giả thừa nhận phải nói sự thực, nghĩa là tán-thành lập-trường tả thực. Và tả những ai, tác-giả cho rằng cứ việc lựa chọn trước mắt và chung quanh ta, vì ta có cả hàng trăm hàng nghìn mẫu người ở trong cuộc đời. Làm sao để cho nhân-vật linh-động, sâu-sắc, có một sự sống lâu bền, tác-giả khuyên ta quan-sát cho kỹ vì về hình thức thì « *không có một người nào giống người nào cũng như có muôn ức triệu lá cây không có lá nào giống một lá nào* » (trang 52), còn về ý-tình của họ, thì « *ta đem chính lòng ta mà suy nghĩ. Câu « suy bụng ta ra bụng người » phải là câu châm ngôn của các tiểu-thuyết-gia* » (trang 52)

Thiết tưởng *viết tiểu-thuyết là tả cuộc đời trong đó hầu hết là tả con người* (trang 52) mà quan-niệm theo như tác-giả thì không

tránh khỏi những điều mơ hồ và những lầm lẫn.

Mơ hồ là vì người viết không có một chỗ dựa nào cụ-thể để mà quan sát nhân-vật, nhất định phải bị hoang-mang trong sự lựa chọn.

Lầm lẫn là vì quan-sát con người, tác-giả đặt nặng vấn-đề hình-thức mà không chú-trọng nội-dung. Theo lập-luận tác-giả thì chỉ có cái bên ngoài là khác nhau thôi — cũng như muôn triệu cái lá không có cái nào giống với cái nào — còn về nội dung thì sự khác biệt không gì đáng kể cho nên mới « lấy bụng ta để suy bụng người ». Đó là *quan điểm hình-thức, chỉ phản ảnh được những cái vỏ ngoài đa dạng một cách hời hợt, không sao thấu triệt được hết con người — Thật ra, vấn đề nội-tâng nhân-vật được chỉ định rất nhiều bởi những điều kiện sinh-hoạt và cùng một lối sinh-hoạt như nhau người ta mới dễ có mối tương đồng trong sự cảm nghĩ.* Sự cảm-nghĩ ấy được biểu-hiện ra bằng lời nói, bằng cử chỉ, bằng cách phục sức, nghĩa là hình-thức của một nhân-vật vẫn biểu-hiện được nội dung nhân-vật một cách cụ thể, đồng thời cũng giới-thiệu luôn tầng lớp sinh-hoạt của nhân vật ấy. Cái vỏ bên ngoài của một công-chức vẫn giúp cho ta thấy rõ *chừng nào* tinh-thần của công-chức ấy và nói lên được *chừng nào* những nét tiêu biểu của *giới* công-chức. Một người lơ xe đò một người học-sinh mẫu mực, một tên du đãng, một cô con gái nhà lành, đều có những cái hình thức riêng biệt của họ, và hình-thức ấy biểu hiện nội dung của nhân vật ấy, đồng thời cũng giúp cho ta thấy được *ít nhiều* về *hạng* học sinh mẫu mực, *hạng* lơ xe đò, *hạng* gái nhà lành... *Trong khi quan sát con người, quan điểm hình thức của ông Nhất-Linh đã thoát ly hẳn sinh-hoạt, không lấy điều kiện sinh hoạt làm tiêu chuẩn chính để mà nhận định nhân vật.*

Chúng ta đều thấy, mỗi một con người đều có hai phần riêng biệt: một phần gồm những *màu sắc cá biệt*, một phần gồm những *màu sắc xã hội, tức là màu sắc do sự sinh hoạt tạo thành.* Vậy muốn mô tả con người cho thật sâu sắc, linh-động, tất nhiên phải phân-biệt rõ được hai điều ấy ở trong một người, tức là phải thể-hiện được cái *cá biệt tính* đồng thời với *xã hội tính.*

Về *xã-hội-tính*, muốn tả nhà giáo ta phải quan-sát nhiều nhà giáo khác chứ không thể đi quan-sát phiếu-lưu, chỉ tạo nên những chiếc áo tạp sắc của Arlequin. *Phải lấy tiêu-chuẩn sinh hoạt để mà quan sát*, Gustave Flaubert bàn về tả thực cũng đã nhấn mạnh điều này. Sự quan sát về nhiều con người chung một điều kiện sinh-hoạt sẽ cung cấp bao nhiêu tài-liệu quí giá về *loại người ấy*, về *lớp người ấy*, bởi vì trong khi quan sát ta sẽ loại bỏ những gì không tiêu-biểu được cho điểm chung ấy.

Sở dĩ ta phải quan-sát nhiều người cùng trong điều kiện sinh-hoạt tương tự để lấy những nét tiêu-biểu cho sinh-hoạt ấy, tổng-kết lại trong một người, là cốt để cho người đọc — ở những loại hạng khác nhau, trình-độ khác nhau — dễ gặp lại mình qua nhân-vật ấy (nếu cùng chung một sinh-hoạt) hoặc dễ nhìn ra kẻ khác qua nhân-vật ấy (nếu không cùng chung sinh-hoạt). Thiếu một khả-năng tổng-quát-hóa trong khi thể-hiện, nhân-vật trở nên lờ mờ, thiếu sót. Nói một cách khác, *phải đạt đến xã-hội-tính, nhân-vật mới có chiều rộng, mới tạo nên sự cảm-thông và chỉ cần một ít nhân-vật tiêu-biểu đủ dựng được một cảnh đời bề-bộn, phức-tạp. Nếu không, nhân-vật sẽ bị mất hút trong đám nhân-sinh hỗn-độn và không nói lên được một cảnh nào cho thật rõ ràng.*

Nhưng chỉ đạt đến xã-hội-tính, tức là chỉ vẽ được nét tiêu-biểu trong một nhân-vật, thì nhân-vật ấy có thể trở thành một thứ công-thức trừu-tượng, một thứ nhân-vật ước-lệ kiểu mới. Gọi *ước-lệ kiểu mới* là để phân biệt với những con người *ước-lệ kiểu-cũ* ở trong văn-học cổ-điển. Ngày xưa, tính-chất ước-lệ hoàn-toàn dựa vào tính tình, tư-tưởng một cách trừu-tượng, và nhân-vật được chia làm kẻ trung, người nịnh, kẻ xấu, người tốt ở một tổng số loại hạng nào đó mà thôi. Còn ngày nay, sự ước-lệ dựa vào những thói quen, những nề-nếp cảm-nghĩ và những phản-ứng tất-nhiên của nó, tạo thành bởi cuộc sinh-hoạt thiên-hình vạn-trạng, cho nên tương-đối phong phú, cụ thể hơn nhiều.

Để tránh một thứ ước-lệ kiểu mới chỉ tạo nhân-vật có mỗi thứ xã-hội-tính, tức là những loại nhân-vật đại-diện khái-quát, không đúng với con người thực, cần phải thêm vào trong nhân-vật ấy *tính chất cá-biệt*. Nghĩa là, trong mỗi nhân-vật, ngoài cái nhãn-hiệu chung nói lên hoàn-cảnh sinh-hoạt nào đó, còn có cái nhãn-hiệu riêng làm bằng cấu-tạo di-truyền riêng biệt, phản-ứng riêng biệt. Chính cá-tính này làm cho nhân-vật có cuộc sống riêng ở giữa một cuộc sống chung, y như mọi con người thực ngoài đời. *Điểm quan-trọng nhất là xã-hội-tính của nhân-vật phải được biểu-hiện qua cái màu sắc cá-biệt, chứ không tách rời một cách trừu-tượng.* Chẳng hạn, bản sắc mực-thước của ông công-chức A không thể giống như của ông công-chức B, tinh thần sách-vở của ông giáo X cũng khác với của ông giáo Y.

Nhận-định như vậy, tức là không thể tách rời hình-thức ra khỏi nội-dung, cũng như không thể quá thiên về một bên nào. Hình thức (tức là biểu hiện của nội-dung) vẫn có tính chất cá-biệt và cái tính chất xã-hội của nó, y-hệt như nội-dung vậy. Chẳng hạn trong ba bốn người thợ máy vẫn có người lùn, người cao, người

mập, người gầy, đó là một nét cá biệt về phần hình-thức, nhưng trong thể-cách ăn mặc, nói năng, đi lại, ngoài những sở thích cá biệt, cốt cách cá biệt, ta vẫn tìm thấy những điểm tương-đồng, quen thuộc, của lớp thợ máy, tức là tính cách xã-hội của họ.

Ông Nhất-Linh đứng trên quan điểm hình-thức và trên quan-điểm cá-nhân chủ-nghĩa chỉ nhìn thấy những con người ở cái bề ngoài rời rạc, nên có nhận-định trừu-tượng, chủ-quan, về mặt nội dung.

Câu «suy bụng ta, ra bụng người», trước khi muốn thành một cái tiêu-chuẩn cho người học viết, cần được hạn-chế rất nhiều. Khác hẳn thể cách sinh-hoạt, con người không sao cảm-nghĩ hoàn-toàn như nhau. Tục-ngữ Tây-Phương có câu: «Il semble à un larron que tout le monde lui ressemble» có thể tạm dịch bằng câu tục ngữ của ta «Bụng mình có thói gian-tà. Mà mình lại nghĩ người ta như mình» đủ chứng tỏ rằng, nếu suy bụng ta ra bụng người, thì sẽ phạm phải không biết bao nhiêu lầm lẫn.

Có thể nói rằng lập luận trên đây của ông Nhất-Linh giáo-tiếp thừa nhận quan-điểm nghệ-thuật tháp ngà, nghĩa là có thể ngồi yên một chỗ để mà suy tưởng ruột gan thiên hạ. Không, người ta cần phải từng trải, tìm sống, tiếp xúc để mà cảm thông nhiều cảnh, nhiều người, mới mong nói lên được những tâm trạng kẻ khác. Do đó, viết tức là sống, sống cả chiều rộng và cả chiều sâu của cuộc đời mình. Văn nghệ là sự trao đổi kỳ diệu, nghiệt ngã, nhưng mà công bình. Nghiệt ngã là vì khó lòng «làm chơi ăn thiệt» mà những tác phẩm lớn lao đòi hỏi đánh đổi rất nhiều sự sống. Công bằng là vì người ta chỉ tìm thấy được những gì người ta mang đến mà thôi. Nhưng một khi sự sống đã được nhồi đúc trong lò sáng tạo thì đã biến hóa khí chất để thành một cuộc sống mới có những khả năng, quyền phép, tạo sự kỳ diệu của những công-trình nghệ-thuật.

Nếu ta liên hệ đến nhân vật chính trong bộ tiểu thuyết mới nhất, lớn nhất của ông Nhất-Linh tác-phẩm *Dòng sông Thanh-Thủy* — chúng ta nhận thấy cậu Ngọc cô Thanh chỉ có đôi nét cá biệt mà thiếu nhiều nét xã-hội, tức là tiêu-biểu. Người đọc không biết Ngọc là trí thức hay là công-nhân, cách-mạng hay là lãng tử, cũng như cô Thanh ở vào một tầng lớp nào rõ-rệt. Các nhân-vật ấy không có nguồn gốc xã-hội cụ thể, và chỉ là những nhân-vật không thực, khiến cho người đọc khó chịu, không giúp cho ta tìm gặp gì hết ngoài cái vấn-đề gượng ép, mơ hồ mà chính tác giả bắt các nhân-vật chuyên chở.

Nhưng thấy được các con người ở trong hoàn-cảnh thời-đại cụ thể, thấy được tính chất xã-hội, tính chất cá biệt cùng những cảm-nghĩ của các nhân vật, vẫn chưa thể hiện

sâu sắc *nếu không nhìn thấy vấn-đề của các nhân vật.*

Vấn-đề của các nhân vật là những tương quan quyền lợi vật-chất hoặc tinh-thần đã ràng buộc các nhân vật ở vào những thế tranh đối, va chạm, cần phải tìm cách giải quyết cho được thoả-đáng. Vấn-đề phát sinh từ sự bất ổn trong các điều-kiện nhân sinh, luôn luôn hướng về một thế quân-bình tương đối. Mỗi người phải bị ràng buộc vào nhiều vấn-đề, nào là sinh kế, yêu-đương, chính-trị, văn hóa... và trong một vấn-đề lớn lại có không biết bao nhiêu là vấn đề nhỏ. Chẳng hạn trong một vấn-đề yêu đương còn có vấn-đề liên lạc, vấn-đề tín nhiệm, vấn-đề sức khoẻ... cho nên có thể nói rằng cuộc sống là một quá trình liên tục của sự phát hiện và sự giải quyết vấn-đề. Chính khả năng phát-hiện vấn-đề và giải quyết vấn-đề làm nên giá trị của một con người. Kẻ sống an nhàn ít phải tiếp xúc vấn-đề hơn là người ham hoạt động, một kẻ nhu nhược để mặc cho những điều kiện khách quan của những vấn đề quyết định lấy họ, khác hẳn với người nghị-lực, sáng suốt, luôn luôn tìm cách làm chủ tình thế, làm chủ vấn-đề.

Khi người cầm bút viết lên một cảnh tình nào là đã thể hiện vấn-đề rồi đó. Một khi tác phẩm có một vấn-đề đóng vai chủ điểm và buộc một sự giải quyết cụ thể, dứt khoát thì đấy là loại tác phẩm luận đề. Văn-chương cổ điển hầu hết gồm những tác phẩm luận-đề, nhưng luận đề ngày xưa có tính-cách phiến-diện, tổng quát, thiên về luân-lý, khác với luận đề ngày nay để cập đến nhiều sự kiện phức tạp và có nhận định cụ thể, sát thực nhiều hơn.

Một số tác-phẩm luận đề sở dĩ bị sự công-kích là vì người viết trong khi phát hiện vấn-đề cũng như giải quyết vấn-đề đã quá gò ép nhân vật chạy theo quan-niệm của mình, *bất chấp cả những qui-luật khách-quan chi-phối sự sống nhân-vật.* Nhà văn sau khi tạo ra nhân-vật thì vừa điều-khiển nhân-vật lại vừa lệ thuộc nhân-vật. Xưa nay có một số người cầm bút chỉ thấy mỗi phần điều-khiển mà quên hẳn phần lệ thuộc. Không có sự điều-khiển nào thật sự hiệu quả mà không gắn liền với sự vâng lời. Chính nhận-định này nói lên tinh-thần dân-chủ ở trong văn-nghệ, bởi vì trong các tác-phẩm cổ-điển ý-thức xây-dựng nhân-vật thật là hết sức độc-tài. Gọi rằng độc-tài là vì nhà văn toàn quyền nhất định nhân-vật, nhà văn tự do ban phước giáng họa dựa theo sở thích chủ-quan của mình vì bất chấp đến điều kiện thực-tế của các nhân-vật. Một người đáng yêu như nàng Thúy-Kiều hay nàng Nguyệt-Nga thì dù có nhảy xuống sông, xuống biển cũng vẫn ngâm câu trường-thọ, còn một Lý-Thông hay một Trịnh-Hâm thì đi bất cứ nơi nào mùa nào cũng bị sét đánh hay là cá nuốt.

Ngoại trừ một loại tác phẩm luận đề máy móc như vậy, chúng ta có thể suy rộng hơn nữa để xác định rằng *tất cả tác phẩm văn chương đều là tác phẩm luận đề, gồm trong hai loại : tác phẩm luận đề gián tiếp và tác phẩm luận đề trực tiếp.*

Gọi là luận đề trực tiếp hay tích-cực là những công trình nghệ thuật có một chủ điểm khá rõ và mọi chi-tiết đều qui về chủ điểm ấy, lấy sự thực hiện chủ-điểm, giải quyết vấn-đề làm một bàn khoăn chính yếu. Ngoài ra, các tác phẩm khác, bất luận là tác phẩm nào, cũng đều nói lên một số vấn đề, và dù không có giải quyết cụ thể, *ít nhất nhà văn cũng có thái độ trong cách trình bày* hoặc là phản đối, hoặc là tán thành, hoặc là lưng chừng, hoài nghi không có ý kiến dứt khoát. Như thế, trong các tác phẩm loại này, phần luận đề không được nhận diện rõ ràngnơi phần kết thúc mà được khám phá ở trong toàn thể công trình, nên ta có thể gọi đó là những tác phẩm luận đề gián tiếp hay là tiêu cực.

Chúng ta phải đi khá xa như vậy chỉ cốt xác nhận sự quan trọng đặc biệt của *vấn đề* ở trong tác phẩm, và đây là điểm mà ông Nhất-Linh không đề cập đến trong tập biên-khảo của mình. Vấn đề của những nhân vật chỉ phối nhân vật và có một sự sống độc lập ngoài các nhân vật. Người ta có thể cho rằng *không có con người trừu tượng, con người lẻ loi mà chỉ có những con người của các vấn đề.* Tách rời nhân vật ra khỏi vấn-đề, tức là tách rời ra khỏi sự sống và cũng là chuyện phi-lý, không thể thực - hiện. Bởi vậy, dù không còn thích viết tiểu thuyết luận đề *Dòng sông Thanh-thủy* lại là tác-phẩm luận-đề, một thứ luận-đề thụ-động, giả-tạo. Thực ra, *vấn đề của tác phẩm* đã được ông Nhất-Linh nêu lên trong mục *các việc xảy ra* (để tránh dùng chữ « cốt truyện ») nhưng ông không thấy đúng tầm quan trọng của nó và mối liên hệ của nó đối với nhân-vật. Ông bảo « cốt truyện không có gì là quan trọng (.) cần có cái đại cương là đủ rồi ». (65) Những tiếng *không có gì là quan trọng* cũng như *có cái đại-cương* quả là mơ-hồ hết sức.

Nhận xét thực tế văn-nghệ hằng ngày, ta có thể thấy hai cái sự kiện mâu thuẫn sau đây : một số nhà văn chuyên-nghiệp viết những truyện dài đăng các nhật-báo thường bịa đặt những câu chuyện tình tiết éo le, gay cần để mà câu dẫn người đọc và *họ tách rời ra khỏi thực tế trước mắt, vì chỉ chú trọng vấn đề mà không chú trọng con người.* Ngược lại, một số nhà văn không phải chuyên-nghiệp, quá thiên về sự phân tích tỉ mỉ con người, dẫn dắt độc giả lan man vào trong ngõ-ngách tâm hồn và cũng *tách rời tác phẩm ra khỏi sự sống vì chỉ chú trọng nhân vật mà không chú-trọng vấn-đề.* Vậy thì quá thiên về những vấn đề mà quên con người cũng là sai lầm như quá thiên về con người mà quên vấn-đề. Nhà văn có tài thể

hiện đầy đủ con người và vấn-đề của con người một cách sống-động, và *tùy theo từng vấn-đề* mà nên có nhiều tình tiết hay ít tình tiết đó thôi. Không thể lẩn thẩn nói rằng đừng nên chú ý cốt truyện mà cũng không thể nông nổi cho rằng phải nên chú ý cốt truyện. Tả những va-chạm éo le ở trong xã hội, làm sao mà không có cốt-truyện được? Tả một nỗi buồn, một niềm vui, ít nhiều thắc-mắc tâm-tư, cần gì phải xây dựng nhiều tình tiết? Ông Nhất-Linh đặt nhẹ cốt truyện là đã nhận định vấn đề một cách phiến-diện. Cốt truyện *Thủy-Hử* rắc rối là vậy mà vẫn không kém nghệ thuật là vì nhân vật cùng với vấn-đề của tác phẩm ấy đã được xây dựng trong một nhận thức tổng-hợp, bằng những chi tiết điển-hình. Nếu gạt bỏ cốt truyện ấy đi, thử hỏi còn lại cái gì về các con người? Chỉ là một đoàn quân ma biểu diễn mờ nhạt dưới cái lá cờ buồn thảm là đầu-đề sách mà thôi. Và chính vấn-đề ở trong *Dòng sông thanh thủy* quan niệm không được rõ ràng, hợp lý, cho nên cậu Ngọc cô Thanh đều là nhân vật giả-tạo.

Tóm lại, bàn về xây dựng nhân vật, tác giả *viết và đọc tiểu thuyết* vấp phải bốn sự thiếu sót sau đây: *một là* chỉ thấy tính-chất trường cửu mà không nhìn thấy tính-chất thời-đại, *hai là* chỉ thấy con người riêng lẻ mà không nhìn thấy con người xã-hội, *ba là* chỉ thấy cảm nghĩ cộng-đồng mà không nhìn thấy cảm-nghĩ cá-biệt, *bốn là* chỉ thấy con người mà không thấy được vấn-đề của những con người. Tác giả khuyên bảo người ta phải viết cho hay, nghĩa là viết cho sâu sắc, nhưng trong phương pháp đề ra, thiếu thốn quá nhiều điều-kiện căn bản để tạo nên sự sâu-sắc. Cho nên, người ta không phải ngạc nhiên khi nhận thấy rằng tiểu thuyết của ông Nhất-Linh — nhất là những sáng tác-phẩm sau này — không hề có sự sâu-sắc chút nào mà chỉ có được những nét tinh-tế lẻ tẻ trong cách quan sát bên ngoài nhân-vật.

*
* *

Thiết tưởng chỉ cần tìm hiểu trên câu *định nghĩa về tiểu thuyết hay* chúng ta đủ nhận định rõ toàn bộ quan niệm văn nghệ của ông Nhất-Linh có một giá trị thế nào. Tác-giả bị cái tinh thần cá nhân chủ-nghĩa hạn chế mọi sự suy tưởng nên chỉ nhìn thấy vấn đề văn nghệ một cách thụ động, tách rời ra khỏi sinh hoạt, thoát ly ra khỏi nội dung, rơi vào các vết xe cũ của những quan điểm hình thức, quan điểm cục bộ, quan điểm không tưởng, biến đổi văn chương thành một khu vực an-toàn của kẻ dư-nhàn hưởng thụ. Cố nhiên là một quan niệm văn-nghệ như vậy khó lòng mà được chấp nhận, nhất là đối tượng tác giả nhắm vào là quần chúng đông đảo. Do đó nói về cách viết và đọc

tiểu thuyết — tức là phần hai, phần ba — ở trong tác phẩm, tác giả phải bị lệ thuộc vào nhận định trên nên không tránh được khuyết điểm tương tự. Cũng như bố cục tác phẩm, ngay trong phần đầu, đã có nhiều sự lộn xộn, phản ảnh tình trạng nhận thức thiếu sót. Nếu tác giả khởi sự nói rõ vì sao người ta viết những tiểu thuyết rồi liên hệ với trường hợp của bản thân mình để cho vấn đề được thêm cụ-thể, lý thú, sau đó sẽ nói đến ích-lợi của tiểu thuyết, và thế nào là tiểu thuyết hay, rồi cuối cùng nêu lên những điều lầm lẫn của mình trong khi sáng tác, thì chắc độc giả dễ dàng lĩnh hội vấn đề hơn cả. Đằng này tác giả bắt đầu bằng cái tiểu đề *Những điều lầm lỗi* nhưng lại không thấy một lỗi lầm nào, đến cái tiểu đề *Tiểu thuyết hay* nhưng chẳng thấy sự hay ấy ra sao, rồi mới đến các phần khác, không theo một trật tự nào hợp lý.

Tuy vậy, nếu không tán thành quan niệm văn nghệ của ông Nhất Linh người ta vẫn chẳng vì thế mà không nhìn thấy thiện chí của một ngòi bút không hề ngừng nghỉ, tác-phong trung thực của một con người biết mổ xẻ mình, thái độ khiêm tốn của một nhà văn có nhiều uy tín và trên hết là tinh thần tích cực của một con người tuổi tác không muốn xa rời bạn trẻ, không quên trách nhiệm đối với tiền đồ văn nghệ.

CÔ PHƯƠNG-THẢO

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG – ĐỦ TIỆN NGHI

TIẾP ĐẢI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : 24.178

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).

Nam-Vang Chi Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

GIAO THỪA

DOÃN-DÂN

LOAN vẫn đứng tỳ hai khuỷu tay lên mặt tủ, người hơi cúi, hai bàn tay ôm lấy mặt, quay lưng về phía chồng.

Tân ngước mắt nhìn vợ thật nhanh rồi lại cúi xuống. Dáng đứng có vẻ thiếu não, mệt mỏi và thất vọng của Loan làm chàng vừa thương vừa ghét vợ.

Bỗng Loan quay phắt lại, nhìn trừng-trừng vào mặt Tân, nói, giọng gay-gắt :

— Anh không biết như thế là nhục nhã lắm à ? Hẹn người ta năm lần, bảy lượt rồi...

Mắt Tân vụt trợn lên và miệng chàng hơi hé ra như ngạc-nhiên, sửng-sốt về thái độ hỗn-xược của Loan. Chàng định dùng một lời gay-gắt mắng lại, nhưng, trong tích-tắc, chàng bừng hiểu, làm thế không ích gì. Chàng lặng lẽ cúi đầu và thoáng thấy lòng mình se thắt lại. Chàng nâng một bàn tay ôm lấy mặt để dấu tiếng thở dài.

Thái độ nín thinh của Tân như trêu trọc, thách-thức nỗi khó chịu, hằn-học trong lòng Loan. Nàng vẫn đứng yên, nói, giọng hơi dịu đi, nhưng có vẻ mỉa-mai, chua-chát :

— Hừ ! Người ta đến bây giờ rồi lại làm ra tươi-cười, vồn-vã... Thật là đê bèn...

Bỗng nàng hét lên :

— Tôi chán phải nói : « Xin khất ông bà » lắm rồi ! Lần nào cũng phải chắp chân, chắp tay như một kẻ ăn xin khốn nạn. Nhục lắm !

Tân vẫn không ngửng đầu lên. Nét mặt chàng lúc này trở nên bình thản lạ-lùng ; cái bình thản trai đá của một người nhịn nhục quá độ.

Lát sau, chàng nhìn Loan, ôn tồn nói :

— Em đừng to tiếng... Đêm ba mươi, hàng xóm người ta cười...

— Người ta còn chửi vào mặt cho nữa... Tôi nghe chán rồi...

Mắt Tân vụt quắc lên, rồi dịu đi ngay. Chàng đứng dậy đi đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Trời tối đen, không một ngôi sao.

Loan vừa đi lại phía Tân, vừa nói :

Anh tính sao bây giờ ? Họ sẽ trở lại trước giao thừa. Họ bảo thế.

Tân không quay lại, nói :

— Biết tính sao ! Anh đã đi suốt buổi chiều...

— Nghĩa là...

Bất giác, Loan ôm mặt, chạy đến bên giường, òa lên khóc.

Tân vẫn đứng yên. Chàng không còn cảm thấy gì. Tiếng khóc ấm-ức của Loan như xoáy vào tâm-hồn chàng, rồi loang ra và vang lên. Mắt chàng đăm-đăm nhìn vào khoảng không đen đặc. Chàng không nghe thấy có những tiếng pháo đì lác-đác nổi dậy từ phía rất xa.

Một lúc sau, Tân quay trở vào, đến bên Loan, vẫn ôn tồn nói :

— Anh biết em khổ. Anh có lỗi với em... Nhưng... em thử nghĩ xem... quanh năm anh vất vả. Anh có chơi không để bắt em phải chịu đựng, khổ sở một mình đâu !...

Loan nằm quay mặt vào tường, khóc tấm-tức :

— Ai chả biết anh vất-vả !!! Nhưng sự vất-vả của anh giúp vợ con được gì ? ! Tôi không muốn suốt đời vác mặt đi vay thiên-hạ... Sao anh không cố gắng lên ?

Tân nói / như đã nghĩ từ lâu :

— Em không nên nói thế ? Không phải ai vất-vả cũng có được tiền. Và cũng không phải ai không có tiền là không vất-vả Anh đã làm hết sức anh. Anh nghèo không phải lỗi với anh. Ai cũng muốn có tiền để vợ con sung-sướng. Nhưng sức anh chỉ có thế. Anh không muốn làm những công việc ngoài khả năng chân chính của anh để mang lại sự sung-sướng cho em. Như vậy là lừa dối, bịp-bợm người đời...

Loan vụt quay lại, nhổm người lên, nhìn thẳng vào mắt Tân.

— Anh cho là bịp-bợm ? Hừ ! Đời nó thế cả ! Sao anh không thú nhận là anh không có can đảm để làm như mọi người ? Sao anh không chịu thú nhận là anh hèn kém hơn họ ?

Tân quay mặt đi như lẩn tránh tia mắt Loan. Chàng có cảm tưởng như mình vừa bị tát vào mặt. Nét mặt chàng nhăn nhăn lại. Một lần nữa, chàng đưa tay lên ôm mặt để dấu tiếng thở dài.

Có tiếng Loan nói :

— Anh hãy làm như họ. Chỉ có sự khúm núm trước mặt kẻ khác là đáng làm cho mình cảm thấy nhục-nhã, đê-hèn, hổ thẹn... Anh đã khúm-núm, anh chưa biết sao ?

Tân lặng-lẽ đứng dậy, đi đến bên khung cửa. Chàng không muốn nói gì ; và cũng không nói được gì. Đã nhiều lần Loan và chàng cãi nhau vì những nguyên-nhân tương tự và chàng nhận thấy bao giờ chàng cũng là người chịu thua, chịu kém.

Bất giác Tân quay lại hỏi Loan :

— Họ hẹn mấy giờ họ trở lại ?

— Chắc chắn là trước Giao thừa.

Suy nghĩ một lát, chàng nói :

— Em ở nhà. Anh lại đi lát nữa xem sao...

Loan im lặng.

Tân đã đẩy cánh cửa, lại quay đầu lại, nói :

— Anh sẽ trở về trước Giao-thừa. Em bảo họ ngồi đợi.

Loan vẫn im-lặng.

Tân bước hẳn ra ngoài.

Ra khỏi nhà, Tân rẽ bên phải, đi như một kẻ không hồn. Con đường trước mặt chàng chìm hẳn vào bóng tối. Những mái nhà đứng rải-rác hai bên đường đã đóng cửa từ lâu như muốn âm-thầm, gìn-giữ sự hồi-hộp đợi chờ giờ phút thiêng liêng sắp tới.

Tân thọc hai tay vào túi quần, cúi đầu, lặng-lẽ bước. Những lời Loan vừa nói vang hẳn lên, quay cuồng trong óc chàng. Ý nghĩ chàng cô hồ loãng ra giữa màn đêm mênh-mông, đen kín. Theo với bước chân chàng, một tiếng nói âm thầm vẳng lên ở trong tiềm thức : « Đến nhà ai ? Biết đến nhà ai bây giờ ? ». Câu hỏi lập đi, lập lại như một tiếng vang mà Tân không ý-thức được. Có cái gì xôn-xao vang động trong tâm trí chàng lấn-át tiếng nói âm-thầm ấy. Chàng không tự biết mình hiện nghĩ gì hay chẳng nghĩ gì cả. Tất cả mọi ý nghĩ trở nên mung-lung, hỗn độn.

Đến một đoạn đường có vệt ánh sáng hắt ra từ khe cửa của một căn nhà mé bên phải, Tân đứng hẳn lại, giơ một tay lên xem giờ : mười giờ kém năm. Sắp đến Giao-thừa ; sắp đến lúc mà chàng phải có số tiền để trả nợ. Tự nhiên, Tân cảm thấy thân thể mệt-mỏi, rã rời. Chàng đứng dựa lưng vào một thân cây

bên đường, nhắm mắt lại. Và trong một thoáng, Tân không muốn nhấc chân lên nữa. Một nỗi tủi thẹn đớn đau như đã ẩn-nấp từ lâu, đột nhiên tràn ngập tâm hồn chàng. Tân như nghe thấy rõ-ràng lời nói của Loan :

« Sao anh không cố gắng lên ?... Sao anh không chịu thú nhận là anh hèn kém ? ... Đời nó thế cả !... Anh hãy làm như mọi người... » Những lời nói ấy, đã nhiều lần Tân được nghe, nhưng chưa lần nào chàng để ý, quan tâm đến nó như lần này. Đứng giữa một vùng đêm tối bao-la, Tân cảm thấy một nỗi đau khổ ê-chề đang từ-từ lún xuống : lún sâu xuống đáy lòng chàng. Tân nhắm nghiền mắt lại, mặc cho tâm hồn thu-nhận cái cảm giác khổ-đau thầm-thía ấy. Chàng muốn chịu đựng ; một mình chịu đựng sự bất hủi của người đời, ngay cả của Loan, như bao lâu nay chàng vẫn chịu.

Vài phút sau, Tân lại tiếp tục bước đi. Làn không khí về khuya lạnh dìu-dịu làm tâm-thần chàng dần-dần yên tĩnh. Thỉnh-thoảng, một vài tiếng pháo như không chịu đựng nổi sự hồi-hộp trong lúc chờ đợi Giao-thừa đã nổ bật lên, vội-vàng, hấp-tấp. Rồi không gian trở về im lặng.

Tân nghe rõ tiếng bước chân mình giẫo xuống nền gạch. Chàng cố để tâm vào sự vắng-vẻ chung quanh ; chàng cố nghe-ngóng, tìm kiếm những cảm giác, ý nghĩ của mình về đêm Ba-mươi-Tết. Tự-nhiên, chàng thấy tâm-trí thảnh-thơi. Chàng ngửa mặt lên, đón những làn gió từ xa lùa tới. Chàng thấp-thoáng nhớ lại những ngày chưa có gia-đình, mỗi năm, cứ vào cái đêm quan trọng như đêm nay, chàng hay ngồi một mình trong một căn phòng riêng biệt, nhìn ra ngoài trời tối mà nghe niềm vui nhẹ nhàng đang lan dần ra trong lòng mình. Những lúc ấy, Tân có cảm tưởng như thời gian ngừng hẳn lại. Không gian êm-mát và thanh-thoát lạ-lùng. Mọi vật đều yên lặng. Mọi nơi đều yên lặng. Trong làn không khí của khoảng không gian bao la vào những phút trước Giao-thừa, hình như có một niềm vui dầm-ấm đang âm-thầm xao động bàng-bạc ở khắp mọi nơi ; và ở trong lòng mọi người. Sự im lặng êm-ả của bầu không gian là sự nín thở trang-nghiêm của vạn vật trong lúc đón chờ giờ phút quan-trọng thiêng-liêng đã được chọn lọc, nâng-niu suốt một năm trời. Tân thấy tâm-hồn mình như đang cùng với thời gian, dần-dần đổi mới. Và chàng vui-sướng nôn-nao...

Nhưng, tất cả những cảm nghĩ ấy, từ mấy năm nay, chàng không có nữa. Lạ một điều là cứ tới ba-mươi là chàng phải đi vay tiền, mặc dầu suốt năm chàng đã chịu khó làm việc. Và lạ một điều nữa là chàng đi vay tiền không phải để tiêu, mà để trả nợ. Đêm ba mươi Tết năm nào, Loan và chàng cũng dằn-vặt nhau vì tiền. Và năm nào chàng cũng được nghe những lời của Loan tương tự như hồi này. Tết năm ngoái, Tân đã đi bộ đồng-dã suốt từ buổi chiều cho đến tận lúc giao thừa mà vẫn không vay ai được. Cuối cùng chàng đành lang thang ngoài đường mãi tới gần hai giờ sáng mới dám trở về.

Sáng sớm hôm sau, câu đầu tiên Tân nói với vợ là câu «Năm mới, anh hứa với em, năm nay anh đã cố gắng để khỏi phải đi trốn nợ đêm ba-mươi Tết..» Vậy mà năm nay...

Tân vẫn cúi đầu, lặng lẽ bước đi. Nỗi tủi thẹn về thân phận mình hòa với tình thương Loan mỗi lúc một dâng lên dào-dạt trong lòng. Bây giờ, nhớ lại lời Loan, Tân thấy nàng cũng có lý đôi phần khi trách móc chàng Hình dung lại nét mặt cau có giận dữ của vợ, chàng cảm thấy xót-xa, đau khổ. Tân bước chân đi mà tưởng như mình đang trôi chơi-vơi trong nỗi khổ đau âm thầm rộng lớn. Chàng vừa thương Loan vừa thương chính bản thân mình. Linh tính cho chàng biết, đêm nay rồi lại như đêm ba mươi, năm ngoái, sẽ không vay được đồng nào. Và chàng sẽ lại phải đi lang thang thế này cho đến quá lúc Giao thừa. Hình ảnh một vài bộ mặt quen thuộc loáng thoáng hiện ra trong tâm-trí Tân. Chàng soạt lại về mặt từng người rồi âm-thầm tìm kiếm những người quen khác như khi người ta tìm kiếm chiếc vé độc đắc trúng một triệu đồng. Cuối cùng chàng vẫn chỉ gặp những bộ mặt mà chàng đã ít nhất là một lần nói với họ câu: Tôi biết thế này thì phiền... lắm! Nhưng vì hoàn cảnh... » Tân đã nói câu đó nhiều đến độ, bây giờ, mỗi khi muốn nhờ ai việc gì dù rất nhỏ, chàng cũng mở đầu: « Tôi biết thế này thì phiền,.. Nhưng vì hoàn cảnh,..» Một hôm, đang ngồi ăn cơm ở nhà người bạn, muốn nhờ chị người làm vặn lại chiếc quạt trần đang quay nhanh quá, chàng cũng mở đầu : « Tôi biết thế này thì phiền chị lắm. Nhưng vì hoàn cảnh... không đứng dậy được. Chị làm ơn vặn lại dùm cho chiếc quạt! » Vợ chồng người bạn Tân tưởng chàng nói đùa, cùng phá lên cười. Mặt Tân nóng ran như người bị bỏng... Cho đến bây giờ, Tâm không thể nào nhớ được mình đã nói vậy với bao nhiêu người, Chàng chỉ nhớ mỗi một lần chàng đã nói câu đó với bà chị họ.

Lần ấy cách đây nửa năm, khi Loan bị bệnh, phải đi bác sĩ.

Tân nhớ rõ ràng, hôm đó, sau khi đã bán hết những thứ có thể bán được để chữa cho Loan mà bệnh nàng vẫn chưa thuyên giảm, chàng bắt buộc phải nghĩ đến sự đi vay. Theo lời khuyên của Loan, chàng tìm tới bà Huyền — chị họ chàng.

Buổi chiều hôm ấy, chàng vừa bước chân vào nhà, bà Huyền đã từ dưới bếp ì-ạch chạy lên, mừng rỡ :

— A! Chú Tân! Sao lâu lắm không thấy chú lại chơi? Mô Phật! Dạo này chú béo trắng ra...

Nụ cười và câu chào đón niềm nở của người chị họ có thân hình mập mạp to lớn làm ý định mượn tiền của Tân, bỗng nhỏ tóp lại. Chàng toan cười — cười giải thích về sự đã lâu không đến thì bà Huyền đã lại vồn-vã :

— Chú lên lầu ngồi chơi đợi chị. Dưới này bừa bộn quá. Chị vừa đi về, chưa kịp thu dọn... Chị rửa cái tay rồi chị lên...

Nói xong, bà Huyền lại ì-ạch chạy vội xuống nhà.

Tân đứng nhìn quanh, lưỡng-lự, ngập ngừng rồi chép miệng bước lên cầu

thang. Chàng thầm như : « Phải vào để ngay mới được... »

Tân vừa ngồi xuống chiếc ghế bành kê ở giữa nhà thì bà Huyền lên tới. Bà gọi người làm rót nước rồi hỏi Tân :

— Thím ấy đâu ? Sao chú không rủ thím cùng đi ?

Như gặp một dịp may hiếm-hoi, đắt đỏ, Tân nói ngay :

— Nhà tôi ốm chị ạ !

Tân thoáng thấy mình bèn-hạ, muốn đem cái ốm của vợ ra để cầu xin tình thương người khác.

Nét mặt bà Huyền bỗng nghiêm hẳn lại, quan-trọng lạ-thường. Bà tròn đôi mắt ốc-nhồi nhìn Tân, kêu lên :

— Thím ấy ốm à ? Mô Phật ! Thế đã khỏi chưa ?

Tân mỉm cười, hỏi :

— Dạo này chị có vẻ sùng đạo Phật ?

Bà Huyền cười rung cả hai bên má và cái bụng :

— Lạy Thánh ! Ít lâu nay chị cũng năng đi lễ Chùa.

Rồi bà hỏi đột-ngột :

— Chắc chú chưa xơi cơm ? Ở đây ăn cơm với anh chị và các cháu. Anh đi làm cũng sắp về rồi.

Tân không trả lời, cúi đầu suy nghĩ. Chàng thầm nhắc lại trong tâm-trí : « Có nên không ? Có nên hỏi ngay không ? »

Bất giác, chàng nghiêm nét mặt, nhìn bà Huyền, nói, giọng quan trọng :

— Tôi biết thế này thì phiền chị lắm. Nhưng vì hoàn cảnh...

Bà Huyền đã cầm lá trầu lên định têm, lại bỏ xuống bàn, nhón mắt nhìn Tân.

Chàng tiếp :

— Nhà tôi hiện đang ốm, cần tiền để chữa. Chị vui lòng cho chúng tôi mượn tạm hai nghìn. Cuối tháng chúng tôi xin hoàn lại chị.

Nói được câu đó, Tân thấy nhẹ bẫng cả người. Chàng nhìn lên bà Huyền chờ đợi...

Trên nét mặt bà Huyền bây giờ không còn một dấu vết gì của sự vui mừng hồi nãy nữa. Bà cúi đầu tỏ vẻ suy nghĩ lao-lung.

Lát sau, bà nói :

— Tội nghiệp ! Chả nói dấu gì chú, chị cũng không có tiền. Anh đi làm mỗi tháng có hai chục ngàn thì có bao nhiêu thứ phải tiêu...

Tân nâng vội tách nước lên uống để dằn tiếng thở dài toan buột ra từ trong lồng ngực. Chàng quay nhìn vơ vẩn ra ngoài và đột nhiên chàng có cảm tưởng, mình vừa lỡ vốn sau một chuyến buôn. Chàng thầm nghĩ : « Nhà này họ vừa tiêu vừa đốt tiền đi chắc ! ».

Có tiếng bà Huyền hỏi :

— Thế thím ấy ốm ra sao ?

Tân quay lại :

— Nhà tôi bị thương hàn !

— Mô Phật ! Chú nhớ bảo thím ấy chớ có ăn cơm vào !

Tân cúi đầu, im lặng.

Ngồi một lát không thấy Tân nói gì thêm, bà Huyền đứng dậy :

— Xin lỗi chú ! Chị xuống bảo người làm sắp cơm, rồi lên ngay...

Tân không nghe thấy câu nói của bà Huyền. Chàng ngồi như dán xuống mặt ghế. Hình ảnh bộ mặt vàng bủng, đôi mắt lõm sâu của Loan hiện rõ trong đầu óc chàng. Đợi bà Huyền xuống hẳn dưới nhà, chàng đưa một tay lên dụi mắt và chàng ngạc nhiên thấy nước mắt mình đã ứa ra tự lúc nào.

Rồi không biết bao lâu sau, Tân mới đứng dậy, lững-thững xuống nhà.

Đang ngồi ăn cơm cùng mọi người, thấy Tân, bà Huyền kêu lên :

— Chết chửa ! Tôi tưởng chú Tân về rồi !

Bà quay sang con bà :

— Tao đã bảo con Bích lên mời Chú xuống xơi cơm, mày không lên à? Con này ra đoảng thật !

Rồi mọi người nhao nhao lên mời Tân nhưng chàng không nghe thấy. Chàng cười nói :

— Cám ơn anh chị. Tôi phải về. Nhà tôi đang đợi.

Bà Huyền chép miệng :

— Thôi thế thì khi khác vậy ! Xin lỗi chú nhé ! Chú cho anh chị và các cháu gửi lời hỏi thăm thím.

Tân không trả lời, bước vội ra ngoài.

Ra đến đường, Tân thoáng có cảm-tưởng như mình vừa đánh mất đi sự gì thiêng-liêng quý-giá nhất đời. Chàng thầm hiểu là từ nay sẽ không bao giờ chàng còn dám gặp bà Huyền nữa.

Từ hôm ấy, Tân rất thận-trọng, dè-dặt khi nói với người chàng định vay tiền, câu : « Tôi biết thế này thì phiền... nhưng vì hoàn-cảnh...»

Tân đã cố gắng, làm việc bằng hết sức mình để tránh những dịp phải dùng câu nói ấy, song, chàng đau khổ nhận ra : sức mình có hạn. Và chàng linh cảm thấy rằng : rồi đây chàng sẽ phải dùng câu ấy cho đến khi nào «nằm xuống».

Tới một đầu đường có nhiều ánh sáng. Tân đột ngột đứng dừng hẳn lại. Chàng sững-sờ, ngạc-nhiên nhận ra mình đang đứng ở trước ngõ vào nhà bà Huyền. Chàng nheo mắt nhìn lên toà nhà hai tầng màu xám tro đứng sừng sững trong một vùng ánh sáng, phía cuối ngõ Chàng chép miệng, nhè-nhẹ lắc đầu, lặng-im quay gót. Đi được mấy bước. Tân giơ tay lên xem giờ : Mười rưỡi. Bỗng nhiên, một sự nôn-nao nóng nảy cuồn cuộn dâng lên trong lòng chàng. Cái ý nghĩ «phải vay được tiền trước lúc Gao thừa» như một làn sóng, ào ạt nổi lên, vội vàng, cấp-bách. Chàng bước nhanh hơn. Không gian tựa hồ rộng rãi thêm ra. Thời gian tựa hồ trôi đi vùn-vụt. Tiếng pháo bắt đầu nổi lên từ một phía rất xa, rời-rạc, rồi lan ra mau chóng, phút chốc trở nên ròn-rã khắp nơi như muốn vây bọc lấy Tân. Chàng hoang-mang, bàng-hoàng, hồi hộp. Tân bước những bước thật dài. Chàng thấy mình bơ-vơ, lạc-lõng. Hình ảnh những bộ mặt quen thuộc hồi nãy, bây giờ lại thấp thoáng hiện ra, lướt vội qua

tâm-trí Tân. Hình ảnh những bộ mặt nặng như đổ chì của vợ-chồng người chủ nợ... rồi hình ảnh vẻ mặt cau có của Loan chập-chờn, lẳng vẳng... Tân bước chân đi vội-vàng, hấp tấp... Lại vẫn những bộ mặt quen thuộc hiện ra: bà Huyền; ông Trung; ông Lợi...

Bất giác, Tân đứng sững lại: một tia sáng vụt lóe lên trong ý nghĩ chàng như một vì sao đổi ngôi. Rồi một niềm vui chợt bật ra ở đáy lòng chàng. Tân không đưa tay lên ôm mặt, mặc cho một tiếng thở dài buột ra khỏi miệng. Chàng có cảm tưởng, bao nhiêu lo lắng theo tiếng thở dài vừa thoát ra khỏi long chàng. Chàng ngước mắt lên, định lại tâm trí đoạn rẽ sang tay trái để đến nhà Bằng (người bạn cùng sở của chàng ngày trước).

Đi hết con đường gạch nhỏ, Tân đứng lại trước cửa một căn nhà xinh xắn, tường quét vôi vàng. Mùi thuốc pháo thoang-thoảng đâu đây. Chàng ghé mắt nhìn qua khe cửa vào nhà: bên trong ánh-sáng huy hoàng, rực rỡ. Tân thoáng cảm thấy cảnh sắc nơi đây cao xa quá, đối với chàng. Chàng ngập ngừng vài giây rồi chặc lưỡi, đưa tay gõ cửa.

Có tiếng đàn bà từ trong vọng ra:

— Ai đó?

Tân đứng cúi đầu, im lặng.

Lại có tiếng hỏi:

— Ai đó?

Nhận ra tiếng Thùy, vợ Bằng, Tân vẫn im lặng. Có tiếng dép lê sền sệt bên trong, rõ dần...

Tiếng nói của Thùy lại vọng ra, nhỏ và gần:

— Ai ngoài ấy đó?

— Tôi! Anh Bằng có nhà không, chị?

Không có tiếng trả lời. Chỉ có tiếng gọi vang lên:

— Anh Bằng ơi! Có khách!

Có tiếng chân bước hấp tấp từ trong nhà đi ra.

Rồi cánh cửa bật mở. Ánh sáng đổ xô ra ôm choàng lấy Tân làm chàng hoa mắt.

Bằng ngạc nhiên một cách mừng rỡ:

— Tân! Ồ Tân! Đi đâu mà lại mò đến giờ này? Vào đây!

Tân cúi đầu chào Thùy rồi theo Bằng vào phong khách. Không khí ở đây mát dịu hẳn đi. Bằng líu-ríu bảo vợ vào nhà trong pha nước, đoạn, quay sang Tân, đùa:

— Cậu đến xông nhà hơi sớm đấy nhé! Sao? Ít lâu nay làm ăn thế nào? Cô ấy có mạnh không?

Tân gật đầu:

— Cám ơn cậu. Nhà tôi vẫn mạnh.

Tân vừa đưa mắt nhìn quanh gian phòng sáng sủa, trang hoàng đẹp đẽ vừa nghĩ phớt qua về lời đón đại của anh em bạn về Bằng trước kia. Chàng thầm nghĩ: « Có lẽ Bằng không keo bẩn như họ tưởng! »

Khi đã ngồi xuống ghế, đối diện Bằng, Tân không dám kéo dài câu chuyện, nói luôn:

— Tôi biết thế này thì phiền cậu lắm. Nhưng vì hoàn cảnh...

Trái với nét mặt quan trọng của bà Huyền hôm nào, Bằng vẫn tươi cười hỏi :

— Sao ? Có điều gì phiền ?

Tự nhiên Tân im-bặt. Chàng lén nhìn cặp mắt láu lỉnh của Bằng rồi cúi xuống.

Vài giây sau, chàng nói :

— Tôi biết là phiền cậu. .

Chợt nhận ra mình lập lại lời vừa nói, Tân lại im bặt.

Bằng vừa với tay lấy hộp thuốc lá trên mặt tủ vừa nóng nẩy, hỏi :

— Có điều gì quan trọng không ? Cậu cứ nói phắt đi !

Tân nhận thấy sự thái độ sốt-sắng, nóng nẩy của Bằng có vẻ tự nhiên, thanh thực. Chàng ngạc nhiên, thầm nghĩ : « Hay đây không phải là Bằng ? Hắn thay đổi nhiều thế sao ? « Và chàng mỉm cười với ý nghĩ này.

Bằng lại hỏi :

— Chắc có chuyện gì quan trọng phải không ?

Cầm điếu thuốc lá Bằng mời, Tân nhìn thẳng vào mắt Bằng, nói :

— Tôi đang cần gấp một số tiền là ba nghìn. Định đến nhờ cậu...

Bằng thở dài khoan-khoái :

— Tưởng gì ! Thế mà không nói ngay ? !

Chàng bật diêm cho Tân châm thuốc, tiếp :

— Được rồi ! Ngồi hút điếu thuốc với nhau đã ! Dễ chừng đã gần một năm tôi mới gặp cậu đấy nhỉ ?

Tân không trả lời, lại lén nhìn nét mặt Bằng như nghi-ngờ thái-độ thản-nhiên, vui-vẻ của chàng. Tân muốn đoán xem hai tiếng. « Được rồi ! » Bằng vừa nói báo hiệu một điều vui hay buồn, nhưng chàng không dam đoán hẳn. Chàng nói :

— Tôi cần trước Giao thừa Cậu xem thế nào ?..

Bằng tròn mắt :

— Trước Giao thừa ?

— Trước Giao thừa !

Tân thấy nét mặt Bằng hơi cau lại, có dáng suy nghĩ. Chàng bồi-hộp...

Lát sau, Bằng nói :

— Hiện giờ tụi này cũng không còn đủ số câu cần...

Tim Tân bỗng thót lại. Chàng hé miệng định nói điều gì, nhưng Bằng đã tiếp :

— Tôi có thể hỏi cho cậu được...

Bằng gật-gật đầu, nét mặt suy nghĩ, nói như nói một mình :

— Ừ... ừ... được... được...

Rồi đột nhiên, chàng nhìn Tân :

— Cậu cần trước Giao thừa à ? Vậy thì đi với tôi.

Bằng giơ tay xem giờ và đứng bật dậy. Tân cũng đứng lên theo. Chàng muốn hỏi Bằng một câu, song lại nhủ thầm : « Không nên hỏi trước ! Chắc là vay được ! » Như đoán được ý nghĩ của Tân, Bằng nói :

— Chỗ này là bạn thân của tôi, me-sừ Hoan, chắc cậu không biết ? Tôi hỏi được ngay, cậu cứ yên tâm.

Bằng vào nhà trong, một lát dắt chiếc xe Đức đi ra, rồi cùng Tân bước ra ngoài.

Dọc đường, ngồi phía sau Bằng, Tân cứ đăm đăm nhìn lên gáy bạn. Chàng vừa vui mừng vừa cảm động về lòng tốt của Bằng. Chàng ngạc nhiên không hiểu tại sao Bằng lại tử tế với mình như vậy. Chàng nhớ đến những ngày còn làm cùng sở với Bằng được nghe bạn bè bàn tán về tính nết bủn-xỉn của Bằng. Và Tân ân hận rằng hồi đó chàng đã nhẹ dạ đi tin lời họ mà có những ý nghĩ không tốt cho Bằng. Bây giờ, trong một hoàn cảnh quẫn bách cùng cực, phải tìm đến Bằng, Tân mới được biết lòng bạn. Chàng không ngờ sự thể lại xảy ra tốt đẹp đến thế ; tốt đẹp hơn sức tưởng tượng của chàng. Tự nhiên, Tân muốn một cách ngây thơ, chân thật rằng : ngay lúc này, nói những ý nghĩ không tốt về Bằng của mình trước kia rồi xin lỗi bạn Song, Tân chỉ muốn vậy thôi Và chàng cảm thấy, mình không thể nói điều đó ra được. Chàng chăm-chú nhìn mảng lưng của Bằng chỉ cách mặt chàng vài tấc, rồi chẳng hiểu nghĩ sao, chàng lưỡng-lự, dục-dè giây lát, đoạn, vòng tay ôm ngang người Bằng như muốn tỏ ra ăn năn, hối hận và cảm ơn lòng tốt của bạn...

Chiếc xe đỗ xịch lại trước cửa một tòa nhà cao lớn làm ý nghĩ Tân ngừng lại. Chàng bước xuống đất, ngơ-ngác nhìn quanh và chàng có cảm tưởng như mình chưa bao giờ trông thấy nơi này. Tân nheo mắt nhìn quanh một lần nữa và chàng ngạc-nhiên, nhận ra chỗ này đối với chàng hoàn-toàn xa lạ thực.

Có tiếng Bằng nói :

— Cậu vào đây với tôi. Đừng ngại.

Tân đi theo Bằng như một đứa trẻ, trong lòng vừa hoang-mang vừa vui sướng.

Tân thấy Bằng đưa mình vào bên trong một tòa nhà rộng rãi vô-cùng. Không khí ở đây lạnh đến rợn người. Tân lại ngơ ngác nhìn quanh và chàng thấy chung quanh vắng-vẻ, lặng-thinh như không người ở ? Tân toan hỏi Bằng, song chàng đã nói :

— Đứng đợi một lát. Tôi bấm chuông rồi. Hắn ra bây giờ.

Bằng vừa rứt lời thì một người đàn ông từ một căn phòng bên phải hấp-tấp bước ra. Bằng giới thiệu ngay :

— Anh Tân ! Anh Hoan. Chắc hai anh chưa biết nhau ?

Người đàn ông lạ tươi cười giơ tay bắt tay Tân, nói :

— Hân hạnh được quen anh.

Tân nhìn anh ta và chàng vụt thấy về mặt anh ta có dáng quen quen, chàng định cố nhớ lại xem mình đã được gặp người này ở đâu, song, chàng vội xóa bỏ ý-định ấy ngay. Bởi vì, Tân chợt nhớ ra, anh ta hao hao giống bác thợ rèn hiện ở cạnh nhà chàng. Tự-nhiên, Tân sinh ra bẽn lẽn, đứng ngay như bức tượng.

Có tiếng người đàn ông nói :

— Mời các anh sang phòng bên xơi nước.

Bằng nói thẳng-thắn :

— Nước với non gì ! Mình đến mượn cậu cho người bạn đây ba nghìn.

Cần lắm. Không thể ngồi chơi được. Để sáng mai.

Tân thấy Bằng nói câu đó một cách tự nhiên dễ-dàng quá ! dễ-dàng như thò tay vào túi lấy tiền. Chàng thoáng nghĩ đến bao phút phân-vân, ngập-ngừng hồi hộp của mình trước khi cất lời lên hỏi vay ai. Và chàng tự biết, mình không thể so sánh với Bằng được. Chàng thầm nghĩ : « Có lẽ « sừ » này cũng tốt nên Bằng mới đưa mình vào đây mà không ngại. » Và chàng thấy mình không cần phải nói lời nào.

Có tiếng người lạ nói :

— Làm gì mà vội thế ? Hãy mời anh Tân xơi chén nước đã.

Bằng lắc đầu :

— Không được ! Vội lắm.

Tân thấy người đàn ông có vẻ thất vọng, đoạn nói :

— Vậy các anh đứng đây. Tôi xin lỗi một chút.

Rồi anh ta hấp tấp trở vào nhà trong.

Bằng ghé tai Tân nói nhỏ :

— Tôi vẫn hỏi tiền hắn luôn. Cậu đừng ngại.

Tân im-lặng.

Vài phút sau, người đàn ông đi ra, đưa cho Bằng một chiếc phong bì dầy cộm, vẫn tươi cười, nói :

— Cậu tệ lắm ! lúc nào cũng vội !

Anh ta quay sang Tân :

— Anh biết nhà, thỉnh-thoảng mời anh ghé chơi. Tôi với anh Bằng cũng là chỗ thân-thuộc...

Tân cảm động nói một câu mà chàng đã nhiều lần nói với nhiều người :

— Xin cám ơn anh. Tôi thật không biết nói gì để cám ơn lòng tốt của anh...

Trong lúc nói vậy, Tân nhớ đến câu nói của Loan : « Anh đã khúm núm, anh chưa biết sao ? » Và chàng tự biết, mình đang khúm núm thực.

Bằng đưa chiếc phong bì cho Tân, nói :

— Bây giờ tôi đưa cậu về. Mười một giờ rồi.

Sau khi bắt tay người đàn ông lạ, Tân theo Bằng ra cửa.

Đến đường, Tân nhìn Bằng không biết nói gì, mặc dầu chàng cảm thấy mình có nhiều điều muốn nói.

Mãi đến khi Bằng giục chàng lên xe Tân mới nói :

— Cám ơn cậu. Tôi không biết nói gì để cám ơn lòng tốt của cậu. Bây giờ cậu cho tôi về một mình.

Bằng cười :

— Tất nhiên là cậu muốn về một mình. Sáng mai tụi này sẽ đến chúc Tết vợ chồng cậu.

Nói xong, Bằng leo vội lên xe.

Tân đứng nhìn theo cho đến khi Bằng khuất hẳn ở phía cuối đường.

Trước khi quay gót bước đi, Tân nhìn quanh-quẩn một lần nữa Và lúc này chàng lại nhận ra, nơi đây, hồi đã lâu lắm, chàng đã đi qua một lần. Tuy nhiên chàng không nhớ được tên đường. Chàng chép miệng tự trách mình : « Đồng tiền lại cũng làm mình lú-lẫn đến thế hay sao ! ? »

Đến đầu một ngã tư, Tân thấy ánh sáng chợt bừng lên rực-rỡ. Tiếng pháo từ mọi nơi cũng một lúc trỗi dậy tưng bừng. Tuy nhiên, chẳng hiểu vì sao, Tân nghe những tiếng nổ râm-ran ấy xa-xôi, mơ-hồ như từ nơi-nào vẳng lại. Và cả vùng ánh sáng vây bọc quanh chàng cũng trở nên bàng-bạc mơ-hồ. Chàng vừa bước đi vừa bàng hoàng nhớ lại mọi việc mới xảy ra. Chàng vẫn còn thấy ngạc-nhiên, sửng-sốt không hiểu vì cớ gì mọi người lại tử-tế, dễ-dãi với mình đến thế. Cái thành kiến đời là xấu-xa, bèn-kém đã nằm gọn trong trí óc chàng từ bao năm nay bây giờ bỗng nhiên như vụt tan đi. Chàng thọc tay vào túi năn-nắn chiếc phong bì mà thấy lòng rưng-rưng cảm động. Chàng nghĩ đến Bằng, đến Hoan với một tấm lòng biết ơn chân-thật. Chàng nghĩ đến Loan với một niềm vui hớn-hở, mênh mang...

Tân cứ bước đi với niềm vui ấy trong suốt những đoạn đường dài.

Chàng về đến nhà thì Loan vẫn chưa đi ngủ. Nàng đang ngồi ủ-rủ bên chiếc bàn con kê ở giữa nhà.

Loan ngước mặt lên lặng-lẽ nhìn chồng bằng đôi mắt e-dè, dò-hỏi. Tân biết rằng Loan không dám cất tiếng nói để hỏi chàng về kết quả ra sao. Trong một giây, Tân cảm thấy thương Loan đến tê-dại cả lòng. Chàng thương cho sự nàng đã thất vọng nhiều đến độ bây giờ, không dám hy vọng thêm nữa; không dám tin-tưởng ở chàng. Tự nhiên, Tân lại năn-nắn chiếc phong bì vẫn nằm gọn gàng trong túi. Chàng định rút ra đưa ngay cho Loan. Song, bỗng dưng, chàng trở nên phấn-khởi mạnh dạn, nẩy ra cái ý định trêu nàng. Chàng vờ làm vẻ mặt buồn rầu, hỏi :

— Họ trở lại chưa, em ?

Loan vẫn ngồi yên, trả lời :

— Họ trở lại rồi.

Tân ngạc nhiên :

— Sao ? Họ nói sao ?

Loan vẫn giữ vẻ mặt kém vui :

— Họ cho khất đến ra giêng. Nói khô cả cổ... Sao anh không để chốc nữa hãy về ?

Tân cảm thấy niềm vui trong mình vụt tan đi. Nghe giọng nói trách móc khó chịu của Loan chàng đâm ra tủi thân, bực tức. Chàng nắm chặt chiếc phong bì trong tay, cố dịu giọng, nói :

— Thì anh cũng phải đi xoay chứ. Em cũng nên biết...

Loan vùng đứng dậy :

— Tôi không cần biết gì cả... Sao anh không ở nhà mà van xin họ ? Anh có biết đâu cái khổ của một kẻ khất nợ Nói như lạy người ta...

Tân cảm thấy khó chịu thực sự. Chàng gắt lên :

— Em im đi !

— Tôi không im !

Tân đứng ngây người trước cửa ra vào, quắc mắt nhìn Loan, nói, giọng đanh lại :

— Em không có quyền hỗn xược với anh. Dù sao, em vẫn chỉ là đàn bà; vẫn chỉ là vợ...

Loan đứng dậy, đi đến bên chiếc tủ, cãi :

— Tôi không hỗn với ai cả ! Người ta chịu khổ cũng chỉ được đến một mức nào thôi !

Tân cố dằn lòng, đến gần Loan hơn, ôn tồn nói :

— Anh biết ! Anh biết thế, nhưng anh thì sao ? Anh không khổ sao ? Nhiều khi người ta phải biết đè nén ước vọng của mình...

Loan xua tay :

— Tôi chán nghe những lời ấy lắm rồi ! Hừ ! đè nén ! Tôi không biết đè nén ! Không người đàn bà nào biết đè nén...

Tân trừng-trừng nhìn Loan. Trong một thoáng, chàng như cảm được rõ ràng tất cả những cái đê-hèn, khốn-nạn trong lòng người đàn bà. Chàng rút chiếc phong bì ra khỏi túi, ném về phía Loan, nói lạnh-lùng :

— Tiền đây ! Cầm lấy ! Đồ khốn !

Hai mắt Loan vụt long lên. Đôi lông mày nàng như dựng ngược tất cả. Nàng nhìn như thôi miên vào mắt Tân, sừng sộ :

— Anh bảo ai đồ khốn ? Anh thì là gì ? Để cho vợ con khổ sở thì là gì ?

Tân bĩu môi :

— Hừ ! Em đi và cầm lấy tiền ! Cô chỉ muốn tiền, dù bằng cách vùi-dập chồng cô. Sao lại có những người đê hèn đến cái mức ấy !

Loan hét lên :

— Anh nói ai ? Anh bảo ai đê hèn ?

Mắt Tân chợt sáng lên lạ-lùng. Chàng nhìn chằm-chặp vào mặt Loan nói, dằn từng tiếng :

— Tôi bảo cô ! ! !

Loan không nghĩ ngợi, thuận tay vớ ngay lấy chiếc bình hoa trên mặt tủ, lao mạnh vào mặt chồng.

Tân rú lên...

* * *

— Anh ! Anh Tân ! Anh sao thế ?

Loan lay mạnh vai chồng. Tân choàng tỉnh dậy. Mồ hôi chàng vã ra đầy người, chàng hết-hoảng nhìn quanh :

— Gì thế ? Cái gì thế ?

Loan nhìn chồng mỉm cười :

— Anh rú lên làm em sợ quá ! Dạo này sao anh hay ngủ mê thế ? Dậy đi. Có khách.

Tân chưa hết bàng hoàng, hỏi dồn dập :

— Anh vừa ngủ mê à ? Ai còn đến chơi vào giờ này ? Giao-thừa chưa ?

Loan ghé sát miệng vào tai chồng, thì-thầm, nói nhỏ...

Theo ngón tay Loan, Tân nhớn nhác nhìn ra nhà ngoài. Và qua tấm màn gió mỏng, chàng thoáng trông thấy vợ chồng người chủ nợ.

21-11-61.

DOÃN-DÂN

TIN SÁCH

Tháng 10-11-12-1961

Phần I. Tiểu-luận

THU-GIANG NGUYỄN DUY CẦN *đề thành nhà văn.* THIỆN-SINH *những trang sử phần-thư.* MỘT ĐỘC-GIẢ *thuật đọc sách của André Maurois.* NGUYỄN-MẠNH-CÔN *tâm-sự tác-giả.* NGUYỄN-VĂN-CẦN *tại sao tôi từ chối giải thưởng văn-chương Tinh-Việt.*

Phần II. Mục Thường-xuyên

Sinh-hoạt Thư-tịch — Cổ-thư Kỳ-thư — Sinh-hoạt Báo-chí

Phần III. Điểm sách

LÊ THÀNH-TRÍ *người Công-giáo trước Thời-đại.* PHONG-GIAO *phật-học tinh-hoa.* Cô PHƯƠNG-THẢO *số đào hoa.* PHƯƠNG-MAI *tình yêu và sân khấu.* VĨ-HƯƠNG *Việt-nam bách-khoa từ-điển.* KIỀU-THANH *vượt đường biên-giới.* THƯ-TRUNG *cái bong bóng lợn.* PHƯƠNG-MAI *thú chơi sách.* THU-LIEU *những tập thơ trong tháng.* PHƯƠNG-MAI *màu mưa đêm.*

Phần IV. Giới-thiệu sách

tất cả các sách mới ấn-hành trong các tháng 10 và 11 năm 1961

Để sống một đời sống TỰ-DO

hằng ngày các bạn hãy đọc

NHẬT BÁO TỰ-DO

Tiếng nói của người Việt TỰ DO

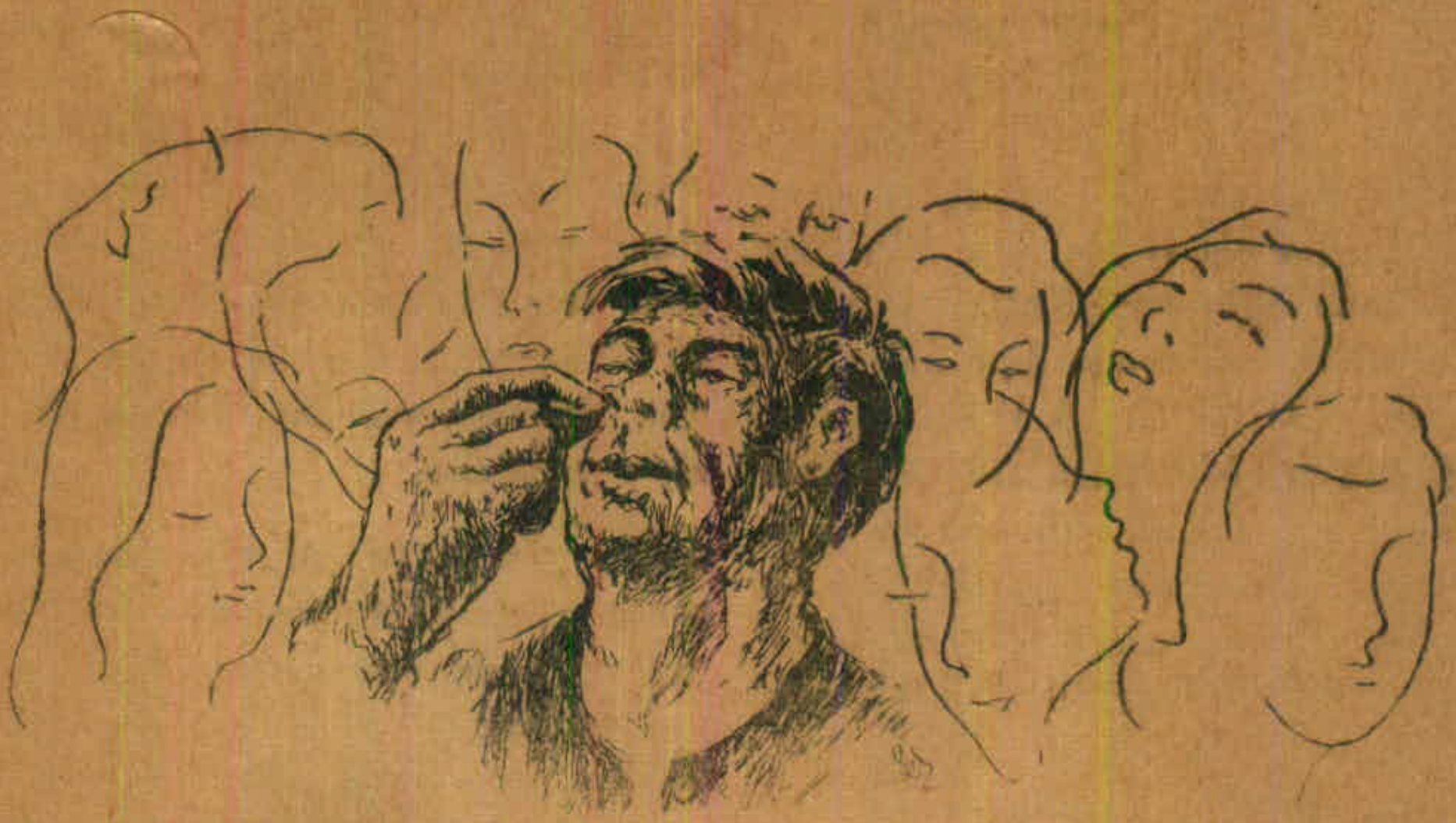

THƯ NHÀ

VÕ-PHIẾN

(tiếp B. K. số 121)

Bị xem như một người con trai hơi vớ vẩn, anh Bốn Thôi càng ngày càng đâm ra ít nói, í giao thiệp, càng âm thầm, cô độc. Những người cô độc, xa lìa đám đông xã hội, những người ấy thường vẫn hay có cách tạo ra một thế giới riêng biệt, trong đó họ một mình mơ mộng triền miên.

Bốn Thôi tìm được cách tiêu khiển và mơ mộng trong việc vặt lông mũi. Đó là một cử chỉ nhỏ nhặt không ai để ý đến, nhưng rất quan hệ trong cuộc sống riêng của anh. Vì không phải là chuyện làm tốt, chuyện điểm trang gì, cho nên Bốn Thôi không bao giờ dùng đến cái gương. Hễ cứ lúc nào rảnh việc là anh đưa tay lên mũi, rờ rẫm, thăm dò, rình rập từng sợi lông mọc thò ra ngoài; vẻ mặt anh chăm chỉ, đăm chiêu. Sự vặt nhổ như thế không phải không có lúc đau đớn, vì vậy có những khi anh nhăn-nhíu mặt mày, những khi cho các ngón tay tìm kiếm, vẻ mặt khổ sở khó nhọc. Và đối với người ngoài thì cử chỉ đó còn có vẻ kỳ cục, tục tằn, khó coi, càng tăng thêm vẻ dớ dẩn của anh

Tuy nhiên về phần anh Bốn Thôi, những lúc làm như thế anh không đếm xỉa gì đến người xung quanh. Bảo rằng người ta có thể trốn tránh sự cô đơn bằng cách ẩn lánh ngay vào trong cái rừng lông mũi rất nên lơ thơ của chính mình

thì thực là điều khó tin được. Nhưng thực ra chính những mẩn mò vớ vẩn như vậy giúp cho Bốn Thôi thoát khỏi sự đè nặng của cảm tưởng cô đơn. Trong những khi ấy anh lặng lẽ tự xóa mình, vẫn ngồi trước mặt mọi người mà như không hề hiện diện trước một ai, vẫn có đó mà như là không có, như là đang sống ở một thế giới nào tận đâu xa cách, anh lặn chìm rất sâu khuất vào trong sự cô đơn của mình, dứt hết mọi liên hệ xung quanh mình và không buồn áy náy lo lắng gì về thái độ của mọi người. Mắt anh trở nên xa xăm. Và trong cái thế giới mộng tưởng riêng biệt ấy anh tự cho có thể tha hồ nhăn nhíu mặt mày mà không thành ra kỳ cục.

Trước anh Bốn Thôi vẫn một mình hì hục hàng giờ với sự mẩn mò tẩn mẩn của mình như thế, mặc tình, không ai ngó ngàng tới, không ai nhắc nhở tới. Nhưng từ khi anh cưới về người vợ thứ hai, nhiều lần anh đang nhăn mặt tìm vặt một sợi lông mũi, bỗng mắt anh chợt bắt gặp cặp mắt của chị Lộc. Chị nhìn anh, trong mắt ánh lên một chút ý tứ giễu cợt thân mật, hòa dịu, tha thứ, và chị bật cười rất nhẹ nhàng. Thế là lập tức anh Bốn Thôi buông tay ra. Cố nhiên anh có đỏ mặt bẽn lẽn một chút, nhưng sung sướng tràn ngập tâm hồn. Anh như là người sắp sửa từ giã cõi đời bước vào cảnh khuất tịch, bỗng gặp một tiếng gọi kêu, và vụt một cái anh nhảo về thế gian, anh nhập lại vào cuộc đời, vào xã hội đông đảo. Chị Lộc không hề nói gì cả, nhưng cái nhìn hiểu biết thông cảm hiền hậu bao la của chị cứu anh thoát khỏi sự cô đơn, làm cho kiếp nhân sinh có nhiều ý vị!

Trong tình vợ chồng, chị Lộc không có biểu lộ sự nồng nàn, trái lại thường khi còn có vẻ thản nhiên lạt lẽo nữa. Nhưng chân hạnh phúc ở đời chắc chắn không phải lúc nào cũng đòi hỏi cho được cảnh mê ly say đắm. Bên cạnh thái độ khoan-hòa ấm-áp của người vợ lẽ lùng của mình, anh Bốn Thôi lần hồi tin cậy ở cuộc sống.

Anh vẫn có từ lâu một chứng bệnh phong thấp. Gan bàn chân của anh thường cứ bị nứt-nẻ ra, vào mùa mưa lạnh lại càng nứt-nẻ nhiều. Mỗi khi anh đi làm ngoài đồng, đất bùn nhét vào các vết thương làm cho anh đau đớn. Nhưng một thứ bệnh kéo dài ra hàng mười mấy năm rồi thì đối với anh nó đã mất hết tư cách bệnh tật. Vả lại gần như hầu hết dân làng ai cũng mắc chứng bệnh như thế, kẻ nặng người nhẹ, người bị nứt chân nhiều, kẻ bị nứt ít, đến nỗi không còn biết sự nứt-nẻ phải đến đâu mới được kể là bệnh tật. Bởi vậy anh Bốn Thôi chưa có lần nào nghĩ rằng cần phải chữa trị bệnh nứt chân của mình.

Thế nhưng ngay mùa đông đầu tiên về nhà chồng, một hôm, một buổi trưa, trong lúc anh đánh một sợi dây nài, chị Lộc chú ý đến bàn chân của chồng. Chị kêu :

— Trời ơi, nứt dữ vậy mà chịu được sao ?

— Không chịu được thì ai chịu cho.

Nói xong, chợt trong trí anh thoáng qua một ý nghĩ thích thú anh mỉm cười ngẩng lên nhìn vợ một cách lẳng lơ. Cái nhìn đó như nhắc lại tiếng « ai chịu

cho » một cách âu-yếm tinh nghịch. Nhưng người vợ không đáp lại cái tình tứ ấy ; chị tránh, không nhận mình là « ai ». Trên nét mặt chị, chỉ có sự ái ngại :

— Năm nào cũng vậy hả ?

— Ừ, mùa lạnh năm nào cũng vậy.

Anh liếc nhìn xuống bàn chân, và nhận thấy hình như năm này bệnh của anh có nặng hơn, đường nứt có sâu thêm. Chị lại hỏi :

— Không xức gì sao ?

— Xức gì mà hết được thì người ta đã xức rồi. Có phải một mình mình nứt chân đâu.

Chị Lộc không cãi. Chị ngó lại những vết thương trên bàn chân chồng một lần nữa rồi bảo : « Ghê chưa ! » Anh chồng cười, khép chân lại. Nhưng sau đó, chị Lộc đứng lên đi lấy cái niêu con đựng dầu rái, bưng đến, dùng một cái que, nhét dầu rái vào cái kẻ nứt ở gan bàn chân Bốn Thôi.

Mấy hôm sau, anh cảm thấy dễ chịu. Và chị tiếp tục xức dầu rái cho chồng năm bảy lần như thế. Khi anh yên trí rằng đó là bổn phận của chị, anh hưởng cái quyền được săn sóc mà sắp sửa hết thấy thích thú nữa, thì bỗng chị dừng lại mấy ngày. Anh Bốn Thôi ngờ rằng chị quên đi, và yên lặng chờ đợi, nhưng một hôm khác ăn cơm xong anh đang ngồi hút thuốc, chị vừa rửa chén vừa nói :

— Mấy bữa rày anh không xức chân, rồi nó đau lại cho coi. Ngồi không làm gì, chịu khó đem dầu ra xức đi.

Thoạt tiên anh Bốn Thôi hơi thất vọng, nhưng rồi anh lắng nghe trong giọng nói của vợ cũng có sự dịu dàng : nhắc nhở vẫn là một cách săn sóc. Thất-vọng này chấm dứt thình lình một sự thích-thú đang sắp sửa tự tiêu, nhưng sau đó nó lại lên làm nẩy ra một sự thích thú khác, dĩ-nhiên là khiêm tốn hơn.

Sau mùa cấy năm đó, một ngày đầu tháng chạp, anh Bốn Thôi đan một đôi giỏ ngựa, thứ giỏ thưa, mỗi chiếc có hai chân, buộc dính liền vào một cây đòn gánh, thường dùng để gánh cỏ hay mạ. Người vợ ngồi gần đó, đang mở các gói hột cải, hột cúc ra, xem lại, chuẩn bị trồng rau ăn Tết. Đan xong một chiếc giỏ, bốn Thôi vứt ra một bên, rồi ngồi quấn một điếu thuốc hút. Anh ngồi nghỉ tay một lúc lâu, ưỡn thẳng người lên cho đỡ mỏi lưng. Các ngón tay anh tần-mần sờ lên bàn chân, vướng nhằm một mảnh da khô, dày, vểnh lên. Những người có bệnh phong thấp nứt chân như anh thường vẫn bị tróc da như thế, những miếng da chết dính đeo vào bàn chân, cộm lên, khó chịu. Anh Bốn Thôi tiện tay gỡ mảnh da khô, nó toét rộng, kéo theo cả lớp da sống dưới bàn chân, phơi thịt ra trắng toát. Anh cúi đầu xuống nhìn, bối rối. Chị Lộc cũng chợt chú ý đến cử chỉ của anh, nhìn theo, trông thấy vết thương ; và chị liền nhắm mắt lại, kêu lên :

— Ái ! Dễ sợ chưa !

Chị buông mấy gói hột xuống. Anh Bốn Thôi trông lên nét mặt của vợ,

tự dưng tiêu tan hết mọi sự bối rối. Ngay trong lúc ấy anh vụt có cảm-tưởng rằng dẫu mối nguy hiểm có đe dọa anh đến bực nào thì sự lo lắng cũng không thuộc về phần anh nữa: đó là phần của người con gái kia. Anh tưởng mình đã trút hết mọi trách nhiệm về mình sau một cái nhìn ấy, và anh hoàn toàn tin cậy ở người kia.

Chị Lộc chạy đi lấy kéo, vừa nhăn mặt vừa cắt miếng da cho anh, và lại lấy dầu rái đắp lên vết thương. Trong khi người vợ làm bấy nhiêu công việc, anh Bốn Thôi cười và đùa giễu về tính nhát gan của chị.

Trước cảnh nhà nghèo túng, trước những tai biến bất ngờ khó khăn xảy đến trong đời, chị Lộc vẫn điềm tĩnh và im lặng. Thái độ can đảm mà bình thản, dịu dàng, thụ động ấy xóa lấp hết dấu vết mọi biến cố trong một đời nhiều trắc trở ngang trái của chị. Nhưng trông thấy một mảnh thịt người toát trắng chị không bình tĩnh được, chị sợ hãi hoảng hốt. Một sự việc nhỏ nhặt hôm ấy khiến anh Bốn Thôi thấy thêm một khía cạnh lạ-lùng trong tâm hồn người con gái sống bên cạnh mình. Và anh kinh ngạc một cách... sung sướng! Tại sao lại sung sướng? Đáng lẽ có thể nghĩ rằng sự hoảng hốt kia chỉ là phản ứng tự nhiên của người hiền dịu có nhiều từ tâm, ghét sự tàn bạo xô xác và những gì có liên hệ đến nó như là máu me, thương tích v.v... Nhưng anh Bốn Thôi không nghĩ như thế. Anh ta chỉ chợt thấy người con gái nhăn nhó đau vì một vết thương của mình. Và như thế, anh có thể chịu mãi những vết thương!

Từ đó về sau, cứ lần nào có da khô ở gan bàn chân anh lại lựa những lúc ngồi gần vợ để trước xé mảnh da ra. Anh gây đau đớn cho mình, kinh hãi cho người vợ. Và anh thưởng thức một thứ sung sướng tinh quái. Những tiếng kêu bối rối: «Ái! Ghê quá! Ái! Dễ sợ chưa!» v.v... phá vỡ sự cô đơn. Và kiếp nhân sinh lại có một thứ ý vị kỳ quặc nữa!

* * *

Bốn Thôi cưới người vợ thứ hai vào một mùa xuân. Trải qua hai năm, đến mùa xuân thứ ba sau đó thì chị Lộc bị đau lần đầu tiên. Duyên cớ thật là nhỏ nhặt: một mụt mụn, nổi lên ở gốc mũi. Mụt mụn bọc mới một ngày mà đã làm cho mặt chị nặng lên, khó chịu. Nhiều lần chị đưa ngón tay lên rờ rẫm thăm dò. Cuối cùng, không chịu được, chị bấm móng tay vào, nặn vỡ mụt mụn. Chỉ bật ra một tí máu, rồi một ít nước đỏ loang loãng. Ngay nửa giờ sau chị cảm thấy trong người ớn lạnh, khang-khác, nhưng chị vẫn đi ra đồng bắt cua.

Đầu tháng Hai, chỉ còn ít nước lép xép ở những đám ruộng sâu. Cua cá bị dồn lại trong những vũng nước nhỏ như thế rất khó bề trốn tránh khỏi cò vạc. Chị Lộc phải gấp rút tranh nhau với loài chim. Mỗi buổi sáng, bước xuống ruộng, chị thấy thêm nhiều dấu chân mới và nhiều vết phân trắng của chúng bên cạnh các vũng nước sắp cạn. Và trong khi chị

Lộc lom khom dưới ruộng thì rải rác ở những bờ ruộng quanh đấy vẫn có vài ba con cò lợ-nội đứng gật gù buồn bã : chị bị chúng nó theo dõi như thế suốt buổi.

Hôm ấy chị bắt cua không trọn buổi. Gần trưa, chị thấy choáng váng, lên cơn sốt, phải bỏ về nửa chừng. Người thím chồng vừa trông thấy mặt chị liền kêu lên ngạc nhiên : mặt sưng vù lên, híp đi một con mắt Chị Lộc cho rằng đó có lẽ là vì chị đã cúi đầu lâu quá nên bị máu dồn xuống. Chị úp bàn tay lên phía đau, thấy nóng hừng hực. Chiều hôm ấy bị bỏ công việc, nằm vùi.

Sáng hôm sau, cả một nửa khuôn mặt sưng to và đỏ rần một cách dễ sợ. Một phía môi của chị bị xách méo lên, và tiếng nói nghe khác đi. Bốn Thôi hoảng sợ. Trong một ngày ấy, từ sáng cho đến khuya, chị Lộc uống đến hai thang thuốc, không kể những món ngoại khoa dùng thoa xức bên ngoài.

Đến ngày thứ ba thì chị Lộc nằm mê man. Khi hai con mắt người vợ khép lại, anh Bốn Thôi hoàn toàn bối rối, cuống cuồng. Lâu nay anh đã quen tìm sự bình tĩnh và niềm tin cậy nơi cuộc đời ở trong nét mặt và đôi mắt của người con gái ấy, vào những lúc bối rối nhất, nhìn đến nó anh vẫn cảm thấy có một vẻ gì an hòa, vững chãi làm cho anh yên tâm. Nhưng bây giờ khuôn mặt ấy không còn hình dạng bình thường nữa, nó không còn có thể biểu lộ được gì nữa cả. Và hai mắt thì nhắm nghiền lại suốt ngày. Thoạt tiên, Bốn Thôi trông vào khuôn mặt quen thuộc ấy, anh nhìn mãi như tìm kiếm, rồi chợt hiểu rằng cái mà anh đang tìm ấy có thể mất đi vĩnh viễn, anh ta như người mất hẳn phương hướng, ngẩn ngơ, thất lạc.

Tưởng chừng người vợ có thể đau khắp châu thân, miễn là còn lại khuôn mặt cùng cặp mắt để anh nhìn và để nhìn lại anh, là anh đủ được an ủi và đủ biết phải làm những gì, xoay trở ra sao. Đàng này anh lại mất những cái đó trước tiên : anh còn biết tìm đâu ra sự tin tưởng và sáng suốt, anh còn biết làm cái gì nữa bây giờ ? Từ đó, chú thím anh ta cùng mấy người hàng xóm lo chạy thuốc lao xao, còn anh thì ngồi lì, như một đứa trẻ ở một mép giường, bên cạnh người vợ. Thỉnh thoảng người con gái cựa mình, cố gắng hé mắt một cách khó khăn, và ú ớ mấy tiếng trong miệng.

Sáng ngày thứ tư, vào khoảng chín mười giờ, Bốn Thôi vẫn ngồi như thế, bỗng thấy người vợ dùng ngón tay cào lên mặt chiếu Anh ta nhìn lại thì vừa gặp chị mở mắt. Chỉ có một con mắt mở được, và chỉ hé được nửa chừng. Anh bốn Thôi nhìn chằm chặp vào con mắt ấy như vội vã đọc ở đấy tất cả sự dặn dò chỉ bảo của người bệnh. Anh ta bị thu hút vào ánh mắt đó một lát, thình lình anh nức lên khóc. Trong con mắt vẫn sự dịu dàng thụ động, nhưng có một vẻ gì thiết tha mà buồn bã, một vẻ gì khác thường làm anh ta hoảng hốt.

Người vợ mấp máy hai môi. Anh ta cúi xuống, nghiêng tai, nghe chị yêu cầu mời bà mẹ đến. Nói xong một câu vắn tắt ấy, chị lại khép mắt, nằm yên lặng.

Trong khi người ta chạy đi gọi bà hai Hồ, anh Bốn Thôi ngồi nhìn chăm vào mặt người vợ. Trên mặt chị không biết

một người nào đó đã bôi một lớp phấn gà « sáp », thứ thuốc ngoại khoa cuối cùng. Cho rằng giờ cuối cùng của chị đã đến, tất cả chừng bảy tám người có mặt trong nhà lúc ấy đều kéo đến vây xung quanh chiếc giường người bệnh.

Thật lâu, hơn một giờ sau, người ta vẫn chưa tìm gọi được bà hai Hồ đến. Có lẽ bà vắng nhà, đi đâu xa. Người bệnh vẫn mê man thiêm thiếp, bất động. Những người vây xung quanh giường tản ra, rút lui hết. Trong phòng chỉ còn lại Bốn Thôi ngồi khóc sụt sịt bên vợ. Trời bên ngoài nắng gắt. Trong buổi trưa, anh ta nghe tiếng nước chảy từ chiếc gàu rách của một người đang xách nước đổ xuống mặt giếng. Tiếng nước đổ mạnh, và kéo dài mãi, anh ta chợt nghĩ : « Không ngờ chiếc gàu rách đến bực ấy ». Nghĩ xong anh ta liền lấy làm ngạc nhiên, vì giữa lúc nguy biến như lúc này một chuyện cỏn con vô nghĩa lý như thế lại có thể hiện đến trong trí anh. Hình như một chờ đợi kéo dài trong cái nóng bức thỉnh thoảng làm cho sự đau đớn của anh tê mê, thiếp ngủ đi một lát. Thình lình có tiếng hai người đàn bà cười lớn, khua vang cái không khí nặng nề vắng vẻ. Cùng lúc ấy, Bốn Thôi có cảm tưởng như có một rùng mình nhẹ nhàng lướt qua trên thân thể người vợ. Anh cúi xuống nhìn kỹ : người vợ vừa tắt thở.

Bất giác anh ta hoảng sợ quay ngó xung quanh, dớn dác. Không có người nào cả. Một con ruồi xanh bay vào nhà, lượn một vòng về phía đầu giường. Bốn Thôi oà lên khóc lớn. Mọi người chạy vào.

Từ ngày về nhà chồng, chị Lộc chỉ đau có một lần, vì một mụt mụn nhỏ. Nhưng chị không qua khỏi, chết không kịp trối trăn.

Sau khi chị chết, tôi đã nghe người ta kể về nhiều điều dớ dẩn của Bốn Thôi Trong khắp làng, con trai con gái thường đem những chuyện Bốn Thôi thương vợ ra để làm đề tài chế nhạo, đùa giễu. Người đàn ông hiền lành, thực thà nhất lại gây tiếng tăm vì vấn-đề ái tình, vì phụ-nữ.

Tôi cũng nghĩ rằng người ta thường phóng-đại những chuyện như thế cho thêm vui. Nhưng chính mắt tôi, tôi có trông thấy tảng đất sét chừng mười tấc vuông để dưới bàn thờ nhà Bốn Thôi, trên tảng đất sét in một dấu chân người. Nguyên sau khi chôn vợ, mấy ngày sau anh ta hết quanh quẩn bên mộ lại đi thơ thẩn ngoài đồng, tìm đến những chỗ trước kia thường có chị làm việc. Một hôm anh ta chú ý đến những dấu chân của chị còn in rõ ràng trên ruộng, bên cạnh một vũng nước vừa mới khô, còn năm ba con cá chết nằm phơi bụng trắng long lanh, một vài chiếc càng cua, ngoe cua gãy, vỏ cua bể... Thật là một kỷ-niệm xúc động : mới trước đây mấy ngày, chị còn tiễn từng bước ở chỗ này lom khom tìm cái ăn về cho gia-đình, dấu tích rành rành tưởng như còn nóng hơi người !... Ruộng đất thịt mới vừa khô lớp mặt, ở bên dưới còn deo dẻo, anh Bốn Thôi bứng được một tảng vuông-vắn rất dễ dàng. Cái kỷ-vật kỳ cục lạ đời đó được anh ta đem về để vào nơi thờ phụng.

Từ ngày anh Bốn Thôi mang vết chân vợ về cho đến khi tôi có dịp tới nhà anh ta, nhìn thấy nó, cách nhau đã gần nửa năm. Tuy thế, dấu vết in trên tảng đất hãy còn rõ rệt : ngoài bàn chân chị Lộc ra, còn có thể nhận thấy một dấu chân loài chim, chắc chắn là của một con cò hay con vạc nào đó, và những đường nhỏ kéo dài loằng ngoằng mà tôi đoán là do những chiếc ngoe cua để lại. Chị Lộc, cò và cua ! tất cả dồn vào trên nuời tấc vuông : tôi nghĩ không còn có bản bi-ký nào tóm tắt lai lịch một cuộc đời phác họa, hình ảnh và thuật lại sự hoạt động của một nhân vật, mà vừa gọn ghẽ vừa cụ thể rõ ràng đến chừng ấy.

Bà tôi có nghe nhiều lời đồn đại về những lối thương vợ tiếc vợ như thế của Bốn Thôi, nhưng không có cơ hội đến nhà anh để tìm xem chân kia. Tuy nhiên bà tôi có cười và nhân tiện kể lại chuyện thuở khai thiên lập địa ông Khổng-Lồ gánh đất đi đắp núi, mỗi bước chân lún xuống thành ra ao này, bàu kia. Đó là thuộc về những câu chuyện tương truyền của « mọi lần », để cắt nghĩa tại sao có một cái ao ở đầu làng tôi, một cái ao khác ở cuối làng và một cái bàu ở làng bên cạnh, tại sao ở cách làng tôi mươi cây số có một ngọn núi nhọn như đống đất đổ vun và một trái núi dài ra như tuồng ông Khổng-Lồ làm đứt dây gánh, đổ đất .i-rai. . .

Mặc dù bà có tôi cảm tình đối với chị Lộc, bà cũng chỉ nhận thấy rằng lúc sinh thời chị đáng được quí mến vì một bàn tay làm nên mắm cua chua và lúc mất đi chị đáng được nổi tiếng vì một bàn chân có liên quan đến những truyện « mọi lần ». Chỉ có vậy thôi. Bà tôi đã tới cái tuổi không hiểu nổi được những giông-tố bão-bùng của ái-tình nữa. Mà ở anh Bốn Thôi lúc này chỉ toàn có ái tình, có giông tố bão bùng nghiêng ngửa cõi lòng. Người ta ngờ rằng anh ta có thể hóa dại, nếu không thì cũng ngẩn ngơ suốt đời. Mất chị Lộc, anh ta lại rơi lạc bơ vơ vào trong cái cô độc mênh mông của mình. Anh ta lại lùi lũi một mình, lại đưa mấy ngón tay sờ mò và nhăn nhíu mặt mày để vặt những sợi lông mũi. Anh ta càng xa lánh trốn tránh đám đông.

Sự thương nhớ quá độ đối với chị Lộc lần này làm cho anh ta có vẻ điên dại, khờ khạo tệ hơn là lần người vợ thứ nhất trốn đi nữa. Chính vào khoảng thời gian này người làng đặt cho anh cái tên Thôi, vì thực ra tên tục của anh trước kia vốn là Nữa. Đối với những người đã lớn tuổi, ở thôn quê vẫn thường gọi họ bằng tên con, lấy tên đứa con đầu để xưng luôn cha mẹ. Gọi một người bằng tên tục có vẻ sỗ sàng, vô lễ. Trong trường hợp của anh Bốn Thôi người ta đã chờ đợi đứa con anh lâu quá rồi. Đến khi chị Lộc qua đời thì người ta nghĩ rằng thế là hết, anh đã gần ba mươi tuổi đầu rồi, và anh bị «lụy» chuyến này khó bề gượng dậy nổi. Người dân quê có khiếu hài-hước ý nhị và giàu lòng tử tế, vừa cười vừa xóa cái tên Nữa, mà gọi anh bằng tên Thôi, để tránh một lối xưng hô sỗ sàng.

Sự việc đặt một cái tên mới cho anh mặc dù là nhã nhặn nhưng chứng tỏ rằng người xung quanh đã công khai hết tin ở cuộc đời ái tình của anh ta nữa rồi.

* *
*

Quả thực ở nơi anh Bốn Thôi có nhiều triệu chứng tuyệt vọng. Mắt anh luôn luôn nhìn xuống, tuồng như anh sợ tất cả mọi người. Khi đứng gần một cuộc chuyện trò ồn ào, anh vẫn giữ nét mặt xa vắng, và đôi tai có nghe lời nói của kẻ khác thì cũng cứ như là nghe trộm thôi. Người chú cũng không bao giờ bắt gặp anh ta nhìn theo phía sau những người con gái bằng cái nhìn thưởng thức như trước kia nữa.

Anh Bốn Thôi có vẻ như là đã ngã khuỵu xuống dưới sức nặng của tai biến vừa qua. Không ai dám nghĩ rằng anh ta có thể nói tới chuyện vợ con nữa.

Và bốn Thôi quả đã ngã khuỵu xuống thật. Ngã xong, anh nằm bẹp như thế hơn hai năm trời. Nhưng khốn nỗi, khi anh bắt đầu gượng gạo ngẩng đầu dậy được, thì việc đầu tiên anh ta nghĩ đến là . . . cưới vợ !

Vợ thứ ba của anh ta là một người con gái mang tật ở chân, bước đi nhúc-nhắc. Nguyên đã lâu năm chị đau một thứ mụt bất trị, lở to bằng cái khu chén nơi gót chân bên phải. Chị ta ở giúp việc tại gia đình ông Lý trong làng, thuộc về « đống » họ Lê. Nhà họ Lê cho rằng chị đã quá tuổi có chồng, và yên trí là sẽ nuôi chị ta cho tới già. Như thế chỉ tốn cơm ăn, một ít quần áo cũ đã thải bỏ, và mỗi tháng một gói hột « thiên sinh tử » nằm lạng để cho chị ta sú nước vào, đắp lên mụt, trước khi buộc lên đó một mảnh thau có xoi thủng nhiều lỗ nhỏ thông hơi.

Thế nhưng vào lúc bất ngờ nhất, chị ta được anh Bốn Thôi rước về làm vợ. Anh ta có ý nghĩ bướng bỉnh cho rằng cái mụt nơi chân của chị ta nhất định có thể trị được. Rồi thì có người mách anh, anh nghe theo, mua một tuýp Dagénan, và bệnh chị ta lành thật.

Lành bệnh xong, chị ta liền bỏ nhà trốn đi ngay. Tính ra chị làm vợ anh Bốn Thôi chưa tới sáu tháng. Người ta đôi lúc đành phải tiếc rằng thuốc men công hiệu lắm khi quá mức chờ đợi; và thứ chân chữa lành bằng thuốc Dagénan vẫn không bằng thứ chân chữa bằng dầu rái.

Anh Bốn Thôi tức giận cưới người vợ thứ tư liền trong năm đó. Nhưng ngay năm sau anh ta lại trở thành y nguyên là một người đàn ông không vợ.

Như vậy là nghĩa lý thế nào ? Ban đầu khắp làng người ta cười cợt, đùa giỡn, đặt chuyện khôi hài nhằm nhí về anh Bốn Thôi. Nhưng đến khi người vợ thứ tư, rồi tiếp luôn người vợ thứ năm của anh ta cũng bỏ nhà trốn đi luôn, thì ai nấy tự dưng cảm thấy rằng sự đùa cợt không nên kéo dài nữa, không còn thích hợp nữa. Trong tấn thảm kịch có cái gì bi đát.

Bốn Thôi không ph[illegible] người có số đào hoa, có thói ong bướm, lả lơi

Người lúc nào cũng rầu rĩ và có vẻ nghiêm khắc, mặc dù là ngơ ngẩn. Không ai tin anh thích những mơn trớn của xác thịt đàn bà. Cũng không ai có thể tin là anh được hưởng cái thích thú tỉ tê, thủ thỉ tình tự bên cạnh đàn bà : anh ít lời lẽ quá. Vậy mà liên tiếp mười mấy năm trời, chỉ có mỗi điều choán tất cả đầu óc anh, chiếm tất cả sự hoạt động của anh, thu hết tất cả tâm trí anh, khiến anh lao đao thất thểu : ấy là những người vợ. Anh hì-hục vất vả với những người vợ, như là con người khổ-não hì-hục một cách tuyệt vọng trước định mệnh của mình.

Một cuộc vật lộn gay go và bất lực với số mệnh kéo dài suốt nửa đời người như thế dần dần nhuốm một tính-chất bi thảm, và người chứng kiến không còn lòng dạ nào cười cợt nữa — dẫu rằng trong đó vẫn có ít nhiều khía cạnh đáng cười.

Nhưng về phía những người vợ anh Bốn Thôi, tại sao tất cả — chỉ trừ chị Lộc — tất cả họ bằng lòng lấy anh ta, rồi họ đều bỏ anh trốn đi một cách vội vàng nhẫn tâm như vậy ? Người chú Bốn Thôi có điều ngờ vực mà không bao giờ ông chịu nói ra. Còn bao nhiêu người trong làng đều thắc mắc.

Tôi chắc chắn không phải những người đàn bà ấy thất vọng về tính nết thực thà khờ-vụng của Bốn Thôi. Về điều đó họ có bị lừa gạt gì đâu. Không phải trước khi chịu lấy anh, họ không hiểu anh là người thế nào ; cả làng còn ai lạ gì anh, tất nhiên họ không chờ đợi người chồng lanh lợi bặt thiệp, tình tứ tao nhã. Như thế họ làm gì ? Mỗi người con gái nọ, một khi biết mình lầm, tự nhiên lặng lẽ, không kèn không trống bỏ ra đi. Họ không bẻ hé răng nói một lời nào gọi là để răn ngừa kẻ đến sau. Người ta bảo rằng đàn bà ít kín miệng. Nhưng khi họ tỏ ra kín miệng, thì lại không phải là vì bảo ý.

Có điều lạ lùng là dẫu bị lầm họ cũng không oán, và mặc dù bị bỏ rơi bị lầm nhục, người chồng cũng không lấy làm giận. Những người vợ ra đi như thế làm cho cuộc đời anh Bốn Thôi càng lúc càng đen tối thêm. Người nầy đi, người kia lại ra đi, sự đau khổ cứ dẫn đi diễn lại mãi, mỗi lần như vậy anh ta mỗi cảm thấy rùng mình như nhà thi sĩ nghe lập lại cái câu tuyệt vọng não nùng từ cửa miệng con quạ quái gỡ trong bài thơ kỳ quặc danh tiếng nọ, mặt anh mỗi tối đi, đầu anh mỗi gục nặng xuống thêm nữa. Thật vậy, anh Bốn Thôi như càng ngày càng cúi gục xuống. không đủ sức cất cao đầu lên nữa, Tuy vậy, gục đầu anh vẫn cứ lùi lũi tới lui thăm viếng gia-đình của các người vợ cũ. Mồng năm ngày tết, các ngày cúng ngày quải, anh vẫn lễ mễ khăn áo đến nhà các người vợ cũ làm đầy đủ bổn-phận của người rể ngoan, đến nỗi tất cả các gia-đình đều thương xót, ái ngại, đều cảm thấy như sự phụ-bạc lầm lỗi của các người con gái họ dần dần trút hết lên họ một cách nặng nề.

Mùa đông năm trước khi xảy ra cuộc khởi-nghĩa 1945, bà hai Hồ gạt

lửa để dưới giường nằm cho ấm ; giường gãy, bà ta ngã trên lửa, vì vướng lúng túng mền chiếu, không vùng dậy được, bị phỏng nặng. Ban đầu Bốn Thôi lui tới mỗi ngày vài lượt, về sau anh ta phải ở lại nhà mẹ vợ suốt nửa tháng để chăm nom thuốc thang, nấu cơm, giặt giụa cho bà ta. Bốn Thôi lúc nào vốn cũng buồn rầu và nghiêm chỉnh. Bởi vậy sự tận tụy của anh, dù là trong khi anh làm những công việc nhỏ mọn không xứng đáng với người đàn ông, cũng có vẻ khả-kính. Anh ta mến trọng bầu hạ mẹ vợ, bất chấp sự khinh-bỉ và mối ác cảm của làng xóm đối với bà ta từ trước đến nay. Thái-độ can-đảm của anh lần lần rồi nâng cao bà hai Hồ lên ít nhiều trước con mắt người xung quanh.

Tất cả năm gia đình bên phía vợ cũ đều công nhận rằng một người rể như Bốn Thôi thật là quí báu. Và bà tôi, sau khi lục-soát khắp cái xã-hội mênh mông của « mọi lần » cũng lắc đầu, chịu rằng một nhân-vật như vậy khó tìm ra, dầu là trong thuở « mọi lần ».

Các người nghiên-cứu về tính-dục ngày nay thường khi họ nêu lên những điều rất nhảm nhí. Thậm chí họ phát giác ra có kẻ tìm thấy khoái-trá trong sự tiếp-xúc, nâng niu những vật vô nghĩa lý thuộc về người đàn bà mình yêu-thương, thí dụ như cái khăn tay cũ, sợi tóc, một mảnh «tàn y» còn lưu hương, hoặc một thứ hơi hám không phải là hương-thơm v.v.., những gì đã gần gủi người yêu và có thể « đại-biểu » cho thân thể người yêu. Họ cho đó là một biểu lộ bệnh-hoạn của dục tình, như thể là một hiện tượng bái-vật trong sự tín ngưỡng vậy.

Hỡi ôi ! bà hai Hồ có thể đem ví với một chút tàn-y, một mảnh áo rách không thơm tho mà gợi cảm ấy sao ? Và thái độ trọng vọng thành kính trên nét mặt rầu rầu nghiêm chỉnh của Bốn Thôi ấy lại có dính liếu đến dục tình sao ? — Không còn có sự suy diễn nào nhảm nhí hơn.

Tuy vậy có một chút sự thực cần phải nói ra là quả tình Bốn Thôi thường viếng thăm những gia đình vợ cũ không phải vì ân-nghĩa, vì tôn trọng những nề nếp lễ nghi phong tục đẹp đẽ. Sự thăm viếng chuyên cần mà trịnh trọng như là những cuộc hành-lương ấy đối với tất cả năm gia đình nọ, có mục đích ích kỷ. Nó xoa dịu sự khắc khoải cô đơn của anh ta. Ra vào nhà cửa của các người con gái đã mất ấy, tiếp xúc thưa gửi với mẹ cha chị em họ, tiếp tục đóng vai trò người chồng họ, tẩm mình trong cái không khí thuộc về thế giới những người vợ cũ như thế, Bốn Thôi cảm thấy mặt mũi mình bớt bị tối sầm lại, đầu óc bớt bị trĩu gục xuống, anh ta cảm thấy một sự an ủi, anh ta như được thư thái hơn, bình-tĩnh hơn.

Thật là khắc-nghiệt và thô lỗ nếu gán cho thái độ của anh những danh từ đại loại như bệnh hoạn, dục tình v. v... khi anh chỉ muốn yên lặng tìm một cảm tưởng an-tĩnh Người đời thiếu sáng kiến thường hiểu được thái độ của những kẻ lánh đời bằng cách lênh đênh khắp ngũ hồ, mà không chịu hiểu cho kẻ lánh đời bằng cách lẩn quẩn trong khoảng năm gian nhà vợ cũ.

Nhưng điều gì mà không ai chịu cảm-thông với mình, Bốn Thôi vẫn tin rằng nếu chị Lộc còn ở đời, chị sẵn sàng thông cảm. Sao chị lại không biết đến tâm trạng của kẻ lẩn quẩn nhà vợ khi chị đã từng thấu hiểu được cả cái tâm trạng của kẻ lẩn tránh sự cô đơn ngay trong lỗ mũi mình ! Bốn Thôi tin rằng nếu chị Lộc còn ở đời anh không đến nỗi thành một hiện tượng bí-hiểm.

Nhưng ngoài chị Lộc ra, những người vợ khác, họ đối với anh cũng như mọi người đối với anh. Họ không có sự thông cảm. Có lạ chăng chỉ là họ đã xa bỏ Bốn Thôi mà trước sau vẫn không tỏ một ác cảm gì, một sự giận dỗi nào cả. Một năm nọ, người vợ đầu tiên của Bốn Thôi trở về làng. Chị ta kể rằng đã đi làm công ở một đồn-điền trà trên Biển-Hồ, chị đã có chồng khác và có con. Tôi có được gặp người đàn bà nhỏ vóc, răng đen, và nước da vàng vàng ấy trong khi chị ta tới thăm nhà Bốn Thôi.

Mọi người trong gia đình chị ta đều bảo là chị cần phải đến thăm người chồng cũ. Chị ta nghe theo, thản nhiên. Khi họ gặp nhau, chị ta nhoẻn cười, như thể là để làm lành, xin lỗi, mà cũng như thể là để khích-lệ bốn Thôi. Tuy vậy, anh này vẫn cứ bẽn lẽn. Anh bẽn lẽn, khiến người ngoài cuộc có thể nghĩ là trong việc người vợ bỏ nhà trốn đi trước kia, phần lỗi là thuộc về anh chứ không phải về người vợ.

Rồi người đàn bà bạo dạn chào hỏi chú thím Bốn Thôi. Họ bỏi thăm nhau về sức khoẻ, về tình hình mùa màng, về công chuyện làm ăn. Người đàn bà lại kể lại với Bốn Thôi chuyện chị làm công ở đồn điền trà trên Biển-Hồ, chị có chồng khác có con .. Như thế, một lúc sau, họ vui vẻ, để huề, tưởng không có gì ngăn cản họ lại sum họp mãi mãi bên nhau.

Đến một lúc, tự nhiên người đàn bà nhìn về phía bàn thờ, có ý tìm kiếm một cái gì. Người thím của Bốn Thôi nói :

— Năm ngoái ông ấy trông thấy bộ bình phong tam sơn nầy, thích quá, nhất định mua về. Bộ cũ bán lại rồi.

Bà tưởng người dâu cũng chú ý đến bộ đồ thờ bằng gỗ mới. Ông chú nghe nói đến mình, cũng tủm tỉm cười Nhưng ông ta trông lại, và hiểu rằng người dâu không để ý đến bộ đồ thờ. Quả nhiên, chị vừa cười vừa hỏi :

— Cái đó... ở đâu ?

Người thím hỏi :

— Cái gì ?

Chị ta cười lớn hơn :

— Cục đất đó ?

Trước khi chị nói ra câu ấy, Bốn Thôi đã đỏ mặt như gấc. Anh hiểu sự tò mò của chị ta. Chị đã nghe người ta nói về cục đất có in vết chân chị Lộc ! Nhưng mà còn đâu nữa : lâu năm quá rồi, vết chân chị Lộc cùng với những vết ngoe cua đã tan rã, trở về đất bụi rồi, còn đâu !

Người đàn bà nước da vàng vàng cười ngắc-nga ngắc-nghẻo. Rồi chị ta vừa nói chuyện vừa giúp người thím nấu dọn bữa ăn. Ba hôm sau, chị lại đi Biển Hồ.

Ngay đến người đàn bà toe-toét, dễ dãi ấy cũng vẫn cứ kín miệng về chỗ lý do khiến họ xa bỏ Bốn Thôi. Vì vậy mà sau đó một người đàn bà thứ sáu lại đến làm vợ anh ta nữa !

(còn tiếp)

VÕ-PHIẾN

Con, mùa Xuân của Ba

Gởi con NGUIỄN-HỮU-TUIỀN

NGUIỄN-HỮU-NGƯ

Trưa nọ, Ba về trễ
Dọc đường bánh xe bể
Cả buổi học trò ồn
Ba mệt vô số kể.

Trời lại nắng chang chang
Mồ hôi chảy thành hàng
Ba thèm một bóng mát
Ba nhớ Con vô ngần

Được nhìn đôi mắt trong
Được siết Con vào lòng
Được hôn Con trăm cái
Tức một thành số không.

Nhưng khi Ba về nhà
Con trố mắt nhìn Ba
Ba giơ tay rộng mở
Con ngoảnh mặt rồi la...

Ba ôm Con, Con hất
Hai cánh tay Ba ra
Rồi Con lại khóc rống
Như Ba chẳng phải Ba !

Có cái gì đè nặng
Lên tấm lòng của Ba
Có cái gì sụp đổ
Trong cõi hồn của Ba.

Bàn tay lạnh của Ba
Phát đít Con một cái
Từ miệng đắng của Ba
Thốt ra một tiếng :.. « Đờ... !»

Ba ngơ ngác giây lâu
Rồi Ba bỗng cúi đầu
Để mình rơi xuống ghế
Mắt mờ nhìn vào đâu.

Con ơi ! Con bé dại
Con có biết gì đâu !
Hất tay Ba rồi khóc
Con nào biết Ba đau !

Người ta chẳng hiếu Ba
Đường Ba, Ba vẫn bước
Nhưng Con hất hủi Ba
Ba làm sao chịu được ?

Nên Ba mới đánh Con
— Lằn đầu mà lằn chót —
Nên Ba mới mắng Con
— Tiếng đầu mà tiếng chót.

Con nhỏ dại của Ba
Mới hơn mười tháng tuổi
Hãy tha lỗi cho Ba
Đã lam con đau tủi.

Lại đây cho Ba áp
má Con vào má Ba
Cho nước mắt Con chan hòa
Với mồ hôi Ba nhễ nhại.

Rồi nín nghe Ba hỏi :
« Con tha lỗi Ba chưa ?
« Trả lời mau đi Con,
« Con, mùa Xuân của Ba . . .»

T.T. Tân-Sửu (1961)

N.H.N

bọt sóng

NGHIÊU - ĐỀ

Thôi về rũ áo hiên ngoài
Ủ bàn chân lại ngủ dài đêm thâu

Mai qua phố của sương mù
Một khoang xe nhỏ người thu dáng ngồi

Đường lên rừng — vết máu tươi
Dưới chân rĩ sắt bụi trời đỏ hoe

Bỏ rừng khoan gió nằm nghe
Đêm đồng nội khói thuốc che mặt người

Cầu cô đơn nước dòng trôi
Mù khơi bến bắc mù khơi chiếu nằm

Dài theo giấc ngủ vắng không
Vết chân người bọt sóng đong đã đầy

N.Đ.

Đêm Giao Thừa

Vũ-Quỳnh-Bang

Mấy năm lạc loài đất khách,
Đêm nay pháo nổ giao thừa,
Vời vợi nỗi niềm ly cách,
Chạnh lòng bỗng nhớ quê xưa.

Quê xưa chừ đây tan tác,
Xóm làng bụi phủ tang thương.
Tết nầy đành vui đạm bạc,
Linh đài hiu hắt trầm hương.

Quê xưa, mẹ già vò võ,
Xác xơ một mái tranh nghèo.
Chờ con mỗi chiều nắng đỏ,
Thương về ngày tháng cheo leo.

Quê xưa, người yêu tuổi nhỏ,
Chờ tôi hay đã lấy chồng ?
Hay đã chết rồi không rõ !
Hay là vẫn mỏi mòn trông !

Ở đây miền Nam sán lạn.
Miền Nam cuộc sống tưng bừng.
Phố phường tràn đầy ánh sáng,
Người người nô nức đón xuân.

Miền Nam lúa đồng đang trổ,
Xuân về mở hội trăm hoa,
Giao thừa nằm nghe pháo nổ,
Cô đơn lòng kẻ xa nhà.

Bao giờ chiến tranh chấm dứt,
Tôi về thăm lại quê xưa,
Tôi sẽ cúi đầu hôn đất,
Quê hương thương mấy cho vừa.

Em ơi ! Chờ anh xuân tới,
Anh về kể chuyện đêm nay.
Vui xuân cùng nghe pháo nổ,
Đôi ta cất chén cùng say.

V. Q. B.

lục bát

VIÊN-LINH

Thôi em dỗ giấc ngủ về
đêm đang rời rạc bốn bề yên vui,
mưa nghe buồn rộng đất trời
xe lên phố nhỏ trông đời thanh xuân.

Thôi em dỗ giấc ngủ gần
nẻo xa chim đậu quen thân buồn phiền,
tóc dài song cửa, mái hiên
tay co hạnh phúc trăm miền dưới kia.

Cây quên, bóng lụi, sinh thì
một vai áo lạnh vai đi dần dần,
thôi giờ, ở lại yên tâm
dỗ tương lai chịu hồi âm về đời.

Ngủ buồn em, ngủ buồn thôi
đêm mai, của biển, chân trời, phố xa.

V.L.

Truyện ngắn của

VŨ-HẠNH

MÙA XUÂN TRÊN ĐỈNH NON CAO

MẶT trời đỏ lói như một cục máu có vẻ vội-vàng trụt xuống sau đỉnh non cao. Hiệp bước khập-khiễng trên con đường dốc nhấp-nhô kêu lên một cách thảm-thiết :

— Đi chậm một chút các người ! Định bỏ thằng này cho cọp nhai sao ?

Sự thực thì cả ba người đi trước lê chân rất là chậm-chạp. Cả ngày hôm ấy họ chỉ ăn một bữa cơm với muối vào khoảng nửa buổi, và phải luồn lõi băng rừng, leo núi, không dám nghỉ trưa, chỉ sợ mặt trời vội tắt mà chưa đến được Đất Tó. An, người khỏe nhất bọn, đứng trên đầu dốc áp người vào một thân cây, quay nhìn trở lại, hét to :

— Gấp lên, ông cụ ! Chỉ sợ cọp xơi luôn cả bốn người đó thôi.

Khánh, người trưởng-đoàn, ngồi xuống mô-đá ven đường nói bằng một giọng mệt nhọc :

— Chờ nó một chút. Thằng ấy khó tính lắm mà.

Rồi anh nhăn mặt, duỗi thẳng hai chân để tìm một phút nghỉ-ngơi, ngã người dựa cái ba-lô vào một vách đá thở từng hơi dài. Dụng tiến lại gần bên Khánh, ngồi xuống rất là nặng-nề, chậm rãi lấy khăn lau lớp mồ hôi chan hòa trên mặt. Một lát, Hiệp nhăn-nhó bước tới, xanh xao, chập choạng như một con bệnh, giương hai cặp mắt lờ đờ :

— Gần đến nơi chưa ?

An đáp :

— Sắp tới nơi rồi. Lên đây mà nhìn.

Anh chỉ phía bên kia sườn núi :

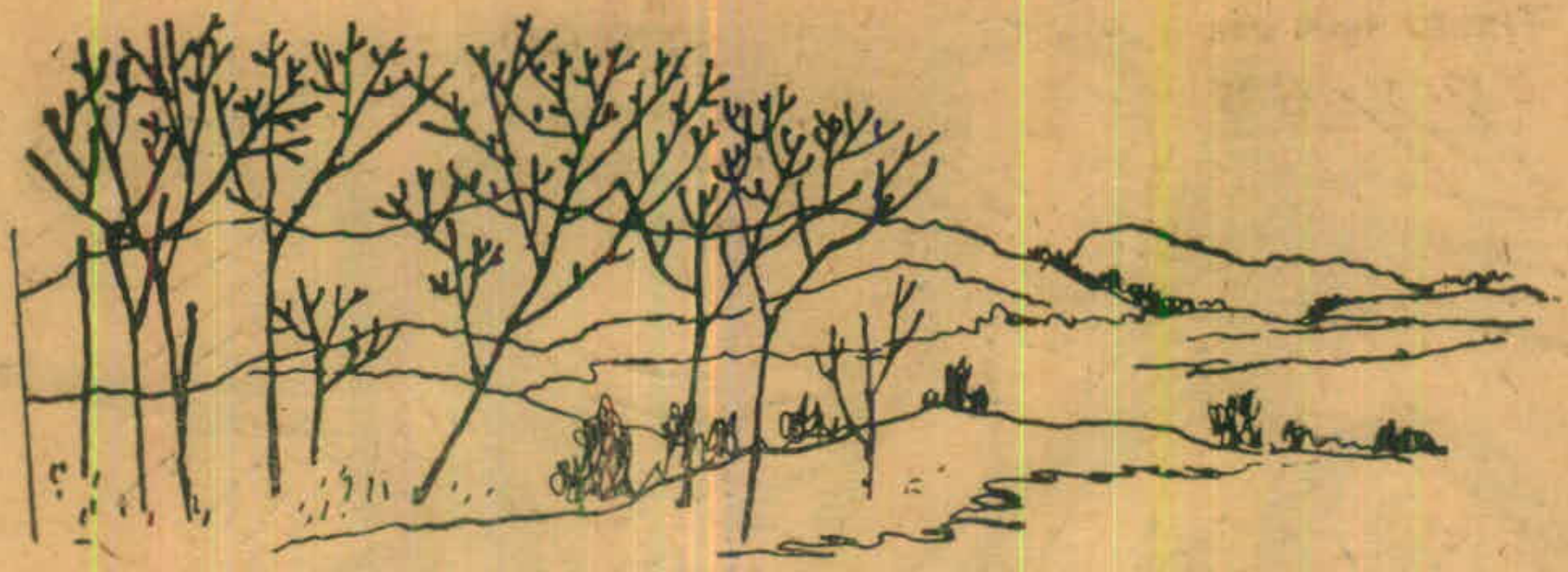

— Chỉ một phần ba *khâu rựa* là đến *buôn* rồi, tha hồ ăn hút. Đi ta !

Hiệp phều-phào đáp :

— Gần đến thì đi làm gì cho vội, nghỉ một chút đã.

Nói xong anh nằm ngửa ra, dựa mình trên cái ba-lô, duỗi thẳng tay chân trên đất nhắm nghiền đôi mắt. An lại ngồi xuống ở trên đầu dốc vòng tay ôm lấy đôi gối, đưa mắt nhìn về chân trời xa thẳm.

Những ánh nắng cuối cùng như tái nhạt dần và gió núi xạc xào rung động ngàn cây đem những hơi lạnh từ lòng thung lũng chuyền đi khắp nẻo thâm-u.

An giục :

— Đi thôi ! Tối rồi !

Hiệp không mở mắt, rền rĩ :

— Nghỉ một chút đã !

An cằn nhằn :

— Đa số mà cứ phục-tùng thiểu số cách này thiệt là đảo lộn dân chủ rồi đó. Lên đây mà xem. Một phần ba *khâu rựa* không phải là gần. *Buôn* còn xa lắm, các ngài.

Khánh và Dụng cùng ngồi thẳng dậy và vịn vào nhau đứng lên. Khánh lấy chiếc gậy gõ vào chân Hiệp, giục-giã :

— Dậy nào, đi thôi !

Hiệp mở mắt, rồi nhắm nghiền lại.

— Đi ta ! Tới rồi.

Hiệp lại mở mắt trân trân nhìn một lát nữa rồi mới mệt nhọc ngồi lên :

— Ừ, thì đi.

Nói thế nhưng anh vẫn không nhúc nhích. Khánh bảo Dụng :

— Đỡ nó đứng lên, kẻo nó muốn sụm bà chè rồi kìa.

Hai người lại kéo tay Hiệp, nâng anh ta dậy hết sức khó khăn.

An nói chõ xuống :

— Ai bảo tính chuyện xông pha rừng núi mà còn cưới vợ làm gì, để cho gối mỏi chân chồn sớm vậy ?

Khánh cười gượng-gạo :

— Ầy, cái ngốc của loài người là cứ tưởng mình sống nguyên một chỗ.

Dụng cũng cố gắng nói đùa một câu cho bớt mệt nhọc :

— Trước kia nếu biết có ngày mình phải sống lì trên núi thế này thì cố giữ vẹn tiết-trinh để mà bây giờ gá nghĩa với một cô Thượng.

Hiệp bỗng cất tiếng cười « hê hê » một cách khó nhọc nhưng không bước tới được một bước nào. Khánh bảo :

— Nào, chia bớt gánh nặng cho Hiệp kẻo nó nằm vạ ở đây thì khốn. Đưa khẩu súng nầy cho cậu ba An. Tháo ruột tượng gạo cho tôi. Còn cái mền kia, đưa cho cậu Dụng.

An đeo hai khẩu súng trường vội vã đi trước, dáng điệu lầm-lì. Khánh và Dụng đi gần bên nhau thỉnh thoảng quay lại như thúc giục Hiệp và anh này vẫn nhăn nhó lử khử nhấc bước như một con bệnh đi về địa-ngục.

Giữa cái khung cảnh núi rừng đang chìm dần vào hoàng-hôn bỗng Khánh nói lớn :

— Còn mười ngày nữa là Tết đấy nghe !

Dụng hỏi :

— Chúng mình định sẽ ăn Tết ở đâu ?

Khánh đáp :

— Có lẽ phải nghỉ ở lại Đất Tó, mồng năm mới lại lên đường.

Hiệp nói bằng giọng khàn khàn :

— Đồng bào Thượng-du đâu có Tết nhất mà ăn với uống. Chuyến này lại hưởng mùa xuân cơm muối, thèm thịt bỏ cha!

Sau câu nói ấy, dáng điệu của Hiệp lại càng thiểu não thêm lên và bước chân anh có vẻ rã rời hơn trước. Bốn người lại cùng im lặng lê những bước chân nặng nề, mỗi người theo đuổi ít nhiều ý nghĩ xa xôi để quên bớt nỗi khó nhọc.

Họ đến cửa *buôn* thì khắp núi rừng đã nhuộm một màu xám ngoẹt. An vừa tiến lên đầu ngõ bỗng đứng sững rồi quay ngoắt lại, kêu lên :

— Nguy rồi !

Tiếng kêu đầy ý tuyệt vọng làm cho ba người đi sau hốt hoảng cùng dừng cả lại. Khánh hỏi :

— Sao đó ?

An bước trở xuống, mặt anh càng tối hẳn lại trong bóng đêm về :

— Cắm vào.

Dụng tiếp :

— Có chắc vậy không ?

— Sao lại không chắc ! Đồng bào gài lá trên cổng đó kìa, Chắc mình đến giữa vụ mùa nào rồi.

Và lần này An ngồi phệt xuống dưới đất, tháo vội ba lô khỏi vai :

— Chỉ còn một cách là nằm lăn kềnh ra đây ngủ đói đêm nay.

Hiệp cũng ngồi xuống, không nói nên lời, có vẻ hết sức đau khổ. Mọi người im lặng để nghe lòng mình xao xuyến lo âu. Bao nhiêu hy vọng ăn no ngủ ấm thế là tan tành, và những mơ ước nghỉ ngơi, hưởng sự thoải mái trên ngôi nhà sàn sáng rực ngọn lửa đêm dai sau một ngày đường vất vả, bây giờ đã như những ánh nắng chiều tắt ngấm sau dãy non xa.

Hiệp bỗng nói lớn :

— Kéo đại vào thôi, chẳng lẽ nằm đây chịu chết hay sao ?

Khánh cười gằn :

— Nằm đây chưa tắt đã chết, nhưng muốn chết sớm thì cứ kéo vào.

— Thế thì làm sao ?

Khánh ra vẻ trầm ngâm rồi đáp :

— *Buôn* đã có dấu cấm kỵ thì không một người lạ nào có thể vào được Chúng ta phải chờ nhưng không biết đợi cho đến ngày nào. Chỉ còn một cách, hãy đi trở lại...

Hiệp kêu lên :

— Trời ơi ! tôi chịu chết thôi.

An cũng thở dài :

— Sức đâu mà đi bây giờ ?

Dụng cũng rầu rĩ :

— Bụng đói, trời đêm, làm sao mà bước ?

Khánh nói :

— Có nhiên là không làm sao trở lại đường cũ. Nhưng tôi biết rõ cách đây không xa có một *buôn* nhỏ từ lâu đã bị bỏ hoang, chúng ta hãy tìm về đó nghỉ tam xem sao.

Giọng anh trở nên cương quyết :

— Chỉ còn có mỗi một con đường ấy mà thôi. Ngồi đây để trời tối sụp thì hết đường đi, cũng không còn có cách nào để phòng được loài thú dữ. Để nghị anh em có bao nhiêu sức còn lại thì ráng mà bước. Nào, ta đi.

*
* *

Khi bốn người mò-mẫm lên được ngôi nhà thứ nhất mà họ tìm gặp thì họ nhào ngửa trên lớp sàn tre, không kịp tháo rời ba-lô ra khỏi đôi vai. Họ cũng không nhận được rõ ngôi nhà vốn rộng hay hẹp bởi vì bên trong tối mịt và ở bên ngoài đêm đã phủ xuống mênh-mông. Họ cũng chẳng hiểu vì sao mà tìm đến được tận nơi, nếu không phải do một sức thôi thúc lạ lùng đã đẩy họ tới như những xác chết còn được điều động bởi sự hút dẫn ma quái khác thường. Khánh đã dẫn đầu cả bọn và chính anh cũng không tự tin là

mình nhớ rõ con đường. Anh bương nhào tới và anh vấp té nhiều lần khá nặng rồi lại đứng lên lao mình về trước, không kịp nhận thấy một sự đớn đau nào cả. Bây giờ anh nghe rõ toàn thân nhức nhối, hình như da thịt bị cào rách cả và cái đầu gối bên phải tê-liệt hẳn đi. Nhiều lần anh cố nhấc tay để sờ vào đấy nhưng không nhấc nổi chỉ máy động mấy ngón tay rất nhẹ rồi giữ yên lặng một chỗ để nghe một nỗi mệt mỏi thấm mềm ở trong xương tủy. Lâu lắm anh mới quơ dần cánh tay về phía đầu gối và anh cảm thấy ran rát, ướt dầm. Có lẽ là máu mà cũng có lẽ đấy là mồ-hôi vì khắp mình anh ướt đẫm mồ hôi. Anh nghe hơi thở mệt nhọc của người nằm cạnh và tiếng ú ớ rời rạc, đoán chừng là Hiệp nhưng không muốn gọi, vì anh cứ chực thiếp đi sau mỗi lúc chợt tỉnh giấc.

Cả ba người kia từ lúc bương bả theo Khanh cũng không còn kịp suy-nghĩ gì nữa. An cũng nhào té nhiều lần như Dụng và cả hai người không biết là mình có bị vết thương nào không. Chỉ riêng có Hiệp, con người có vẻ mệt mỏi nhất bọn thì lại tỏ ra tỉnh táo nhanh nhẹn hơn cả trong chuyến « hành quân » cấp tốc vừa rồi. Tuy vậy vừa ngả mình xuống là họ ngủ vùi mê mệt và sau giấc ngủ nặng nề, dần dần họ tỉnh thức dậy để nghe tứ chi bải hoải và sự nhức mỏi làm cho rũ liệt châu thân.

Người cất tiếng nói đầu tiên là An. Anh hỏi giữa khoảng tối tăm dày đặc:

— Có ai tỉnh dậy đó chưa ?

Tức thì cả Khánh và Dụng cùng đáp một lượt:

— Dậy rồi.

Khánh hỏi :

— An đấy à ? N ìu ?

An đáp :

— Không biết là nằm ở đâu. Chắc là không phải nằm dưới âm-phủ.

Khánh hỏi tiếp :

— Hiệp ở đâu rồi ? Hiệp ơi !

Hiệp ú-ớ mấy tiếng rồi húng hắng ho trước khi trả-lời mệt nhọc :

— Có lẽ tôi sốt rồi các anh ơi...

Và Hiệp lại rên hừ hừ, miệng nói lẫm nhẫm nhiều câu dấp dính vào nhau không rõ những gì. Cả bọn lại nằm yên lặng. Lát sau một vài giọng ngáy khò-khè vang lên. Không biết cách đó bao lâu Dụng bỗng giựt mình tỉnh giấc. Anh kêu :

— Anh Khánh !

Không nghe tiếng Khánh đáp lại. Dụng gọi một lần thứ hai :

— Anh Khánh !

Khánh vẫn nằm im mê mệt. Dụng nghe một sự yên lặng nặng nề khủng-khiếp và nếu không có những tiếng ngáy gần gũi thì anh tưởng mình hoàn toàn cô-độc giữa chốn hoang-vu. Theo các lỗ trống gió núi về khuya bắt vào hơi lạnh từng luồng tê buốt và anh co quắp mình lại, nhưng vẫn không sao tìm được một chút ấm nào. Bên ngoài muôn ngàn tiếng động âm thầm bí mật xạc xào theo cơn gió vút

và anh tưởng nghe được tiếng thác nước đổ ào ào từ xa, tiếng mang *tác* ở nơi nào gần gũi, tiếng loài rắn độc gáy từng hồi dài quanh quẩn đâu đây. Anh gượng ngồi dậy nhiều lần nhưng vẫn không sao ngồi được. Cuối cùng anh quờ tay về phía Khánh, đập mạnh vào bạn, kêu to :

— Anh Khánh !

Khánh choàng tỉnh giấc :

— Gì đấy ?

— Lạnh quá.

Khánh nói bằng giọng yếu ớt :

— Ừ, lạnh lắm.

Tiếng An rời rạc tiếp theo :

— Lạnh cóng hết người rồi đây.

Và giọng của Hiệp rền rĩ :

— Lạnh không chịu nổi, các anh em ơi.

Tất cả bốn người đều cảm thấy lạnh nhưng không một ai có thể gượng dậy để nghĩ một cách đối phó. Họ cùng hiểu rằng càng khuya trời càng lạnh lẽo và cộng với đói và mệt thì đến một lúc nào đó họ sẽ không còn cựa quậy được nữa. Lại thêm thừa dịp tối tăm muỗi đói có thể tha hồ hút máu và bốn cơ thể xanh xao của họ ngày mai sẽ thành trụ sở độc-quyền của sốt rét rừng. Những mối lo ấy đều làm cho họ xốn xang nhưng họ chỉ biết đợi chờ một kẻ nào khác ngồi thẳng dậy được và bật ngọn lửa là họ có thể ngồi lên. Hai chân của An quờ lại phía Khánh và gặp hai chân của Khánh cọ quậy như cố di-chuyển, và khi cánh tay của Dụng duỗi ra trườn về phía An thì bàn tay anh áp vào một cái mặt người. Anh vuốt lên má và nghe nổi gồ cái xương gò má khá cao của một khuôn mặt hốc hác. Dụng hỏi :

— Ủa, anh Khánh đây à ?

Khánh cười rất nhẹ trong bóng tối dày :

— Không, mặt hoa da phấn của cô tiểu-thư nào đấy.

Dụng cũng gắng cười :

— Cớ sao tiểu-thư trôi-giạt về phương hướng này ?

— Chẳng biết, số trời định vậy.

Cả bọn vẫn còn thói quen là thường liên-hệ câu chuyện trong lúc nhọc mệt đến các vấn-đề nam-nữ và một đôi lời bông đùa, giễu cợt kiểu ấy có cái tác dụng kích thích bản-năng để họ bớt sự chán-nản.

Khánh đưa tay lên nắm lấy bàn tay của Dụng và anh cảm thấy rất rõ hơn bao giờ hết sự gầy gò, xương xẩu của bạn. Anh nghĩ đến thái-độ tự nhiên nhưng không kém phần thâm-trầm của Dụng rồi liên-tưởng đến thái-độ mạnh-bạo, ngay thẳng của An, tinh-thần tính toán chi-ly của Hiệp... Anh thấy mỗi người có mỗi tâm tính khác nhau, hoàn-cảnh khác nhau lại chung cuộc sống vất-vả với mình và anh xúc-động trong lòng. Anh đặt tay Dụng xuống sàn, rồi gượng ngồi dậy. Đầu anh nhức như búa bổ, chung quanh như đảo lộn, quay cuồng. Sờ-soạng một lát khá lâu anh mới lấy được bật lửa và một mẩu nến. Ngón tay cái của anh run run ấn mạnh vào chiếc bánh

xe nhiều lần mà vẫn không sao phát được ánh lửa đủ bén vào cái tim mồi. An đã ngồi dậy, sán lại :

— Nào, đưa cho tay này làm thử. Đấy bật cú một cho xem.

Khánh quay người lại để đưa quẹt máy cho An nhưng vẫn cố bật liên-tiếp nhiều lần. An đỡ lấy, mần mò sửa lại tim, vặn thêm đá rồi bật một cái khá mạnh, tiếp một cái nữa,

Dụng kêu lên :

— Cú hai, cú ba rồi đấy. Đưa mình quẹt cho.

Anh trườn tới giằng lấy bật lửa, loay hoay một lát rồi cố sức quẹt liên hồi nhưng lửa vẫn không bén cháy. Không khí chờ đợi ánh sáng thu hút mọi người và ai cũng thấy nôn-nả một cách khó chịu. Nhưng Hiệp đã ngồi lên được, nói bằng một giọng khàn khàn :

— Bây giờ thì đến phiên tôi, đưa đây.

Hiệp lại loay hoay một lát khá lâu và ba người nghe anh mở nắp, thổi phì phụp vào trong quẹt máy. Sau một cái quẹt mạnh, ánh lửa rực lên, lèo xèo bốc to trên một cái mồi khá lớn.

An gục gặc đầu, nhận xét :

— Gặp phải tay nghiện thuốc lá có khác.

Khánh vội vàng thắp ngọn nến và rọi chung quanh. Trong ánh sáng chập chờn bốn người thấy rõ một ngôi nhà sàn khá rộng và dai, có nhiều lỗ hổng ở hai bên vách.

Anh bảo : — Dấu đạn đấy nhá.

Hiệp nói :

— Lục soát xem có gì ăn được không.

Khánh đáp :

— Cả *buôn* đã bỏ theo giặc từ lâu lắm rồi, đừng hòng kiếm chác gì được. Hình như ngoài vườn có một số mít, nhưng cũng không chắc có trái.

Khánh cắm ngọn nến xuống sàn và thấy vết máu đặc quánh ở đùi. Anh gượng cười :

— Hư cẳng rồi đây.

Rồi nhăn mặt kéo ống quần lên. Một lớp da lớn cuốn teo phơi một mảnh thịt đỏ loét. Anh cúi xuống thổi nhẹ và hơi xuýt-xoa nhưng nhận thấy mình chú ý quá nhiều đến mình, anh ngả đùi xuống, quay hỏi mọi người :

— Có ai thương tích gì không ?

An đáp :

— Tôi trật gân chân.

Dụng tiếp :

— Chưa đến nỗi nào.

Hiệp rên nho nhỏ rồi nói :

— Tôi thì tứ chi rũ liệt.

An hỏi :

— Có bị thương không :

Hiệp lù-rù đáp :

— Chắc là không.

Khánh bảo :

— Bây giờ có hai vấn đề trước mắt là đói và lạnh. Đói thì có gạo, có muối

nhưng chưa có nước. Suối ở cách đây không xa nhưng phải trèo xuống một cái dốc sâu.

An nói:

— Đã khuya quá rồi, đành nhịn luôn vậy.

Dụng tiếp :

— Đồng ý.

Khánh hỏi :

— Còn Hiệp ? Có chịu được không ?

Hiệp nằm ngửa ra sàn, rồi đáp :

— Thôi thì nhịn vậy chứ biết làm sao?

Khánh nói :

— Chắc là trong nhà còn lại củi khô, nếu không thì ta rút lấy một phần sàn nhà để chụm đỡ vậy. Nào, mau lên, kẻo nữa sắp tàn.

Họ phải bì bục một lát khá lâu mới đốt lên được ngọn lửa. Và khi ánh sáng phần phật chói sáng gian nhà tung ra bao ấm chan hòa, bốn người cùng ngồi sát lại quanh bếp và thấy yên tâm hơn trước. An sòe hai tay hơ trên lửa mỉm cười :

— Ước gì chúng ta có được ít trái bắp già !

* * *

Sáng hôm sau, mặt trời lên đã khá trưa, bốn người mới ngồi dậy được. Công việc đầu tiên là đi lấy nước nấu cơm. Khánh và An bước rất khó khăn nên Dụng và Hiệp phải lo liệu lấy. Khi tụt xuống cái dốc cao, Hiệp nửa đùa nửa thật bảo Dụng :

— Nếu trật xương chân hay là một miếng thịt đùi có lẽ sung sướng hơn nhiều.

Dụng cũng cảm thấy khó khăn mệt mỏi trong khi tụt dốc và tự nhiên lòng oán giận không đâu nhưng khi nghe Hiệp nói thế anh liếc nhìn Hiệp rất nhanh và giữ vẻ mặt lầm lì, không trả lời lại.

Lấy nước xong, Dụng chia số ống lỡ ô ra làm hai phần và mang ba ống của mình về trước. Anh thấy ghét Hiệp lạ lùng, muốn nói một câu cho hả nỗi tức nhưng không tìm ra câu nào cho hợp ý mình. Anh lại thấy An có vẻ tự phụ một cách khó chịu, còn Khánh thì giỏi che đậy để mà điều khiển mọi người. Trong lòng hậm hực, anh cố gắng vượt khỏi dốc cho mau nhưng hai đầu gối run run chỉ chịu khuỵu xuống. Vừa leo tới đỉnh anh ngồi trên một tảng đá để nghỉ đã thấy Hiệp lầm cầm leo lên, vẻ mặt nhăn nhó :

— Nguy quá, tôi té lộn nhào giữa dốc, đổ hết nước rồi.

Dụng nín lặng một lát, cảm thấy cơn giận sôi sục trong lòng. Tuy thế, đến phút cuối cùng anh chỉ nói được một câu, mượn ý của Hiệp lúc nãy :

— Vậy thì đổ sạch hết nước có lẽ khỏe-khoắn hơn nhiều.

Và anh vội vàng đứng lên, tuy trong thâm tâm còn muốn ngồi nghỉ thêm một lát nữa. Anh nhìn về mặt của Hiệp, thấy Hiệp vẫn cứ trơ trơ như không có gì đáng phải bận tâm, Dụng bèn nói thêm :

— Ai cũng đổ sạch thì nhịn đói cả cho xong.

Rồi anh vội vã lê bước về *buôn*.

Hiệp ngồi ngắm nhìn lơ-đãng quanh mình và anh thấy Dụng đã ám chỉ mình một cách rõ rệt. « Nhưng lấy

chứng-có gì để bảo mình không làm đổ nước? Lấy chứng cớ gì? » Thật là khó lòng mà bảo rằng anh có một dụng-tâm bất-chính đối với anh em. Vả lại, anh mệt mỏi quá chứ nào anh có lười biếng cho đành! Chỉ vì anh không lở da, trật gân như những kẻ khác nên anh mới phải khổ-nhọc thế này. Hiệp tự thấy mình không đến nỗi tệ, nhưng khi vác mấy ống tre không có một giọt nước nào anh cũng cảm thấy ngượng-ngùng. Anh đứng tần ngần nhìn xuống dòng suối xa xôi, dốc núi có vẻ cheo leo hiểm trở, rồi lững thững về.

Dụng đang ngồi bên bếp lửa với An và Khánh nói chuyện rì-rầm nhưng khi thấy Hiệp thì nín bặt lại. Hiệp làm bộ không chú ý và nói:

— Uổng quá, mất toi ba ống nước đầy giữa dốc. Các anh xem thử nếu thiếu thì tôi sẽ đi lấy thêm.

An cho củi vào bếp, đáp bằng một giọng lững-lờ:

— Thôi được, nếu hết thì đến phiên tôi hay là anh Khánh.

Thoáng thấy một ý chia rẽ đã được bẻu lộ rõ ràng qua lời tường thuật của Dụng và giọng mát mẻ của An, Khánh cố mỉm một nụ cười hòa-giải:

— Việc gì mà phải cố-chấp như vậy. Cậu Hiệp mà còn cố gắng đi được thì giúp đỡ cho anh em càng tốt chứ sao.

An cho câu ấy thật là thâm độc để gài cho Hiệp phải quay lại suối một lần thứ hai, nếu nước thiếu-thốn, và anh cảm thấy bằng lòng. Nhưng Hiệp lại hơi khó chịu, nghĩ Khánh đoán mình đổ nước dưới dốc cho nên mỉa mai như vậy. Còn Dụng lại cho rằng Khánh điêu ngoa cốt nói như vậy để bắt Hiệp đi lấy nước thay thế cho mình. Bốn người ngồi quanh bếp lửa trong một không khí hết sức nặng nề. Hình như bao nhiêu thành-kiến, bao nhiêu giận dỗi nghi-ngờ từ lâu bị dồn đẩy lại một bên bây giờ được dịp tháo tung sau nỗi vất-vả đói khát kéo dài làm cho lý-trí rã rời không đủ sức để chế ngự. Giữa sự im lặng chán-nản ấy, Khánh cố tạo giọng vui-vẻ:

— Nếu mang những bộ mặt đói thế này mà đi hỏi vợ thì chắc không có ma nào mà thèm.

An nói:

— Nhưng mặt của Hiệp thì trông bảnh bao đấy chứ! Con nhà có khác. Các cô thiếu-nữ thường thích những hạng con giống cháu dòng.

Hiệp trả lời lại:

— Thằng này đã có vợ rồi, khỏi lo. Chỉ lo cho hạng khỏe mạnh chưa vợ chưa con lúc nào cũng hăng tiết vịt.

An cau mặt hỏi:

— Thế nào là hăng tiết vịt?

Hiệp cười khẩy:

— Ấy cũng bắt chước người ta mà nói cho vui chớ đâu có hiểu mình nói thứ gì.

Khánh kêu lên:

— Thôi đi, các cậu trẻ con lắm nghe! Kìa cơm đã sôi rồi, « liệu mà bớt lửa một đời không khê ».

Sau khi Dụng dụi tắt lửa để vần nồi cơm thì Khánh nói tiếp :

— Tưởng phải nói cho các cậu ý-thức về cảnh-ngộ mình. Số gạo mang theo chỉ còn ăn được ba ngày, mỗi ngày hai bữa. Nhưng ở Đắt Tó thì không biết được bao giờ mới hết cấm-ky, cứ xem cái chòm lá tươi hôm qua thì phải ước độ chừng mươi ngày nữa.

An nói :

— Ở đây rảnh rỗi chẳng phải làm gì, mỗi ngày ăn một bữa vậy.

Dụng tiếp :

— Như thế thì cũng chỉ được sáu ngày.

Khánh nói :

— Lúc nãy hai cậu đi xuống dưới suối lấy nước thì tôi có gắng lội chung quanh *buôn* và thấy năm sáu trái mít.

Hiệp vội vàng :

— Đã chín chưa ?

— Không, mít già.

Hiệp thở dài :

— Uổng chưa !

Khánh bảo :

— Phải nói là may chứ lại ! Ở trong cảnh ngộ bọn mình, mít chín đâu có quí bằng mít già. Chúng ta luộc mít mà ăn với cơm, nếu cứ mỗi bữa nấu hai phần mít và một phần gạo thì chắc có thể kéo được mười ngày.

Sau bữa cơm trưa ngon lành ăn với muối và mắm ruốc, bốn người loay hoay sửa dọn chỗ ngủ thì Khánh bèn nói :

— Hồi hôm, chúng ta thật là liều lĩnh quá đáng, ngủ không canh gác để phòng gì hết. Bây giờ thì tôi cắt đặt mỗi người phải gác ba giờ. Phiên đầu là của anh Hiệp. Nào, vặn đồng hồ lại xem, 12 giờ rưỡi đấy nghe. Ba rưỡi thì gọi An dậy rồi lại đến Dụng. Tôi ngủ dài hơn các cậu thì tôi sẽ gác về khuya và gác luôn cho 5 giờ.

— Thế không ăn chiều hay sao ? Hiệp hỏi.

— Thôi, cho qua cơm chiều vì được ngủ rồi. « Kẻ nào được ngủ, kẻ ấy đã ăn » tục-ngữ đã bảo từ xưa như vậy.

— Nhưng ngày mai có mít phải ăn đủ hai bữa chứ.

— Có lẽ như vậy... Tốt hơn là đợi ngày mai sẽ nói về chuyện ăn uống ngày mai. Chỉ biết là mai không có ngủ ngày nữa đâu.

An ngủ một giấc bỏng nghe nóng ran cả mặt và choàng tỉnh dậy. Ánh nắng xuyên qua lỗ đạn khoét sâu trên tường chiếu thẳng vào anh, khiến anh chói lòa, không mở mắt được, phải lăn mình qua nơi khác. Anh nghe trong người bần thần khó chịu và xem đồng hồ thấy gần ba giờ. Chỉ còn nửa giờ là đến phiên anh. An muốn ngồi dậy uống một viên thuốc phòng sốt nhưng cứ thẫn-thờ nhìn lên trên rầu nhà, nghĩ ngợi lan man không chồi dậy được. Một lát sau, anh mới sực nhớ là từ lúc thức tỉnh đến giờ anh không thấy Hiệp. Nhận xét ấy làm anh ngồi lên, ngước nhìn xuống dưới sân *buôn*. Chung quanh vẫn cảnh hoang-vắng tiêu điều. Anh đứng dậy, nhón chân ra khỏi gian nhà, leo xuống bục

thang ọp-ẹp. An lê bàn chân đau nhói, khập khiễng đi quanh mấy dãy nhà sàn vắng lặng, lỗ-chỗ vết đạn, soi mói nhìn vào bên trong nhưng vẫn không thấy bóng Hiệp. Từng ngọn gió đuổi lớp lá khô xào-xạc trên những thềm đất từ lâu không có dấu người. Vắng những sinh hoạt cả *buôn* giống như một đám nhà mồ lạnh lẽo. Đoán chừng Hiệp xuống dưới suối, An định trở về, nhưng một ý định tò mò xui anh đi về phía dốc. Cúi nhìn, anh chỉ thấy dòng nước chảy rộn ràng, đôi chỗ ửng sáng vì ánh nắng chiều dọi xuống. Nơi bờ đá nhẵn mòn — chỗ lấy nước ngày nào của dân *buôn* — không có bóng Hiệp. An đứng tần ngần giây lâu rồi lại lững thững trở về. Khánh và Dụng vẫn còn nằm ngủ mê mệt, nhưng Hiệp, người có phận sự canh gác giấc ngủ của anh em thì vẫn biến dạng. Quá lâu như thế, hẳn không phải Hiệp đi việc tiêu-hóa ngoài rừng. Hiệp không xuống suối, vậy thì đi đâu ? An xem đồng hồ thấy còn độ năm phút nữa đã đến phiên mình mà chưa gặp Hiệp, lấy làm sốt ruột hết sức. Anh định đánh thức hai người bạn dậy nhưng sau một thoáng nghi-ngờ, anh bèn bước về sau buôn, khập khễnh leo lên bờ đất trổ ra một khu vườn rậm. An mới vạch bụi tiến về phía mấy cây mít đã thấy Hiệp nhai ngồm ngoàm đi lại. An ngửi mùi mít chín thơm ngào ngạt. Anh hỏi xẵng :

— Anh đi đâu vậy ?

Hiệp nuốt vội vàng rồi đáp :

— À, đi tiêu. Anh đi đâu vậy ?

An thấy về mặt của Hiệp có vẻ thỏa mãn của một con người no đủ và anh khó chịu lạ lùng. Anh vừa quay lại, vừa đáp trong nỗi tức giận cố nén :

Tôi tìm anh về để anh đánh thức tôi dậy kẻo tới giờ rồi.

Hiệp tằng hắng cho sạch giọng rồi nói :

— Sao quá lo vậy ? Tôi quên kêu thì anh cứ ngủ chứ thiệt thòi gì ?

An dừng lại :

— Sao không thiệt thòi ? Không thiệt cho tôi thì chẳng thiệt cho anh hay sao ?

Hiệp đáp lớn :

— Việc gì mà thiệt ? Tôi canh gác cho anh em kia mà !

— Hừ canh gác ! Anh đi chơi trong rừng chứ canh gác nỗi gì ?

— Sao anh biết tôi đi chơi ?

— Tôi tìm anh đã nửa giờ rồi.

— Phận sự của anh là ngủ chứ đi tìm tôi làm gì ?

— Nhưng tôi không thấy anh gác !

— Anh ngủ thì thấy sao được ?

— Nhưng mà tôi thức.

— Ai bảo anh thức ? Tôi làm thế nào cho tròn phận sự thì thôi.

Và Hiệp nói tiếp có vẻ mai mỉa :

— Gác để cho anh thấy thì còn gác nỗi gì ? Tôi lên trên cao này, ngồi vào một nơi kín đáo ...

— Ở trên ngọn mít ...

— Ừ, ở trên ngọn mít. Để canh cho các anh ngủ.

— Và để ăn mít.

— Thì ngồi trên mít tất phải ăn mít chứ ăn thứ gì ?

— Nhưng ăn một mình như vậy thì khó coi lắm.

Hiệp làm ra vẻ ngạc nhiên :

— Việc gì mà khó coi? Ơ hay, nói lạ chưa kìa ! Tôi thấy một trái mít chín đã bị loàidơi, loài chồn xơi hết, sót đâu mấy múi lủng lẳng nơi cùi. Tôi nghĩ nếu bỏ thì phí của trời, mang về thì chia không đủ mà lại làm cho các anh thèm khát thêm khổ. Thôi thì mình ăn miếng thừa của loài dơi chồn cho ... tiện.

Hiệp lại đá vào một bụi cây bên đường rồi tiếp :

— Nếu biết anh giận như vậy thì tôi đã mang về rồi.

An tức lắm, nói gần như thét lên :

— Anh tưởng tôi dơ đến thế kia à? Sao anh không nghĩ rằng tôi dậy sớm, muốn đi tìm anh nói chuyện cho vui? Sao anh lại không nghĩ tốt về tôi mà cứ xét đoán người khác theo cái bao-tử của mình ?

Hiệp ôn tồn đáp lại :

— Thế sao anh không nghĩ tốt về tôi ? Sao anh không tin những lời tôi nói ? Anh xem tôi có làm hại gì ai không nào ? Thôi, đúng ba giờ rưỡi rồi đấy, tôi giao phiên gác cho anh.

Nói xong, Hiệp leo lên sàn, dọn một chỗ nằm rồi trùm chăn lại.

Câu chuyện ăn mít ấy An không kể lại cho Dụng và Khánh, bởi vì sau khi Hiệp đi ngủ rồi anh ngồi ngay ở đầu nhà nghĩ lại những lời của mình vừa nói mà thấy ngượng nghịu thế nào. Hình như anh không còn là mình nữa, anh khác hẳn với ngày nào và cả bốn người cũng không còn ai giống ai rõ rệt như trước. Họ có vẻ tốt bằng những cố gắng bực dọc, và sự thiếu thốn, sự mệt mỏi mỗi ngày càng làm cho họ ít lời thêm lên.

Đến ngày thứ năm thì cả bốn người đều thấy không sao ăn nổi mít già nấu chung với cơm và dù đói là họ cũng nuốt những miếng mít lèo tèo đếm những hạt cơm một cách uể-oải, khổ sở khác thường. Khánh cắn miếng mít chấm vào mắm ruốc, nở một nụ cười méo xệch, cố gắng khôi hài :

— Chúng ta giống như con nhà cưng dưỡng, cứ tới bữa ăn thì lại èo-uột, nhưng đỡ một nỗi là đến cuối cùng vẫn cứ sạch chén, sạch nồi.

Hiệp vừa cắn mít vừa nói :

— « Chả » này không được ngon đâu. Ngày mai phải đổi món khác. Chúng ta phải ăn mon cá hay là thịt bầm mới được.

Nói xong anh cười hô hố, về mặt nhăn lại một cách thảm hại. Dụng lầm-lì ăn, đầu óc nghĩ ở đâu đâu nhưng mỗi lúc nhai xong anh phải cố gắng hết sức mới nuốt trót lọt, cổ họng đau nhói như suốt trên những vết thương. Anh nghe trong lòng có sự oán-giận ngầm-ngầu nhưng không hiểu rõ vì đâu, tại sao, và thích giữ sự yên-lặng để khỏi nói lên những điều phiền bực. An ăn xong miếng cuối cùng, nghiêng cái nồi lại, vét những hạt cơm còn sót chìa ra trước mặt mọi người :

— Có ai tráng miệng nữa không ?

Khánh cười :

— Thôi, ăn đi. Cái kiểu « mời, lạy trời đừng ăn » ấy, trông rõ lắm mà.

Hiệp tiếp :

— Tôi nhớ thằng em thứ tư của tôi ở nhà, một lần nó làm nước chanh để uống thì bọn em nó bâu lại chung quanh. Nó làm thinh, cầm những miếng đường, không lấy dao cắt nhưng đưa vào miệng cắn cho thật nhỏ, nhả vào trong bát nước chanh. Xong, nó khuấy đều và thân mật mời lũ em nó một cách thật là rộng-rãi, thật-thà. Nhưng lũ em nó thảy đều lắc đầu ngoay-ngoảy, tuy thèm nước chanh hết sức, vì gớm nước miếng của cái ông ông anh dính ở trong đường.

An cho Hiệp mỉa-mai mình, chìa hai tay ra :

— Chắc tôi không thể sắp chung vào loại anh em của cậu Hiệp được vì tôi ăn uống cũng hợp vệ-sinh. Trước khi ăn cơm bao giờ tôi cũng rửa tay, và không phải là gặp gì cũng bốc, bạ gì cũng ăn.

Nói xong, An thấy hà hê và Hiệp quay mặt nhìn đi nơi khác. Dụng và Khánh cũng gắng cười để tạo không khí dễ-dãi, hầu tránh các sự va chạm chứ không hiểu rõ những ý thầm kín giữa An và Hiệp. Đến lúc mang đồ đi rửa, An nói một cách quả quyết :

— Ngày mai tôi sẽ cho các anh em, đổi món, không phải nói đùa đâu nhé.

Khánh nói theo :

— Chung quanh vùng này không có rẫy hoang đâu đấy. Đừng hòng đi hái bắp già hay đi bới đào khoai sót,

An nói vọng lên :

— Không đâu, món của tôi đặc-biệt hơn nhiều.

Sáng hôm sau, ăn trưa xong, An cầm chiếc dao, xin với anh em để đi vào rừng. Dụng muốn đi theo nhưng An lắc đầu :

— Ở nhà có công việc khác, để tôi đi một mình vậy.

Khánh dặn :

— Cẩm đi xa đấy.

An cười :

— Chân cẳng thế này đi xa sao nổi.

— Nhưng qua khỏi suối cũng đủ cọp nhai xương rồi.

— Đừng lo, tôi có hai quả lựu đạn.

Mọi người nhìn An khập khiễng tiến vào trong núi, phỏng đoán nhiều cách khác nhau, nhưng đến xế chiều vẫn chưa thấy An trở về. Ai cũng lo lắng song không dám bày tỏ những ý nghĩ của mình, sợ nói trắng ra như có điều gì tàn nhẫn. Cuối cùng, họ tụt xuống sình mỗi người tìm đến một ngõ vào rừng đứng ngóng. Khánh nén đau ở gối, cố leo lên một ngọn cây, nhìn vọng khắp nơi. Khắp nơi chỉ là cây rừng trùng điệp, đá núi cheo-leo, khói bốc lờ mờ tỏa lên từ các lũng sâu. Anh thấy trong người bồn chồn, thầm trách mình quá dễ dãi, khinh thường bất trắc. Anh nhớ lại bao nhiêu việc đã qua, thấy mình chủ quan, sơ suất và tự hỏi tại sao mình lại có thể ngu ngốc như vậy. Anh lẩm bẩm : « Thực là vô trách nhiệm quá ! Bậy quá ! » nhưng không biết phải tìm An về ngả hướng nào.

Hoàng hôn xuống dần, nắng chiều lui mãi, lui mãi sau đỉnh non xa. Gió lạnh thổi lại rờn rợn, hun hút qua mấy dãy nhà hoang vắng. Bỗng Dụng reo lên :

— An kìa !

Khánh quên cả cái chân đau, nhào lại chỗ Dụng Hiệp cũng bương bải chạy đến. An đang ở một sườn dốc tiến lên, dáng đi lảo đảo như người say rượu. Khánh kêu :

— Trông An đi kìa, xuống đỡ mau lên.

Và anh cố gắng bước tới nhưng Dụng rồi Hiệp đã vượt đi trước. An vừa thấy Dụng, buông tay, thả rơi một xâu măng dài và ngả vào trong người Dụng khiến anh suýt té nhào ngửa. Khắp người của An mồ hôi dầm dề, miệng thở hồng hộc, cặp mắt lờ đờ của kẻ đuối sức. Hiệp vừa cúi xách xâu măng thì Dụng đã kêu:

— Đưa cho anh Khánh, giúp tôi một tay đây này.

Hai người dìu An một cách khó khăn và Khánh phải giúp một tay mới đem được An lên nhà. Nằm xuống, An đi mê man bất tỉnh. Khánh lau mồ hôi cho An, hỏi dồn :

— An ! An ! Sao vậy ?

Anh gọi to hơn. Một lát An mới mở cặp mắt ngơ ngác, ú-ớ trả lời:

— Tôi bị... rít cắn.

Ba người suýt cười nhưng ghìm lại được. Khánh hỏi gặng lại :

— Rắn hay rít ?

An phều phào đáp:

— Rít.

Rồi anh nhướn cổ và ba người thấy dưới gáy một chỗ sưng to, đỏ ửng. Hiệp mỉm cười:

— Ngỡ là cọp cắn, ai ngờ lại rít.

Nhưng An đã trợn mắt lên, cặp mắt trắng dã của người sắp chết. Rồi An run bắn toàn thân giật tay, đập chân như bị một sức điện giật. Miệng anh thở ra phì-phì, sùi cả nước bọt, và cả ba người xúm lại cố đè anh xuống, giữ lấy tay chân của anh nhưng anh vẫn cố lăn lộn xô đẩy ba người, kêu rên một cách khó nhọc. Khánh thét to :

— An bị nhiễm độc của loài rít lớn ở trong tre rừng. Mau lên ! Châm máu ở đầu ngón tay thử xem !

Hiệp là người phụ-trách thuốc men nên vội chạy đi đem hộp thuốc lại. Trong hộp chỉ có mấy gói ký-ninh, một ve thuốc đỏ, mấy ống hồi dương. Anh nghe lời Khánh nắm chặt bàn tay của An, lấy kim châm vào đầu ngón cho máu rỉ ra nhưng khi thả xuống thì An vẫn cứ vùng vẫy, lăn lộn, mắt trợn ngược lên, thở nấc từng hồi. Dụng cố giữ lấy hai chân bung băng của An, nói trong hơi thở hổn-hển :

— An bị hành quá như thế, e chết mất thôi Hãy cho một mũi hồi-dương xem sao !

Thực ra, không còn vị thuốc nào nữa Hiệp lại vội rút ống tiêm — nấu sẵn không biết bao nhiêu ngày rồi — chích gấp cho An một mũi. Nhưng An vẫn cứ lăn lộn, vùng vẫy mỗi lúc càng thêm nhọc mệt hơn lên.

Dụng hối hả bảo :

— Cho một mũi nữa đi nào !

Hiệp lại chích thêm một mũi nhưng nỗi đau đớn của An không hề giảm bớt mảy may. Trái lại những cơn vật vã của anh lại càng mệ-mề nặng nhọc. Ba người vừa cố giữ An vừa ngước nhìn nhau bối rối hết sức. Khánh hỏi :

— Còn môn ngoại-khoa nào không ?

Rồi anh kêu lên :

— À, rệp ! Tôi nhớ ra rồi. Bị rắn độc cắn thì cho uống rệp.

Hiệp cãi :

— Đây là rít mà !

— Rắn cũng như rít chứ gì. Gắp lèn, tìm ít con rệp.

Dụng và Hiệp nhìn nhau ngơ ngác. Tìm đâu những thứ của đời, bây giờ được xem như là thuốc quí để cứu mạng người ? Mấy dãy nhà sàn vắng ngắt, vắng tanh, bắt đầu tối lại khi hoàng hôn xuống chắc không có thể cung cấp được con rệp nào. Dụng nói như tiếng mếu máo :

— Hãy đốt lửa lên đã nào ! Không có người ở làm sao mà tìm được rệp ?

Khánh phải ngồi choàng qua người của An để giữ lấy cánh tay kia cho Hiệp đốt lửa. Anh giục giã :

— Tìm xem trong cái ba lô thử nào ! Tôi nhớ như trong ba lô anh Hiệp có rệp đấy mà.

Hiệp vội xách ba lô lại bên lửa và anh căng từng mí vải để tìm. Cuối cùng anh reo lên :

— Có đây !

Khánh mừng rỡ :

— Có rồi hả. Được mấy con ?

— Hai con.

— Ít quá, tìm thêm.

— Lục lọi khắp rồi nhưng không có nữa.

Dụng nói :

— Hễ có hai con thì chắc là phải có nhiều nữa chứ !

Câu ấy mọi ngày có thể tạo dịp cho họ phát triển rộng thêm để cười nhưng trong cảnh ngộ bấy giờ không ai có thể nghĩ đến mua vui. Hiệp hơi nhếch mép, nhưng anh kịp thời nén lại. Khánh bảo :

— Bóp cho dập ra, bỏ vào trong ca, cho một ít nước, mau lèn.

Hiệp vội vã làm theo và cố nạy miệng của An để đổ chút nước hỗn hám ấy vào. An giãy giụa thở phì phì rồi nuốt ực cả. Nhưng anh vẫn giật liên hồi, có vẻ gần như kiệt lực, quằn-quại trước phút cuối cùng. Khách ướt đẫm mồ hôi, nói một cách tuyệt vọng :

— Hãy cố nhớ xem còn cách gì nữa không ?

Hiệp có vẻ tư lự rồi hỏi :

— Nhưng mà xưa nay rít cắn đâu có nguy hiểm như vậy ?

Dụng cũng tiếp theo :

— Ừ, dù rít có lớn cũng không nhiễm độc như thế. Hay là . . .

Nhưng anh không tìm ra được nguyên nhân nào khác. Bỗng Hiệp nói to :

— Đúng rồi ! Hồi trưa An có ăn mắm ruốc phải không ?

Dụng và Khánh cùng đáp :

— Có đấy.

— Đúng rồi. Rít cắn. Tôi đã có nghe nói đến một lần. Ăn thứ mấm ruốc mà gặp rít cắn thì độc mạnh lắm.

Khánh hỏi gấp :

— Liệu chữa được không ?

Hiệp gật đầu :

— Được, được.

Rồi anh vội vàng chạy lại chỗ để mấy ruột tượng, đổ gấp sô gạo ra cái mo cau.

Anh tắc lưỡi :

— Gạo còn ít quá, sợ không đủ cám.

Khánh hỏi :

— Cám à ? vậy thì lấy hết số ruột tượng không, lật ngược nó lại, vò nát cho cám dính ở trên vải rời ra.

Hì hục một lát, Hiệp đã hòa được nửa ca nước cám. An đã đuối lắm rồi, anh giật chậm hơn nhưng rất mệt mề. Hiệp đổ chén nước từ từ vào miệng, anh ừng-ực nuốt hết. Như một phép lạ, khi Hiệp rót giọt cuối cùng vào giữa đôi môi hé mở thì An từ từ dịu đôi mắt lại, hơi thở êm dần và toàn thân anh chuyển động nhẹ nhàng rồi nằm im bất như người ngủ thiếp. Khánh lau mồ hôi, nói trong nỗi mừng nghẹn-ngào :

— Cậu Hiệp giỏi thật. Không ngờ một chút cám vụn mà cứu được một mạng người.

Một lát, An mở mắt ra, nhìn khắp mọi người có vẻ xa lạ rồi cười một cách ngây dại. Khánh bảo :

— Ngủ đi !

An ngoan-ngoãn nhắm mắt. Một lát sau, anh ngáy đều-đặn. Dụng cúi nhìn An rồi nói :

— Trông cái nụ cười và đôi mắt lúc này thì chưa diệt hẳn nọc độc trong người. Nếu mình có thêm ít cám thì quí chừng nào !

Khánh lê chân lại chỗ xâu măng, co tay xách lên có vẻ nặng-nề rồi bảo :

— Thế này mà An bị đau còn cố mang về cho chúng mình ăn, có tội nghiệp không ?

Hai ngày sau đó, phần cơm ở trong bữa ăn đều dành cho An nên cả ba người chỉ ăn có mít. Họ gầy rạc hẳn và không còn muốn suy nghĩ gì nữa. Nhất là Hiệp, anh cứ nằm lì một chỗ giương mắt thao láo ít nói và ít trả lời. Một buổi sáng, Khánh dậy sớm, bảo Dụng và Hiệp :

— Các cậu trông An để tôi đi lên Đất Tó xem thử thế nào.

Dụng nói :

— Anh để tôi đi, chân anh còn đau kia mà.

Khánh đáp :

— Cậu không biết đàng, đi mất công lắm.

Dụng nài nỉ :

— Tôi đi cho biết đàng với.

— Thôi, ở nhà. An thì chưa mạnh, còn Hiệp đã muốn nhuốm bệnh rồi đó.

Anh chống một cây gậy cố lê chân đi. Nửa chiều, Khánh trở về, có vẻ hết sức mệt mỏi. Vết thương đêm nào

ở nơi đầu gối bây giờ rớm máu. Dụng hỏi :

— Lại té ở đâu, phải không ?

Anh đáp :

— Vấp ngã nhẹ thôi, chẳng hề hấn gì.

Nhưng khi ngồi xuống, anh nhăn mặt lại hết sức đau đớn. Hỏi qua sức khoẻ của An, rồi Khánh mới nói :

— Độ ba ngày nữa, chúng ta mới có thể lên Đắt To. Hôm nay đã gần cuối năm, tôi muốn đi kiếm ít gạo về cho chúng ta ăn uống no nê để lấy lại sức. Nhưng mà không vào *buôn* được. Đồng bào lên rẫy xa quá, chiều tối mới về, không thể gặp được. Ngày mai là ba mươi rồi.

Hiệp lẩm bẩm :

— Đã ba mươi rồi !

Dụng nói :

— Ngày nào của chúng ta đây cũng giống y như ngày nào, nói chuyện ba mươi mồng một làm gì cho phiền.

An nằm yên, nghe ba người bạn nói chuyện, rồi mới ngước về phía họ, nói bằng một giọng run run :

— Hôm kia, tôi thực dại dột, bỏ đi quá xa, không chịu nghe lời mấy anh dặn trước. Lại ham bái mấy mụt-măng mà cứ đi mãi. Nhưng khỏi ngọn núi sau *buôn*, tôi có nhìn thấy một cái xóm nhỏ ở trên chót đỉnh. Ta thử đến đó xem sao, biết đâu lại chẳng có gì để ăn trong ba ngày nữa. Hôm nay chỉ còn một nhắm gạo thôi. Rau rừng và mít làm sao mà ăn nổi nữa ?

Cặp mắt của Khánh sáng lên. Nhưng anh nhìn xuống chân mình có vẻ ái-ngại. Dụng nói :

— Ngày mai anh để tôi đi.

Khánh lắc đầu :

— Anh đi một mình không tiện.

— Sao lại không tiện ? Anh để tôi đi Ngày mai anh để tôi đi.

Khánh nhìn vẻ mặt cương quyết của Dụng và anh làm thinh.

* * *

Đi khuất khỏi *buôn*, Dụng thấy trơ-trọi lạ lùng giữa chốn núi rừng vắng vẻ. Anh hơi hối hận vì cái ý định lên đường và thấy hồi hộp lo âu về đủ mọi thứ bất trắc mà anh tưởng tượng có thể xảy ra. Dụng lại có dịp nhận thấy mình quá suy yếu đến nỗi mỗi lần trèo dốc, anh thở hào hển, đầu nặng, tai ù, cặp mắt không còn trông rõ đất trời. Anh lại ngồi nghỉ rồi lại cố gắng đứng lên. Sang được triền núi bên kia, Dụng thấy ở trên đỉnh cao chót vót trước mặt một xóm nhà nhỏ, như lời An nói. Anh vui mừng, tự giục giã mình nhanh bước, nhưng vẫn không đi mau được bao nhiêu.

Dụng phải qua nhiều ngọn đồi nho-nhỏ để tiến dần lên đỉnh cao. Mỗi khi xuống dốc anh lại gặp một dòng suối trong veo và anh vốc nước vào mặt cho tỉnh người lại. Càng đi Dụng thấy cảnh trí thay đổi rõ rệt và khí trời mát mẻ êm dịu mặc dầu ánh nắng vẫn chiếu bao la «Đây là một ngày cuối năm tươi sáng» anh tự nhủ mình như vậy, và có cảm-tưởng

lạc loài vào chốn Bồng-Lai. Lá cây dài, mướt, loang loáng, chập chờn, theo đà ngọn gió phất phơ nhẹ nhàng. Có những tiếng chim ríu rít, và anh đoán là những giống chim lạ không thể tìm gặp bất cứ nơi nào trong chốn rừng rú Trường-Sơn. Dụng bơi ngạc nhiên thấy mình tự nhiên khỏe lại và nỗi nhọc mệt leo dốc không còn nặng nề như lúc ra đi. Anh hái nhiều hoa ở sát bên mình gài lên khắp người và rất sung sướng thấy trên bước đường đăng-sơn không có những giống dây leo chằng chịt, những bụi gai rậm um tùm, những lớp lá mục ẩm ướt, oi nồng dồn chất tự biết bao đời, đất sống của loài sên vắt.

Hình như đỉnh núi cao quá nên được chan hòa trong lớp khinh-thanh và cả cỏ cây cũng đều đượm nhuần vẻ tươi mát ấy. Bao nhiêu rác rến bụi bặm có lẽ thường xuyên đã được nước lũ từ cao đội về hố thẳm, lũng sâu cho nên mặt đất sạch sẽ, phơi bày xen giữa các cây những khoảng sáng sủa như mời mọc nằm. Dụng lại có ý mừng thầm cho sự may mắn của mình, nghĩ rằng bao năm sống ở núi rừng bây giờ mới tìm gặp được một khung cảnh mới, hoàn toàn khác lạ với bao nhiêu cảnh trải qua. Niềm vui ấy khiến anh có đủ sức để rẽ cây vạch lá lên cao.

Xế trưa thì Dụng đã thấy bóng người lố nhố trong *buôn* và những tiếng cồng, tiếng mõ vang dậy. Anh náo nức bước vào.

Mấy con nai lớn thui xong đang nằm nghiêng-ngửa giữa vạt đất trống chung quanh đống bao Thượng-Du, kẻ ngồi người đứng làm thành mấy lớp vòng tròn.

Họ không đông lắm, người nào cũng khoẻ-mạnh, rắn-chắc, vẻ mặt vui-vẻ hồn-nhiên. Khi thấy Dụng vào, nhiều cụ già buông vòi rượu cần ngẩng lên nhìn với một dáng điệu đón chào, những kẻ trai trẻ dừng nhảy theo nhịp cồng, nhịp mõ chờ đợi, các em bé nhỏ rời khỏi vú mẹ, giương những cặp mắt đen láy, tròn đẹp, ngơ ngác và mấy cô thiếu-nữ nhìn nhau, nhoẻn một nụ cười như ngầm trao ý với nhau về người khách lạ. Dụng bắt gặp một cái không-khí tự-nhiên thân mật từ đầu nên mạnh dạn tiến vào, đến gần một bậc tuổi tác vóc dáng khoẻ mạnh ngồi giữa các cụ mà anh đoán chừng là ông chúa làng. Anh phải thay đổi tiếng nói ba lần và dùng Thổ-ngữ *Mnong* ông cụ mới hiểu. Anh nói nỗi vui của mình được gặp đồng bào, tỏ ý muốn đổi một số thực-phẩm. Đoạn anh giở mấy chiếc áo ấm của anh và Khánh, bộp quẹt, ca nước . . . đem theo thay thế bạc tiền. Ông chúa làng cười:

— Hãy vui vẻ đã. Uống rượu, ăn thịt cho no cái bụng đã mà.

Dụng ngồi phệt xuống vạt đất, bên cạnh ông cụ. Ông vẫy tay ra hiệu, đoàn người trai trẻ kẻ cồng, người mõ, nhịp nhàng, ưỡn-ẹnh nhảy quanh.

Những bộ mông rắn chắc, đầy thịt quay sang phía tả, lắc sang phía hữu, trong khi đôi chân lò-cò, khập-khựng cùng với đôi tay khuỳnh lại, co giật như diễn tả được niềm vui nức-nở trong lòng giữa một cuộc đời vật lộn không ngừng để mà thủ-thắng đối với thiên nhiên. Cuộc vui kéo dài, trong

khi một số cụ già cắt xẻo thịt nai ra những miếng lá, thì những cô gái lăng xăng, ríu rít, nấu nước, chia muối ở trong từng phần. Dụng hỏi một cụ ngồi cạnh :

— Nai gì vậy ?

— Nai săn đấy. Trai làng săn về hồi sáng nay mà. Sửa soạn ăn uống đi thôi.

Khi mọi người nhập tiệc, Dụng cũng được kể trong số thực - khách.

Không ai tỏ ra ngờ-vực, bàn tán về anh và cũng không ai tỏ ra oán ghét hay là mừng rỡ. Anh đến và anh thành người trong *buôn* ngay từ phút đầu. Dụng ăn những miếng thịt nai chấm muối cắt đầy trên lá, uống nhiều hớp rượu cần, rồi nghĩ đến mấy người bạn ở dưới xa kia đói khát, cảm thấy trong lòng nao nao.

Ăn xong, trời đã chiều. Ông chúa làng dắt anh đi lại đám người trai trẻ nói cho họ biết vì sao anh tìm đến *buôn* và ai cũng đều nhìn anh mỉm cười, gật đầu. Ông bảo :

— Vào nhà nghỉ đã, sáng ngày mới đi về được.

Rồi ông nói to :

— Ai được người khách ở đây ? Ai thấy trước nhất ?

Dụng hơi ngạc nhiên về câu hỏi khá kỳ quặc ấy. Làm sao mà biết ai thấy trước nhất khi anh đi vào giữa lúc *buôn* đang tụ tập, mọi người cùng nhìn rõ anh ? Dụng đâu phải là một con chim nhỏ, một cành hoa rừng, hay một cây kim bé chút ? Nhưng anh ngạc nhiên xiết bao khi thấy một ông cụ già, một bà cụ già và một cô gái kêu lên :

— Thấy trước đấy mà.

Ông chúa làng có vẻ lo nghĩ vì gặp phải một trường hợp khó xử. Ông quay sang Dụng :

— Muốn về nhà ai ?

Dụng muốn về nhà cô gái vì cô trông thực ngây thơ, hiền lành. Ông chúa làng hỏi :

— Muốn về nhà của cô gái đấy à ?

Anh đáp :

— Muốn lắm, nhưng cũng muốn về nhà bà mẹ và nhà ông cha này nữa.

Mọi người đều cười. Bà cụ vui vẻ nói :

— Về nhà tôi đi. Nhà của Min-Ray ở bên tôi đấy. Ông cụ Pay - Khoan cũng ở gần bên đấy mà.

Dụng gật đầu, ra vẻ chịu ơn rồi đi theo bà. Anh lên một dãy nhà sàn khá dài có gần cả trăm thước tây, nghe mùi cay nồng của những xâu thuốc phơi khô treo từng dãy dai. Bà cụ bảo anh ngồi xuống bên bếp lấy ra một bó thuốc lớn. Bà bảo :

— Hút đi.

Anh phì phèo nhả khói cảm thấy tươi vui, sảng khoái. Không khí của miền núi cao và vẻ thân mật trong sự tiếp đón làm cho sự sống trong người của anh như thay đổi hẳn ? Hầu như bệnh hoạn đói kém, âu lo không hề có mặt ở nơi chót vót của đỉnh non này. Anh hỏi bà cụ :

— Buôn gì đấy *mí* ?

— Buôn Pu-Tha.

— Núi Pu-Tha đấy à ?

— Ừ, Pu-Tha đấy.

Bà cụ vào trong và anh thấy bóng bà loay-hoay dọn dẹp. Một lát, bà khệ-nệ đem ra cho anh nào chuối, nào cam, những quả xoài rừng bé nhỏ, vàng óng và nhiều trái cây chín đỏ mà anh chưa hề nếm thử bao giờ. Bà đặt ở trước mặt anh và bảo :

— Ăn đi. Ăn cho hết đi.

— *Mí* cho nhiều quá, ăn làm sao hết ?

Bà cụ mỉm cười nhìn anh chăm chú như được săn sóc một người thân yêu. Vừa lúc ấy, một cô con gái và một thanh niên bước vào, cả hai chào anh bằng một nụ cười vui vẻ. Người con gái dáng điệu nhanh nhẹn, da ngăm ngăm đen, có đôi mắt sáng và một khuôn mặt dịu dàng. Chị lại ngồi xuống bên anh, hỏi rất tự nhiên :

— Tên là gì à ?

— Dụng đấy.

Chị cố ép lưỡi, lặp lại tên anh và cất tiếng cười dòn tan. Dụng cũng cười theo, rồi hỏi :

— Tên gì ?

— Xiu-Peng.

— Xiu-Peng con của *mí* à ?

Chị gật đầu. Dụng nhìn người trai rồi hỏi :

— Em Xiu-Peng phải không ?

— Ừ, em đấy. Có dễ thương không ?

— Dễ thương lắm. Giống hệt Xiu-Peng.

Chị lắc đầu :

— Không giống nhiều đâu Nó là đàn ông đấy.

Rồi chị bảo :

— Hãy ăn đi chứ !

Dụng lắc đầu :

— Để dành đem về cho anh em tôi. Họ ở dưới kia, không có gì để ăn cả.

— Ăn đi, còn có nữa mà.

— Có nữa, tôi cũng đem về. Tôi đã được ăn thịt nai, được uống rượu cần, được hút thuốc lá, họ nào có được gì đâu ?

— Anh tốt lắm đấy.

Rồi chị quay sang người em :

— Kiu à, tốt lắm phải không ?

Kiu gật đầu :

— Ừ, tốt lắm, tốt đấy.

Dụng vội nói :

— Chẳng tốt gì hết, Kiu à. Anh em lo lắng cho tôi, tôi lo lắng cho anh em, vậy đó. Ai cũng phải nhờ ai cả mà thôi.

Xiu-Peng có vẻ nghiêm-nghị đáp :

— Lo cho anh em là tốt đấy chứ. Tôi cưới anh nhé !

Dụng hoảng-hốt nói :

— Sao lại cưới tôi ?

Xiu-Peng thản-nhiên trả lời :

— Tôi ưng anh mà.

— Sao ưng gấp vậy ?

— Anh tốt đấy.

— Không, tôi xấu lắm.

— Đã bảo tốt mà.

— Tôi nghèo lắm kia.

— Nghèo thì Xiu-Peng nuôi. Xiu-Peng có rẫy, có trâu, có gà. Này, đi xem rẫy Xiu-Peng !

Chị lôi tay anh, kéo dậy. Dụng ngoan ngoãn đi theo. trong lòng có một nỗi vui ngơ-ngác. Ra khỏi nhà, anh bảo :

— Gọi Kiu đi với.

— Nó phải ở nhà coi heo.

Xiu-Peng dắt tay anh, qua mấy dãy nhà. Nhiều người đàn ông ngồi hút thuốc ở bục cửa nhìn xuống mỉm cười vui vẻ. Một cụ già hỏi :

— Ưng lấy rồi à ?

Xiu-Peng đáp :

— Ừ, ưng rồi.

— Người kia có ưng nhiều không ?

— Ưng chưa nhiều lắm. Còn đi xem rẫy đã chứ.

Cụ già cười rất hồn-nhiên, nói theo :

— Ưng nhiều đi thôi, cho buôn ta được đông người.

Dụng theo Xiu-Peng đi về một phía bờ dốc. Nắng chiều đã nhạt, rây xuống cây lá xanh mướt một màu vàng dịu. Không khí mát lạnh nhưng anh không cảm thấy mùi gây-gấy ớn người như ở những chốn núi rừng anh đã trải qua. Anh đi cạnh Xiu-Peng, thấy chị tuy nhỏ hơn anh khá nhiều nhưng anh lại có cảm tưởng như mình là một cô gái đi theo một gã đàn ông. Anh tự nhủ : « Mình là cô gái quá mới, không biết mắc cỡ chút nào »

Xiu-Peng dừng lại chỉ tay về một đỉnh xa có những vạt rẫy vàng sẫm lẫm tấm vệt xanh, chị nói :

— Rẫy đấy, cưới rồi, Xiu Peng sẽ đưa lên rẫy.

Dụng ngơ-ngẩn nhìn, cảm thấy cả một cuộc đời êm-đềm trước mắt. Anh tưởng tượng mình sẽ lấy Xiu-Peng, sống một cuộc sống bình dị, đơn giản, ở chốn cỏ cây khuất lấp, gạt bỏ mọi sự phiền toái trên đời...

Xiu-Peng kéo tay của anh sát vào người chị rồi rẽ vào một lối khác. Hai người đi đến một dòng suối trong. Chị bảo :

— Nước này mát lắm, rửa đi.

Anh vốc nước, cảm thấy tê lạnh, gượng gạo rửa mặt rồi theo Xiu Peng lội qua bên kia Dụng ngạc nhiên thấy một rừng ổi tươi tốt trái chín mọc dày, trắng nõn, buông nhành trĩu xuống là sà mặt đất. Anh bàng hoàng tưởng mình đi vào một thế-giới nào huyền-hoặc không có trên cuộc đời này. Anh đứng sững, nhìn quanh, khi Xiu-Peng vỗ vào lưng anh, bảo đi, anh mới sực tỉnh. Anh quờ tay đến trước mặt mình và các ngón tay của anh lút sâu vào trong những trái ổi chín rục mềm, tỏa ra một mùi thơm đậm đặc. Hai người đi vào sâu thêm và Dụng nghe tiếng vỗ cánh rần-rật của vô-số chim chóc qua các lá cành. Nhiều con mải mê mổ vào những trái ổi chín không sợ bóng người, tưởng chừng có thể chụp bắt rất dễ. Rừng ổi mông mênh và hai người đi mãi. Dụng vừa ăn ổi vừa nghĩ đến những bạn ở dưới núi bây giờ chiều xuống đang nằm bên bếp ước ao những chén cơm đầy, và thầm tiếc rẻ cho họ không được may mắn như anh.

Xiu-Peng đưa anh ra khỏi rừng ổi và rẽ sang một lối khác gần hơn để trở về nhà. Chị hỏi :

— Ưng lấy tôi chưa ?

Dụng duỗi hai chân trên sàn, đáp lại :

— Ưng nhiều lắm rồi.

Chị lại gần, vỗ lên má anh, cười rất vui-vẻ :

— Tốt đấy.

— Nhưng mà . . .

— Gì à ?

— Tôi phải trở về dưới ấy, có những anh em đang chờ.

— Bao giờ mới lên ?

— Xong việc mới lên.

— Có lâu lắm không ?

— Lâu lắm.

— Lâu chừng nào kìa ?

— Không biết rõ được. Đến lúc Xiu Peng già như bà *mí* vậy đó.

Xiu Peng cau mày, có vẻ buồn bã.

Dụng tiếp :

— Đừng chờ đợi tôi làm gì.

Xiu Peng lắc đầu nhẹ nhàng, cặp mắt ngó về nơi xa, rồi nói :

— Không chờ gì đâu. Lâu quá đi mà, chịu không nổi được.

Chị nhìn chăm chăm vào anh, nói tiếp :

— Tốt với anh em mà không tốt với Xiu-Peng, ghét lắm. Ưng Min Ray không ?

Dụng kêu lên :

— Không đâu. Xiu-Peng tốt lắm. Xong việc rồi tôi sẽ lên.

— Chờ ba mùa lúa thôi đấy.

— Ừ, chờ tôi ba mùa.

— Đến nhà Min-Ray chơi không ?

— Thôi, tôi ngồi gần bên Xiu-Peng, ngày mai tôi về.

Xiu-Peng lầm-lì về mặt, không nói năng gì. Dụng nằm xuống sàn, sát bên bếp lửa đã được Kiu đốt cháy rực. Anh nhìn ra ngoài thấy trời tối lại và những ngọn núi ngoài ra mơ dần, chìm trong một vùng đen day đặc mênh-mông. Anh thiếp đi trong một giấc ngủ nhẹ-nhàng. Khi anh tỉnh dậy thấy ở bên mình có một mo xôi khá lớn, mấy xâu thịt nướng và chén nước muối. Bà *mí*, Xiu Peng và Kiu ngồi cạnh một bếp gần đấy quay lại nhìn anh. Bà *mí* nói :

— Ăn đi rồi ngủ.

Anh ngồi dậy mời mọc mọi người nhưng ai cũng lắc đầu, trả lời : « No rồi ». Dụng với tay rút lấy bốn miếng mo cau phơi trên giàn bếp, đặt trước mặt mình, chia xôi, chia thịt ra làm bốn phần đều nhau Rồi nói : « Phần của *mí* đấy, của Xiu-Peng đấy, của Kiu nữa đấy ».

Ba người nhìn anh có vẻ cảm động. Bà *mí* nói :

— Tốt lắm.

Xiu-Peng nhìn anh chăm chú rồi quay sang mẹ :

— Tốt nhiều đấy chứ ?

Bà *mí* gật đầu :

— Tốt nhiều mà.

Rồi bảo anh :

— Ăn hết đi. Đừng để còn lại không tốt.

Dụng ngồi xếp bằng, nhai xôi và thịt một cách thong-thả, chậm-chạp. Mỗi lần anh ngước nhìn lên, đều gặp Xiu-Peng chăm-chắm nhìn anh như quan-sát một vật lạ mà nàng ưa mến. Tuy hơi ngượng-ngịu nhưng anh cảm thấy một niềm thích thú của kẻ tự nhiên biến thành nhỏ bé hẳn lại.

Quá no, Dụng cũng cố ăn hết phần xôi thịt của mình. Khi Kiu đem nước cho anh, Xiu-Peng rời khỏi nhà sàn. Một lát, chị trở về, theo sau nào cụ Pay-Khoan, Min-Ray và nhiều người nữa trong buôn, mỗi người trai trẻ trong tay đều có mang theo một cây đàn dai và những ống tre lỗ ô đục thông các mắt để dẫn tiếng đàn. Mọi người quây quần bên anh, nói chuyện vui vẻ, giữa những tiếng đàn, tiếng hát kéo dài dằng dặc như tiếng suối nguồn bất tận...

* * *

Mỗi lần quay lại, Dụng vẫn nhìn thấy những người trong *buôn* đưa tay vẫy vẫy như kêu gọi anh. Anh cũng vẫy lại nhiều lần, rồi cố bước mau để khỏi kéo dài những phút tiễn biệt ở cách xa nhau như vậy. Xuống một dốc dài quay lại không thấy buôn nữa, Dụng mới ngồi nghỉ và lau những giọt mồ hôi đầm đề trên trán. Anh đã ráng hết sức mình để gánh số nếp, số thịt về cho anh em và dành để lại bao nhiêu trái cây ngon lành. Dân *buôn* không nhận những đồ vật anh đem lên đổi và vui vẻ cho anh những thức đồ ăn cần dùng tùy theo sức gánh của anh. Anh thấm thía đã sống quá vội những giờ êm ả trên đỉnh Pu-Tha và mong có dịp sẽ trở lại đấy nhiều ngày hơn nữa. Khi ngước lên, anh thấy mặt trời đã vượt quá cao trên nền chói ửng và vụt nhớ rằng hôm nay là ngày đầu năm. Anh đã được hưởng giao thừa trên đỉnh Pu-Tha, trong một không khí đầm ấm, vui vẻ, hồn nhiên, thân mật của những con người hầu như không hề biết Tết nhưng suốt cuộc đời là một mùa xuân bất tận. Đầu năm nay, anh mang những món quà tặng đặc-biệt từ đỉnh non cao về với cuộc đời thiếu thốn đầy những âu-lo, khoắc-khoải hằng ngày. Anh lại lên đường, mong chóng về gặp anh em để họ được hưởng những sự no đủ, đợi đến ngày mốt cùng về Đất Tó. Khi về gần đến *buôn* cũ anh đang hào-hển leo dốc đã thấy Khánh bước khập khễnh xuống đón.

Khánh dằng lấy gánh và nở nụ cười rất lâu, không kịp hỏi anh gì hết rồi khập-khễnh bước. Dụng ríu-rít kể cho Khánh cuộc đời trên đỉnh Pu-Tha mà anh vẽ lại như một cuộc sống ước-mơ. Khánh chăm chú nghe không nói một lời nhưng đến gần nhà anh bảo :

— An và Hiệp mừng lắm đấy nghe, nhưng đừng có nói nhiều quá về cuộc đời no đủ của cậu trải qua mà họ khát thèm.

Dụng cúi đầu bước, cảm thấy Khánh đã có lý khi dặn-dò anh như vậy. Anh không thể nào làm cho những người bạn anh cảm thấy chán-nản khi nghĩ về cái cuộc đời đầy những thiếu

thốn của mình. Và anh nghĩ rằng mình phải chuẩn-bị một câu trả lời.

An và Hiệp đã ngồi chờ anh ở nơi bục cửa, cặp mắt mỗi người sáng lên trên những khuôn mặt tóp gầy, héo hắt. Họ đỡ gánh đồ bằng những động-tác giữ-gìn của quí và không đợi Dụng kịp ngồi xuống sàn, đã hỏi :

— Thế nào ? Mùa xuân trên ấy ra sao ?

Dụng nhìn hai người, thấy vẻ hau háu thèm ăn ở trên mặt họ — và đó cũng là hình ảnh vừa qua ở nơi mặt anh — rồi đáp :

— Cũng như bao nhiêu nơi khác mà mình đi qua. Chẳng có Tết nhất gì cả. Đồng bào thiếu thốn, đói khổ, sống trên những chiếc nhà sàn rách nát, tiêu điều. Nhưng họ sẵn-sàng chia xẻ cho ta, không chịu đổi chác gì hết.

Nét mặt của An có vẻ trầm ngâm, dịu lại và Hiệp cũng mất dáng điệu hớn hở ban đầu. Dụng ngước nhìn Khánh nhưng bỗng thấy Khánh cau mày, nhìn anh có vẻ trách móc. Dụng hơi ngơ ngác, thì Khánh vội bảo :

— Hãy nấu một nồi xôi lớn ăn đã !

Mấy người hì hục vo nếp, đốt lửa và khi bếp hừng hực cháy Khánh mới chầm rãi nói tiếp :

— Tôi đã từng sống trên những *buôn* cao, khí hậu mát mẻ, cây cối xinh tốt lạ lùng. Đồng bào cũng no đủ lắm và vui vẻ lắm. Người ta sẵn sàng cho chúng ta ăn bất cứ lúc nào, và không bao giờ ta phải lo sợ đối trá, lường gạt lẫn nhau vì một chén gạo, manh vải. Cho đến tình yêu, cũng thực giản dị, khoẻ mạnh lạ thường. Nhiều cô sẵn sàng yêu ta, chết sống với ta vì ta biết điều, hiền-hậu, chứ không phải vì ta có nhiều bạc tiền, địa vị, bằng cấp hay là một thứ nhãn hiệu nào khác. Ở đấy, hình như chỉ có suối reo, chỉ có tiếng hát, chỉ có mùa xuân. Nhưng mà . . .

Khánh bỗng dừng lại, nhìn mặt anh em rồi tiếp :

— Đó là mùa xuân của thời hoang dại, cổ-sơ không còn phải là mùa xuân của chúng ta nữa. Làm sao có thể sống như cây cỏ không hề băn-khoăn vì mục đích gì ? Làm sao có thể yêu-đương đơn giản bằng những thèm khát tầm - thường không nâng tình yêu lên khỏi rung-động bản-năng thấp kém để tạo một sự hòa điệu tâm-hồn, một sức thông cảm đầy những xây-dựng, hi sinh cho một sự - nghiệp ? Và bao nhiêu điều hiểu biết sẵn có, bao nhiêu ao-ước tương lai ấp-ủ ở trong tâm não của mình, làm sao có thể ký thác vào trong câm lặng, hoang-vu ? Đồng bào miền núi của ta phải chịu cuộc đời như vậy vì họ chưa được đổi thay. Còn ta, ta không có thể trở lại cuộc đời như thế.

Khánh dằng hai tiếng « trở lại » và kéo dài ra Lời nói có đà khiến anh hăng hái tiếp theo :

— Họa chăng vì phút chán nản nào đó trước những ràng buộc của đời, ta không tự chủ mình được nên có cái ý lẫn trốn, hướng về cảnh đời tưởng lầm yên vui của chốn sơ-khai. Nhưng chắc chúng ta khó lòng chấp thuận cảnh ấy quá một tuần-lễ. Mùa xuân của chúng ta chỉ có thể tìm ở trong cuộc sống của ta.

Anh dừng lại, nói nhỏ và chậm :

— Tôi nghĩ đến sự chịu đựng của chúng ta để làm cho tròn nhiệm-vụ, nghĩ đến tình thương ở giữa chúng ta, nghĩ đến xâu măng của anh An, chén cám của anh Hiệp, gánh nếp của anh Dụng và tôi tưởng đấy mới là ý-tình của một mùa xuân thật sự.

An nói :

— Còn những ý tình của anh Khánh nữa...

Hiệp cúi đầu xuống, có vẻ trầm tư, không nói năng gì.

Dụng liếc nhìn Khánh, thở một hơi mạnh rồi tiếp :

— Phải rồi, mùa xuân của ta không thể tìm thấy trên đỉnh non cao. Mùa xuân thật sự của ta ở trong cuộc sống này đây và dưới đồng bằng...

Mọi người im lặng, ngước nhìn về chân trời xa, vệt núi xanh nhạt, mờ mờ. Thoáng chốc giữa tiếng sôi sục trong nồi và tiếng củi cháy, họ nghe như có tiếng pháo, tiếng cười, tiếng nói từ ở miền quê xa xôi vọng lại liên hồi.

VŨ - HẠNH

Cung Chúc Tân Xuân

Hãng buôn

HỒNG - HOA STORE

Nhập Cảng — Buôn sỉ lẻ

dụng cụ văn phòng

Tổng phát hành

viết chì đạn « BIC »

31-33, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon

Điện-thoại : 21.474

SINH-HOẠT

TRỌNG-KHANG

Mặt trái Katanga

Tại sao, hoạt động của Liên-hiệp-Quốc luôn luôn bị phá hoại tại Katanga ? Một yếu nhân đại diện L. H. Q. ở Congo đã tiết lộ nhiều chi tiết bí mật về cuộc vận động chống đối này.

Tình hình quân sự ở Katanga, biến chuyển một cách bất ngờ : Thứ hai 4-12-61 sau một tuần lễ chiến-đấu, lực lượng của Tschombé sắp mất hẳn kiểm soát vừng Katanga : Đài phát thanh đã ngưng tiếng và sự đầu hàng chỉ còn là vấn đề ngày giờ. Nhưng cùng ngày đó, Anh đột nhiên quyết định ngưng giúp bom cho các cuộc hành quân của Liên-Hiệp-Quốc và Pháp phản đối việc Mỹ đã giúp không quân cho Liên-Hiệp-Quốc. Anh và Pháp lại chủ trương ngưng các cuộc chiến đấu và điều đình hòa hoãn với Tschombé. Nhờ vậy quân Katanga được cứu thoát đúng vào phút cuối cùng. Sự tiết lộ của ông Conor O'Brien, người điều khiển lực lượng L. H. Q. khi chiến tranh bùng nổ lần thứ 2 ở Elisabethville, đem lại lời giải đáp cho thái độ của Anh và Pháp trong cuộc tranh chấp ở Katanga.

Chính sách nước đôi của Anh và Pháp

Anh và Pháp là hai hội viên thường trực của Hội đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc, và nhờ vậy có quyền phủ quyết. Đối với Katanga, hai nước có thể phản đối việc trục xuất ngoại kiều đi lính đánh thuê trong xứ và như thế sẽ chặn đứng dự định của L. H. Q. lật đổ Tschombé, tuy nhiên họ không chống lại quyết định can thiệp vào việc Katanga bằng quân sự của L. H. Q Họ còn hứa giúp ông Hammarskjoeld, rồi sau, ông U. Thant bình định Katanga. Như vậy đường lối chính trị của Anh và Pháp ở Congo thật là mâu thuẫn và khó hiểu

Vào khoảng tháng 7-1960, không một cường quốc nào có quyền lợi ở Phi Châu có can đảm công khai ủng hộ sự ly khai vùng Katanga khỏi xứ Congo, vì ai cũng biết chế độ Tschombé chỉ là Công cụ của Bỉ đặt ra để cứu vãn quyền lợi của Bỉ nằm trong Liên Hiệp Hầm Mỏ Katanga. Thừa nhận hay công khai giúp đỡ Tschombé sẽ làm cho toàn thể dân chúng Phi Châu công phẫn. Tuy nhiên hai nước Anh, Pháp đều đã bị áp lực kín đáo và kiên nhẫn của các nhà chánh trị và các nghiệp chủ có quyền lợi trong Liên-Hiệp Hầm Mỏ. Bởi vậy, bề ngoài Anh Pháp vẫn lớn tiếng hô hào thống nhất Congo tại Hội Đồng Bảo An, nhưng bên trong lại bí mật vận động để cắt rời Katanga. Tấn thảm kịch diễn ra ba màn như sau :

Hai màn đầu

Màn thứ nhất ngắn ngủi : khi Lumumba muốn đưa quân sang Katanga, những người che chở cho Tschombé thuyết phục được ông Hammarskjoeld từ chối không cung cấp phương tiện chuyên chở cho Lumumba, lấy cớ là để tránh một cuộc nội chiến. Nếu Lumumba được nâng đỡ thì Tschombé không chống giữ được 24 tiếng đồng hồ

Nhưng rốt cuộc Lumumba ngã quỵ.

Màn thứ hai không kém ý nghĩa. Ông Hammarskjoeld biết rằng cần phải thanh toán phe phản động Katanga nhưng phen này vẫn để phòng. Đại diện của Liên-Hiệp-Quốc ở Congo là ông Dayal biết rõ tình hình ấy nên Anh Pháp mở một chiến dịch hạ ông Dayal, lấy cớ là ông này là bất lực và tư vị. Khi Hội đồng Bảo An quyết nghị trục xuất những kẻ dân ngoại quốc đi lính đánh thuê ở Katanga, nhưng lại quy định phải áp dụng phương pháp thuyết phục và điều đình thì ông Dayal biết rằng việc không thực hiện nổi bèn xin từ chức.

Màn thứ ba

Màn thứ ba mở đầu với Bác-sĩ Conor O Brien một chánh khách Ái-nhi-Lan. Ông này hiểu rằng điều đình với Tschombé chỉ mất thì giờ mà thôi. Tschombé tuyên bố kiều dân ngoại quốc đánh thuê không còn a, trong khi họ vẫn ở đông nghẹt trong thành phố và càng tổ chức chặt chẽ hơn để chống lại L. H. Q. Họ mộ thêm binh sĩ Pháp và dưới thúc đẩy của họ lực lượng Katanga trở thành thực sự nguy hiểm cho quân đội L. H. Q.

O'Brien mở một cuộc hành quân chớp nhoáng. và ngày 28 8 61 bắt được 200 tên đánh thuê ở Katanga. Tschombé hoảng sợ nên tối hôm ấy đã nói với O'Brien « Tôi xin quy phục L. H Q. » Nhưng, ngày hôm sau ông Roy Welensky ở Rhodésie tuyên bố sẽ giúp Katanga chống lại áp lực của L. H Q Hai mươi bốn giờ sau, vị lãnh sự Anh ở Elisabeth-ville ông Dunnett và một chánh khách Anh mà cũng là chánh khách Rhodésie, ông Shmitt, đến gặp

Tschombé đề hứa giúp đỡ và sui-dục kháng-cự. Không cần phải đợi lâu mới biết kết quả cuộc đàm ấy: hai ngày sau Tschombé lại trở mặt, thách thức quân O'Brien và chống lại Liên-Hiệp-Quốc.

Trận giải vây Jadotville

Bác-sĩ O'Brien nhận lời thách đố. Sau khi tường-trình tình hình với ông Hammarskjoeld, ông xin thêm viện binh và sửa soạn cuộc hành quân ngày 13 tháng 9. Cuộc tấn-công bất thần này nhằm mục tiêu bắt cả bọn đánh thuê lẫn Tschombé cùng các tổng trưởng của Tschombé. Lúc ấy ông Hammaskjoeld ở Nữu-Ước. Phe cánh của Tschombé ở trong Hội-Đồng Bảo-An tất cũng biết rõ tờ trình về kế-hoạch của O'Brien và mật-báo về Elisabethville — Thế là ngày 13 tháng 9 Tshombé trốn biệt ở một trong các tòa lãnh-sự của các nước Tây-Phương ở Elisabethville. Còn bọn đánh thuê đã được báo-động trước nên võ-trang chống lại với quân-đội Liên-Hiệp-Quốc — Bởi vậy chiến trận đầu tiên ở Elisabethville đã khởi diễn.

Tại Nữu Ước ông Hammarskjoeld bắt đầu nhận được thông-điệp của Anh và Pháp phản-kháng hành-động của O'Brien. Nhiều báo-chí hoàn-cầu nhận trợ-cấp của nhóm Katanga lên tiếng đả kích O'Brien đã đẩy Liên-Hiệp-Quốc xâm-lăng một nước sống hòa-bình.

Ông H. bối rối vì những tin tức mâu thuẫn ấy và biết rõ tình hình rối ren ở Katanga, bèn đáp máy bay đến Elisabethville để nghiên cứu tại chỗ.

Trong khi ấy tình hình quân sự của lực lượng Liên Hiệp-Quốc ở Elisabethville rất đáng lo ngại, vì những người có nhiệm vụ giúp đỡ O'Brien lại đều là tay sai của địch. Lãnh sự Anh, Pháp, Bỉ ở Elisabethville đồng thanh yêu sách phải đưa những quân tinh nhuệ đến Jadotville để khẩn cấp bảo vệ cho người Âu ở đây đang lâm nguy. Nhưng thực ra người Âu ở đây chẳng gặp gì nguy hiểm, không những thế họ ngấm tiếp tay với binh đội Katanga để vây hãm quân đội Liên-Hiệp-Quốc ngay khi vừa mới tới.

Vụ phi trường Entebbe

Quân Liên-Hiệp-Quốc đợi Phi cơ phản lực từ phi trường Entebbe xứ Ouganda, thuộc quyền bảo hộ Anh, đưa sang để chống lại với phi cơ khu trục Katanga. Nhưng nhà cầm quyền Anh ở Ouganda (xứ bảo hộ Anh) không chịu cho phép cất cánh.

Tuy gặp những khó khăn ấy, O'Brien vẫn lạc quan. Ông bác bỏ đề nghị của Lãnh sự Anh, khuyên ông sang Rhodésie điều đình với Tschombé. Theo ông, cuộc điều đình ở Rhodésie sẽ đề cao Tschombé một cách quá đáng và để Rhodésie được quyền làm trọng tài.

Ông tỏ ý sẵn-sàng gặp Tschombé ở Katanga.

Ông Tổng thư-ký Liên-Hiệp-Quốc lúc ấy ở Léopoldville, thủ-đô Congo, nhận được tường trình và biết rõ lập trường của O' Brien, nhưng cùng lúc đó nhà ngoại giao Anh Lord Lansdowne ở bên cạnh ông, đã thuyết phục được ông, làm ngược lại dự tính của O' Brien, nghĩa là sẽ tới Rhodésie để điều đình với Tschombé.

O' Brien, được tin ấy, lấy làm bối rối, bèn nhất quyết xin hội đàm với ông H. nhưng ông H. không đổi ý, ông cũng không ghé xuống Elisabethville để đón O' Brien nữa mà cho máy bay trực chỉ Rhodésie.

Tai nạn phi-cơ ở Rhodésie.

Không ngờ vì ông H. bỏ rơi O' Brien mà O' Brien thoát chết. Nhưng nếu ông dừng lại Elisabetville thì cũng có lẽ O' Brien đã thuyết phục ông bỏ ý định đi Rhodésie mà máy bay ông đã chẳng bao giờ tới được.

Sau khi ông H. tử nạn và sau khi ngưng bắn, Anh Pháp tăng thêm áp lực với đại diện của L. H, Q. ở Elisabethville Bác sĩ O' Brien được triệu hồi Nữu-Ước, và từ đấy cho đến khi từ chức, ông không trở về Katanga nữa.

Tình hình không thay đổi. Ông Brian Urquhart thay thế bác sĩ O' Brien, tuy là người Anh, nhưng khi nhận định tình hình Katanga, cũng đi đến kết luận như bác sĩ O' Brien. Katanga chỉ là một sân khấu chính trị cho người Âu bôi cảnh để bảo vệ quyền lợi của Liên Hiệp Hầm Mỏ. Congo không thể đứng vững được nếu bị cắt xén mất Katanga Thế là ông Urquhart cũng lại bị đả kích và đe dọa Tệ hơn nữa, trong một cuộc tiếp tân ở Elisabethville để khoản đãi một nghị sĩ Hoa-Kỳ qua thăm, ông cùng với một công chức khác của L. H. Q. còn bị một bọn lính nhảy dù Katanga đột nhập vào phòng khách đánh đập.

Vì sao Anh Pháp can thiệp gần như công khai vào Katanga ?

Ông Urquhart đã cố gắng điều giải nhưng không xong, đành phải mở cuộc hành binh tiễu trừ Tschombé. Rút kinh nghiệm người đi trước, ông thận trọng hơn, ông đem không quân án tại chỗ chứ không để ở phi trường Ouganda như trước. Những biện pháp tăng cường quân lực L. H. Q. làm cho Katanga lâm nguy. Bởi thế nên Rhodésie rồi Anh, Pháp đành buộc lòng phải can thiệp một cách gần như công khai để cứu Tschmobé vậy.

*
* *

Người tiết lộ những bí ẩn hậu trường chính trị Congo chính là Bác-sĩ O'Brien, người đã giữ vai trò chính yếu trong vụ tranh chấp Katanga. Ông công bố những tài-liệu này, tố cáo chính sách nước đôi của Anh Pháp không ngoài ý muốn bảo vệ uy tín và lý do tồn. tại của Liên Hiệp Quốc.

Thuật theo tài liệu của L'Express số ra ngày 14-12-61

SÁCH BÁO MỚI

— **Đường vào tình-sử**, thi - phẩm của Đinh Hùng do Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách in khổ lớn, trên giấy tốt, loại Liên tài, gồm 60 bài thơ « Truyện lòng » và « Tiếc bướm », cùng lá « Thư văn - nghệ » của Đoàn-Thêm thay lời đề từ. Dày 110 trang, giá 150đ.

— **Việt-Nam P. E. N** Review, Số 2, tháng 11-12-1961. Tạp chí của Hội Văn Bút quốc-tế Trung tâm Việt-Nam, gồm những bài bằng tiếng Việt, Anh, Pháp, Giá 28đ.

— **Người kéo màn** tiểu thuyết kịch của Nhật-Tiến, Huyền-Trân xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày 96 trang, giá 29đ.

— **Truyện chúng mình**, tập thơ của Nhất-Tuấn, tác giả giữ tặng. Sách dày 68 trang, gồm 2 phần, 29 bài thơ, giá 20đ.

— **Ngài La-Thập**, do Trí- Quang biên tập, Phật Học - Viện Trung phần xuất bản, Thư viện P. H. V. T. P. gửi tặng. Sách dày 444 trang, gồm 4 chương : Sử tích, tư tưởng tư tưởng hệ, và tổng kết về ngài La-Thập. Giá bán 60đ.

— **Người đàn bà không tóc**, tạp văn của Thế Phong, Đại-Nam văn-hiến xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách in ronéo dày 36 trang, giá 30 đ

— **Vun xới vườn tình**, thơ R. Tagore, Liên-Hoàn dịch theo bản Pháp-văn Le Jardinier d'amour, Đại Nam Văn Hiến xuất bản và gửi tặng. Sách ronéo bản dày 32 trang, giá 30đ.

Trong khi quấy quần với gia-đình giữa bầu không khí ấm cúng của mấy ngày Xuân, mời bạn hãy đọc :

LANG - THANG

thơ MINH-ĐỨC

(in thạch bản, do *Linh-Bảo* hoạ, *Dư-Tân* trình bày, *Võ-Hoàng-Chương* giới thiệu)

Để thông cảm với một người nhi nữ đã từng chai gót chân son trên khá nhiều nẻo đường của quê mình, của xứ lạ, và đã từng nghẹn tấm lòng thơ ở những ngõ ngách của tình yêu, của tình, gia đình, của tình đất nước.

Có gửi bán ở các hiệu sách lớn ở Thủ-đô, ở Tây-đô, ở Thần-kinh, ở Đà-Nẵng, ở Đà-Lạt...

NHÂN DỊP TẾT NHÂM DẦN

Công - Ty Điện - Ảnh WARNER BROS. thân - ái kính chúc quý - vị khán giả thân-mến một năm đầy đủ hạnh - phúc và xin trân - trọng mời qúy-vị cùng chúng tôi lật lại trang lịch-sử điêu-tàn của La-Mã do hồ-ly-tinh MESSALINA, một Võ-Hậu Tay-Phương đa biến đế-quốc hùng-cường của CESAR ra một bể thảm thành sầu nhuộm đầy máu lửa....

Vai MESSALINA, Võ-Hậu Tây-Phương, sẽ do :

BELINDA LEE

nữ minh-tinh hấp dẫn nhất, cô đào tài sắc vẹn toàn nhất, bông hoa tươi thắm nhất của vườn hoa điện - ảnh đảm-nhiệm.

NHỮNG MẢNH TÌNH CỦA NỮ-HOÀNG MESSALINA

Mầu Technicolor — Nói tiếng Pháp — Phụ-đề Việt-ngữ

sẽ được độc-chiếu tại rạp KIM-CHÂU từ 3-2-1962

★

Sau phim Nữ-Hoàng MESSALINA, xin quý-vị nhớ đón coi những phim sau đây sẽ được trình-diễn trong năm 1962 :

FANNY

với

LESLIE CARON
HORSF BUCCHOLZ
MAURICE CHEVALIER
CHARLES BOYER

NUITS DU MONDE N° 2

★

● SPLENDOR IN THE GRASS
Natalie Wood, Warren Beatty

● CRIMSON PIRATE
Burt Lancaster

● ROMAN SPRING OF MRS. STONE
Vivien Leigh, Warren Beatty

● SUSAN SLADE
Troy Donahue, Connie Stevens

● THE MAJORITY OF ONE
Rosalind Russell, Ray Denton

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

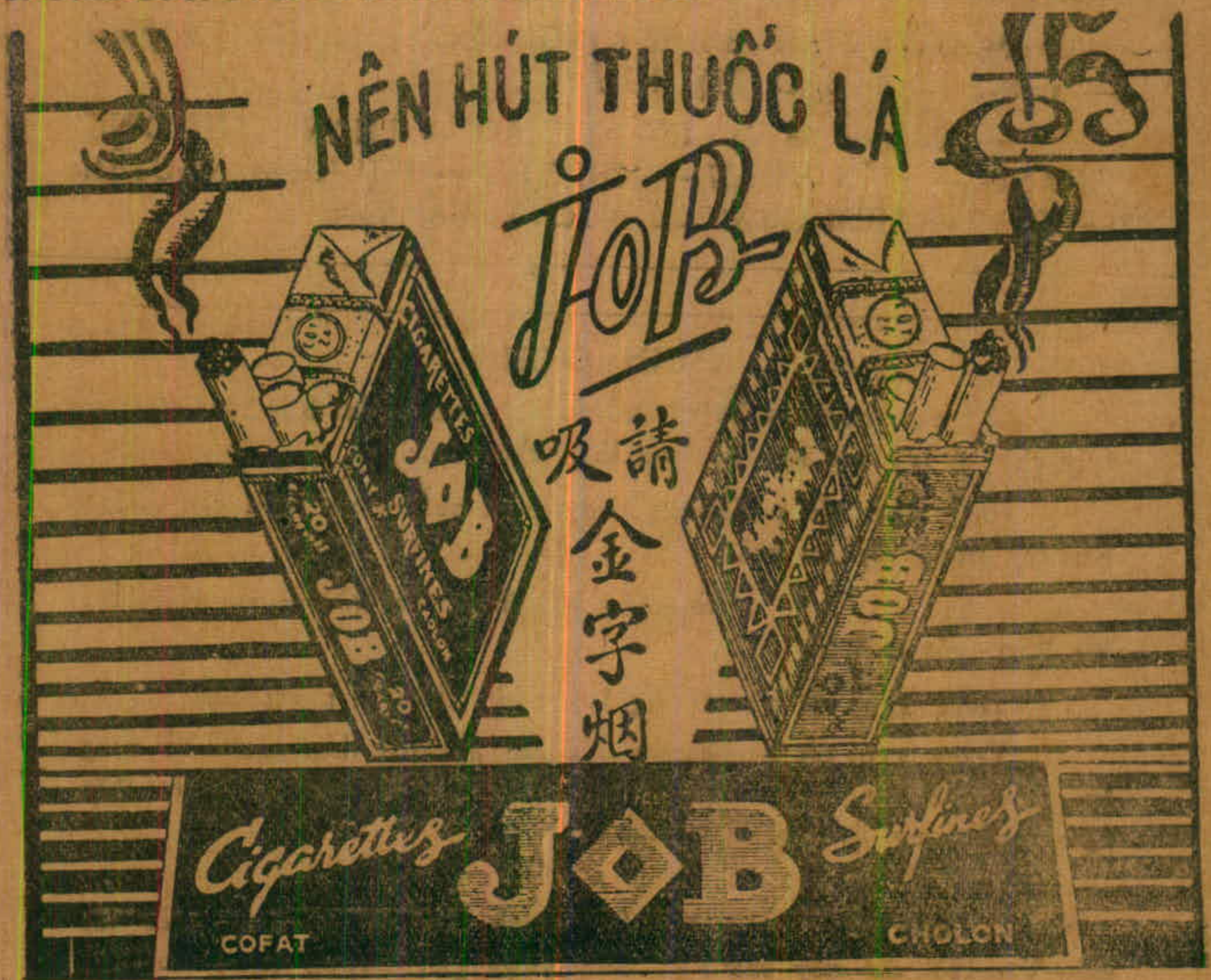

NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI NAM VĂN HIẾN

Phổ biến văn nghệ phẩm của người làm nghệ thuật hôm nay
Thế Phong chủ biên — 528/76c Phan thanh Giản, Saigon

ĐÃ XUẤT BẢN :

VƯƠNG MIỆN MAI A — thơ *Thế Phong* — giá 30 $. — THƠ MỸ — *Cao Mỹ Nhân* — 30 $.

MƯỜI HAI NHÀ THƠ MỚI NHẤT HÔM NAY *Đường Bá Bổn* giới thiệu — 50 $.

Đã phát hành trong dịp Tết Nhâm Dần :

VUN XỚI VƯỜN TÌNH — thơ R. Tagore — *Liên-Hoàn* dịch Le Jardinier d'Amour — 30 $.

NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÔNG TÓC — tạp văn *Thế Phong* — 30 $. — cô CAO MỸ NHÂN.

với sự cộng tác của : UYÊN THAO — THANH THƯƠNG HOÀNG — LIÊN HOAN — NHỊ THU — BÙI KHẢI NGUYÊN — VỊ Ý — DIỄM CHÂU — ĐƯỜNG BÁ BỔN.

ĐÍNH CHÍNH

Ở đoạn truyện « **THƯ NHÀ** » kỳ trước (số báo kỷ niệm), có mấy chỗ in sai, xin bạn đọc vui lòng chữa lại :

trang 241, cột 2 : những bàn tay sai quả — xin chữa là : những bàn tay trồng cây sai quả.

: trồng cây bất được của trời — xin chữa là : bất được của trời.

Trang 249, cột 2 : chị Nghĩa — xin chữa là : chị Lộc.

Trang 250, cột 2 : kẻ nào chịu gần gũi trên thân người nở nang ấy, mọi hình nét . . . — xin chữa là : kẻ nào chị gần gũi, trên thân người nở nang ấy mọi hình nét . . .

★

— Mục *Sách báo mới : Lịch trình hành chánh Nam-phần* của Đào-Văn-Hội dư mấy chữ : . . Sách được giải thưởng trước thuật của L Đ.C.C.C.M.Q G.

Nhật bảo

NGÔN LUẬN

TỜ BÁO ĐẦY ĐỦ NHẤT

THỎA MÃN ĐƯỢC CỦA TRONG **MỌI** NHU CẦU NGƯỜI GIA ĐÌNH

ĐÃ PHÁT HÀNH:

VĂN NGHỆ

tạp chí tranh đấu văn học nghệ thuật mới

SỐ MÙA XUÂN

bài vở của LÝ HOÀNG PHONG ● LÊ HUY PHONG ● DƯƠNG NGHIỄM MẬU ● NGUYỄN TRUNG ● VIÊN LINH ● TRẦN DẠ TỪ ● TRẦN ĐỨC UYỂN ● NGUYỄN HỮU ĐÔNG ● NGỌC DŨNG

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23736

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

Nhật bảo

NGÔN LUẬN

TỜ BÁO ĐẦY ĐỦ NHẤT

THỎA MÃN ĐƯỢC CỦA TRONG **MỌI** NHU CẦU NGƯỜI GIA ĐÌNH

ĐÃ PHÁT HÀNH:

VĂN NGHỆ

tạp chí tranh đấu văn học nghệ thuật mới

SỐ MÙA XUÂN

bài vở của LÝ HOANG PHONG ● LÊ HUY PHONG ● DƯƠNG NGHIỄM MẬU ● NGUYỄN TRUNG ● VIÊN LINH ● TRẦN DẠ TỪ ● TRẦN ĐỨC UYỂN ● NGUYỄN HỮU ĐÔNG ● NGỌC DŨNG

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23736

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ **LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY** →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

LA VIE "33"

HẢO HẠNG

COTAB

Cigarettes

VIRGINIE

Chủ-nhiệm :
Quản-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG

In tại nhà in VĂN-HÓA
[illegible] Trần Hưng Đạo — SAIGON

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Saigon
Dây nói: 25.539

GIÁ : 18$